

Thông Điệp HY VỌNG & TRÁCH NHIỆM

10 năm để Chuyển biến Cộng Đồng
và Thay đổi Đất Nước



TS Nguyễn Đình Thắng
Giám đốc điều hành. BPSOS

Tựa

“Thông Điệp Hy Vọng và Trách Nhiệm” là lời kêu gọi gửi đến những người thiết tha đến tiền đồ của cộng đồng và vận mạng của dân tộc: trong ba thập niên rưỡi chúng ta đã tận lực rất nhiều; đã đến lúc phải chuyển phương thức hành động, phải dồn lực vào một số trọng tâm vĩ mô và dài hạn, phải phát triển nội lực và thế đứng, phải chuẩn bị cho thế hệ nối tiếp.

Sau 30 năm sinh hoạt trong cộng đồng, đi nhiều nơi, gặp nhiều người thuộc mọi thành phần và tuổi tác, tôi thấy cộng đồng chúng ta đang có cơ hội hơn bao giờ hết để chuyển mình thành một tập thể đủ bản lĩnh để đáp ứng các nhu cầu đa dạng của thành viên trong cộng đồng, đóng góp cho nền dân chủ bản xứ, và hỗ trợ cho những nỗ lực nhằm thay đổi Việt Nam. Yếu tố chính tạo nên cơ hội này là thế hệ 1.5 – những người đã hội nhập vào dòng chính nhưng vẫn còn gắn bó với cộng đồng và đất nước; họ tạo thành nhịp cầu ba nhánh nối liền cộng đồng, xã hội bản xứ và Việt Nam. Nương thế chân vạc này, họ có thể nhanh chóng đưa cộng đồng Việt lên ngang hàng với các cộng đồng sắc dân bạn, thúc đẩy tiến trình đem lại dân chủ và thay đổi tích cực cho Việt Nam, và đồng thời củng cố thêm nền dân chủ ở xã hội nơi chúng ta đang sinh sống. Chúng ta có quyền hy vọng.

Đồng thời chúng ta phải nhận lãnh trách nhiệm của vị thế lịch sử này. Cánh cửa cơ hội sẽ không mở lâu, chỉ chừng 10 đến 15 năm, khi thế hệ 1.5 hoàn toàn lui vào bóng tối. Lúc ấy, nếu chưa tạo được nền móng cho thế hệ sau tiếp nối thì đã là quá trễ. Trễ cho cộng đồng, trễ cho đất nước. Muốn chu toàn trách nhiệm ấy, chúng ta cần một sách lược tổng hợp với trọng tâm rõ ràng và đủ dài để đạt thành quả.

Tập sách này giới thiệu một sách lược 10 năm để chuyển biến

cộng đồng và thay đổi Việt Nam, và trong quá trình ấy cũng sẽ đóng góp vào cho xã hội nơi đất nước đã cưu mang chúng ta. Tôi mong rằng các người quan tâm sẽ đón nhận nó như một đề nghị để thảo luận, góp ý, và sửa đổi. Bắt đầu 30 tháng 4 này, đánh dấu đúng 35 năm cả đất nước tắm tòi và người Việt đi tị nạn, tôi sẽ đi nhiều nơi ở Hoa Kỳ và trên thế giới để chia sẻ suy tư, giới thiệu sách lược, và lắng nghe ý kiến để rồi cùng nhau đề ra những công tác cụ thể.

Trong quá trình soạn tập sách này, tôi xin cảm ơn những thân hữu đã cho ý kiến, cung cấp hình ảnh, chia sẻ tư liệu. Tôi cũng xin cảm ơn những cơ quan truyền thông đã giúp chuyển tải thông điệp như các báo Viễn Đông, Người Việt, Việt Báo, Sài Gòn Houston, Thế Giới Mới; chương trình phát thanh như Saigon Houston, Saigon Dallas, Việt Nam Hải Ngoại; và các chương trình truyền hình VAN-TV Houston, VAN-TV Orange County, và VHN-TV; và còn nhiều nữa. Tôi đặc biệt cảm ơn anh Vũ Tiến Hưng, một nghiên cứu sinh từ Dallas, đã bỏ lăm công phu để truy tìm các bài viết lưu lạc đó đây và sắp xếp chúng theo một trình tự hợp lý.

Cuối cùng, tôi trân trọng cảm ơn những quý vị bỏ thời gian để đọc và rồi góp ý cho Thông Điệp Hy Vọng và Trách Nhiệm này. Những ý kiến này sẽ bổ sung cho tập sách trong ấn bản sau.

Nguyễn Đình Thắng

15 tháng 4, 2010

Sách Lược 10 Năm Cho Cộng Đồng và Việt Nam

Tóm Tắt

Chúng ta có một cơ hội lớn để tạo nội lực cho cộng đồng nhằm đáp ứng các nhu cầu của thành viên và các vấn nạn trong cộng đồng, và để tạo thế đứng ảnh hưởng đến chính sách từ địa phương đến tiểu bang và liên bang. Được vậy, chúng ta sẽ không thua kém bất kỳ cộng đồng bạn nào, sẽ đóng góp lớn lao cho nền dân chủ Hoa Kỳ, và có thể tác động tích cực đến sự thay đổi ở Việt Nam.

Muốn hiệu quả, sách lược này cần:

- Cân bằng về quan tâm và đóng góp đối với Việt Nam và cộng đồng ở Hoa Kỳ.
- Tập trung vào những trọng điểm có tác động hệ thống ở tầm vĩ mô; và
- Huy động và quy tụ người tham gia các chương trình cụ thể trong thời gian đủ dài.

Đối với cộng đồng ở Hoa Kỳ, tôi đề nghị ba trọng tâm:

- Phát triển nội lực về kinh tế và tập hợp cộng đồng;
- Tạo thế đứng chính trị dòng chính; và
- Đào tạo lãnh đạo có tài, có đức.

Đối với Việt Nam, tôi đề nghị ba trọng tâm:

- Hội nhập người dân vào xã hội dân sự trong vùng và quốc tế;

- Phát triển nội lực và thế đứng cho các tổ chức tôn giáo và dân sự; và
- Thiết định các nguyên tắc về xã hội dân sự trong ý thức quần chúng.

Là người Mỹ gốc Việt, chúng ta có trách nhiệm với cả hai đảng. Mỗi người nên tập trung vào một trọng tâm ở Việt Nam và một trọng tâm ở Hoa Kỳ, và theo đuổi đến cùng.

Các Chương Trình BPSOS Đang Thực Hiện:

Ở Hoa Kỳ:

- Khởi xướng hay hỗ trợ cho các dự án phát triển kinh tế cộng đồng qua Phòng Thương Mại Người Mỹ Gốc Việt Toàn Quốc (Vietnamese American National Chamber of Commerce, tức VietAmCham);
- Thành lập Quỹ Làm Mới Dân Chủ (Renewing Democracy Fund), một Ủy Ban Hoạt Động Chính Trị từ toàn quốc đến địa phương, để khuyến khích người Việt tham chính và Hội Đồng Các Dân Cử Mỹ Gốc Việt;
- Thành lập Vietnamese American Research Institute (VARI) để thực hiện các nghiên cứu về cộng đồng Việt; và
- Tạo cơ sở vững chắc cho cộng đồng bằng cách giúp các tổ chức Việt phát triển về ngân sách, quy củ trong điều hành và quy mô về hoạt động; khuyến khích sự hợp tác trong cộng đồng.

Các nỗ lực trên tạo môi trường đào tạo giới lãnh đạo có bản lãnh và gắn bó với cộng đồng.

Đối với Việt Nam:

- Phát huy tự do tôn giáo để tổ chức tôn giáo là mầm của xã hội dân sự;

- Tranh đấu cho quyền của công nhân xuất khẩu lao động, hội nhập họ vào xã hội dân sự bản xứ;
- Giúp dân và tổ chức trong nước hội nhập với xã hội dân sự ở trong vùng và trên thế giới; và
- Bảo vệ cho những người tranh đấu bị đàn áp và phải đi tị nạn.

Các nỗ lực trên tạo môi trường đào tạo cán bộ, chuyên gia, và lãnh đạo cho một xã hội dân sự tương lai ở Việt Nam.

Nếu đồng lòng, trong 10 năm tới đây cộng đồng chúng ta có thể phát triển nội lực nhanh chóng, tạo thế đứng vững chắc trong xã hội Hoa Kỳ, đóng góp thiết thực cho nền dân chủ bản xứ, và góp phần thúc đẩy những thay đổi tích cực ở Việt Nam.

Thăm Dò Dư Luận: Cộng Đồng Việt Trước Thử Thách và Trách Nhiệm

(Mạch Sống 93, tháng 4, 2010)

Kết quả cuộc thăm dò dư luận mới đây ở Houston cho thấy đa số người Việt nhận xét rằng cộng đồng đứng trước một số thử thách lớn nhưng có cơ hội để vượt qua những thử thách ấy với điều kiện phải có một sách lược chung.

Đây là cuộc thăm dò do BPSOS thực hiện tại buổi nói chuyện của Ts. Nguyễn Đình Thắng tại trung tâm sinh hoạt Nhà Việt vào ngày 6 tháng 3 vừa qua ở Houston.



Buổi nói chuyện của Ts. Thắng ở Houston, 06/03/10 (ảnh BPSOS)

“Chúng tôi thăm dò ý kiến của người tham dự trước và sau buổi nói chuyện để đo lường sự thay đổi về cách suy nghĩ, nếu có,” Ts. Thắng giải thích.

Theo kết quả của cuộc thăm dò trước buổi nói chuyện, 85% cho rằng nhiều nhu cầu của đồng hương ở trong vùng chưa được đáp ứng, 69% cho rằng thể hệ người Việt thứ hai ít quan tâm đến vấn đề của cộng đồng hơn so với thế hệ thứ nhất, và 100% tin rằng cộng đồng Việt sẽ phát triển mạnh hơn nếu có một kế hoạch chung. Gần như đúng một nửa cho rằng cộng đồng Việt có ảnh hưởng đối với chính phủ Hoa Kỳ và một nửa không nghĩ vậy.

Đối với Việt Nam thì 62% cho rằng đóng góp của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ chỉ có hiệu quả đôi chút hoặc không hiệu quả đối với việc đem lại dân chủ cho Việt Nam. Tuy nhiên, 89% tin rằng nếu có một sách lược chung thì cộng đồng Việt có cơ hội đóng góp cho việc đem lại dân chủ cho Việt Nam. Và, rất đáng chú ý, có đến 92% cử toạ tin rằng muốn thay đổi Việt Nam, cộng đồng ở Hoa Kỳ cần phải vững mạnh về nội lực và tạo được thế đứng có ảnh hưởng chính trị.

Sau phần nói chuyện của Ts. Thắng về sách lược 10 năm để phát triển cộng đồng và thay đổi đất nước, cuộc thăm dò với cùng câu hỏi như trước cho thấy một số thay đổi đáng kể như sau:

- 86% (so với 69% trước đó) cho rằng thế hệ thứ hai ít quan tâm đến các vấn đề của cộng đồng.
- 56% (so với 46%) cho rằng cộng đồng Việt có ít ảnh hưởng chính trị đối với chính phủ Hoa Kỳ.
- Không một ai (so với 31%) cho rằng cộng đồng Việt đã đóng góp hiệu quả cho việc đem lại dân chủ cho Việt Nam.
- 100% (so với 89%) cho rằng cộng đồng Việt có cơ hội đem lại dân chủ cho Việt Nam với điều kiện có một sách lược chung.
- 100% (so với 92%) tin rằng cộng đồng Việt phải vững mạnh và có ảnh hưởng chính trị nếu muốn đóng góp cho việc thay đổi Việt Nam.

Theo Ls. Phan Quốc Cường, Quản Trị về Quan Hệ Quần Chúng và Truyền Thông của BPSOS, kết quả thăm dò dư luận kể

trên tuy chưa hoàn bị về kỹ thuật cũng đã cho thấy cảm quan của thành phần tham dự về hiện trạng của cộng đồng và tình hình của đất nước.

“Chúng tôi sẽ tiếp tục thực hiện các cuộc thăm dò tương tự ở nhiều nơi để có được con số tham dự lớn đủ ngõ hầu phản ánh một cách tiêu biểu những suy nghĩ của người Việt nói chung ở Hoa Kỳ,” Ls. Cường nhận xét.

Cùng lúc Ts. Thắng nói chuyện ở Houston, Ls. Cường có mặt ở Orange County, California, để tiếp xúc với giới truyền thông và một số nhân sĩ tại đây về sách lược 10 năm cho cộng đồng và Việt Nam.

Thông Điệp Hy Vọng Và Trách Nhiệm

10 Năm Để Chuyển Đổi Cộng Đồng, Thay Đổi Việt Nam

Cách đây 35 năm, khi miền Nam sụp đổ và rồi hàng triệu người Việt ra đi tị nạn, thì đó là đại nạn nhưng cũng là một vận hội lớn cho dân tộc. Chỉ một nháy mắt tính theo thời gian lịch sử, người Việt đã lan đi khắp thế giới để lập nghiệp và tạo nên những cộng đồng Việt ở rải rác năm châu, một tiến trình lẽ ra phải mất vài nghìn năm trong lịch sử nhân loại. Thoát ra từ bóng tối, những con dân Việt nay có cơ hội góp phần cho nền dân chủ trên thế giới và từ đó đem ánh sáng về cho quê hương.

Chúng ta làm gì với vận hội ấy?

Tập sách này đề ra sách lược 10 năm để phát triển cộng đồng và thay đổi Việt Nam.

Nếu mọi người đồng lòng thực hiện thì chỉ trong một thập niên cộng đồng của chúng ta có thể:

- bắt kịp các cộng đồng sắc dân bạn về sức mạnh kinh tế và chính trị;
- bảo vệ được quyền và lợi ích của mọi người dân trong cộng đồng;
- đóng góp thiết thực cho đất nước cựu mang chúng ta; và
- có đủ thế và lực để tác động cho những thay đổi tốt đẹp cho Việt Nam.

Đồng lòng không có nghĩa là rập khuôn như nhau. Đồng lòng ở đây hiểu theo nghĩa hướng về cùng một mục đích, theo đuổi cùng một

số trọng tâm trong cùng giai đoạn, và cùng tôn trọng một số nguyên tắc về phân bổ phân vụ và phối hợp hành động. Mục đích ấy là phát huy nội lực và thế đứng cho cộng đồng ở mỗi địa phương để rồi tổng hợp lại thành sức mạnh và tiếng nói ảnh hưởng trên toàn quốc. Khi vững mạnh và có ảnh hưởng thì cộng đồng chúng ta cùng lúc đáp ứng thoả đáng các nhu cầu đa dạng của đồng hương, đóng góp cho sự phát triển của xã hội bản xứ, và trở thành điểm tựa cần thiết để tác động đến sự thay đổi ở Việt Nam. Qua những buổi trao đổi với các nhân sĩ trong cộng đồng, qua các cuộc thăm dò ý kiến, và qua theo dõi những ý kiến bày tỏ trên các diễn đàn công luận, tôi thấy rằng hầu như ai ai cũng có thể đồng ý với mục đích này.

Khi đã đồng lòng về mục đích cho 10 năm tới đây, chúng ta còn phải đồng ý về trọng tâm hành động để tránh bị tản lực, tránh tình trạng đánh trống bỏ dùi, và tránh trùng lặp hay sơ hở, thiếu sót. Muốn vậy, chúng ta cần đề ra một số trọng tâm chung cho giai đoạn 3 đến 5 năm và mỗi người cần tập trung vào không quá hai trọng tâm: một cho cộng đồng và một cho Việt Nam. Mỗi chúng ta phải tập trung đeo đuổi trọng tâm của mình trong một thời gian đủ dài để có thành quả và tránh “xé rào” chạy theo những vấn đề thời thịnh.

Đối với cộng đồng ở Hoa Kỳ, tôi đề nghị ba trọng tâm:

- Phát triển nội lực về kinh tế và tập hợp cộng đồng;
- Tạo thế đứng chính trị dòng chính; và
- Đào tạo lãnh đạo có tài, có đức.

Đối với Việt Nam, tôi đề nghị ba trọng tâm:

- Hội nhập người dân vào xã hội dân sự trong vùng và quốc tế;
- Phát triển nội lực và tạo thế đứng cho các tổ chức tôn giáo và dân sự; và
- Thiết định các nguyên tắc về xã hội dân sự trong ý thức quần chúng.

Từ những trọng tâm này, BPSOS đã triển khai thành 8 chương trình đang thực hiện. Tôi kêu gọi sự yểm trợ cho các chương trình

này theo nguyên tắc mỗi người không tham gia trong quá hai chương trình.

Đối với cộng đồng:

- (1) Phát huy sức mạnh kinh tế: Kinh tế là dòng máu nuôi dưỡng cộng đồng và gia đình. Yếu kém về kinh tế thì sẽ yếu kém về mọi mặt khác. Phát triển tiểu thương, giúp công ăn việc làm, hướng dẫn về kiến thức tài chính là những cách thiết thực để tạo nội lực về kinh tế cho cộng đồng. Ở mỗi nơi có cộng đồng Việt thì nên có ít ra một phòng thương mại, có chương trình huấn nghệ và giới thiệu việc làm, và có dịch vụ tư vấn về tài chính.
- (2) Phát huy thế lực chính trị: Muốn có ảnh hưởng thì sức mạnh kinh tế là yếu tố cần nhưng không đủ. Chúng ta còn phải có thế đứng về chính trị dòng chính. Muốn thế chúng ta phải có những người dẫn thân vào trong hệ thống lập pháp và hành pháp của quốc gia sở tại để làm tiếng nói đại biểu cho quyền lợi của cộng đồng chúng ta.
- (3) Nghiên cứu về các vấn đề của chính chúng ta: Biết người biết ta là yếu tố để thành công. Ngày càng nhiều người Việt hoạt động nghiên cứu trong rất nhiều lãnh vực. Chúng ta cần huy động nguồn chất xám này để giúp cho cộng đồng hiểu rõ về nhu cầu, sở đoản cũng như sở trường của chính mình; đề ra những dự án cụ thể và giúp thực hiện chúng một cách hữu hiệu; cũng như đóng góp các đề nghị về chính sách cho các cấp chính quyền.
- (4) Phát triển định chế xã hội dân sự ngay trong lòng mỗi cộng đồng: Chúng ta hãy còn rất ít những tổ chức có đủ căn cơ để đáp ứng nhu cầu của đồng hương, đủ năng lực để hợp tác hay cạnh tranh với các cộng đồng bạn, đủ uy tín để có tiếng nói ảnh hưởng đến chính sách. Muốn thực sự nhập cuộc vào xã hội dân sự bản xứ, cộng đồng Việt phải tạo lập được những tổ chức vững mạnh, phong phú về phương tiện, có ngân sách, có chương trình và có nhân sự hoạt động toàn thời.

Đối với Việt Nam:

- (1) Phát triển tự do tôn giáo: Các tổ chức tôn giáo chính là những cơ chế quy tụ người dân, là hạt mầm cho xã hội dân sự. Một mặt, qua vận động quốc tế, chúng ta cần nới rộng vòng đai hoạt động cho các tổ chức tôn giáo, một mặt chúng ta cần nối kết họ vào các mạng lưới xã hội dân sự trên thế giới và qua đó tạo môi trường đào tạo cho những nhân sự hoạt động để phát huy bản lãnh, khả năng và kinh nghiệm.
- (2) Bảo vệ người lao động ngoài nước: Giúp công nhân tập hợp để tự bảo vệ quyền và lợi ích cũng là cách phát triển các hạt mầm cho xã hội dân sự. Chúng ta cần thiết lập những chương trình để hướng dẫn, bênh vực và tạo phương tiện sinh hoạt cho các công nhân lao động ở những quốc gia có hệ thống luật pháp minh bạch hoặc đã có dân chủ.
- (3) Bảo đảm công bằng trong mâu dịch: “Minh bạch” và thượng tôn luật pháp là điều kiện tất yếu trong mọi thoả thuận mâu dịch giữa Việt Nam và các quốc gia dân chủ hay định chế quốc tế. Đặc biệt, trong một số trường hợp còn có thêm điều kiện bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động để tránh cạnh tranh thương trường bất công đối với các quốc gia tôn trọng quyền và lợi ích của công nhân.
- (4) Bảo vệ những nhân sự gặp nguy nan: Chúng ta có nghĩa vụ can thiệp và bảo vệ cho những người đã dũng cảm dấn thân và nay đang lâm nguy. Đối với người bị tù đày, chúng ta cần giúp đỡ cho gia đình họ về kinh tế và can thiệp để họ sớm được tự do. Đối với người chạy thoát sang các quốc gia khác lánh nạn, chúng ta cần can thiệp để họ được bảo vệ theo tiêu chuẩn tị nạn quốc tế và tạo phương tiện để họ tiếp tục hoạt động.

Trên đây là 8 chương trình thể hiện 3 trọng tâm cho cộng đồng và 3 trọng tâm cho Việt Nam mà tôi đang góp phần thực hiện. Không nhất thiết mọi người cùng tham gia hay yểm trợ cho những chương trình này. Tôi chỉ kêu gọi chúng ta cùng chia sẻ những trọng tâm chung của cùng một sách lược 10 năm.

Vì không rõ về mục đích, lại thiếu trọng tâm trong hoạt động,

trong 35 năm qua, chúng ta bị tàn lực rất nhiều. Đổ ra rất nhiều tâm huyết và công sức, đóng góp tiền của cũng nhiều, nhưng kết quả rất khiêm nhường hoặc hầu như không có, và trong một số trường hợp đã phản tác dụng. Cộng đồng chúng ta vẫn còn èo uột về nội lực, vô thanh và vô hình trong dòng chính, và chưa có mấy ảnh hưởng đến chính sách quốc gia dù là đối với các vấn đề của tập thể người Việt tị nạn và di dân hay đối với Việt Nam.

Ngay lúc này, chúng ta có cơ hội hơn bao giờ hết để thay đổi tình trạng này: chúng ta có yếu tố thuận lợi về con người. Đại khối người Việt di dân và tị nạn hiện nay thuộc thế hệ 1.5, nghĩa là những người còn gắn bó với cộng đồng và dân tộc mà lại cũng giàu kinh nghiệm hoạt động trong dòng chính của quốc gia định cư. Đó là vị thế lý tưởng để nối kết các thành phần trong cộng đồng và để tạo nhịp cầu giữa cộng đồng và xã hội dòng chính, cũng như huy động thế và lực quốc tế nhằm đem lại những thay đổi tích cực cho Việt Nam. Chính vì ở vị thế độc nhất ấy, chúng ta có trách nhiệm đặc biệt đối với cộng đồng và dân tộc.

Và cánh cửa cơ hội sẽ đóng lại trong 10, 15 năm tới đây, khi thế hệ 1.5 này lui dần vào bóng tối. Nếu không được chuẩn bị, những thế hệ đến sau sẽ lạc lõng, tản mác, và chúng ta sẽ ở trong tình trạng có rất nhiều những người Việt thành công cá nhân nhưng cộng đồng sẽ teo tóp, rã rời dần đi cho đến khi tan biến. Lúc ấy lác đác dăm người thuộc thế hệ đi sau còn quan tâm đến cộng đồng và Việt Nam sẽ hỏi chúng ta, những người đi trước:

“Quý vị tiền bối bảo rằng trao lại bó đuốc cho chúng em, chúng con, chúng cháu, nhưng có gì khác để trao truyền? Cơ sở không, thế đứng không, tài nguyên không, kinh nghiệm cũng không. Không bột thì làm sao gột nên hồ?”

Chúng ta đang đứng trước ngã ba đường, với một vận hội đặc biệt để chuyển biến cộng đồng và thay đổi Việt Nam. Chọn đúng ngã rẽ, chúng ta có quyền hy vọng sẽ thành công. Và thành công chính là trách nhiệm của chúng ta đối với cộng đồng, xã hội, dân tộc và các thế hệ mai sau.

Đó là thông điệp của quyển sách này.

Mục Tiêu cho 2010-2015

Muốn hiệu quả, chúng ta phải đề ra mục tiêu cụ thể, có thể đo lường, và với mốc thời gian nhất định. Dưới đây là những mục tiêu mà tôi đề nghị cho cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ tính đến cuối năm 2015, nghĩa là nửa quãng đường trong sách lược 10 năm.

Đối với cộng đồng ở Hoa Kỳ:

- (1) Mỗi một cộng đồng với dân số người Việt trên 5 ngàn sẽ có ít nhất một tổ chức có cơ ngơi, nhân sự toàn thời, và chương trình phục vụ dân sinh.
- (2) Một tổ chức tán dù toàn quốc yểm trợ cho các tổ chức kể trên phát triển nội lực và thế đứng, với nhân viên toàn thời để ảnh hưởng chính sách quốc gia Hoa Kỳ.
- (3) Ít nhất 30 vị dân cử người Mỹ gốc Việt ở cấp từ địa phương đến liên bang.
- (4) Một cơ cấu toàn quốc để hỗ trợ cho giới tiểu thương người Việt.
- (5) Một trung tâm nghiên cứu với đội ngũ 100 chuyên gia nghiên cứu về các vấn đề khác nhau của cộng đồng và Việt Nam.
- (6) Hội ý giữa chính quyền Hoa Kỳ và cơ cấu đại biểu cho quyền và lợi ích của cộng đồng Việt về các chính sách ảnh hưởng đến người Việt ở Hoa Kỳ và đến Việt Nam.

Đối với Việt Nam:

- (1) 30 tổ chức xã hội dân sự hội nhập vào các khối liên kết vùng và quốc tế và thực hiện các dự án hợp tác song phương hay đa phương độc lập với chính quyền.
- (2) Các tổ chức tôn giáo phát triển hoạt động từ thiện, cứu tế, xã hội với tài khoản trợ cấp trực tiếp từ các chính quyền hay tổ chức quốc tế.

- (3) Người lao động trong nước và ở ngoài nước có toàn quyền thành lập hay gia nhập công đoàn độc lập.
- (4) Chính phủ Việt Nam ban hành luật chống buôn lao động theo tiêu chuẩn quốc tế và gồm điều khoản truy tố thủ phạm, bảo vệ và bồi thường cho nạn nhân, và ngăn ngừa qua thông tin quần chúng và hợp tác quốc tế.
- (5) Các toà đại sứ Việt Nam thực thi đúng trách nhiệm bảo vệ công nhân lao động ngoài nước.
- (6) Một cơ cấu được hình thành để theo dõi và tường trình việc thực thi pháp lệnh tín ngưỡng và tôn giáo, chính sách bảo vệ công nhân lao động ngoài nước, nỗ lực chống tham nhũng, và sự tuân thủ các hiệp ước mậu dịch.
- (7) Mọi trường hợp bị bắt bớ, tù đày hay phải đi lánh nạn đều nhận được sự trợ giúp pháp lý thích đáng.

Những mục tiêu trên cho phép chúng ta đo lường mức độ thực hiện, hiệu năng công tác, và thành quả của nỗ lực chung. Cứ mỗi năm chúng ta rà soát lại một lần để xem đã thực hiện đến đâu và chỗ nào cần điều chỉnh.

Phần lớn các mục tiêu trên đang được BPSOS thực hiện, hoặc trong vai trò chính hoặc trong vai trò hỗ trợ, với mức độ tiến triển khác nhau.

Nếu chúng ta biết phân nhiệm và chia việc với nhau, chịu khó huy động tài nguyên cộng đồng vào các trọng tâm, và bền bỉ thực hiện công việc mình nhận lãnh thì các mục tiêu 5 năm này hoàn toàn trong tầm với.

Muốn Hiệu Quả, Phải Có Mục Tiêu

Để khỏi đi lạc, trong mỗi hành trình chúng ta đều phải biết trước điểm đến và những mốc điểm dọc đường. Trong bất kỳ lãnh vực hoạt động nào cũng vậy, muốn hiệu quả thì phải có mục đích tối hậu cũng như những mục tiêu cụ thể và đo lường được trong trung và đoản kỳ. Nguyên tắc căn bản này, đáng tiếc, đã không được áp dụng một cách phổ cập trong các hoạt động của cộng đồng chúng ta. Sự khiếm khuyết ấy làm phung phí biết bao năng lực và tài nguyên trong 35 năm qua.

Chẳng hạn, trong công cuộc tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam, ít đoàn thể nào tuyên bố trước mục tiêu cho một năm, hai năm, ba năm. Chúng ta chỉ nghe nói về về mục đích lâu dài như là thay thế chế độ độc tài bằng một chế độ pháp trị. Mục đích lâu dài như vậy rất cần thiết nhưng không đủ, vì nó không cho phép chúng ta phối kiểm và đánh giá là có đi đúng đường hay không. Đến khi nhìn ra thì quá trễ.

Đó là trường hợp của chính sách quốc gia dựa trên lời tuyên bố “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Khẩu hiệu ấy nói lên mục đích lâu dài, nhưng vì thiếu mục tiêu cụ thể và đo lường được trong đoản kỳ, người cầm quyền rất dễ nguy biệnt để thao túng hoặc dùng cứu cánh để biện minh cho phương tiện hoàn toàn ngược lại với tự do và độc lập. Mục tiêu đoản kỳ về tự do có thể là sự cải tổ khung luật trong thời hạn 12 tháng để trừng trị bất kỳ hành động nào vi phạm những tự do căn bản của công dân, hoặc có thể là con số tổ chức phi chính phủ hoạt động độc lập với chính quyền. Dựa trên những mục tiêu cụ thể và đo lường được như vậy, người dân có thể dễ dàng đánh giá là tự do có đang từng bước được phát triển và bảo vệ hay không.

Lỗi lầm này cũng rất phổ biến trong hàng ngũ những người ở hải ngoại đeo đuổi hoài bão đem lại dân chủ và tự do cho đồng bào trong nước. Bên cạnh mục đích lâu dài, ít ai nêu lên được những mục tiêu rõ ràng trong đoản kỳ để người dân có thể đánh giá hiệu quả của công việc mà họ đang thực hiện và theo dõi tiến triển của công cuộc mà họ đang theo đuổi. Vì không có những mục thước đánh giá, chính người

chủ xướng cũng khó biết được rằng mình tiến, dậm chân tại chỗ hay đi lùi.

Trong lãnh vực hoạt động cộng đồng cũng thế, các tổ chức phục vụ cộng đồng ít khi nào nêu ra những mục tiêu cụ thể cho một năm, hai năm hay ba năm tới. Mục tiêu cụ thể có thể là số người dân trong vùng nhận được sự trợ giúp về đời sống, số người trẻ được đào tạo về hoạt động cộng đồng, tỉ lệ người Việt đi bầu... Chính vì không có mục tiêu cụ thể trong đoản kỳ, nhiều tổ chức trong cộng đồng thường đạt hiệu quả thấp hơn tiềm năng của mình và dễ mất định hướng.

Mục tiêu cụ thể còn giúp cho chúng ta chủ động trong công việc thay vì bị chi phối bởi những biến động bất chợt hay bị lôi cuốn vào những sinh hoạt thời thịnh. Tình trạng này rất rõ trong giới tranh đấu cho dân chủ và tự do cho Việt Nam. Chúng ta dồn hầu hết công lực để phản ứng, gần đây là đối với biến cố ở Thái Hà, rồi Tam Toà, rồi Bát Nhã, rồi Đồng Chiêm... Một đội ban chỉ phản ứng thì hầu như không có triển vọng thắng.

Đối với hoạt động cộng đồng cũng vậy; chúng ta chưa chủ động để tạo tiếng nói đại diện cho chính mình đối với các cấp chính quyền, để ảnh hưởng các chính sách có tác động bất lợi cho tập thể người Việt, để huy động và tập hợp nhân sự có khả năng quan tâm những vấn đề quan yếu đối với cộng đồng.

Sau 35 năm hiện diện ở đất nước này, đã đến lúc chúng ta cùng nhau hoạt động có kế hoạch nhằm đạt hiệu quả nhiều hơn. Muốn vậy thì điều căn bản nhất là trong mọi lãnh vực chúng ta phải đề ra những mục tiêu cụ thể trong đoản kỳ để mọi người yểm trợ cho mình biết trước được sự kỳ vọng khi đầu tư, không những về tài chánh và công sức mà cả về tâm lòng và uy tín của họ.

Nếu thực thi đúng nguyên tắc ấy, cộng đồng chúng ta sẽ tăng cơ hội đạt hiệu quả nhiều hơn so với 35 năm qua.

Phần 1
10 Năm
Để Phát Triển
Cộng Đồng

Với một kế hoạch chung có trọng tâm rõ ràng, cộng đồng Việt ở khắp nơi có cơ hội để tạo được nội lực hùng mạnh về kinh tế, thể đứng vững chãi về chính trị, vừa để nâng đỡ cho đồng bào đang gặp khó khăn trong cộng đồng, đóng góp cho các quốc gia đang định cư và vận động cho sự thay đổi tích cực ở Việt Nam.

Kế hoạch này cần có những trọng tâm sau:

- (1) Tạo nội lực quần chúng từ địa phương đến toàn quốc;
- (2) Tạo thế đứng trong guồng máy chính quyền; và
- (3) Đào tạo lãnh đạo có tài và có đức cho hôm nay và mai sau.

(1) Tạo Nội Lực Quần Chúng

Sau 35 năm hiện hữu, cộng đồng người Việt tị nạn và di dân còn kém về nội lực, và do đó bị thiệt thòi quyền lợi so với các sắc dân khác và chưa đủ sức góp phần đáng kể cho tiến trình thay đổi đất nước. Cộng đồng Việt cũng chưa đóng góp gì nhiều cho nền dân chủ ở quốc gia đang định cư. Sự phát triển của cộng đồng chúng ta trong 35 năm qua là một quá trình tùy tiện, rời rã.

Người Việt ở Hoa Kỳ, và hầu như ở bất cứ đất nước tự do nào, ngày càng có những tấm gương thành đạt trong nhiều lãnh vực. Tuy nhiên, những thành đạt này không do cộng đồng hun đúc mà do những cố gắng của từng cá nhân, từng gia đình. Chúng ta làm như có “điểm mù” về những nhu cầu đầy rẫy trong cộng đồng. Nào là những người già neo đơn cần chăm sóc đời sống, nào là những nạn nhân bạo hành cần sự can thiệp pháp lý, nào là những cựu tù cải tạo cần sự hỗ trợ tinh thần, nào là những thanh thiếu niên cần hướng dẫn và giáo dục, nào là cả một thế hệ trẻ cần được đào tạo, nào là những chính sách an sinh cần vận động, nào là những người mới đến cần công ăn việc làm, nào là các gia đình nghèo khó cần được hướng dẫn xin trợ cấp, nào là những người dân kém sinh ngữ cần hiểu biết về các vấn đề sức khoẻ, nào là các thế hệ cách biệt về văn hoá cần tạo nhịp cầu cảm

thông... Đó là chưa kể cả cộng đồng, như một tập thể, cần có tiếng nói, cần có ảnh hưởng, cần có thể đứng, cần chuẩn bị cho tương lai, cần hội nhập và cần phong phú hoá xã hội bản xứ để đền trả ân nghĩa cuu mang.

Trong 35 năm qua, rất ít ai để ý đến việc đáp ứng những nhu cầu cả cấp bách lẫn dài hạn ở ngay trong lòng cộng đồng. Những người có lòng thường chỉ quan tâm đến các vấn đề ở Việt Nam, từ cứu trợ thiên tai đến lo cho trẻ tàn tật, người già, người bệnh; hay là trùng tu nhà thờ, xây cất nhà chùa, đào giếng... Ngay cả các tổ chức mang tên “cộng đồng” phần lớn cũng chỉ huy động người và năng lực cho những vấn đề nhân quyền, dân chủ, từ thiện ở Việt Nam thay vì quan tâm đến phúc lợi của đồng hương trong vùng, xây dựng thực lực cho chính cộng đồng địa phương, hay đóng góp cho xã hội bản xứ.

Sự chênh mảng kéo dài trong 35 năm qua làm cho cộng đồng người Việt ở khắp nơi kém về tổ chức, yếu về năng lực, lu mờ về ảnh hưởng và tiếng nói so với các cộng đồng bạn. Số tổ chức người Việt có cơ ngơi rất thưa thớt, ngay cả ở những vùng đông dân Việt cư ngụ như Orange County, San Jose, Houston, Dallas-Fort Worth, Philadelphia, Bắc Virginia, v.v. Sự yếu kém về tổ chức này gây thiệt hại lâu dài cho cộng đồng vì bị thất thoát nhân tài, khi ngay cả những người trẻ có lòng với cộng đồng cũng không có cơ hội và môi trường thuận lợi để dốc lòng phục vụ. Vì không có mấy tổ chức người Việt đủ năng lực để tuyển dụng những người trẻ ấy, các cộng đồng Á Châu khác, kể cả Cambốt, Lào, Hmong, Hoa, đã thu hút được họ, lấy đi nhiều tài năng từ cộng đồng Việt.

Và đối với những ai quan tâm đến Việt Nam, cộng đồng ở hải ngoại chính là hậu phương cho những vận động thay đổi ở trong nước. Phải có đủ nội lực, chúng ta mới đóng góp hữu ích và lâu bền cho sự thay đổi ấy. Không những vậy, nếu chúng ta chưa xây dựng được nội lực cho cộng đồng ở ngay giữa lòng của xã hội dân sự đã phát triển của quốc gia định cư thì chúng ta khó thuyết phục chính mình hay ai khác về khả năng trao truyền hay đóng góp kiến thức và kinh nghiệm về dân chủ cho người ở trong nước – chẳng khác nào một người đi chưa vững mà lại muốn chỉ bày cho người khác bay nhảy.

Trong xã hội dân chủ, nội lực tùy thuộc phần lớn vào khả năng tập hợp và tổ chức, trước hết để đạt quy củ và rồi phát triển dần về quy mô. Nội lực của một cộng đồng có thể đo lường qua số hội đoàn với khả năng tập hợp quần chúng và số tổ chức có cơ sở, có ngân sách, có chương trình hoạt động, có mục tiêu rõ ràng, có thể thức vận hành, và có nhân sự hoạt động thường trực.

Xây dựng nội lực phải từ địa phương lên đến toàn quốc vì mỗi cư dân đều chịu ảnh hưởng của chính sách địa phương cũng như chính sách quốc gia. Do đó chúng ta vừa phải phát triển nội lực cho cộng đồng ở từng địa phương vừa phải tổng hợp lực của địa phương để tạo thế đứng và ảnh hưởng trên bình diện quốc gia, không những để bảo vệ cho quyền lợi của chính cộng đồng mà còn để thúc đẩy cho sự thay đổi ở Việt Nam.

(2) Tạo Thế Đứng Chính Trị

Tạo nội lực cho quần chúng chỉ là một vé của bài toán gây ảnh hưởng. Vé kia là sự hiện diện đại biểu cho chúng ta ở ngay trong guồng máy chính quyền, cả lập pháp lẫn hành pháp từ cấp địa phương lên đến cấp quốc gia. Có thế đứng ở bên trong cho phép chúng ta theo dõi một cách bén nhạy để đối phó kịp thời mỗi diễn biến có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của tập thể người Việt, dù đó là vấn đề đời sống ở xã hội định cư hay đó là tiền đồ của dân tộc Việt Nam. Thiếu sự hiện diện ấy, chúng ta sẽ thường xuyên ở thế bị động, nghĩa là phản ứng trước sự đã rồi và phải đối phó với hậu quả.

Hơn nữa, sự hiện diện của những người Việt thường trực ở trong guồng máy chính quyền có tác dụng tâm lý và ý thức đối với cả guồng máy, phòng ngừa được sự làm ngơ về quyền lợi chính đáng của chúng ta, dù do vô tình hay cố ý. Diễn đạt điều này, một vị chính khách người Mỹ gốc Á Châu đã nhận xét rất tinh tế rằng, chỉ cần một khuôn mặt Á Châu hiện diện tại bàn họp, dù không lên tiếng, thì cũng đã thay đổi cách suy nghĩ và cảm nhận của mọi người quanh bàn.

Nhưng nếu không có sự hậu thuẫn của một quần chúng có thực

lực, có ảnh hưởng thì người ở trong guồng máy sẽ lẻ loi và ít tác dụng. Họ có thể giúp cộng đồng nêu vấn đề nhưng quyết định chính sách lại do giới chức hành pháp có thẩm quyền hay trong ngành lập pháp thì cần biểu quyết của đa số các vị dân cử. Mặt khác, nếu không có sự đóng góp, hướng dẫn, phản ảnh của cộng đồng thì chính ngay những người Việt ở trong guồng máy nhiều khi cũng không biết rõ nhu cầu và nguyện vọng thiết thực của cộng đồng để có thể đáp ứng cho phù hợp. Do đó, muốn ảnh hưởng đến chính sách, chúng ta phải có kế hoạch “trong-ngoài” nhịp nhàng, vừa đưa người vào trong guồng máy lập pháp và hành pháp vừa xây dựng nội lực cho cộng đồng để hướng dẫn và hỗ trợ từ ngoài.

Hiện nay số người Việt tham gia chính quyền ở các cấp có gia tăng và đó đây cũng có những người nắm giữ chức vụ quan trọng trong hành pháp và lập pháp địa phương, tiểu bang và liên bang. Tuy nhiên, số lượng hãy còn ít. Hơn nữa, vì những thành đạt ấy không do kế hoạch đầu tư của cộng đồng nên sự gắn bó giữa họ và cộng đồng không bền chặt.

Với một kế hoạch rõ ràng và được sự hưởng ứng của người Việt ở khắp nơi, chúng ta có thể tạo được một thể liên hoàn nhịp nhàng và rộng khắp giữa nội lực quần chúng và thể đứng chính trị bên trong.

(3) Đào Tạo Lãnh Đạo

Muốn thực hiện bất kỳ kế hoạch nào, chúng ta cũng cần nhân sự có tài. Và nếu mục đích là phát triển cộng đồng, đóng góp cho xã hội bản xứ, và cổ động cho sự thay đổi tích cực ở Việt Nam thì nhân sự ấy còn phải có đức.

Tài ở đây là tầm nhìn xa và rộng; là khả năng tập hợp những khuynh hướng đa dạng và khác biệt trong cộng đồng, huy động được các thành phần khác nhau để cùng chia sẻ những mục tiêu chung, tạo được những định chế trường tồn để ngày càng tăng trưởng thể và lực của cộng đồng; là kỹ năng để thực hiện những dự án cụ thể, điều hành những tổ chức quần chúng, phối hợp những nỗ lực liên kết từ

địa phương lên đến toàn quốc, hoạt động trong các môi trường khác nhau từ cộng đồng đến dòng chính.

Đức là yếu tố cần thiết để xây dựng cộng đồng. Người đi xây dựng cộng đồng phải có đạo đức thì mới tạo được niềm tin – chất keo son gắn bó con người thành tập thể. Còn dùng xảo thuật hay thất tín với nhau có thể đem lại cho một cá nhân hay một tổ chức những lợi ích ngắn hạn nhưng di hại lâu dài cho cả tập thể. Không có niềm tin thì không thể có tinh thần và ý thức cộng đồng.

Thiếu một kế hoạch để tạo và giữ nhân tài, chúng ta đang thất thoát năng lực của cả một thế hệ trẻ, những người có khả năng đưa cộng đồng tiến lên. Ngoại trừ một thiểu số cá nhân tự mày mò tìm hiểu về nguồn gốc, phần lớn những người trẻ lớn lên ở xã hội định cư không còn gắn bó với cộng đồng, chứ đừng nói gì đến Việt Nam. Rất nhiều người trẻ Việt đã mất hút vào dòng chính, thay vì trở thành nhịp cầu nối cộng đồng với dòng chính. Còn số nhỏ những người trẻ thiết tha với cộng đồng thì cũng chỉ đóng góp một cách hạn chế và đoản kỳ vì cộng đồng chúng ta không đủ sức tuyển dụng họ toàn thời gian và lâu dài.

Nếu không thay đổi ngay hiện trạng này thì chỉ trong một, hai thập niên cộng đồng chúng ta sẽ thiếu hẳn những người tài đức để tiếp tục sự nghiệp của cộng đồng, chưa kể đến hỗ trợ cho những thay đổi tích cực ở Việt Nam.

(4) Những Đề Án

Vì tiền đồ của cộng đồng và cũng vì tương lai cho Việt Nam, chúng ta cần một kế hoạch vừa rộng rãi lại vừa tập trung, vừa cụ thể lại vừa dài hạn để tạo nội lực cho cộng đồng ở mỗi địa phương và tạo thế lực tổng hợp cho tập thể người Việt nói chung trên toàn quốc. Kế hoạch ấy cần rộng đủ để mỗi người đóng một vai trò, đeo đuổi một lý tưởng riêng nhưng cùng góp phần vào sứ mạng chung là đưa cộng đồng đi lên. Kế hoạch ấy cần tập trung vào một số trọng tâm nhất định trong từng giai đoạn để không tản lực vào những công việc miên

man, lạc hướng. Kế hoạch ấy cần cụ thể để mọi người biết công biết việc và có thể bắt tay hành động. Kế hoạch ấy phải dài hạn đủ để bảo đảm tính liên tục cần thiết cho đến khi đạt kết quả mong muốn.

Dưới đây là 4 đề án mà tôi kêu gọi sự yểm trợ của cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ.

1. Phát huy sức mạnh tài chánh: Hiện nay có trên 100 ngàn cơ sở thương mại do người Việt làm chủ. Đó là cột trụ kinh tế của cộng đồng, thu hút tài nguyên của xã hội nói chung về cho cộng đồng. Nhờ tiểu thương mà nhiều người Việt tị nạn và di dân, dù Anh ngữ không rành và nghề nghiệp không vững, cũng đã tự nuôi sống được bản thân và gia đình và nuôi dưỡng cho con cái ăn học nên người. Hiện nay một số nơi đã có phòng thương mại của người Việt và năm 2009 Phòng Thương Mại Người Mỹ gốc Việt Toàn Quốc (VietAmCham) được thành lập để làm việc trực tiếp với chính phủ liên bang và hỗ trợ cho các phòng thương mại địa phương. Cộng đồng người Việt ở mọi nơi cần có kế hoạch giúp giới tiểu thương phát triển thương vụ vào thị trường dòng chính, đem lại cho họ quyền lợi của chính sách và ngân sách của nhà nước, và kết hợp họ thành những phòng thương mại để tạo tiếng nói và thế tương lân.
2. Phát triển thế lực chính trị: Việc đắc cử vào Quốc Hội Liên Bang của Luật Sư Cao Quang Ánh đã mở cánh cửa tham chính cho lớp người trẻ Việt lớn lên ở Hoa Kỳ. Một số người trẻ đang mạnh dạn dần thân tranh cử ở cấp địa phương, tiểu bang và liên bang. Ở nhiều nơi các thành viên cộng đồng thuộc mọi lứa tuổi đang cố gắng và yểm trợ cho những ứng cử viên người Việt này. Đây là một dấu hiệu khích lệ. Hiện nay một nỗ lực phối hợp với các vị dân cử người Mỹ gốc Việt ở tiểu bang và liên bang đang được thành hình nhằm thành lập Ủy Ban Hoạt Động Chính Trị (Political Action Committee, hoặc PAC) ở cấp liên bang với chi nhánh ở một số tiểu bang. Ủy Ban này sẽ gây quỹ để hỗ trợ cho những người Việt ra tranh cử, vận động cho các ứng cử viên người Việt, và kế đến là yểm

trợ cho những ứng cử viên không phải Việt Nam nhưng thực sự ủng hộ quyền lợi của cộng đồng chúng ta.

3. Nghiên cứu về các vấn đề của người Việt: Hiện nay hãy còn rất ít những cuộc nghiên cứu về nhu cầu cũng như về tài nguyên của cộng đồng Việt, nhằm hướng dẫn cho việc lập kế hoạch của cộng đồng từ địa phương đến toàn quốc. Thiếu những thông tin tương đối chính xác, chúng ta khó thiết kế chương trình để thực sự đáp ứng nhu cầu trong cộng đồng, khó vận động hữu hiệu về chính sách, và cũng khó huy động được tiềm lực của cộng đồng. Hiện nay BPSOS đang thành lập Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Việt (Vietnamese American Research Institute, hoặc VARI) để khoả lấp khoảng trống này.
4. Tạo lập định chế xã hội dân sự: Chúng ta cần khuyến khích cộng đồng người Việt ở khắp nơi thành lập các tổ chức phục vụ dân sinh. Các tổ chức này cần kiện toàn về quy củ và rồi phát triển về quy mô. Khi số tổ chức như vậy tương đối đông đảo thì sẽ cùng nhau thành lập một cơ cấu liên kết ở mức toàn quốc để tạo sức mạnh tổng hợp. Đây là công tác mà BPSOS đã liên tục thực hiện trong 10 năm qua ở nhiều nơi trên nước Mỹ. Đến nay BPSOS đã hỗ trợ cho trên 50 tổ chức. Con số này còn quá ít so với cộng đồng gồm 1.5 triệu người Việt. Để đẩy mạnh nỗ lực này, kể từ năm 2009 BPSOS bắt đầu thực hiện các buổi huấn luyện về phát triển tổ chức ở một số địa điểm trên nước Mỹ.

Các đề án trên chính là môi trường đào tạo đội ngũ lãnh đạo cho cộng đồng, đồng thời tạo phương tiện cho họ hoạt động và giữ họ ở lại dài lâu với cộng đồng.

Nếu người người đồng lòng và quyết tâm thì chỉ trong vòng 10 năm, như một tập thể, chúng ta sẽ phát triển nhanh chóng và vững chãi nội lực đủ để đáp ứng được nhu cầu dân sinh của đồng hương, tạo được tiếng nói ảnh hưởng chính sách từ địa phương đến quốc gia, đóng góp được cho nền dân chủ của quốc gia sở tại, và trở thành hậu phương hùng mạnh để thúc đẩy những thay đổi tích cực ở Việt Nam.

Trong Dòng Chính Hoa Kỳ:

Tạo Tiếng Nói Và Ảnh Hưởng Cho Cộng Đồng Việt

Cục diện chính trị Hoa Kỳ đang có những thay đổi lớn lao, đặt cộng đồng Việt trước những thử thách mới và những cơ hội mới.

Thử thách lớn nhất sẽ là giải mã các chính sách của Hành Pháp, để rồi tận dụng những yếu tố thuận lợi và giảm thiểu những yếu tố bất lợi nhằm ảnh hưởng các chính sách liên quan đến lợi ích của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ cũng như của trên 80 triệu đồng bào ở Việt Nam.

Nhanh chóng và hữu hiệu nhất là có một người vận động hành lang toàn thời ở ngay tại Hoa Thịnh Đốn. Người này sẽ thường xuyên lui tới các bộ phủ, ra vào Quốc Hội, tiếp xúc với các giới chức chính quyền, theo dõi mọi biến chuyển về chính sách, và phối hợp các nỗ lực vận động tương tự ở từng địa phương một. Như vậy cộng đồng chúng ta sẽ có tiếng nói ảnh hưởng vừa sâu, vừa rộng, vừa cao để đòi hỏi vai trò xứng đáng trong tiến trình làm chính sách, đạt công bằng trong các lãnh vực an sinh, yểm trợ cuộc tranh đấu cho tự do và nhân quyền ngày càng cam go ở Việt Nam, bảo vệ đồng bào bị buôn bán đi khắp thế giới, và nhiều nữa.

Thời buổi này không hiếm những người trẻ Việt, rất giỏi và rất lý tưởng, sẵn sàng đóng góp với cộng đồng trong vai trò vận động toàn thời.

Ngân sách cho một người vận động toàn thời như vậy khoảng 100 ngàn Mỹ kim một năm: \$60 ngàn cho tiền lương, \$12 ngàn tiền thuê và bảo hiểm, và số còn lại là chi phí phòng ốc, điện nước, văn phòng phẩm, truyền thông, di chuyển, ăn uống, tem thư, v.v. Đây không phải là một số tiền quá lớn so với cộng đồng 1.5 triệu người Việt ở Hoa Kỳ. Đã có biết bao cuộc biểu tình, tuần hành, thấp nển, hội nghị... mà cộng lại thì chi phí lớn hơn số tiền trên nhiều lần.

Cách nhanh chóng nhất để có được một người vận động toàn

thời là tìm các nhóm cùng tâm huyết, cùng chí hướng để cùng chia sẻ trách nhiệm đồng đều. Nếu có mười nhóm thì mỗi nhóm đóng góp 10 ngàn Mỹ kim một năm. Mỗi nhóm sẽ cử một người vào hội đồng quản trị cho dự án và như thế sẽ có ảnh hưởng đồng đều trong mọi quyết định về dự án.

Đứng trước những thử thách lẫn vận hội mới, nếu làm đúng cách, chúng ta có thể đem lại phúc lợi cho cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ và hỗ trợ cuộc tranh đấu cam go của đồng bào quốc nội.

Chương 1

Tạo Nội Lực Quần Chúng

Bài 1:

Tập Hợp Cộng Đồng Để Đáp Ứng Những Nhu Cầu Của Người Dân Trong Cộng Đồng

Người Việt ở Hoa Kỳ có nhiều nhu cầu chưa được thoả đáng, trong khi tài năng dư dật có sẵn trong cộng đồng lại chưa được sử dụng đúng mức để đáp ứng các nhu cầu ấy. Một yếu tố dẫn đến và kéo dài tình trạng này là mức tập hợp cộng đồng còn yếu.

Tập hợp cộng đồng, tiếng Anh là community organizing, là quy trình tổ chức từng nhóm người lại quanh một vấn đề quan tâm chung. Nhóm người ấy có thể chỉ lỏng lẻo như một hội ái hữu, hoặc vững chãi như một cơ quan thiện nguyện với hàng ngũ nhân viên hùng hậu và ngân sách hàng triệu đô-la. Xã hội Hoa Kỳ phong phú nhờ những tập hợp như vậy—hiện có khoảng 1.6 triệu tổ chức được chính phủ liên bang công nhận là tổ chức phi lợi nhuận, với ngân sách hàng năm từ vài ngàn lên đến vài chục tỉ đô-la.

Cộng đồng Việt rất thừa thớt những tổ chức như vậy. Không những thế, một số lớn tổ chức hiện có lại chỉ tập trung vào các vấn đề nhân đạo hay nhân quyền ở Việt Nam. Đây là những vấn đề quan trọng, nhưng những vấn đề của người Việt ngay tại Hoa Kỳ cũng quan trọng không kém thì lại chưa được quan tâm đúng mức. Một cuộc thăm dò gần đây của BPSOS cho thấy vấn đề học Anh ngữ, nhập tịch, gia cư, tìm việc, sức khoẻ, giáo dục trẻ em là những nhu cầu được nhắc đến nhiều. Số tổ chức trong cộng đồng Việt quan tâm đến các vấn đề này còn rất lèo tèo; các chương trình gây quỹ tài trợ cho những dự án nhắm vào các nhu cầu ấy hầu như không có.

Điều may mắn là ngày càng có nhiều người Việt, nhất là giới trẻ, có rất nhiều năng lực, khả năng, và kinh nghiệm trong các lãnh vực kể

trên. Hơn một thế hệ đã trôi qua từ khi người Việt bắt đầu đến Hoa Kỳ định cư; một lớp trẻ đã ra đời, lớn lên và tạo sự nghiệp ở xã hội này. Họ rất thông thạo, giỏi giang và nhiều kinh nghiệm trong guồng máy xã hội Hoa Kỳ. Nhiều người trong số họ có kiến thức chuyên môn trong từng lãnh vực nhu cầu. Câu hỏi đặt ra cho chúng ta là, làm sao để “mai mối” giữa năng lực ấy và nhu cầu của cộng đồng?

Trước hết chúng ta phải tạo ý thức nơi họ về những nhu cầu của các cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ. Vì quen xông xáo trong cộng đồng dòng chính, những người có năng lực nhất lại thường là những người ít hiểu biết nhất về chính cộng đồng thiểu số của họ. Ý thức về cộng đồng là điểm khởi đầu cần thiết cho mọi hành động.

Kế đến chúng ta phải tạo cơ hội để họ đến với nhau quanh từng vấn đề một—những người có kinh nghiệm luật thì giúp đồng hương về nhập tịch, những người có kinh nghiệm y thì giúp về sức khoẻ, những người có kinh nghiệm tài chánh thì giúp giới tiểu thương... Những nhóm như vậy, để duy trì hoạt động, sẽ cần sự hỗ trợ đặc lực của cộng đồng, kể cả về tài chánh, thông tin, nhân lực.

Cuối cùng, chúng ta cần giúp cho những nhóm ấy, sau vài năm hoạt động, trở thành tổ chức chính thức, có cấu trúc, có ngân sách, có nhân viên—các hoạt động phải trường tồn thì mới tăng hiệu quả vì quá trình tích lũy kinh nghiệm đòi hỏi thời gian.

Cách đây mười năm, BPSOS thiết lập mô hình gồm ba bước tập hợp cộng đồng. Đến nay chúng tôi đã hỗ trợ cho trên 50 nhóm và tổ chức lớn nhỏ ở nhiều nơi trên nước Mỹ. Tổ chức mới đây nhất là Phòng Thương Mại Người Mỹ Gốc Việt Toàn Quốc, quy tụ nhiều giới chuyên gia và thương gia trẻ. Con số 50 nghe thì nhiều nhưng thực ra không thấm vào đâu. Nếu so với mức độ trung bình của Hoa Kỳ là cứ 200 người dân lại có một tổ chức phi lợi nhuận chính thức hoạt động thì chúng ta cần tổng cộng 7,500 tổ chức.

Do đó chúng tôi thiết tha kêu gọi những ai lo lắng cho tiền đồ của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ cho vài mươi năm tới đây thì xin góp phần mình vào nỗ lực tập hợp cộng đồng, bằng cách nâng cao ý thức của những người chung quanh, đóng góp tài chánh cho những hoạt động

phục vụ cộng đồng, tình nguyện với các tổ chức sẵn có, hoặc đứng ra thành lập những tổ chức mới quanh các vấn đề của cộng đồng.

Khi chúng ta có một cộng đồng vững mạnh thì nó cũng sẽ tự động trở thành hậu phương xứng đáng cho việc xây dựng một Việt Nam tương lai

“Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.”

- Ca dao Việt Nam

Rào Cây

Người Việt ở Hoa Kỳ rất nặng lòng với quê hương. Nhiều người không dám ăn không dám mặc để gởi tiền tiếp viện cho cha mẹ anh em ở quê nhà. Hầu như quanh năm có những buổi gây quỹ để xây trường, đào giếng, trùng tu các nơi thờ phượng, cứu lụt, giúp trẻ mồ côi... Chúng ta tranh đấu cho nhân quyền, tự do tôn giáo và dân chủ cho trên 80 triệu đồng bào bất hạnh. Đây là dấu hiệu đáng mừng nhưng cũng đáng lo. Đáng mừng là ý thức cao về gia đình và xã hội, là đức tính vị tha. Đáng lo là sự bất quân bình về trọng tâm: chưa mấy ai để ý xây dựng và phát triển ngay chính cộng đồng của chúng ta nơi đang sinh sống.

Vì còn non trẻ, lại xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử éo le, cộng đồng chúng ta phải đối phó với rất nhiều thử thách trong rất nhiều lãnh vực.

Về sức khoẻ, phụ nữ Việt có tỉ lệ tử vong rất cao vì ung thư cổ tử cung, ung thư vú; hàng trăm ngàn nhân viên tiệm “nail” tiếp xúc thường xuyên với độc tố có thể gây nguy hại lâu dài. Các bệnh viêm gan, ung thư phổi, tiểu đường, loãng xương... ảnh hưởng đến rất nhiều người Việt. Nhiều cuộc nghiên cứu cho thấy tỉ lệ cao về các loại bệnh nội tâm.

Về xã hội, tình trạng trẻ em bỏ học, băng đảng, xì ke, cờ bạc là vấn nạn không riêng cho gia đình mà cho cả cộng đồng. Bạo hành gia đình khá phổ biến. Nạn buôn người qua đường hôn thú ngày càng gia tăng. Lạm dụng tình dục đối với trẻ em có xảy ra nhưng không ai nhắc đến. Đó là chưa kể hoàn cảnh neo đơn của nhiều vị cao niên không thân bằng quyến thuộc.

Về kinh tế, rất nhiều người Việt vì không hiểu rõ các dịch vụ tài chánh nên bị thiệt thòi hay trở thành nạn nhân của lừa đảo. Không thiếu những người Việt đang đứng trước nguy cơ mất gia sản vì không đủ sức trả nợ mua nhà. Giới tiểu thương Việt chịu nhiều thiệt thòi khi giao dịch với chủ đất. Hàng trăm ngàn công nhân Việt trong lãnh vực tiểu thương không bảo hiểm sức khoẻ.

Về tình trạng di trú, gần nửa trong chúng ta vẫn chưa nhập tịch Hoa Kỳ. Biết bao vị cao niên gặp trở ngại về học thi quốc tịch. Hàng chục ngàn người lai Mỹ-Việt và nhiều phụ nữ cao tuổi không biết viết hay đọc để mà học thi. Ít ai trong chúng ta biết rằng có nhiều người Việt nhập cảnh bất hợp lệ. Hàng ngàn người Việt nằm trong danh sách chờ dẫn độ.

Về chính trị, chúng ta chưa có tiếng nói, thế đứng, và ảnh hưởng trong xã hội dòng chính, dù ở cấp địa phương, tiểu bang hay liên bang. Chúng ta thiếu hẳn sự đại diện trong các ban cố vấn, các uỷ hội ở các cấp chính quyền. Chúng ta chưa “ngồi tại bàn” khi các thành phần có ảnh hưởng hội họp quyết định chính sách hay ngân sách.

Trên đây chỉ là một ít ví dụ làm minh chứng.

Nói chung cộng đồng chúng ta thiếu tổ chức, kém nội lực, chưa có tiếng nói, chưa có ảnh hưởng nên không đáp ứng được nhu cầu của đa số thành viên trong cộng đồng. Mạnh ai nấy bươn chải, kiếm sống, tự lo. Trong cộng đồng chúng ta không có các tổ chức tài chánh giúp vốn và hỗ trợ kỹ thuật cho giới tiểu thương như cộng đồng người Hoa, không có các viện nghiên cứu và phát triển nhằm thăm dò nhu cầu và đề nghị chính sách như cộng đồng người Mỹ La-Tinh, không có cơ quan giúp người tị nạn và di dân hội nhập như cộng đồng người Ethiopian, không có chương trình hướng dẫn đầu tư và phát triển kinh tế như cộng đồng Đại Hàn...

Giúp đỡ gia đình và đồng bào trong nước là điều cần làm nhưng không vì thế mà sao nhãng chính cộng đồng của mình ở ngay tại Hoa Kỳ. Nó là hậu cần cho mọi nỗ lực từ thiện, là nguồn tài nguyên tiếp viện cho người thân ở Việt Nam.

Người Việt chúng ta có câu “ăn cây nào, rào cây nấy”. Chúng ta phải rào cây cho chính cộng đồng của mình thì mới mong có trái để ăn, để cho về lâu về dài.

Bài 2:

Các Loại Vốn

Các tài nguyên ở thế gian có thể phân ra thành năm loại vốn: tài chánh, con người, tổ chức, xã hội, tri thức. Ai biết huy động một cách hiệu quả cả năm loại vốn thì người ấy sẽ đi xa về sự nghiệp; tổ chức hay cộng đồng nào giỏi sử dụng chúng thì sẽ vượt trội; dân tộc nào tận dụng được chúng thì có nhiều cơ hội tiến đến dân giàu nước mạnh.

Vốn tài chánh là loại vốn đơn giản nhất, dễ hiểu và dễ quản trị nhất trong các loại vốn. Đặc tính của loại vốn này là tính tiện lợi về đổi chác: đồng đô-la này không khác gì đồng đô-la kia. Chính vì vậy mà vấn đề chuyển ngân ngày ngày nhanh chóng và dễ dàng. Và cũng chính vì vậy mà quy tụ vốn cũng dễ dàng, như các ngân hàng vẫn làm. Khi nói đến vốn liếng người ta thường chỉ nghĩ đến vốn tài chánh chính vì nó dễ hiểu, dễ hình dung, dễ quản trị mà lơ là các loại vốn khác.

Khác với vốn tài chánh, không hai người nào giống nhau như đúc và do đó không thể đổi chác người này với người kia như đổi hai đồng đô-la. Hơn nữa, vốn con người không thể sử dụng ngay như vốn tài chánh mà phải đào tạo một thời gian. Thường không có sẵn người đúng hệt ý mình hoặc ăn khớp khít khao với nhu cầu của công việc. Giỏi lắm là chúng ta có thể lọc lựa và tuyển chọn người có khả năng gần nhất với điều mình mong muốn rồi sau đó phải đào tạo trước khi họ trở thành hữu dụng. Không những vậy, việc phân bổ công việc theo đúng với sở trường của mỗi người là cả một nghệ thuật và là điều cần thiết để thành công. Cổ nhân có câu “dụng nhân như dụng mộc” là vậy.

Tổ chức là phương tiện cho con người đạt được hiệu năng cao hơn hẳn so với làm việc riêng rẽ. Vốn tổ chức gồm mô hình, thể thức, quy trình, quy ước, luật, lệ cho vấn đề điều hành, quản trị, lãnh đạo.

Muốn trường tồn và phát triển thì vốn tổ chức phải phong phú. Để hình dung, hãy đối chiếu cách tổ chức xã hội giữa Hoa Kỳ và Việt Nam: những người Việt tị nạn thành công ở Hoa Kỳ có thể chẳng làm nên tích sự gì nếu sống ở Việt Nam. Tổ chức hiệu quả là tổ chức khéo phát huy và phối hợp sở trường của thành viên để sở đoản của mỗi người không còn đáng quan tâm.

Vốn xã hội là thứ vốn trừu tượng vì nó là tổng thể những mối liên hệ vô hình giữa các con người hay các tổ chức trong xã hội với nhau. Yếu tố cấu thành vốn xã hội là niềm tin tưởng nơi nhau, những quy ước về đối tác, và những cơ cấu xã hội để con người tập hợp lại với nhau. Môi trường nào có vốn xã hội cao thì con người dễ dàng hợp tác với nhau để khai thác thời cơ và đỡ đần nhau khi trở ngại. Vốn xã hội có hai loại: nội tại (trong nội bộ một tổ chức) và ngoại vi (nối kết với các tổ chức bạn). Nếu không khéo, vốn xã hội nội tại có thể trở thành tai hại nếu nó làm giảm đi vốn xã hội ngoại vi, như trong trường hợp băng đảng mafia hay một số đảng phái chính trị độc tôn. Đặc điểm của vốn xã hội là không thể đột giai đoạn vì niềm tin phải có thời gian để vun xới. Nóng nảy theo kiểu “quá độ lên xã hội chủ nghĩa” sẽ giết chết vốn xã hội.

Loại vốn cuối cùng là tri thức. Đặc điểm của vốn tri thức là càng dùng càng tăng trưởng một cách vô hạn. Người có tri thức nhưng giữ riêng cho mình thì tri thức ấy trở thành sơ cứng và mất tác dụng. Còn như người ấy chuyển tri thức cho nhiều người khác sử dụng thì mỗi người này sẽ đóng góp kinh nghiệm của mình để làm phong phú thêm cho tri thức ấy; tri thức càng nở lớn khi càng lan rộng. Đến khi người đầu tiên nhận về lại thì vốn tri thức khởi thủy đã phát triển rất nhiều lần hơn.

Trong nhiều năm qua BPSOS đã nghiên cứu về cách thu thập, tích lũy, phát triển, và san sẻ các loại vốn kể trên để góp phần xây dựng cộng đồng và đóng góp cho tiền đồ của dân tộc. Trong thời gian tới đây chúng tôi sẽ đẩy mạnh hơn nữa sứ mạng này.

Bài 3:

Vốn Tài Chánh Để Tài Trợ Một Tổ Chức Phi Lợi Nhuận

Thường khi nói đến duy trì và phát triển tổ chức phi lợi nhuận (non-profit organization) người ta nghĩ ngay đến tài chính. Thực ra tài chính chỉ là một trong nhiều yếu tố cần thiết để duy trì và phát triển tổ chức. Bài này giải thích về các nguồn tài trợ cho một tổ chức phi lợi nhuận. Các bài tiếp theo sẽ luận về các loại vốn quan trọng không kém và có khi hơn cả tài chính.

Bài này có mục đích khuyến khích những ai muốn phục vụ cộng đồng và xã hội không nên bi quan về vấn đề tài chính vì thực ra có rất nhiều nguồn tài trợ to lớn và đa dạng.

Những kỹ năng đặc thù cần thiết cho việc tạo nguồn tài chính đều có thể học được. Mặt khác, bài này giúp cho mọi người hiểu rằng việc xin cấp khoản của chính phủ hay tư nhân phải thông qua một quy trình rõ ràng và chịu sự kiểm soát khắt khe của nguồn cấp khoản nên không dễ lạm dụng.

Điều làm tôi phấn khởi là trong thời gian qua nhiều tổ chức dân sự cũng như tôn giáo trong cộng đồng chúng ta đã học rất nhanh và đã thành công trong việc xin cấp khoản. Một số tổ chức nay đã có nhân viên toàn thời. Nhưng kỳ thú nhất là Thượng Toạ Thích Viên Đức, Viện Trưởng Tu Viện Tường Vân ở Virginia, đã đích thân lên Chicago để tham dự buổi huấn luyện viết đề án xin cấp khoản. Và kết quả là tu viện này đã nhận được cấp khoản để thực hiện một số chương trình phục vụ cộng đồng.

Ở Mỹ hiện có 1.6 triệu tổ chức phi lợi nhuận hoạt động và mỗi năm có thêm 80 đến 100 ngàn tổ chức mới ra đời. Ngân sách tổng

cộng của các tổ chức này lên đến 225-250 tỉ Mỹ kim mỗi năm. Trong đó 10% đến từ chính quyền và 90% đến từ các nguồn đóng góp của tư nhân. Câu hỏi là làm sao một tổ chức phi lợi nhuận có thể lấy được về cho mình một phần của ngân sách to lớn ấy.

Có ba cách:

- (1) xin cấp khoản;
- (2) gây quỹ; và
- (3) bán dịch vụ hay sản phẩm.

Mỗi cách tạo thu nhập là một lãnh vực sâu rộng riêng, đòi hỏi kỹ năng chuyên biệt. Những kỹ năng này đều có thể học được. Sau đây là phần hướng dẫn tóm tắt.

Cấp Khoản (Grants)

Hai nguồn cấp khoản chính gồm có các cơ quan chính quyền và các sáng hội (foundations).

Chính quyền lại có ba cấp: liên bang, tiểu bang và địa phương.

Hàng năm chính quyền liên bang cắt một phần tiền thuế liên bang của dân để cấp cho các tổ chức phi lợi nhuận nhằm phục vụ xã hội, nhân quần. Chính quyền liên bang cấp ngân khoản bằng hai cách: trực tiếp và qua trung gian. Đối với cấp khoản trực tiếp, một tổ chức phi lợi nhuận nộp đề án (proposal) thẳng đến cơ quan liên bang. Cách thứ hai là qua trung gian của chính quyền tiểu bang và địa phương. Trong cách này chính quyền liên bang trao lại cho chính quyền tiểu bang một khoản tiền, thường dựa theo tỉ số người nghèo tính từ các số liệu của cuộc kiểm tra dân số, và các tổ chức phi lợi nhuận phải nộp đề án xin cấp khoản với chính quyền tiểu bang. Nhiều khi chính quyền tiểu bang lại giao cấp khoản xuống cho chính quyền địa phương để phân phối.

Bên cạnh đó, chính quyền tiểu bang và địa phương cũng có quỹ riêng của họ lấy từ tiền thuế của dân và những nguồn thu nhập khác. Những quỹ riêng này thường rất nhỏ so với ngân sách giao xuống từ quỹ liên bang.

Mọi cấp khoản của chính quyền đều được công bố cho quần chúng, phần lớn qua website. Chẳng hạn, các cấp khoản của chính phủ liên bang đều được công bố qua hội trang grants.gov. Tất cả các cấp khoản của chính quyền, dù là liên bang, tiểu bang hay địa phương phần lớn đều đến từ tiền thuế của dân. Do đó, xin cấp khoản có thể hiểu là thu hồi lại chính tiền thuế của mình để phục vụ cho đồng loại.

Nguồn cấp khoản thứ hai đến từ các sáng hội (foundations). Đây là những tổ chức phi lợi nhuận không thực hiện chương trình, không cung cấp dịch vụ mà chỉ xin tiền để rồi tài trợ lại cho những tổ chức phi lợi nhuận khác. Hiện nay có khoảng 100 ngàn sáng hội ở Hoa Kỳ, phần lớn rất nhỏ. Một sáng hội nhỏ có thể chỉ cấp ngân khoản tổng cộng vài chục ngàn Mỹ kim một năm. Sáng hội lớn cấp ngân khoản lên đến nửa tỉ mỗi năm.

Có nhiều loại sáng hội khác nhau. Trước hết, có những sáng hội gia đình và cá nhân. Có những vị đại tư bản đã lập ra sáng hội bằng tiền của chính họ và cũng có những gia đình anh em góp tiền với nhau để lập sáng hội vinh danh cho một người thân quá cố. Nhiều sáng hội do các công ty thành lập. Các hãng lớn, các ngân hàng bề thế phần lớn đều có sáng hội của họ. Qua đó họ vừa phục vụ xã hội, vừa tạo được tiếng tăm, vừa được khai trừ thuế.

Nguồn cấp khoản thứ ba đến trực tiếp từ các công ty và thường chỉ dành cho các tổ chức nằm trong vùng hoạt động của công ty. Chẳng hạn phần lớn các chi nhánh ngân hàng đều có một quỹ nhỏ để tùy nghi tài trợ cho những hoạt động văn hoá hay hội hè trong cộng đồng hay để cứu trợ cho người neo đơn. Năm 2002 các công ty tài trợ 12 tỉ Mỹ kim trong khi các sáng hội đóng góp 27 tỉ.

Các Nguồn Tài Trợ Khác

Có hai cách khác nữa để tài trợ cho một tổ chức phi lợi nhuận: gây quỹ và bán dịch vụ hay sản phẩm.

Tiền đóng góp của tư nhân, qua gây quỹ, chiếm $\frac{3}{4}$ (khoảng 160 tỉ mỗi năm) tổng số thu nhập của khu vực phi lợi nhuận. Phần lớn số tiền này được đóng góp cho các tổ chức tôn giáo và những tổ chức lớn

như Hội Hồng Thập Tự Hoa Kỳ, Salvation Army, Hướng Đạo Hoa Kỳ... Các tổ chức này có cả một kế hoạch dài hạn để gây quỹ qua đóng góp tư nhân mà mục tiêu tối hậu là xây dựng đội ngũ đóng góp mãi mãi và để lại gia sản cho tổ chức trong di chúc.

Một cách tạo thu nhập nữa là kinh tài y hết như một công ty tư nhân. Qua đó các tổ chức phi lợi nhuận cạnh tranh trực tiếp với các dịch vụ hay thương nghiệp tư. Tuy hiện nay chưa đầy 1% các tổ chức phi lợi nhuận chọn con đường này, con số này gia tăng mỗi năm. Ít ai biết được rằng tổ chức quản trị sức khoẻ Kaiser Permanente, Đại Học Stanford, công ty Mitre, v.v. là những tổ chức phi lợi nhuận vì chúng hoạt động y hết như một công ty kinh tài. Sự khác nhau chỉ nằm ở chỗ công ty phi lợi nhuận phải đầu tư “lợi nhuận” cho phúc lợi của người dân chứ không được bỏ túi hay dùng cho tư lợi.

Hàng năm quỹ hoạt động của các tổ chức phi lợi nhuận Hoa Kỳ lên đến 250 tỉ Mỹ kim. Tiếc rằng cộng đồng người Việt chưa biết cách để thụ hưởng nguồn tài nguyên to lớn này nhằm phục vụ người dân và phát triển cộng đồng. Chúng ta không thể biện bạch rằng cộng đồng Việt còn non trẻ—tính theo tỉ lệ, các tổ chức Lào và Cambốt đã lấy về được cho cộng đồng họ nhiều lần hơn chúng ta.

Mặc dù tài chính chỉ là một trong nhiều chỉ dấu của sự thành công, điều này cho thấy khả năng tổ chức của cộng đồng người Việt hãy còn yếu. Một số ít tổ chức Việt tương đối thành công trong việc xin cấp khoản thì lại muốn giữ cho riêng mình những kinh nghiệm quý báu ấy. Kết quả là cộng đồng nói chung chậm lụt so với các cộng đồng bạn và chịu nhiều thiệt thòi.

Bài này có mục đích cung ứng cho những ai có ý hướng xây dựng cộng đồng những kiến thức căn bản để từ đó có thể tự mình tìm hiểu thêm. Nếu thuận tiện, họ cũng có thể tham gia những buổi hướng dẫn vào chi tiết mà BPSOS thường tổ chức ở nhiều nơi.

Viết Đề Án Xin Cấp Khoản

Muốn xin cấp khoản, tổ chức phi lợi nhuận phải viết một đề án theo khuôn mẫu do nguồn cấp khoản đòi hỏi. Như vậy, điều cần làm trước nhất là biết được những tiêu chuẩn và điều kiện của cấp khoản. Các tiêu chuẩn và điều kiện này được công bố trong bản yêu cầu nộp đề án (request for proposal, hay RFP) do nguồn cấp khoản phổ biến. Mỗi bản RFP như vậy thông tin về mục đích của cấp khoản, thể lệ và điều kiện nộp đơn, nội dung đòi hỏi, ngân sách tối đa có thể xin, thời hạn thực hiện đề án, hạn chót nộp đơn...

Ngoại trừ chính quyền liên bang, các nguồn cấp khoản tiểu bang, địa phương hay tư nhân mỗi nơi có những tiêu chuẩn và điều kiện khác nhau. Tuy nhiên mọi đề án xin cấp khoản đều phải bao gồm một số yếu tố căn bản, mặc dù chúng có thể phải sắp xếp theo trình tự khác nhau tùy theo đòi hỏi của nơi cấp ngân khoản. Các yếu tố này gồm có:

(1) Nhu cầu: Trong phần này, đề án cần nêu rõ vấn đề con người cần giải quyết.

(2) Mục đích và mục tiêu: Đây là kết quả mà tổ chức xin cấp khoản hứa hẹn sẽ đạt được khi nhận cấp khoản.

(3) Cách thức và lịch trình thực hiện: Tổ chức xin cấp khoản cần chứng minh được rằng mình có kế hoạch khả thi để đạt mục tiêu. Kế hoạch này cần có những mốc điểm và thời hạn cho từng công tác chính yếu.

(4) Theo dõi và đánh giá: Khi hứa hẹn kết quả, tổ chức xin cấp khoản cần chứng minh kế hoạch đo lường kết quả ấy.

(5) Kế hoạch nhân sự: Tổ chức xin cấp khoản cần đưa ra kế hoạch sắp xếp nhân sự hợp lý để thực hiện dự án.

(6) Khả năng và thành tích của tổ chức: Đây là yếu tố “chọn mặt gửi vàng”. Tổ chức xin cấp khoản cần chứng minh rằng mình có khả năng thực hiện những điều hứa hẹn và có khả năng quản lý cấp

khoản theo đúng quy tắc của sở thuế liên bang và đòi hỏi của nguồn cấp khoản.

(7) Ngân sách: Tổ chức xin cấp khoản cần chứng minh việc sử dụng hợp lý cho từng khoản ngân sách một.

(8) Hợp tác: Khuynh hướng hiện nay của các nguồn cấp khoản là đòi hỏi sự hợp tác giữa tổ chức xin cấp khoản và các tổ chức liên hệ khác. Họ tin rằng sự hợp tác sẽ làm tăng hiệu quả của cấp khoản.

(9) Kế hoạch trường tồn: Nguồn cấp khoản quan niệm rằng tiền của họ là một sự đầu tư và muốn thấy chương trình họ tài trợ sẽ tiếp tục hoạt động sau khi cấp khoản chấm dứt.

Bài 4:

Vốn Con Người

Vốn con người, khác với những loại vốn khác, có ba đặc tính.

Trước hết là đặc tính độc đáo. Không như hai đồng tiền có thể đổi chác, con người không ai giống ai. Do đó, thay đổi nhân sự nhất thiết ảnh hưởng đến sự vận hành của cả tập thể, không giống như thay bù lon, đinh ốc, hay bộ phận trong một cỗ máy. Do đặc tính độc đáo này mà hầu như luôn luôn có sự bất cập giữa nhân sự mong muốn và nhân sự có được. Ít khi nào có sẵn người đầy đủ năng khiếu và kinh nghiệm đúng hoàn toàn với nhu cầu của công việc.

Thứ hai là đặc tính toàn diện. Mỗi con người là tổng thể về tâm sinh lý; về con người cá nhân, gia đình và xã hội; về kinh nghiệm chồng chất từ quá khứ đến hiện tại; về cá tính, nhu cầu, và khả năng. Khi tìm nhân sự chúng ta không thể chỉ xét về năng khiếu mà không quan tâm đến tâm tính, về sở trường mà không nghĩ đến hạn chế, hay về công việc mà quên mất đời sống cá nhân.

Thứ ba là đặc tính tự tăng trưởng. Khác với các loại vốn khác, chỉ tăng trưởng do được tác động, con người tự mình phát triển và liên tục tích lũy kiến thức, khả năng, kinh nghiệm để đáp ứng với tình thế mới. Con người có khả năng phối hợp, tổng hợp, phán đoán và tưởng tượng-những yếu tố cần thiết để tự tăng trưởng. Chính vì đặc tính này mà không thể thiếu con người trong những công việc phức tạp đòi hỏi sự định hướng, lập kế hoạch, hay quyền biến.

Muốn sử dụng vốn con người, chúng ta cần có kế hoạch và chương trình đào tạo nhân sự để phát triển khả năng và bản lãnh, cần phân bổ nhân sự vào những vai trò và chức năng khác nhau cho phù hợp với sở trường, cần tạo môi trường và phương tiện để nhân sự tăng trưởng về kinh nghiệm và thăng tiến trong công tác, và nhiều khi cần sắp xếp công việc cho phù hợp với nhân sự thay vì gò ép nhân sự vào

khuôn khổ của công việc đã định sẵn. Chúng ta còn phải quan tâm đến sự phát triển toàn diện và hài hoà của nhân sự. Đó là ý nghĩa của “dụng nhân như dụng mộc.”

Đối với cộng đồng, chúng ta nói nhiều về trao truyền ngọn đuốc cho lớp người đi sau nhưng không có kế hoạch để đào tạo và chuẩn bị cho họ, chúng ta kêu gọi người trẻ dấn thân nhưng chưa có nỗ lực nào đáng kể để tạo cơ sở và phương tiện cho họ “dụng võ”, chúng ta hy vọng rằng thế hệ thứ hai và thứ ba lớn lên ở Hoa Kỳ sẽ giải giang nhưng lại không có chương trình để lôi cuốn họ đến và giữ họ ở lại với cộng đồng.

Đối với Việt Nam, cũng vậy, chúng ta hoan nghênh những người dấn thân tranh đấu cho công lý và dân chủ nhưng cũng không có kế hoạch để tạo cơ hội cho họ phát triển năng khiếu, tiếp thu tri thức, mở rộng tầm nhìn, và tích lũy kinh nghiệm về hoạt động xã hội dân sự ngày hôm nay và nắm vận mạng đất nước mai này.

Trong 20 năm qua, từ khi còn là một tổ chức nhỏ bé nhưng phải đương đầu với chính sách quốc tế về cưỡng bách hồi hương thuyền nhân, BPSOS đã bắt đầu đào tạo nhân sự qua chương trình thực tập. Qua đó, nhiều người trẻ đã học hỏi về nguồn gốc, phát triển khả năng, và tích lũy kinh nghiệm qua những công tác cụ thể. Một số cho đến nay vẫn tiếp tục con đường phục vụ cộng đồng, dân tộc, và xã hội. Dân Biểu Liên Bang Cao Quang Ảnh là trường hợp điển hình nhưng không phải độc nhất. Từ 5 năm qua, BPSOS cũng thực hiện một nỗ lực tương tự cho Việt Nam.

Một vài tổ chức khác cũng có những nỗ lực cùng chiều hướng ấy. Tuy nhiên, tất cả những cố gắng cho đến nay, kể cả của BPSOS, còn quá khiêm nhường so với nhu cầu gây dựng vốn nhân sự cho cộng đồng và cho Việt Nam. Đã đến lúc chúng ta phải có một kế hoạch rộng lớn và dài hạn để đào tạo thế hệ tiếp nối, tạo cơ sở và phương tiện cho họ phát huy năng lực, và chuẩn bị cho họ thay thế chúng ta trong việc lèo lái cộng đồng và đóng góp cho đất nước.

Chúng ta chỉ có 10 đến 15 năm để hoàn tất công trình to lớn ấy, trước khi lớp người năng động ngày hôm nay lui vào bóng tối. Đó là

trách nhiệm thiêng liêng của chúng ta đối với thế hệ đi sau và đối với cộng đồng, Việt Nam, và xã hội.

“Người giỏi không phải là người làm tất cả.”

- Donna M. Gennett, PhD

Sống Thực

(Bài nói chuyện với các thành viên của BPSOS - Houston)

Khi còn bé, chúng ta nuôi giấc mơ lớn, giấc mơ cứu đời, giấc mơ độ thế. Càng lớn, giấc mơ của chúng ta càng bé đi cho đến khi không còn gì nữa.

Người lớn bảo, “hãy thực tế, hãy xếp giấc mơ lại, bỏ nó vào ngăn kéo và khoá kỹ.”

Sống thực không có nghĩa phải giết đi giấc mơ. Thực ra là ngược lại.

Nơi đây chúng tôi nuôi những giấc mơ lớn và biến chúng thành thực tế qua những kế hoạch trường kỳ và hành động cụ thể.



Buổi hướng dẫn cho nhân viên mới, Houston, 08/07/09 (ảnh BPSOS)

Cách đây gần 30 năm, BPSOS ra đời với giấc mơ cứu vớt đồng bào trước nạn hải tặc đang hoành hành. Giấc mơ này thật xa vời khi người Việt còn chân ướt chân ráo trong thân phận tị nạn. Thế nhưng chính giấc mơ ấy làm nức lòng cả cộng đồng; chiến dịch “Vớt Người Biển Đông” nở rộ khắp nơi. Những đóng góp ân tình của hàng trăm ngàn tấm lòng giúp đưa những chuyến tàu ra khơi cứu vớt trên 3.300 thuyền nhân lên bờ trên biển cả.

Năm 1989, quốc tế quay lưng lại với thuyền nhân, giam hãm họ trong các trại tù để rồi cưỡng bách hồi hương sau một kỳ thanh lọc đầy bất công. Nhiều thuyền nhân, quá phần uất và tuyệt vọng, đã tự

vấn. Giấc mơ của chúng tôi là giải thoát đồng bào và đưa họ đến tự do. Có người cho điều ấy là không tưởng. Nhưng với sự hỗ trợ ngày càng lan rộng trong cộng đồng, năm 1990 dự án LAVAS ra đời và qua năm sau mở văn phòng trợ giúp pháp lý cho thuyền nhân ở Palawan, Phi Luật Tân, và rồi văn phòng tương tự ở Hồng Kông 6 tháng sau đó. Từ hai văn phòng này các phái đoàn luật sư và trợ luật viên đến hầu hết các trại tạm dung để thu thập hồ sơ tị nạn. Với các hồ sơ ấy năm 2005 BPSOS mở cuộc tổng vận động với Quốc Hội Hoa Kỳ và một năm sau chương trình ROVR (Resettlement Opportunity for Vietnamese Returnees) ra đời, đưa trên 18 ngàn đồng bào thuyền nhân vào Hoa Kỳ sau khi họ bị hồi hương. Chương trình ROVR sau đó được nới rộng để định cư tị nạn gần hai ngàn cựu thuyền nhân còn sót ở Phi Luật Tân. Lịch sử người Việt vượt biển được đóng lại trong sự công bình và có hậu, kết quả của một giấc mơ.

“Thử thách của cam đảm không phải là dám chết, mà là dám sống và thực hiện những ước mơ của mình.” - Alfieri

Rồi năm 1997, khi lịch sử thuyền nhân vừa sang trang, cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ phải đối phó với luật cải tổ an sinh xã hội và di dân mà hậu quả tai hại còn kéo dài đến ngày hôm nay. Chúng tôi lại mơ, mơ cộng đồng sẽ vững mạnh để vừa có thể tự xoay sở trước mọi tình thế vừa có tiếng nói ảnh hưởng đến chính sách. Với ngân quỹ vốn vẹn 3 ngàn Mỹ kim, không chút kinh nghiệm nào và rất ít hậu thuẫn trong cộng đồng, BPSOS khởi sự công cuộc xây dựng hạ tầng cho cộng đồng. Mười hai năm sau BPSOS hoạt động trên 18 địa bàn ở Hoa Kỳ và đã hỗ trợ cho trên 50 tổ chức khác phát triển năng lực.

Cũng năm 1997 chúng tôi khám phá ra hàng ngàn cựu tù nhân cải tạo bị bỏ sót lại sau khi chương trình HO, một chương trình định cư cho những cựu quân cán chính Việt Nam Cộng Hoà, đóng cửa. Sau gần 10 năm làm lữ vận động, giấc mơ giải thoát cho họ thành tựu: chương trình HR ra đời và đã định cư trên một ngàn người bị bỏ sót.

Một giấc mơ gần đây hơn là giải trừ tận gốc rễ nạn buôn bán lao nô từ Việt Nam. Sau 6 tháng thai nghén trong sự phối hợp với một số tổ chức bạn, Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới Ở Á Châu, viết tắt là

CAMSA trong tiếng Anh, chào đời. Tháng 4 năm ngoái, liên minh này bắt đầu hoạt động thường trực ở Mã Lai và trong 16 tháng đã giúp thành công cho trên ba ngàn người lao động đòi công lý.

Các bạn thấy đó, đây là nơi nuôi dưỡng những giấc mơ lớn và biến chúng thành hiện thực.

Ngày hôm nay tôi mời các bạn mở ngăn kéo, lấy ra giấc mơ năm xưa, và chấp cánh cho nó. Mỗi người chỉ có một lần sống thì hãy sống cho thật có ý nghĩa. Không có những giấc mơ lớn thì cuộc sống sẽ khô cằn, nhỏ nhen, nhàm chán.

Hãy để cho giấc mơ bay cao; cuộc sống của các bạn sẽ có ý nghĩa trong từng công việc hàng ngày, trong từng hơi thở. Bạn sẽ sống thực.

Xin chào đón bạn gia nhập đại gia đình BPSOS.

“Từ những ước mơ, nhân loại đã tạo ra bao nhiêu công trình vĩ đại trong thực tế.” - Nguyễn An Ninh

Bài 5:

Vốn Tổ Chức

Ý nghĩa tối hậu của một tổ chức là tạo nên môi trường để các thành viên của tổ chức đạt hiệu quả vượt trội, do hợp tác với nhau, so với hoạt động riêng rẽ. Sự khác biệt về hiệu năng giữa hoạt động tập thể so với hoạt động riêng rẽ là thước đo của cái mà tôi gọi là vốn tổ chức: Một tập thể có vốn tổ chức càng cao thì càng làm tăng hiệu năng của mỗi thành viên.

Câu hỏi là, làm sao để tạo ra và rồi gia tăng vốn tổ chức?

Khi mọi đối tác giữa thành viên trong một tập thể dựa trên những nguyên tắc căn bản làm chuẩn mực thì tập thể ấy có quy củ. Bằng không thì tập thể sẽ xáo xáo và rã rời. Tôn trọng những nguyên tắc chuẩn chính là yếu tố cần thiết để xây dựng một hội đoàn hay một đất nước.

Nguyên tắc có thể phân làm ba loại. Thứ nhất là những nguyên tắc về đạo đức, còn gọi là những giá trị lõi (core values), làm nên tảng tinh thần cho sự hợp quần – đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu. Muốn biết rằng đâu là giá trị lõi thì dù có lợi cũng không vi phạm và dù có bất lợi cho mình cũng nhất định bảo vệ giá trị lõi. Giá trị lõi luôn luôn mang tính nhân bản.

Như một ví dụ, ngay sau trận bão Katrina, công ty Nike ngỏ ý sẵn sàng tài trợ 30 ngàn Mỹ kim cho BPSOS để cứu trợ đồng bào bị bão lụt ở dọc vùng vịnh duyên hải Hoa Kỳ. Lúc ấy tuy rất cần tài chánh, chúng tôi quyết định không nhận khoản tài trợ này sau khi phát hiện là công ty Nike vẫn còn ngược đãi công nhân ở Việt Nam. Điều này vi phạm một trong hai giá trị lõi của BPSOS: nhân phẩm và tự do.

Giá trị lõi chính là lương tâm của một tổ chức. Chẳng hạn, đối với BPSOS thì tôn trọng nhân phẩm của nhau được áp dụng trong

mọi hoạt động, từ cung cách phục vụ đồng lương đến cách cư xử giữa đồng nghiệp với nhau. Vi phạm giá trị lõi là sự vi phạm nặng nề nhất và hoàn toàn không thể chấp nhận. Đánh mất giá trị lõi thì tổ chức mất bản sắc của mình.

Kế đến là những nguyên tắc hoạt động, còn gọi là giá trị chiến lược. Những nguyên tắc này mang tính cách kỹ thuật và có thể thay đổi tùy theo giai đoạn chiến lược. Chẳng hạn, trong giai đoạn sơ khai của một tổ chức, giá trị chiến lược có thể là chậm nhưng chắc; ở giai đoạn tương đối phát triển, giá trị chiến lược có thể là phẩm hơn lượng. Giá trị chiến lược ấn định phương cách hoạt động, duy trì và phát triển một tổ chức.

Cuối cùng là những nguyên tắc hành xử. Đây là những thể thức điều phối mọi sinh hoạt của tổ chức, từ quản trị tài chánh đến quản trị nhân sự, từ soạn thảo một văn thư đến quyết định về chính sách. Nhất nhất đều phải có quy trình của nó mà mọi thành viên trong tổ chức cần tuân thủ để tránh sự lộn xộn, bất nhất, tùy tiện.

Chỉ khi nào chúng ta tôn trọng đầy đủ các nguyên tắc ở cả ba mức lương tâm, hoạt động, và hành xử – thì uyển chuyển mới không bị thoái hoá thành du di. Và lúc ấy tổ chức mới đủ vững chãi để vượt qua giông tố mà không bị lạc hướng, biến chất, hay vỡ vụn. Phần cuối của tập sách này gồm một số bài về nguyên tắc hoạt động và hành xử.

Nhập gia tùy tục, nhập giang tùy khúc nói lên sự uyển chuyển cần thiết khi ứng xử ở đời, nhất là trong hoàn cảnh éo le. Điều này nghe ra thì tương tự nhưng thực ra lại mang ý nghĩa rất khác với du di, hiểu theo nghĩa lập lờ về nguyên tắc.

Để làm sáng sự khác nhau này, hãy lấy ví dụ của người lái xe ngoài đường. Khi gặp khúc đường bị tắc, người ấy nhanh ý dùng những con đường nhỏ để đi bọc qua chỗ tắc nghẽn; đó gọi là uyển chuyển. Tuy nhiên, khi đậu ở đèn đỏ nhìn trước nhìn sau không thấy cảnh sát, người lái xe lén vượt đèn đỏ; đó là du di. Trong ví dụ thứ nhất, người lái xe vẫn tôn trọng luật lệ dù đi đường lớn hay đường nhỏ; còn trong ví dụ thứ hai thì người lái xe du di luật giao thông.

Yếu tố tạo nên sự khác nhau giữa uyển chuyển và du di là sự tôn trọng nguyên tắc.

Giá Trị Lõi Và Giá Trị Chiến Lược

Chức năng của một tổ chức là giúp cho các thành viên đạt hiệu năng và hiệu quả cao hơn so với hoạt động riêng rẽ. Muốn vậy, tổ chức phải bảo đảm sự hài hoà giữa mọi thành viên trong cả suy nghĩ lẫn cách hành xử. Một hợp tác đầy mâu thuẫn và va chạm sẽ giảm thay vì tăng hiệu năng. Muốn tránh điều này thì sự tập hợp phải dựa trên các giá trị nhân bản và giá trị chiến lược.

Giá trị nhân bản, còn gọi là giá trị lõi (core values), mang tính bất di bất dịch, làm nền tảng cho sự tập hợp. Nó là căn bản cho mọi quyết định tập thể về chính sách và được thể hiện rõ ràng nhất khi có sự đụng chạm đến quyền lợi của tổ chức; lúc ấy tổ chức có giá trị nhân bản thực sự sẽ bảo vệ giá trị bằng mọi giá dù có bất lợi cho mình, và sẽ không bao giờ làm gì trái với giá trị dù có lợi đến đâu.

Để bảo đảm rằng mọi người hiểu rõ trước khi hợp tác, BPSOS bộc lộ giá trị lõi ngay trong phát biểu về sứ mạng của mình: tự do và nhân phẩm. Hai giá trị nhân bản này làm kim chỉ nam cho mọi quyết định về chính sách và chương trình hoạt động, từ việc bảo vệ thuyền nhân, tranh đấu cho quyền tị nạn, vận động cho tự do tôn giáo, bài trừ nạn buôn người, đến phát triển cộng đồng để tự lực, giúp tái lập đời sống sau bão lụt, v.v. Đối với một tổ chức, đánh mất giá trị lõi nghĩa là đánh mất bản sắc.

Cùng giá trị lõi không đồng nghĩa với suy nghĩ rập khuôn. Ngược lại, giá trị lõi cho phép các thành viên của tổ chức mở rộng tầm suy nghĩ và khai phá những tư tưởng mới lạ mà vẫn tránh được sự mâu thuẫn kịch liệt: những dị biệt, nếu có, đều được hoá giải trên căn bản của những giá trị nhân bản được chia sẻ bởi mọi người trong cùng tổ chức.

Khi thực hiện chính sách, một tổ chức muốn có hiệu năng cao thì cần tạo được sự hài hoà trong cách hành xử của các thành viên. Sự hài hoà này được thiết định qua các giá trị chiến lược (strategic values). Các giá trị chiến lược của BPSOS trong giai đoạn hiện nay là: xuất sắc, lãnh đạo, học hỏi, và trách nhiệm. Mọi thành viên đều

phải thể hiện những giá trị này qua từng hoạt động hàng ngày của mình.

Ngày xưa cụ Khổng đưa ra Ngũ Thường với mục đích đem lại ổn định cho một xã hội đang loạn lạc, trong đó Nhân và Nghĩa chính là giá trị nhân bản; còn Lễ, Trí và Tín là các giá trị chiến lược.

Điểm quan trọng là giá trị chiến lược, dù có thay đổi theo thời gian, không được phản lại giá trị lõi. Khi đề ra khẩu hiệu “Độc Lập, Tự Do, Hạnh Phúc”, Ông Hồ Chí Minh đặt Độc Lập lên hàng đầu, trong khi Độc Lập chỉ là giá trị chiến lược, còn Tự Do và Hạnh Phúc mới là giá trị nhân bản thì lại đi sau. Vì vậy mà đảng cộng sản Việt Nam đã từng nhân danh độc lập để vi phạm các giá trị nhân bản là tự do và hạnh phúc; đến khi không cần nó nữa thì họ cũng dẹp luôn độc lập sang một bên. Vì không được xây dựng trên các giá trị nhân bản, đảng Cộng Sản Việt Nam sẵn sàng làm bất kỳ điều gì, dù là trái nhân bản, nhằm bảo vệ độc quyền lãnh đạo. Chính vì vậy mà xã hội dưới sự lãnh đạo của họ trở nên rã rời và rất kém hiệu năng.

Chúng ta đều nói đến sức mạnh của sự hợp quần nhằm bảo vệ phúc lợi cho các thành viên trong cộng đồng cũng như mưu cầu một tương lai tốt đẹp cho đồng bào ở Việt Nam. Sự hợp quần chỉ có ý nghĩa khi nó tăng hiệu năng cho những người đến với nhau so với hoạt động riêng rẽ. Đó là điều căn bản cho mọi hoạt động cộng đồng, xã hội, chính trị và đấu tranh.

Bài 6:

Vốn Xã Hội

“Vốn xã hội” (social capital) là một khái niệm tương đối mới, chính thức ra đời năm 1972.

Vốn xã hội là những gì nối kết con người lại với nhau để tạo nên sự hợp quần. Nó có ba chiều kích: cơ cấu, quan hệ, và ý thức.

Cơ cấu là những phương tiện để con người biết, quen, và đối tác với nhau. Cơ cấu có thể chặt chẽ như đoàn thể, tổ chức, nhà thờ, chùa chiền, đoàn hướng đạo; hay lỏng lẻo như nhóm bạn, danh sách liên lạc qua Internet (listserv), nhóm đánh cờ tướng.

Quan hệ là sợi dây nối kết những con người với nhau, mà căn bản nhất là niềm tin, sự tương kính, và tinh thần hợp tác.

Ý thức là nhịp cầu cảm thông, là sự hiểu biết về nhau và về phương thức để bồi đắp cơ cấu và tăng trưởng quan hệ.

Vốn xã hội, chất keo gắn liền xã hội dân sự (civil society), là xương, là máu, là linh hồn của nền dân chủ.

Cộng đồng người Việt còn rất non trẻ ở Hoa Kỳ nên hãy còn ít ỏi về vốn xã hội.

Về cơ cấu, chúng ta hãy còn nghèo nàn và cục bộ, thiếu sự chan hoà, rộng mở. Các tổ chức thường chỉ nghĩ đến củng cố chiều sâu mà thiếu chiều rộng. Giáo Sư Robert Putnam thuộc đại học Harvard nhận xét rằng một tổ chức phát triển cơ cấu quá thiên lệch về chiều sâu có thể gây tai hại cho tập thể rộng lớn hơn. Điển hình là những tổ chức chính trị và đảng phái quá nặng sắc áo màu cờ dẫn đến độc tôn. Họ dùng tiểu xảo để củng cố cho chính mình nhưng đào hố cách biệt về cảm thông và làm tiêu tán niềm tin. Điều này đã xảy ra trong cộng đồng chúng ta khi quần chúng cảm thấy mình bị gạt gẫm bởi một vài tổ chức chính trị hay đảng phái kêu gọi kháng chiến vào những thập

niên 1980-1990.

Về quan hệ, chúng ta còn nhiều ngờ vực lẫn nhau, một phần do hậu quả của bao nhiêu năm sống dưới chế độ cộng sản và một phần do kinh nghiệm ở ngay tại Hoa Kỳ như kể trên. Trong cộng đồng chúng ta, sự hợp tác chỉ là ngoại lệ hiếm hoi. Thái độ đố kỵ, dè chừng hãy còn phổ biến. Trong chúng ta nhiều người vẫn chưa quen “dung dị”, nghĩa là chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt ý kiến thay vì “yêu nên tốt, ghét nên xấu”.

Về ý thức, chúng ta hãy còn thiếu những tiếng nói ngay thẳng và khách quan để hướng dẫn dư luận và thăng hoa cộng đồng. Nhiều tờ báo dù đứng đắn về ngôn từ nhưng thiếu dũng cảm để nêu ra sự thực, bênh vực kẻ thế cô, hoá giải những mâu thuẫn và xung đột thay vì chạy theo thị hiếu, đổ thêm dầu vào lửa, hay chọn thái độ “kính nhi viễn chi”. Một số người cầm bút thiếu trách nhiệm, phỉ báng những ai không ưa một cách vô tội vạ và bằng những ngôn từ khiếm nhã, làm lu mờ đi niềm tin vào sự tử tế và tầm quan trọng của nhân cách.

Khi chúng ta còn nghèo “vốn xã hội” thì cộng đồng chúng ta hãy còn yếu kém và chưa thể hoà mình vào với dòng chính hay sánh vai với các cộng đồng bạn. Chúng ta lại càng không phải là tấm gương sáng cho những đồng bào khao khát dân chủ ở quê nhà.

Để xây dựng cộng đồng lành và mạnh, chúng ta cần chú tâm vào việc gây và phát triển vốn xã hội.

Trong phạm vi khiêm tốn của mình, BPSOS trong hơn chục năm qua tâm đến và đóng góp cho việc này. Chúng tôi đã đầu tư công sức để giúp thành lập hay phát triển nhiều hội đoàn bạn – chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ, và giúp tạo năng lực. Để tránh tinh thần độc tôn, chúng tôi chủ trương chỉ hỗ trợ cho những tổ chức và hội đoàn nào thực tâm nói rộng sự hợp tác với các thành phần khác. Tuy nhiên, những công việc này chỉ là một tiếng chuông gióng lên, một hạt mầm gieo xuống.

Góp vốn xã hội cho cộng đồng là việc của mọi người. Hơn ba thập niên đã trôi qua, giờ đây không phải là quá sớm nhưng vẫn chưa quá trễ để bắt đầu công cuộc dài lâu này.

Bán Anh Em Xa, Mua Láng Giềng Gần

Một cuộc nghiên cứu khởi đầu năm 1992 tại Úc dẫn đến kết luận lý thú và hữu ích: mức tử vong của những người có vòng thân hữu rộng và chặt 22% thấp hơn những người thiếu vắng bạn bè. Trong khi đó quan hệ chặt với thân nhân ruột thịt, kể cả con cháu, anh chị em, không ảnh hưởng gì đến tỉ lệ tử vong.

Cuộc nghiên cứu kéo dài 10 năm này đã theo dõi tình trạng sức khoẻ của 1,500 cụ cao niên 70 tuổi trở lên.

Theo những nhà nghiên cứu, bạn bè thân thiết có ảnh hưởng tích cực đến vấn đề ngưng hút thuốc và uống rượu và tăng lên lòng tự tin và khả năng đối phó với các thử thách trong cuộc sống.

Thực ra đây không phải là một khám phá mới mẻ. Trong nửa thế kỷ qua nhiều cuộc nghiên cứu trên thế giới cùng đi đến kết luận tương tự: vốn xã hội tạo nên lớp vỏ bảo bọc cho con người; vốn xã hội càng phong phú thì sự bảo bọc càng hiệu quả.

Chúng ta cứ hình dung, một người đồng bạn bè nếu mất việc thì lập tức được mách bảo công này việc nọ; hoặc nếu người ấy gặp nhỡ ngại trong cuộc sống thì có bạn bè tới lui thăm hỏi, đỡ đần. Còn những ai cô quạnh thì chẳng biết nhờ vả nơi ai, khó hồi phục, và dễ rơi vào tình trạng trầm cảm.

Nói cách khác, kết bạn và nuôi dưỡng tình bạn cho bền chặt là một cách tốt để tăng sức khoẻ và tuổi thọ. Và một cách cụ thể để cho con cái thể hiện chữ hiếu với cha mẹ già là góp phần xây dựng vốn xã hội trong cộng đồng.

Chính bởi vậy, tạo vốn xã hội là trọng điểm của BPSOS trong 12 năm qua. Một mặt chúng tôi giúp thành lập các nhóm cao niên, phụ nữ, phụ huynh, con lai... Mặt khác chúng tôi hỗ trợ cho các tổ chức tôn giáo, cộng đồng trong việc phát triển nội lực ngõ hầu phục vụ cho các nhóm kể trên. Kết quả là những sợi dây quan hệ vô hình ngày càng chằng chịt và bền chặt với nhau giữa các cá nhân, các tổ chức, các gia đình.

Bài 7:

Vốn Tri Thức

Xã hội loài người chuyển qua nhiều thời đại, từ săn bắn sang nông nghiệp, rồi thương mại, kỹ nghệ; gần đây là kỹ thuật; và hiện nay đang chuyển mình sang thời đại của tri thức.

Mỗi thời đại có những đặc tính và sắc thái khác nhau từ kinh tế đến văn hoá, từ quân sự đến xã hội. Cách suy nghĩ và cung cách hành xử của con người cũng thay đổi theo.

Trong kỷ nguyên thương mại các đội thương thuyền cùng với các đoàn quân viễn chinh giúp một số quốc gia Tây Phương mở rộng thế lực ra khắp thế giới. Nền kỹ nghệ hiệu năng của Hoa Kỳ là yếu tố quyết định trong chiến thắng của phe đồng minh trong Đệ Nhị Thế Chiến. Chỉ trong 6 tháng Hoa Kỳ đã tung vào các chiến trường Âu, Phi và Á Châu số lượng vũ khí mà Đức Quốc Xã phải mất 5 năm để sản xuất.

Cuộc chiến Bão Sa Mạc năm 1991 xảy ra trong kỷ nguyên kỹ thuật. Với kỹ thuật cao, thể hiện qua những máy dò thám tinh vi nhìn sâu vào lòng địch và những vũ khí tự điều khiển với độ chính xác của lưỡi dao giải phẫu, Hoa Kỳ đã đánh tan các đạo binh tinh nhuệ của Saddam Hussein, trong khi quân đội Hoa Kỳ rất ít hao tổn.

Thế còn đối với cuộc chiến Iraq hiện nay, đâu là yếu tố thành công?

Theo Ông Peter F. Drucker, cha đẻ của nền quản trị kinh doanh tân thời, thì đó là tri thức.

Ông Drucker, qua đời cuối năm 2005 ở tuổi 96, đã tiên đoán những sự kiện lớn trong lịch sử. Ông đã tiên đoán nguy cơ của Adolf Hitler, sự sụp đổ của bức tường Bá Linh, sự tan rã của khối cộng sản, và cuộc chiến Trung Đông. Không phải là một nhà tiên tri nhưng

trong 70 năm ông đã theo dõi trào lưu của xã hội loài người và rút ra từ đó những nhận định sắc bén về thời đại.

Theo Ông Drucker, loài người đang chuyển sang kỷ nguyên tri thức. Kỹ thuật dựa trên kiến thức của quá khứ, còn tri thức là khai thác những kiến thức của ngày hôm nay. Kỷ nguyên tri thức đòi hỏi một cấu trúc quản trị mới cho quốc gia, xã hội, và các tổ chức mà qua đó kiến thức được thu thập, lọc lựa, phân tích, tổng hợp, và chuyển giao rất nhanh chóng và rộng rãi cho những người cần sử dụng. Những người này tiếp tục đóng góp thêm vào khối tri thức và chuyển lại cho những người khác nữa sử dụng. Cứ thế, tri thức vận hành trong khắp xã hội, chuyển biến không ngừng, và ngày càng tăng trưởng vô giới hạn.

Trong nỗ lực chống khủng bố, tri thức là yếu tố để “biết người biết ta” và để vận dụng được sở trường của mình nhằm đánh vào sơ hở của đối phương – một đối phương muôn hình vạn trạng và chuyển biến thường xuyên.

Quốc gia nào vận dụng được tri thức thì quốc gia ấy sẽ dẫn đầu kỷ nguyên mới. Trong khi các quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Mã Lai... đang cố gắng phát triển kỹ thuật thì Hoa Kỳ và các quốc gia tiên tiến đã bước những bước đầu vào kỷ nguyên tri thức.

Cũng vậy, công ty nào biết vận dụng các quy luật nhằm phát triển và khai thác tri thức thì công ty ấy nắm thế thượng phong trong thị trường. Và tổ chức nào có cơ cấu quản trị giúp phát huy được tri thức của thành viên thì tổ chức ấy sẽ vượt trội.

Việt Nam hiện nay khó gia nhập vào kỷ nguyên tri thức vì nhà cầm quyền chủ trương kiểm soát thông tin, không cho phép người dân tự tổ chức. E rằng dân tộc Việt Nam một lần nữa sẽ lỡ vận hội để bắt kịp trào lưu mới của nhân loại.

Tuy nhiên dân tộc chúng ta còn một cơ hội: cộng đồng người Việt tị nạn. Chúng ta người Việt ở hải ngoại cần nắm vững các quy luật của kỷ nguyên tri thức và đào tạo ngày càng đông những chuyên gia về tri thức cho cộng đồng và cho Việt Nam trong tương lai.

Trong chiều hướng đó, BPSOS đã dành nhiều năng lực và thời gian để hỗ trợ các tổ chức trong cộng đồng phát triển vốn liếng tri thức qua những buổi hướng dẫn nhóm nhỏ, qua các buổi họp mở rộng, qua các bài viết được phổ biến rộng rãi, và qua các chương trình thực tập sinh và nghiên cứu sinh. Nhưng việc làm của BPSOS chỉ có một tầm vóc giới hạn. Cả cộng đồng phải nhập cuộc.

“ Tri thức là sức mạnh.” - Francis Bacon

Bài 8:

Quý Thời Gian

Thời gian là một thứ tài nguyên không thể thiếu nhưng lại vô cùng hiếm hoi. Làm gì cũng phải có thời gian, và ngay cả không làm gì thì thời gian vẫn lừng lững trôi đi. Thời gian hiếm hoi vì chỉ có tiêu đi chứ không vun bồi thêm được. Đối với thời gian, chúng ta không thể co dãn, tích lũy hay để dành, cho vay hay đòi lại. Chính vì vậy mà tôi không xem thời gian là một thứ “vốn”, vì nếu là vốn thì có thể đầu tư để tăng trưởng. Thời gian không thể tăng trưởng.

Với hai đặc tính trên (không thể thiếu và hiếm hoi), thời gian thường là yếu tố hạn chế của mọi công việc, kế hoạch, chương trình. Trong quy tắc của công nghệ sản xuất, tài nguyên hiếm hoi nhất quyết định số lượng thành phẩm. Chẳng hạn, một xưởng lắp ráp xe hơi chỉ có 20 ngàn bánh xe thì dù có dư thừa mọi thứ vật liệu khác cũng chẳng thể sản xuất quá 5 ngàn chiếc xe. Do sự hiếm hoi nhưng lại luôn luôn cần thiết của nó, nếu muốn đạt hiệu quả thì chúng ta phải biết quản lý thời gian.

Bước căn bản nhất để quản lý thời gian là đặt ưu tiên cho công việc – ưu tiên càng cao thì lượng thời gian phân bổ vào đây phải càng nhiều. Theo một số cuộc nghiên cứu, nếu có trên ba ưu tiên cùng một lúc thì hiệu quả gần như là con số không, vì như vậy không ưu tiên nào thực sự là ưu tiên.

Trong hoàn cảnh của những người Việt tị nạn, chúng ta có trách nhiệm ba chiều: đối với cộng đồng, đối với xã hội đang định cư, và đối với Việt Nam; do đó chúng ta cần chọn ưu tiên để sao cho tròn trách nhiệm với cả ba. Một cách để không bị tán lực và mất hiệu quả là chọn một ưu tiên chính và hai ưu tiên phụ. Trong sách lược 10 năm tôi đề nghị thì xây dựng nội lực và thế đứng cho cộng đồng là ưu tiên hàng đầu vì nó sẽ hỗ trợ cho hai ưu tiên kia. Phát triển thế và lực cho cộng đồng Việt cũng là xây dựng hậu phương vững chãi cho để thay đổi Việt

Nam và cũng tự động đóng góp cho xã hội và củng cố nền dân chủ của quốc gia định cư.

Trong 35 năm qua, như một tập thể chúng ta đã không đặt ưu tiên rõ ràng cho hành động nên hoạt động thiếu trọng tâm, dẫn đến tình trạng rối hoảng, phản ứng trước biến cố, đối phó với hậu quả, và bị động. Tình trạng này rất rõ trong các sinh hoạt đấu tranh cho nhân quyền ở Việt Nam. Cộng đồng Việt ở hải ngoại đã phản ứng trước những biến cố “nóng” như Thái Hà, Tam Toà, Bầu Sen, Đồng Chiêm, Bát Nhã... Đó là chưa kể những vụ bắt bớ hàng trăm nhà đấu tranh cho dân chủ. Vì chỉ phản ứng nên việc làm thiếu bề sâu về nội dung và chiều dài về sách lược. Lực đã ít lại bị chia ra lắt nhắt – việc này chưa xong thì phải bỏ dở để đối phó với việc mới xảy ra, không việc nào đến nơi đến chốn.

Không những vậy, chúng ta lại chệnh mảng đối với nhu cầu xây dựng, củng cố và phát triển cộng đồng. Như phân tích ở trên, đây lẽ ra phải là ưu tiên hàng đầu vì cộng đồng có nội lực và thế đứng ở quốc gia định cư chính là căn bản cần thiết cho những nỗ lực vận động có bề sâu và chiều dài nhằm thay đổi Việt Nam. Đó là chưa kể trách nhiệm chúng ta phải có đối với đồng bào đang khốn khó ở ngay trong cộng đồng gần gũi của chúng ta.

Trong 10 đến 15 năm tới đây, chúng ta có cơ hội để chuyển biến cộng đồng và thay đổi Việt Nam. Muốn tận dụng cơ hội ấy chúng ta cần tập trung năng lực và tài nguyên vào một ít trọng tâm nhất định trong một thời gian đủ dài. Trong sách lược 10 năm gửi đến cộng đồng, tôi đưa ra 4 trọng tâm để xây dựng nội lực và thế đứng cho cộng đồng và bốn trọng tâm để thay đổi Việt Nam. Tôi đề nghị mỗi người chọn không quá hai trọng tâm cho thời gian từ 3 đến 5 năm tới: một đối với cộng đồng và một đối với Việt Nam. Sau khi chọn trọng tâm để theo đuổi, chúng ta cần nhắc nhở nhau tránh “xé rào”, nhảy từ việc này sang việc khác.

Được vậy, chúng ta có hy vọng sẽ hoàn thành trách nhiệm đối với đồng bào, dân tộc, và xã hội.

“Con người nếu không quản lý được thời gian sẽ không quản lý được bất cứ thứ gì khác.” - (Peter Drucker)

Bài 9:

Phát Triển Cộng Đồng

Xã hội Hoa Kỳ đang đứng trước một thử thách lớn: sự băng hoại của tinh thần cộng đồng. Chỉ có khu vực xã hội, bao gồm những đoàn thể từ thiện, cơ quan phục vụ dân sinh và tổ chức tôn giáo, là có thể cứu vãn được tình huống này. Ngặt một nỗi khu vực xã hội rất yếu kém về tài nguyên và năng lực trước một công việc hệ trọng đến như vậy. Do đó nhiệm vụ thiết yếu của khu vực xã hội là phát triển khả năng; nhiệm vụ của mỗi người trong chúng ta, nếu ý thức được sự trầm trọng của vấn nạn kể trên, là đóng góp vào sự tăng trưởng về tài nguyên và năng lực cho khu vực xã hội.

Sự Băng Hoại Tinh Thần Cộng Đồng

Nửa thế kỷ về trước đời sống của người Mỹ còn bám rễ vào cộng đồng nơi họ sinh ra và lớn lên. Tình hàng xóm láng giềng còn sâu đậm. Tình bạn kết từ ấu thời còn kéo dài suốt quãng đời người. Xuống phố con người còn biết hỏi han lẫn nhau và khi một người gặp nạn thì cả khu xóm còn xúm lại đỡ đần lo toan.

Nay thì khác hẳn. Đời sống vô cùng năng động không cho phép tinh thần bén rễ. Ít ai lớn lên ở nơi chôn nhau cắt rốn. Vì con người di động liên tục nên tình người dần trở nên hời hợt. Bạn bè cũ và ngay cả thân nhân cả đời chẳng mấy khi gặp lại nhau. Có những người không có bạn thật mà chỉ kết bạn qua internet với những người không hề biết mặt biết tên. Nhiều người sống trong khu chung cư nhưng đời sống lại rất riêng biệt, không biết hàng xóm là những ai. Con người mất đi nhu cầu tiếp cận với con người. Nhiều người mượn video về nhà xem thay vì đi ra rạp chiếu bóng. Họ chơi trò chơi điện toán thay vì xuống phố đánh bi-da. Phương tiện kỹ thuật càng cao, đời sống con người càng hẹp và rời rã.

Sự băng hoại tinh thần cộng đồng đang đe dọa chính nền dân chủ Hoa Kỳ, vốn dựa vào sự tham gia của mỗi người dân.

Vai Trò Của Khu Vực Xã Hội

Các sinh hoạt trong đời sống xã hội ở Hoa Kỳ có thể gom thành ba khu vực: chính quyền (government sector), kinh doanh (business sector) và xã hội (social sector).

Trong nền dân chủ Hoa Kỳ, khu vực chính quyền không thể can dự quá nhiều vào việc cải đổi xã hội mà chỉ đóng vai trò điều hướng. Người dân Mỹ muốn chính quyền ngày phải càng nhỏ bé đi. Do đó, khu vực chính quyền vừa không có tư thế vừa không đủ năng lực để đảm đương vai trò phục hồi tinh thần cộng đồng.

Khu vực kinh doanh thì rất nhiều tài nguyên và năng lực nhưng mục đích của nó là lợi nhuận chứ không phải công tác xã hội. Phần nào đó, chính khu vực này đã góp phần đẩy nhanh thêm sự băng hoại tinh thần cộng đồng, khi tạo ra những nhu cầu và tiện lợi vật chất ngăn cách sự giao tiếp giữa con người với con người.

Như vậy việc cứu vãn lại xã hội hiện nay rơi lên vai khu vực xã hội, bao gồm các tổ chức từ thiện, phục vụ dân sinh và tôn giáo. Các tổ chức này kéo con người đến gần với nhau. Một người dù phải di chuyển qua một thành phố xa lạ vẫn có thể tham gia vào đời sống cộng đồng qua các tổ chức như vậy. Qua các tổ chức này, các người xa lạ vẫn có thể đỡ đần cho nhau, gặp gỡ nhau trên con đường phục vụ và cùng nhau vun xới ý thức cộng đồng.

Ngặt một nỗi, khu vực xã hội hiện nay rất yếu về tài nguyên, kém về năng lực, và thiếu sự tự tin—không đủ tầm cỡ để đảo ngược khuynh hướng xã hội ngày càng rời rã hiện nay.

Toàn bộ tài nguyên của khu vực xã hội chỉ đáng khoảng 3 phần trăm tổng sản lượng quốc gia Hoa Kỳ – hết sức nhỏ nhoi so với trọng trách cứu vãn cả một xã hội. Về năng lực thì nhân sự làm việc trong khu vực xã hội thường kém về chuyên môn, làm việc tùy hứng, và ít

hiệu quả. Về uy tín thì chính ngay những người hoạt động trong lãnh vực xã hội cũng tự đặt cho mình những tiêu chuẩn rất thấp theo kiểu “làm việc thì thế nào cũng được,” và người nhận dịch vụ cũng không kỳ vọng gì nhiều nơi họ.

Trong tình trạng yếu kém ấy, khu vực xã hội không thể nào đáp ứng được thử thách lớn lao mà xã hội Hoa Kỳ phải đương đầu hiện nay.

Kinh Doanh Xã Hội

Trọng trách của khu vực xã hội là phải vươn lên, trong thời gian ngắn nhất, cho ngang tầm với thử thách của xã hội. Muốn vậy, khu vực xã hội phải tăng trưởng về tài nguyên, về năng lực và về uy tín.

Cách đây gần hai thập niên khu vực xã hội bắt đầu chuyển mình: ngày càng nhiều các tổ chức bất vụ lợi tham gia trào lưu kinh tài xã hội, tạo lợi nhuận qua con đường kinh doanh. Các tổ chức này đã sánh vai với giới tư doanh trên thương trường, với một điểm khác biệt: lợi nhuận thu hoạch được dùng để phục vụ xã hội thay vì để chia lời cho cổ động viên. Trong năm 1998, 14 ngàn tổ chức bất vụ lợi thu về 62 tỷ Mỹ kim qua các hoạt động kinh doanh.

Quan trọng hơn cả thu nhập là phong cách làm việc. Gần đây trường quản trị kinh doanh thuộc đại học Yale khảo sát 519 tổ chức bất vụ lợi và đối chiếu các tổ chức có cơ sở kinh doanh với các tổ chức thuần túy dựa vào cấp khoản và tiền phước xương. Các nhà nghiên cứu ghi nhận một sự khác biệt rất lớn về thái độ làm việc. Nhân viên của các tổ chức có hoạt động kinh doanh mang một phong thái làm việc chuyên môn không kém gì trong khu vực kinh doanh; họ biểu lộ niềm tự hào về việc làm của họ và cung cách của họ là cung cách của người phục vụ chứ không phải là làm thí. Các tổ chức này thu hút được những nhân sự tài giỏi vì dù đồng lương tương đối thấp nhưng họ cảm thấy thoả mãn và tự hào về việc làm của họ.

Sứ Mạng Tăng Trưởng

Con số này 14 ngàn tổ chức bất vụ lợi tạo thu nhập 62 tỷ Mỹ kim bằng con đường kinh doanh thoạt nghe tưởng nhiều nhưng thực ra rất khiêm tốn. Ở Hoa Kỳ hiện có 1.6 triệu tổ chức bất vụ lợi. Nghĩa là chỉ mới có một phần trăm là biết làm kinh doanh; 99 phần trăm còn lại vẫn nương dựa hoàn toàn vào cấp khoản và tiền phước xương. Một cách so sánh khác: Cũng trong năm 1998 chỉ riêng hãng Microsoft đã thu nhập trên 14 tỷ Mỹ kim, hơn ¼ tổng số thu nhập qua đường kinh doanh của toàn bộ khu vực xã hội.

Sự chuyển mình của khu vực xã hội trong 20 năm qua là điều đáng khích lệ nhưng tiềm năng và nhu cầu tăng trưởng còn mênh mông.

“Món hàng giá trị nhưng ít được biết đến nhất là những tài nguyên tiềm ẩn.” - Calvin Coolidge

Làm Sao Để Có Một Trung Tâm Sinh Hoạt Cộng Đồng

Một cộng đồng chỉ gắn bó với nhau khi cộng đồng ấy có cơ sở để các thành viên trong cộng đồng tới lui và sinh hoạt. Các cộng đồng người Hoa và người Do Thái rất quan tâm đến việc gây dựng cơ sở sinh hoạt và họ có trung tâm sinh hoạt ở khắp nơi tại Hoa Kỳ. Đối với cộng đồng Đại Hàn thì cơ sở cộng đồng là các nhà thờ Tin Lành mà họ dựng lên nhan nhản trong những khu vực đông người Đại Hàn.

Các cộng đồng người Việt, sau 35 năm ở Hoa Kỳ, vẫn chưa gây dựng được cơ sở để hội tụ các thành phần khác nhau trong cộng đồng. Khi có việc, chúng ta phải chạy đôn chạy đáo mượn hay mượn chỗ họp. Những buổi tụ họp tản mác ấy không tích lũy lại được để tạo nên ấn tượng về cộng đồng, đối với người ngoài và cả đối với người dân trong cộng đồng.

Nhiều người trong chúng ta đã thấy nhu cầu này và nuôi giấc mơ thành lập cơ sở sinh hoạt cộng đồng. Đến nay vẫn chưa nơi nào có được một cơ sở cho đúng nghĩa – là nơi tụ hội của các người Việt trong vùng và được các cộng đồng bạn biết đến như là biểu tượng của cộng đồng Việt.

Một cơ sở, nếu muốn trở thành trung tâm sinh hoạt thực sự của cộng đồng, thì phải là sản phẩm và tài sản của nhiều hội đoàn đại diện cho các quyền lợi và thành phần khác nhau trong cộng đồng. Bằng không thì đó lại cũng chỉ là một cơ sở của một hội rồi các hội khác mượn hay mượn để sử dụng, không khác gì mấy với tình trạng đi mượn hay mượn cơ sở hiện nay.

Bởi vậy yếu tố tiên khởi cho một cơ sở cộng đồng là phải có nhiều hội đoàn liên kết lại. Mỗi hội đoàn như vậy lại phải có thực lực và thực lực phải tương đương với nhau để góp phần đồng đều nhằm quản trị và gánh vác về nhân, tài, vật cho cơ sở này. Nếu trong vùng có 5 hoặc 10 hội đoàn cùng tụ nhau lại để mượn chung một cơ sở thì đó là

bước đầu tiên hình thành trung tâm sinh hoạt cho cộng đồng Việt ở địa phương. Sức mạnh của cơ sở ấy là sự quy tụ được nhiều hội đoàn cùng làm việc ở một nơi chốn, vừa đa dạng vừa gắn bó.

Điều trở ngại của các cộng đồng người Việt ở trên toàn quốc là không nơi đâu có được lấy 5 hội đoàn với thực lực đáng kể và ngang ngửa nhau. Phần lớn các cộng đồng người Việt giỏi lắm chỉ có được một hoặc hai tổ chức tạm gọi là có bề thế, nghĩa là có được một hoặc hai nhân viên và có văn phòng làm việc. Số tổ chức như vậy, vốn đã hiếm hoi, đôi khi nắm trịch trong cộng đồng và trở thành cản lực cho sự tiến lên của các tổ chức tân lập hoặc yếu kém hơn. Các tập hợp còn lại của người Việt chỉ là những hội ái hữu, không nhân viên, không cơ sở.

Năm 1998, BPSOS nghiên cứu phương thức để thay đổi tình trạng này. Dựa vào phương thức này, BPSOS mở văn phòng chi nhánh ở nhiều nơi làm đầu cầu để gây dựng thực lực cho cộng đồng ở địa phương. Mỗi văn phòng chi nhánh này hỗ trợ cho một hoặc hai nhóm trong vùng, được nhận diện là đứng đắn và có lòng, phát triển năng lực.

Hiện nay, hệ thống văn phòng chi nhánh của BPSOS đã hỗ trợ cho trên 50 tổ chức nhỏ trong việc thiết lập chương trình, huấn luyện nhân sự, và tìm ngân khoản. BPSOS đã cung cấp ngân khoản cho 22 tổ chức nhỏ và xin được ngân sách cho khoảng chục tổ chức lớn hơn để hoạt động – tổng cộng gần 3 triệu đô-la. Sự thành công của các tổ chức này sẽ là bước đầu tiên để tiến đến việc thành lập trung tâm sinh hoạt cho các cộng đồng Việt ở mỗi địa phương.

Bài 10:

Phát Triển Xã Hội Dân Sự Trong Lòng Cộng Đồng

Một cộng đồng mạnh là một cộng đồng có đầy đủ năng lực để tự đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của thành viên trong cộng đồng.

Muốn vậy, cộng đồng ấy cần có nhiều hội đoàn với phương tiện dồi dào và những chương trình hoạt động quy mô. Các hội đoàn này phải do chính những thành phần dân chúng đứng ra tự điều hành vì chỉ có họ mới hiểu được nhu cầu của chính họ. Hơn nữa, có vậy thì người dân mới thực sự có tiếng nói ảnh hưởng đến các dịch vụ mà họ nhận lãnh.

Xét theo tiêu chuẩn này thì cộng đồng người Việt còn rất yếu kém. Cộng đồng của chúng ta có rất nhiều nhóm thân hữu và tương trợ nhưng lại rất ít các hội đoàn hoạt động ở quy mô tương xứng với nhu cầu của cộng đồng. Có rất ít tổ chức người Việt có được ngân sách, nhân viên và cơ sở để phục vụ một cách hữu hiệu cho đồng hương.

Bản phúc trình hàng năm của Văn Phòng Định Cư Tị Nạn gửi Quốc Hội cho thấy là trong năm 2000, chỉ có ba hội đoàn người Việt xin được ngân khoản của văn phòng này với tổng số ngân khoản là 560 ngàn Mỹ kim. Trong khi đó có bốn hội đoàn Cambốt, năm hội đoàn Lào và tám hội đoàn Hmong xin được ngân khoản tổng cộng là 7.6 triệu Mỹ kim. Số người tị nạn Cambốt, Lào và Hmong cộng lại là 250 ngàn, chỉ bằng một phần tư số người tị nạn Việt Nam.

Những con số này, mà không ai có thể chối cãi hay biện bác, minh chứng sự yếu kém của cộng đồng Việt ngay cả khi so với những cộng đồng bạn rất nhỏ bé khác.

Sự thiếu vắng những hội đoàn quần chúng với năng lực đáng kể

trong cộng đồng Việt đưa đến một hệ quả không tốt: sự thiếu kiểm soát và cân bằng trong lãnh vực dịch vụ xã hội. Vì thiếu tiếng nói của chính mình và thiếu khả năng tự lo toan cho chính mình, cộng đồng Việt ở các nơi bị rơi vào cảnh thương nhờ ghét chịu từ phía các tổ chức cung ứng dịch vụ. Nhưng vì chính chúng ta thiếu tiếng nói để tự bênh vực quyền lợi và thiếu khả năng để tự lo toan thì khó mà trách người khác là không phục vụ đến nơi đến chốn.

Hiểu như vậy, cộng đồng người Việt ở các nơi nếu thực sự muốn tự gây dựng sức mạnh thì nhất thiết và trước hết phải tham gia vào tiến trình tạo dựng nên nhiều hội đoàn hoạt động có quy củ và ngày càng tăng trưởng về quy mô nhằm đáp ứng các nhu cầu của chính chúng ta.

Ý thức được sự suy nhược năng lực của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ, năm 1998 BPSOS mở chương trình hỗ trợ cho các tổ chức quần chúng phát triển về quy mô hoạt động và khả năng phục vụ cộng đồng. Cho đến nay BPSOS đang hỗ trợ cho trên 50 nhóm và tổ chức trên toàn quốc, đa số là tổ chức quần chúng nhưng cũng có chùa, nhà thờ và hội thánh. Đồng thời BPSOS cũng đã giúp đem về cho trên chục tổ chức số ngân khoản tổng cộng trên 3 triệu đô-la. Kế hoạch của BPSOS là đẩy mạnh hơn nữa nỗ lực này trong 10 năm tới đây.

Chúng tôi mong mỗi số tổ chức người Việt hiếm hoi đã vững mạnh sau nhiều năm hoạt động sẽ cùng tham gia vào việc xây dựng sức mạnh cho cộng đồng theo chiều hướng kể trên, ngõ hầu giúp cho cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ bắt kịp các cộng đồng bạn, mà trước hết là các cộng đồng nhỏ bé của người Cambốt, Lào và Hmong.

Được vậy là chúng ta đang phát triển xã hội dân sự ngay trong lòng cộng đồng Việt để cộng đồng chúng ta sẽ vững chãi hoà nhập vào nền dân chủ ở quốc gia định cư.

“Thương mại, lao động, và mạng lưới các tổ chức xã hội dân sự là nền tảng để xây dựng một cộng đồng thế giới tốt đẹp hơn.”

- Kofi Annan

Một Mô Thức Liên Kết

Khi dời trụ sở trung ương về vùng Culmore thuộc Bắc Virginia, BPSOS đã dành một khu vực cho một số hội đoàn nhỏ dùng làm cơ sở. Như vậy các hội đoàn này sẽ có sự hiện diện vật thể, có nơi chốn và phương tiện để sinh hoạt, có cơ hội để hợp tác với nhau, và có nhau để cùng tạo nên một sinh khí mới trong cộng đồng nói chung.

Giữa những người Việt, chúng ta vẫn chưa quen hợp tác một cách có quy củ. Chúng ta thường vì nể tình hay vì quen biết mà “có đi có lại” hơn là hợp tác. Hội này tổ chức lễ tết thì hội kia cử người đi tham gia. Hội kia có tiệc tùng gây quỹ thì hội nọ ủng hộ. Sự hỗ trợ này rất đáng quý và cần thiết nhưng không đủ.

Ở rải rác đó đây cũng đã có một số hội đoàn ngồi lại với nhau để cùng xin ngân khoản hay thực hiện một số chương trình. Tuy nhiên, sự thực hiện vẫn mang tính cách riêng rẽ. Ai ở nhà nấy; mỗi người một công việc riêng rẽ. Mỗi một năm họ có thể tổ chức buổi họp để đến với nhau, chia sẻ kinh nghiệm, và tổng kết tình hình. Đây là một bước tiến xa hơn trong sự hợp tác.

Chúng tôi đang thử nghiệm một mô thức mới: liên kết thay vì chỉ hợp tác. Một số hội đoàn đồng chí hướng và quan điểm với nhau sẽ chia sẻ tài nguyên và dựa lưng vào nhau để cùng phát triển và tăng trưởng. Vì chung một cơ sở, các tổ chức này có cơ hội để học hỏi nơi nhau và hợp tác với nhau hàng ngày. Số phận của họ gắn bó với nhau thật chặt chẽ – nếu một hội đoàn gặp khó khăn về tài chánh và không trả được tiền thuê văn phòng thì sẽ tự động ảnh hưởng đến các hội đoàn còn lại. Không những vì cùng chí hướng mà còn vì quyền lợi hỗ trợ, các hội đoàn liên kết với nhau sẽ giữ gìn và giúp đỡ cho nhau để cùng thăng tiến và phát triển. Mô thức này vượt xa sự hợp tác thông thường.

Khi mà các tổ chức nguyên thủy tự mình đứng vững, họ sẽ di chuyển đến một cơ sở mới rộng rãi hơn, nhường lại cơ sở hiện nay lại cho những tổ chức nhỏ khác. Và tiến trình tăng trưởng lại bắt đầu với tổ chức mới. Người Mỹ gọi mô thức này là “lồng ấp” (incubator). Trái

trứng nở ra con gà con. Con gà con lớn lên và tự lập. Lòng ấp lại ấp đợt trứng kế tiếp. Cứ vậy, chẳng mấy chốc cộng đồng chúng ta sẽ có nhiều các tổ chức vững mạnh, có cùng chí hướng và liên kết với nhau, để phục vụ cho người dân, lên tiếng cho cộng đồng, và tạo ảnh hưởng chính trị trong xã hội.

Chúng tôi kỳ vọng rằng mô thức này sẽ được tái lập ở mọi nơi có bóng dáng người Việt. Lúc ấy, sự liên kết có quy củ và thực tế sẽ thay thế cho những lời kêu gọi đoàn kết khơi khơi đến trở thành sáo ngữ. Lúc ấy, cộng đồng chúng ta sẽ thực sự phục vụ cho người dân, thực sự gây được ảnh hưởng chính trị, và thực sự sánh vai với các cộng đồng sắc dân bạn.

Tính Đại Diện Của Tổ Chức Tư Nhân

Để hành xử hữu hiệu trong xã hội dân sự, chúng ta cần hiểu rõ về sự khác biệt giữa tổ chức tư nhân và tổ chức chính quyền. Sự lẫn lộn về tính đại diện của hai loại tổ chức này dễ dẫn đến những mâu thuẫn không cần thiết, và có thể là vi luật, trong cộng đồng chúng ta.

Các cơ chế chính quyền, từ địa phương đến tiểu bang đến liên bang đều có thẩm quyền đại diện cho người dân trong vùng để làm chính sách hay thực hiện chính sách. Hễ ai sống trong vùng hay quốc gia thì phải chấp nhận tính đại diện này. Nếu không đồng ý thì dọn ra khỏi vùng, hay khỏi quốc gia. Theo nguyên tắc đó, chúng ta dù không bỏ phiếu cho một tổng thống, một thống đốc hay một thị trưởng nhưng giới chức dân cử này vẫn có chức năng và thẩm quyền đại diện cho chúng ta.

Tổ chức tư nhân, kể cả công ty doanh nghiệp hay hội đoàn bất vụ lợi, không có tính đại diện ấy. Các tổ chức này chỉ có thể đại diện cho những ai tình nguyện ghi danh làm hội viên, và cũng chỉ đại diện cho người đó thôi chứ không được nói rộng quyền đại diện đến bất kỳ ai khác trong gia đình của người đó. Không những vậy, tổ chức tư nhân chỉ được đại diện cho hội viên trong phạm vi hiến chương của hội. Chẳng hạn, một tổ chức bảo vệ thú vật thì không thể nhân danh hội viên để lên tiếng về những vấn đề không liên quan, như kinh tế, giáo dục, kỹ thuật, bảo hiểm sức khoẻ, di dân...

Hiểu được điều này sẽ giúp giải toả được nhiều mâu thuẫn và chia rẽ không cần thiết, vốn còn phổ biến trong cộng đồng của chúng ta.

Thứ nhất, sẽ tránh được sự đối đầu giữa hai (hay nhiều) tổ chức cùng nhận là đại diện cho cộng đồng, như đang xảy ra ở nhiều nơi, vì trước pháp luật chẳng tổ chức tư nhân nào có quyền nhận là đại diện cho cộng đồng nói chung, dù mệnh danh là “tổ chức cộng đồng”. Do đó không một tổ chức tư nhân nào có quyền án ngữ cả cộng đồng và loại trừ một tổ chức khác, không có quyền xem mình như bao trùm những tổ chức khác, không có quyền ngăn cản tổ chức khác thực hiện những sinh hoạt của họ, không có quyền phỉ báng gây thiệt hại cho

tổ chức khác – làm vậy thì chẳng khác nào nhà hàng McDonald kêu gọi người tiêu thụ tẩy chay không tiêu thụ thực phẩm của nhà hàng Burger King. Làm như vậy là trái luật và chắc chắn sẽ bị Burger King kiện ngay.

Thứ hai, sẽ tránh được tình trạng “làm dâu trăm họ”. Vì lẽ nhận mình đại diện cho mọi người nên tự dựng người nào cắc cớ, vô tình hay cố ý hiểu sai về tính đại diện của một tổ chức tư nhân, đều có thể tự cho quyền xen vào nội bộ của tổ chức ấy. Đây chính là lý do mà nhiều tổ chức mệnh danh “cộng đồng” bị sa lầy, làm gì cũng không được: làm A thì bị vặn hỏi là sao không làm B; làm B thì bị bắt phải làm C. Và rồi có người vẫn không hài lòng lại nghĩ đến việc tổ chức bầu cử, cốt kiếm số phiếu nhiều hơn để khẳng định tư cách đại diện cộng đồng. Thực ra phiếu ít hay nhiều thì cũng chẳng có quyền áp đặt hiến chương của tổ chức lên bất kỳ ai, nếu như họ không tự nguyện tham gia hội, và cũng chẳng có quyền phủ định tổ chức kia. Điều này dễ hiểu thôi: chúng ta không thể nào kéo nhau, dù có là cả triệu người, cùng bỏ phiếu để truất phế Ông chủ tịch hãng Microsoft và lên nắm quyền thay thế. Chỉ có cổ động viên của công ty ấy mới có quyền làm chuyện đó.

Ở đây có người sẽ thắc mắc, chúng tôi có tổ chức tranh cử hẳn hoi, có thông tin rộng rãi về ngày giờ cho mọi người đi bỏ phiếu. Nếu họ không thực thi quyền “công dân” thì tự đánh mất quyền chọn người đại diện. Nghĩ như vậy là lẫn lộn với cơ chế chính quyền. Tổ chức tư nhân không có vai trò hay tư thế ấy.

Thế thì không có vấn đề chính danh của các tổ chức tư nhân ư?

Tổ chức tư nhân có thể tạo được chính danh qua thành quả. Một công ty tư nhân có thể tranh thủ được khách tiêu thụ qua phẩm chất của sản phẩm hay dịch vụ. Một tổ chức bất vụ lợi có thể tranh thủ được niềm tin và sự ủng hộ của những ai quan tâm để rồi uỷ thác cho vai trò đại diện quyền và lợi ích của họ. Đây là điểm cần lưu ý: Một tổ chức bất vụ lợi có thể, khi đã được tin tưởng, làm tiếng nói đại diện cho một số quyền và lợi ích nào đó của một người, chứ không có quyền đại diện cho con người toàn diện, trong mọi lãnh vực.

Chính sự ngộ nhận về tính đại diện của một tổ chức tư nhân đã tạo nên những mâu thuẫn, xung đột, tranh cãi trong cộng đồng người Việt ở một số nơi, giữa các tổ chức cùng nghĩ rằng mình có chính danh đại diện cho mọi người Việt cư ngụ trong vùng. Thực ra, về luật, thì các phía đều bình đẳng như nhau về việc không có quyền đại diện toàn diện ấy. Các mâu thuẫn và xung đột nên được giải quyết trong tinh thần tôn trọng lẫn nhau, hợp tình, hợp lý, và hợp luật. Đó là thái độ cần thiết cho bất kỳ ai sống trong nền dân chủ.

Khi hiểu biết và tôn trọng những nguyên tắc căn bản của xã hội dân sự, lúc ấy chúng ta mới thực sự hội nhập vào được dòng chính của nền dân chủ sở tại; mới có thể trở thành một cộng đồng đoàn kết, hiếu hoà, có khả năng cùng chung tay làm việc lớn; và mới có những kinh nghiệm thực tiễn về xã hội dân sự để san sẻ với đồng bào trong nước cho một ngày mai dân chủ ở Việt Nam.

Chương 2:

Tạo Thế Đứng

Bài 1:

Gây Dựng Thực Lực Chính Trị

Trong nền dân chủ Hoa Kỳ, muốn tạo ảnh hưởng chính trị chúng ta cần ít ra một trong ba yếu tố: tài chánh, số đông, và kiến thức. Các công ty lớn, các đại tài phiệt thường xuyên sử dụng sức mạnh tài chánh để ảnh hưởng đến chính sách quốc gia, từ cấp liên bang xuống đến cấp địa phương, nhằm bảo vệ quyền lợi của họ. Ngược lại, người dân Hoa Kỳ bình thường, nếu được hỏi, chẳng mấy ai biết ngay lúc này những đạo luật nào đang được tranh cãi hay biểu quyết ở Quốc Hội.

Chỉ một nhóm rất nhỏ những chuyên viên vận động hành lang là theo dõi và tác động đến tiến trình lập pháp của Hoa Kỳ. Và chỉ có những thế lực nào đủ năng lực tài chánh để đài thọ cho những chuyên viên này thì mới thực sự có ảnh hưởng đến chính sách.

Yếu tố thứ hai là số đông. Nhóm nào có số đông thì nhóm đó có tiếng nói qua lá phiếu cử tri. Tạo số đông áp đảo là kế sách của các tổ chức công đoàn để trở thành đối trọng với thế lực của các chủ nhân đại tài phiệt. Các tổ chức công đoàn không những sử dụng áp lực của lá phiếu trong mùa tuyển cử mà còn tích lũy sức mạnh tài chánh qua nguyệt liêm của thành viên để rồi đài thọ cho một số chuyên viên vận động hành lang của chính các tổ chức này. Nghĩa là, họ đã chuyển biến số đông thành sức mạnh tài chánh.

Yếu tố thứ ba là kiến thức, bao gồm ba lãnh vực. Thứ nhất là kiến thức về cách vận hành của guồng máy chính trị và các chính sách để có thể ảnh hưởng đúng lúc, đúng cách và đúng chỗ. Thứ hai là những mối quen biết trong guồng máy chính trị Hoa Kỳ để tiếng nói của mình được lắng nghe và để được thông tin chính xác và đúng lúc về những diễn biến ảnh hưởng đến quyền lợi của mình. Thứ ba là kỹ năng tổ chức nhằm gây dựng sức mạnh cho tập thể của mình để rồi tạo thế liên kết với các thành phần cùng mục tiêu quyền lợi hay lý tưởng. Dùng kiến thức, chúng ta có thể tổ chức thành số đông và tạo

năng lực tài chính.

Sau 35 năm, cộng đồng Việt ở khắp nơi trên nước Mỹ còn yếu kém về cả ba lãnh vực và do đó tiếng nói chưa được lắng nghe, vẫn còn đứng bên lề của đời sống chính trị Hoa Kỳ, và chưa tự bảo vệ được quyền lợi.

Trong những mùa tuyển cử gần đây và đặc biệt là năm nay ở đó đây trong cộng đồng người Việt đã dấy lên các nỗ lực ghi danh cử tri và khuyến khích cử tri đi bỏ phiếu. Đây là việc làm hết sức cần thiết và cấp thiết. Tuy nhiên chỉ bỏ phiếu thôi thì chưa đủ. Cộng đồng người Việt cần một sách lược dài hạn để tăng trưởng năng lực tài chính, để tổ chức thành lực lượng dân sự với số đông, để tự tạo cho mình một đội ngũ chuyên viên vận động hành lang với những hiểu biết và quan hệ cần thiết để ảnh hưởng chính sách và tự bảo vệ quyền lợi, và để đưa người của mình vào trong guồng máy hành pháp và lập pháp.

“Chính trị không phải là trò chơi của tiền bạc và thế lực. Chính trị còn được dùng để cải thiện đời sống của người dân.”

- Paul Wellstone

Nghĩa Vụ

Chúng ta là những người may mắn sống trên đất nước của tự do, dân chủ. Bao nhiêu thế hệ người Mỹ đã đổ máu và mồ hôi để xây dựng và gìn giữ những giá trị nhân bản ấy để ngày nay chúng ta thừa hưởng. Và cũng không ít người Việt đã hy sinh cho lý tưởng tự do và dân chủ, trong cuộc chiến, trên biển cả, và trong tù đày ở Việt Nam. Chúng ta quả là thiếu số may mắn đạt được toại nguyện.

Do đó chúng ta có nghĩa vụ bảo vệ, gìn giữ, vun bồi cho những giá trị ấy, như một ngọn hải đăng toả sáng, cho chính chúng ta, cho xã hội ngày hôm nay, cho thế hệ mai sau và cho cả trên 80 triệu đồng bào ở bên kia bán cầu.

Bước đầu tiên và căn bản nhất để thực thi nghĩa vụ ấy, đối với những ai đã trở thành công dân Hoa Kỳ, là ghi danh cử tri và tham gia bỏ phiếu trong các cuộc tranh cử, từ cấp liên bang đến tiểu bang, đến địa phương. Biết bao nhiêu người trên thế giới ao ước cầm lá phiếu ấy trong tay mà không được. Đó là một đặc ân mà chúng ta đừng xem nhẹ.

Riêng đối với người tị nạn và di dân chúng ta, đi bầu không chỉ thuần tuý là nghĩa vụ công dân mà còn mang nhiều ý nghĩa khác nữa.

Đó còn là nghĩa vụ đối với tập thể người Việt tị nạn và di dân ở Hoa Kỳ. Trong hợp chúng quốc này, sắc dân nào có uy thế chính trị nhiều hơn thì đạt được nhiều quyền và lợi ích hơn. Một yếu tố của uy thế ấy là lá phiếu Ngày bỏ phiếu, sắc dân nào có số đông cử tri đi bầu thì sẽ tạo được tiếng nói và ảnh hưởng về chính sách. Trong ý nghĩa ấy đi bầu sẽ giúp cho cộng đồng chúng ta nói chung đạt thế đứng chính trị cao hơn, vững chắc hơn để bảo vệ quyền lợi của chính chúng ta, từ các chương trình y tế, xã hội đến các chính sách về di dân, nhập tịch, phát triển thương nghiệp...

Đó còn là nghĩa vụ đối với trên 80 triệu đồng bào trong nước. Sức mạnh chính trị tăng thì tiếng nói của chúng ta càng có tác động đến đường hướng đối ngoại của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Chính phủ Hoa Kỳ luôn đặt các quyền lợi khác nhau lên bàn cân để quyết định

chính sách đối ngoại. Cộng đồng của chúng ta càng tăng trọng lượng thì càng có cơ hội làm lệch cán cân về phần mình, tạo điểm tựa cho đồng bào trong nước đang kiên cường đấu tranh đòi tự do, dân chủ và bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ quốc gia.

Chúng tôi thiết tha kêu gọi các tổ chức người Việt, các cộng đồng người Việt, các cá nhân người Việt đôn đốc, nhắc nhở nhau thi hành nghĩa vụ của một công dân, của một thành viên trong cộng đồng, và của một người con xa xứ.

Tạo Tiếng Nói Và Ảnh Hưởng Cho Cộng Đồng Việt

Cục diện chính trị Hoa Kỳ đang có những thay đổi lớn lao, đặt cộng đồng Việt trước những thử thách mới và những vận hội mới.

Thử thách lớn nhất sẽ là giải mã các chính sách của Hành Pháp và Quốc Hội, để rồi tận dụng những yếu tố thuận lợi và giảm thiểu những yếu tố bất lợi nhằm ảnh hưởng các chính sách liên quan đến lợi ích của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ cũng như của trên 80 triệu đồng bào ở Việt Nam.

Nhanh chóng và hữu hiệu nhất là có một người vận động hành lang toàn thời ở ngay tại Hoa Thịnh Đốn. Người này sẽ thường xuyên lui tới các bộ phủ, ra vào Quốc Hội, tiếp xúc với các giới chức chính quyền, theo dõi mọi biến chuyển về chính sách, và phối hợp các nỗ lực vận động tương tự ở từng địa phương một. Như vậy cộng đồng chúng ta sẽ có tiếng nói ảnh hưởng vừa sâu, vừa rộng, vừa cao để đòi hỏi vai trò xứng đáng trong tiến trình làm chính sách, đạt công bằng trong các lãnh vực an sinh, yểm trợ cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo ngày càng cam go ở Việt Nam, bảo vệ đồng bào bị buôn bán đi khắp thế giới, và nhiều nữa.

Thời buổi này không hiếm những người trẻ Việt, rất giỏi và rất lý tưởng, sẵn sàng đóng góp với cộng đồng trong vai trò vận động toàn thời.

Ngân sách cho một người vận động toàn thời như vậy là 100 ngàn Mỹ kim một năm: \$60 ngàn cho tiền lương, \$12 ngàn tiền thuế và bảo hiểm, và số còn lại là chi phí phòng ốc, điện nước, văn phòng phẩm, truyền thông, di chuyển, ăn lót, tem thư, v.v. Đây không phải là một số tiền to lớn so với cộng đồng 1.5 triệu người Việt ở Hoa Kỳ. Đã có biết bao cuộc biểu tình, tuần hành, thấp nển, hội nghị... mà cộng lại thì chi phí lớn hơn số tiền trên nhiều lần.

Cách nhanh chóng nhất để có được một người vận động toàn thời là tìm các nhóm cùng tâm huyết, cùng chí hướng để cùng chia sẻ

trách nhiệm đồng đều. Nếu có mười nhóm thì mỗi nhóm đóng góp 10 ngàn Mỹ kim một năm. Mỗi nhóm sẽ cử một người vào hội đồng quản trị cho dự án và như thế sẽ có ảnh hưởng đồng đều trong mọi quyết định về dự án.

Đứng trước những thử thách lẫn vận hội mới, nếu làm đúng cách, chúng ta có thể đem lại phúc lợi cho cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ và hỗ trợ cuộc tranh đấu cam go của đồng bào quốc nội.

Bài 2:

Thực Thi Dân Chủ

Dân chủ không phải là một phẩm vật do chính quyền ban bố cho người dân.

Dân chủ là thể chế, qua đó người dân có cơ hội tham gia vào tiến trình điều hành xã hội.

Nhưng làm sao tham gia?

Trước hết phải hiểu cách vận hành của nền dân chủ. Kế đó phải biết cách ảnh hưởng chính sách.

Trong xã hội với nhiều nhóm quyền lợi đa dạng như ở Hoa Kỳ thì nhóm nào khéo tổ chức nhằm tạo thực lực thì ắt có tiếng nói và ảnh hưởng trong nền dân chủ hơn là các nhóm khác. Bởi vậy dân chủ chỉ thực sự có đối với những ai có ý thức tham gia và biết tổ chức thành thế lực ảnh hưởng.

Những yếu tố nào khuyến khích người dân tham gia vào đời sống chính trị?

Trong quyển sách “Đánh Bóng Gõ Một Mình” xuất bản năm 1995, Giáo Sư Robert D. Putnam thuộc Đại Học Harvard giải thích rằng ngày càng ít người Mỹ tham gia bỏ phiếu vì đời sống xã hội của họ ngày càng thêm đơn độc. Trước đây người dân Mỹ còn tham gia các hội đánh bowling (bóng gỗ) nhưng ngày nay nhiều người đi đánh bowling một mình. Sự mất mát đi những gắn bó xã hội giữa con người với nhau tạo cho người ta cảm giác bất lực trong việc ảnh hưởng chính sách xã hội.

Một cuộc nghiên cứu gần đây thực hiện tại Đại Học Alaska ở Anchorage và Đại Học New York phối kiểm giả thuyết của Giáo Sư Putnam. Cuộc nghiên cứu này cho thấy có mối liên quan thuận giữa

niềm tin vào đồng loại và hoạt động cộng đồng. Khi người ta tham gia vào sinh hoạt cộng đồng thì niềm tin nơi đồng loại gia tăng và tỉ lệ tham gia bỏ phiếu và các hoạt động chính trị khác cao hơn những người sinh hoạt đơn độc.

Các nhà nghiên cứu của hai trường đại học trên còn tìm hiểu thêm động cơ nào thúc đẩy người ta tham gia sinh hoạt cộng đồng và xã hội. Họ khám phá ra một điều bất ngờ: niềm tự trọng. Những ai cảm thấy tự tin vào chính mình thường cũng cảm thấy là mình được tôn trọng trong cộng đồng, và điều này khuyến khích họ tham gia vào đời sống cộng đồng và xã hội. “Người ta hoạt động cho cộng đồng khi người ta cảm thấy mình được tôn trọng bởi các thành viên của cộng đồng ấy”, theo lời dẫn giải của các nhà nghiên cứu.

Cuộc nghiên cứu này giải thích vòng lẩn quẩn vây bủa các cộng đồng thiếu số yếu kém. Thành viên của các cộng đồng này thường cảm thấy ít tự tin về khả năng của chính mình và do đó tránh né tham gia các sinh hoạt cộng đồng và xã hội. Và vì thiếu sự tham gia tích cực của các thành viên, các cộng đồng này khó thoát khỏi tình trạng yếu kém. Vòng lẩn quẩn cứ xoay tròn là vậy.

Cộng đồng người Việt lại còn bị một trở ngại lớn là ngôn ngữ bất đồng. Nhiều người tị nạn hay di dân mới đến và các vị cao niên thường kém về Anh ngữ nên rất khó hội nhập vào các sinh hoạt chính trị của Hoa Kỳ. Tuy có rất nhiều nhu cầu, nhưng họ lại không có tiếng nói trên khán đài chính trị. Và khi đã không có tiếng nói thì làm sao ảnh hưởng được chính sách dù ở tầm mức địa phương hay quốc gia. Và như vậy thì cứ phải câm nín và đứng bên lề.

Điều này không có nghĩa là chúng ta bó tay. Có một cách để cộng đồng chúng ta vượt thoát ra khỏi tình trạng yếu kém.

Đó là tạo ra những tổ chức làm phương tiện hay bàn đạp cho những người không thể trực tiếp tham gia vào đời sống chính trị Hoa Kỳ. Một hội cao niên hoạt động có quy củ sẽ là phương tiện để các bác cao niên, dù không rành ngôn ngữ, thực thi quyền dân chủ của mình. Qua đó, họ có thể tranh đấu cho quyền lợi của người cao niên Việt, họ có thể lên tiếng với các cơ quan chính quyền, họ có thể góp

phần gây dựng xã hội dân sự ở Hoa Kỳ. Điều này áp dụng đồng đều cho các thành phần khác nhau trong cộng đồng chúng ta: phụ nữ, cựu tù nhân, thanh thiếu niên, con lai, nạn nhân buôn người, nạn nhân bạo hành gia đình, bệnh nhân, các người ở thuê, những người làm mướn, v.v.

Trong nhiều năm qua, trước cả cuộc nghiên cứu kể trên, BPSOS đã giúp hình thành nhiều hội đoàn quần chúng, hướng dẫn họ tiến đến tự lực tự cường, và kết nối họ với các định chế chính trị của Hoa Kỳ. Qua những hội đoàn này, người dân thường có thể nói lên tiếng nói của mình, cảm thấy tự tin hơn nơi chính mình, và tham gia ngày một nhiều hơn vào đời sống chính trị ở Hoa Kỳ.

“Dân chủ là chính quyền của dân, do dân và vì dân.”

- Abraham Lincoln)

Tự Giúp

Thuở xưa khi còn nặng chế độ làng xã thì tinh thần tự giúp là căn bản cho cuộc sống ở thôn quê nước ta. Dân làng tự tổ chức cứu tế, tương trợ, công quả, phòng vệ, sản xuất... Họ tự lực cánh sinh trong vòng bảo bọc của lũy tre xanh. Ngay ở thành phố, người dân vẫn giữ được phần nào tinh thần tự giúp này qua tình lối xóm qua lại, đỡ đần nhau.

Ở Hoa Kỳ, đường xa đất rộng, đầu tắt mặt tối, rào che tường chắn, và quá nhiều yếu tố chi phối nên chi con người không còn thì giờ hay năng lực để quan tâm đến nhau, thăm hỏi và nâng đỡ cho nhau. Mất đi chất keo sơn gắn bó, chúng ta sống như những hạt cát rời.

Do một tình cờ, cách đây trên chục năm BPSOS đến với 40 gia đình người Việt ở một khu chung cư vùng Fairfax, Virginia. Các gia đình này, phần đông mới đến Hoa Kỳ, đang khủng hoảng khi con cái của họ bị hành hung bởi một băng đảng thanh thiếu niên thuộc sắc dân khác. Các phụ huynh quyết tâm bảo vệ con em nhưng không biết hành xử ra sao.

Với sự hỗ trợ của BPSOS, họ đã làm việc với cảnh sát, nhà trường, các cơ quan xã hội, và chính quyền. Các hung thủ bị truy tố; băng đảng dời đi chỗ khác. Đời sống của tập thể người Việt nhỏ bé này bình yên trở lại.

Đồng hội đồng thuyền, các gia đình này ngày càng cảm thông và gắn bó sâu đậm với nhau. Họ tổ chức hội hè, tương trợ, đi lại, thăm hỏi nhau. Con cái họ, đứa lớn trông nom, đứa nhỏ đỡ đần. Sau một thời gian họ quyết định gọi khu chung cư của họ là “làng”. Những gia đình sau khi dọn đi vẫn quay về thăm “làng” cũ.

Chúng tôi học hỏi thật nhiều từ nhóm gia đình này và trong tám năm qua tìm cách khai triển bài học ấy để giúp thành lập các nhóm tự giúp ở nhiều nơi trên nước Mỹ. Chúng tôi đã tập trung nhiều vào các bác cao niên và đặc biệt là người tị nạn HO. Họ có cùng quá khứ, còn tiềm tàng tinh thần hợp quần, và có nhiều nhu cầu tương tự như

nhau.

Đến với nhau họ có thể chia sẻ niềm vui và nỗi lo; hàn huyên về quá khứ và hiện tại; mách bảo nhau kinh nghiệm và kiến thức; hỗ trợ, an ủi nhau khi nhớ ngại; chung sức để vượt qua các trở ngại trong đời sống.

Ngoài ý nghĩa tinh thần, các nhóm tự giúp là cách giải quyết hữu hiệu tình trạng khan hiếm dịch vụ trước các nhu cầu ngày càng tăng của người cao niên. Qua sự tương trợ, họ có thể giúp lẫn nhau thoả đáng những nhu cầu căn bản và đơn giản. Đối với những nhu cầu phức tạp hơn, người rành rẽ có thể hướng dẫn người bỡ ngỡ tìm dịch vụ, giúp thông dịch và chuyên chở, và lên tiếng can thiệp khi cần thiết.

Tự giúp còn là một đóng góp quý báu mà người tị nạn và di dân có thể cống hiến cho xã hội. Nó không phải là một tập quán cổ xưa, chẳng đặng đừng phải khôi phục lại để sinh tồn trong môi trường xa lạ. Tự giúp chính là nền móng của xã hội Hoa Kỳ.

Khác với các nền dân chủ Âu Châu, Úc, Gia Nã Đại... có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa, Hoa Kỳ chủ trương thu gọn vai trò của chính quyền và khuyến khích người dân tự giúp. Chính phủ Hoa Kỳ có nhiều chương trình để hướng dẫn và tài trợ cho người dân biết cách tổ chức lại với nhau, lo toan cho nhau, cung cấp dịch vụ cho nhau, và hợp quần để ảnh hưởng chính sách.

Qua các tập thể tự giúp chúng ta góp phần củng cố và phát huy nền dân chủ Hoa Kỳ là vậy.

Tự Lo

Cộng đồng chúng ta ở Hoa Kỳ còn rất non yếu vì không được mấy ai chú tâm vun bồi.

Năm 1996 khi Quốc Hội ban hành luật cải tổ trợ cấp xã hội và di dân, cộng đồng Việt đã điêu đứng vì thiếu khả năng đối phó. Trong cơn khủng hoảng kinh tế hiện nay, rất nhiều gia đình Việt không biết nương tựa vào đâu. Mười ba năm trôi qua, cộng đồng chúng ta vẫn còi cọc về tổ chức và thiếu vắng điểm tựa cần thiết cho những người trong hoàn cảnh nhỡ ngại hay hoạn nạn. Xã hội dân sự, được hiểu là cơ chế để người dân tự lo và tương trợ lẫn nhau cũng như ảnh hưởng đến ngoại cảnh, còn rất thô thiển trong phạm vi cộng đồng chúng ta.

Một chỉ dấu của xã hội dân sự là tỉ lệ các tổ chức dân sự đủ thực lực để phục vụ thiết thực cho người dân. Cứ 200 người Mỹ thì có một tổ chức dân sự như vậy. Chiếu theo chỉ dấu này thì cộng đồng chúng ta quá xơ xác về xã hội dân sự. Chúng ta thiếu hẳn các chương trình lo toan cho người cao niên, thanh thiếu niên, phụ nữ; hoặc giúp công ăn việc làm cho người mới đến hay mất việc; hoặc chăm lo sức khoẻ, kể cả sức khoẻ tâm thần, cho người ốm bệnh. Lại cũng chẳng có các chương trình phát triển tiểu thương, giúp đồng hương sở hữu căn nhà, hướng dẫn người tị nạn và di dân vào đại học hay trường huấn nghệ. Và rất thiếu những tổ chức bênh vực quyền và lợi ích của người Việt trước các chính sách từ địa phương đến liên bang hay trước nạn kỳ thị.

Sự yếu kém này không do chúng ta còn quá mới mẻ, cũng không do chúng ta thiếu năng lực, mà do chúng ta thiếu quan tâm.

Phần lớn các cuộc gây quỹ trong cộng đồng Việt đều dành cho các công tác cứu tế, các chương trình xã hội, các việc xây cất chùa và nhà thờ ở Việt Nam. Trong khi đó chẳng có bao nhiêu cuộc gây quỹ để giúp người già neo đơn, nạn nhân bạo hành gia đình, hay cựu tù nhân cải tạo bị cắt trợ cấp của chính phủ ở ngay tại Hoa Kỳ.

Tôi không kêu gọi chấm dứt việc cứu tế cho đồng bào ở trong nước. Chúng ta có nghĩa vụ đối với họ.

Điều tôi muốn nhắc nhở là chúng ta cũng có nghĩa vụ với chính cộng đồng của mình ở ngay tại Hoa Kỳ, một nghĩa vụ bị chèn ép từ 35 năm qua. Sự quân bình giữa hai nghĩa vụ này rất cần thiết, vì nhiều lý do.

Lý do quan trọng nhất là nhu cầu thực tế của đồng hương để ổn định và thăng tiến đời sống và của cả cộng đồng để không bị thua thiệt so với các sắc dân bạn.

Kể đến, khi chúng ta tự lo thì cũng là góp phần giải quyết những vấn nạn của xã hội Hoa Kỳ; khi chúng ta xây dựng xã hội dân sự trong nội bộ cộng đồng thì cũng là góp phần củng cố nền dân chủ Hoa Kỳ. Đó là cách đền đáp thiết thực nhất đối với đất nước và dân tộc Hoa Kỳ, đã cru mang chúng ta.

Cuối cùng, chúng ta phải tự mình vững chãi thì mới giúp được đồng bào trong nước cách bền bỉ và hiệu quả. Khi sức mạnh kinh tế của người trong cộng đồng suy giảm thì tự khắc khả năng đóng góp cho các công tác xã hội ở Việt Nam cũng kém đi; khi chính chúng ta chưa đủ khả năng xây dựng xã hội dân sự quanh mình thì lấy kiến thức và kinh nghiệm đâu để góp với đồng bào trong nước?

Trước những thử thách nảy ra từ luật cải tổ trợ cấp xã hội và di dân năm 1996, BPSOS, ngay từ năm 1997, bắt đầu một nỗ lực dài hạn để xây dựng thực lực cho cộng đồng. Chúng tôi đã mở ra nhiều văn phòng ở các tiểu bang, hỗ trợ cho trên 50 tổ chức phát triển năng lực, và thiết lập trên một chục chương trình phục vụ dân sinh. Trước cơn khủng hoảng kinh tế hiện nay, BPSOS đã khởi sự kế hoạch giúp cộng đồng tự cứu và sớm phục hồi. Nhưng nỗ lực của một tổ chức chẳng thấm vào đâu.

Tôi thiết tha kêu gọi những nhân sĩ có uy tín và ảnh hưởng cùng nhau thiết lập sự quân bình cần thiết để cộng đồng chúng ta có thể phát triển và trường tồn: Nếu đồng bào trong nước là anh em như thế tay chân thì cộng đồng chúng ta ngay ở Hoa Kỳ là lục phủ ngũ tạng cần được chăm sóc cẩn thận.

Bài 3:

Tư Và Công

Trong chúng ta có những người lòng gắn bó với cộng đồng và xã hội nhưng bận bịu đời sống và trách nhiệm gia đình nên cho rằng chưa phải lúc gánh vác công tác cộng đồng hay xã hội. Họ tự hứa với lòng, khi ổn việc nhà thì sẽ làm việc nghĩa.

Tâm trạng này thể hiện mâu thuẫn giữa hai nhu cầu: sinh tồn cá nhân và sinh tồn giống nòi.

Khất lại công tác cộng đồng và xã hội nghĩa là giả định rằng hai nhu cầu này có thể tách biệt—xong việc này rồi đến việc kia. Thực ra hai nhu cầu này liên đới, phụ thuộc và tác động lẫn nhau vì con người là sinh vật xã hội. Cá nhân không thể trường tồn và phát triển khi cộng đồng suy thoái, xã hội băng hoại. Ngược lại, cộng đồng và xã hội không thể lành mạnh khi cuộc sống của các cá nhân và gia đình bất ổn.

Chính sự liên đới này đòi hỏi chúng ta phải vừa lo cho đời sống cá nhân, gia đình vừa chăm nom cho cộng đồng, xã hội.

Chẳng hạn trước tình trạng băng đảng và tội phạm, bậc cha mẹ cùng một lúc vừa phải bảo bọc con cái vừa phải góp phần đẩy lùi mối đe dọa chung cho xã hội. Việc này không đợi việc kia.

Chẳng hạn vốn xã hội bị tiêu hủy do con người ngày càng sống biệt lập; kéo dài thái độ bàng quan thêm ngày nào là làm mất thêm vốn xã hội.

Về ý thức chúng ta có thể hiểu được điều này, nhưng thực hành thường không dễ vì nhiều lo toan cho cuộc sống bản thân và gia đình.

Xã hội Khổng Mạnh thời xưa sắp xếp trách nhiệm rõ rệt cho mỗi giai đoạn của cuộc sống. Như vậy lúc nào trong xã hội cũng có một

đội ngũ gánh vác việc chung trong khi số còn lại đang tu thân và tề gia để sẽ đến ngày góp phần với đất nước và nhân quần. Sự phân bổ trách nhiệm một cách lớp lang như vậy trong xã hội, và ý thức về nó, ngày nay đã phai nhạt.

Xã hội Hoa Kỳ có cách sắp xếp để tạo sự hài hoà giữa tư và công, qua các tổ chức dân sự. Các tổ chức này cung ứng phương tiện và tạo thuận lợi để những người bận rộn vẫn có thể đóng góp. Một kỹ sư điện toán có thể dành hai giờ mỗi tuần để kèm các trẻ em học kém; một bác sĩ gia đình có thể dành buổi sáng ngày thứ Bảy đầu tháng để khám bệnh miễn phí. Trong giới lãnh đạo các công ty lớn, nhiều người phục vụ trong hội đồng quản trị của các tổ chức từ thiện.

Cộng đồng Mỹ gốc Việt còn non trẻ và do đó chưa tổ chức được lớp lang và quy củ như vậy. Người phục vụ cộng đồng hầu như phải xắn tay áo làm từ A đến Z. Họ phải hy sinh đời sống riêng tư và nhiều khi phải tự tài trợ bằng tiền túi của mình. Tình trạng này làm cho nhiều người ngại và tránh xa hay khắt lằn công tác cộng đồng. Chỉ có một số rất nhỏ dấn thân và bị gọi là “ăn cơm nhà, vác gà voi”.

Điều mà những người dấn thân cần tự hỏi là, trong 35 năm qua chúng ta có tạo được môi trường cho lớp người theo sau trong việc đóng góp cho cộng đồng và xã hội mà không phải hy sinh quá đáng? Nếu câu trả lời là có, thì chúng ta đã đóng vai trò tiên phong, khai sơn phá thạch. Nếu câu trả lời là không thì xem như đã ăn lẹm dần thóc giống.

Đã đến lúc cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ cần đầu tư thêm thời gian, thêm năng lực để thành lập và phát triển thêm nhiều tổ chức dân sự mà qua đó những người có lòng nhưng bận rộn vẫn có thể phục vụ cộng đồng và xã hội.

Trong một chục năm qua, BPSOS giúp cho nhiều tổ chức bạn phát triển nội lực là trong chiều hướng này: có được ngân khoản để tuyển nhân viên toàn thời và tạo được cơ sở để thu hút và giữ lại những tình nguyện viên có lòng nhưng rất bận bịu.

Gia Đình Và Xã Hội

Địp cuối năm ở Hoa Kỳ là mùa lễ lạt. Trong mùa này người ta dành nhiều thời gian cho gia đình. Thân nhân tứ tán ở bốn phương trở về đoàn tụ bên nhau, hoặc những ai không về được thì gửi thiệp chúc mừng hay gọi điện thoại hỏi han nhau.

Gia đình là đơn vị nền tảng của xã hội. Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng cho đứa trẻ từ chập chững biết đi cho đến khi vững chắc bước vào đời. Gia đình cũng là thành trì cố thủ cuối cùng khi xã hội loạn lạc và đầy rẫy bất trắc.

Người Việt mình đặt nặng giá trị gia đình. Nhờ vậy mà qua bao cảnh vật đổi sao dời, bao biến cố tang thương của lịch sử, người Việt vẫn còn sinh tồn và phục hồi. Dù bị bứng rễ đến những vùng đất mới lạ, trẻ em Việt vẫn phát triển và thăng tiến nhanh chóng không thua người bản xứ, nhờ có điểm tựa vững vàng là gia đình.

Tuy nhiên nếu gia đình trở thành một thành trì khép kín, cắt lìa con người ra khỏi xã hội, thì sẽ đưa đến nhiều hậu quả tai hại. Tai hại thứ nhất là tính ích kỷ, chỉ biết lấy của người mà không biết cho, chỉ biết đòi hỏi mà không đóng góp, chỉ biết thụ hưởng mà không hy sinh. Nếu ai ai cũng vậy thì xã hội sẽ tan rã. Lúc ấy gia đình cũng không thể tồn tại.

Tai hại thứ hai là những người trẻ lớn lên trong gia đình như vậy khó có thể trưởng thành. Chỉ dấu của sự trưởng thành là phạm vi quan tâm ngày càng rộng, như đứa trẻ sơ sinh chỉ biết đến nhu cầu sinh tồn của chính nó; lớn lên một chút thì bắt đầu để ý đến mọi người trong nhà; lớn hơn tí nữa thì bắt đầu quan tâm đến bạn bè và hàng xóm; và rồi từ từ ý thức đến cộng đồng và xã hội. Nền giáo dục gia đình nếu không khéo có thể làm tắc nghẽn tiến trình trưởng thành này và đứa trẻ khi bước vào đời sẽ hụt hẫng và bơ vơ.

Ngược lại xã hội, và cận kề hơn là cộng đồng, phải làm tròn nhiệm vụ củng cố và bảo vệ đơn vị gia đình. Nhiều chế độ độc tài, nhằm khống chế xã hội, đã tìm cách phá bỏ hay làm suy nhược đơn vị gia đình. Những xã hội ấy như một bức tường từ từ rã ra vì những

viên gạch nền móng bị vỡ vụn.

Trong xã hội Hoa Kỳ, nếp sống đặt nặng đơn vị cá nhân làm cho ý thức gia đình nơi người dân Hoa Kỳ ngày càng thu hẹp. Khái niệm đại gia đình đã trở thành cũ kỹ. Ý thức cộng đồng cũng mờ dần đi khi các cá nhân di động liên tục và không kịp bén rễ vào một nơi chốn nào.

Hiểu được điều này, chính phủ Hoa Kỳ tìm nhiều cách và cấp nhiều ngân khoản để khuyến khích mọi khu vực cộng đồng phát triển các chương trình nhằm củng cố đơn vị gia đình và tạo mối keo sơn gắn bó cộng đồng lại với nhau, để giúp cho xã hội không suy thoái thêm nữa.

Đáng tiếc là cộng đồng người Việt ở khắp nơi trên Hoa Kỳ chưa nhập cuộc. Nhiều người Việt vẫn còn bị nhiễm tâm lý xem gia đình là thành trì cố thủ, tách lìa ra khỏi cộng đồng và xã hội. Mặt khác, cộng đồng người Việt ở các nơi này còn rất yếu kém về năng lực để có thể hỗ trợ cho các gia đình phát triển, thăng tiến, và tham dự vào sinh hoạt chung của cộng đồng.

BPSOS trong những năm qua đã thiết lập một số chương trình thử nghiệm để củng cố đơn vị gia đình và đồng thời phát triển cộng đồng. Điển hình nhất là nỗ lực khuyến khích các gia đình kết lại với nhau thành những nhóm tương trợ và rồi hỗ trợ cho các nhóm này phát triển thành tổ chức cộng đồng với phương tiện, kiến thức, và khả năng để tự lo trước hết cho chính thành viên trong tổ chức và sau đó cho đồng hương ở trong vùng.

Chúng tôi mong rằng công việc khởi đầu này, với sự hưởng ứng ngày càng đông của các gia đình và các tổ chức trong cộng đồng, sẽ từ từ chuyển hoá cộng đồng của chúng ta cho phù hợp với tình hình và trào lưu mới hiện nay trong xã hội Hoa Kỳ.

Chương 3

Đào Tạo Lãnh Đạo

Bài 1:

Lãnh Đạo Tài, Lãnh Đạo Tồi

Khi cần thoát ra khỏi cơn khủng hoảng hay một vấn nạn, chúng ta cần người lãnh đạo.

Lãnh đạo là khả năng dẫn đường, đưa tập thể từ hiện trạng xấu đến một hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Tập thể có thể là tổ chức, công ty, cộng đồng, quốc gia, hay cả nhân loại. Người lãnh đạo phải có tầm nhìn xa, chỉ ra được điểm mốc cho cả hành trình. Không những vậy, người lãnh đạo còn phải biết chuyển ý tưởng thành hành động, để đoàn người cùng nhịp bước tiến lên.

Đó là lãnh đạo. Còn lãnh đạo tồi là người tạo ra được cơ chế có khả năng tự vận hành dài lâu mà không cần đến mình nữa. Lãnh đạo tồi có thể ví như người chế tạo ra chiếc đồng hồ, ai muốn sử dụng chỉ cần lên dây cót mà chẳng cần biết đến người thiết kế ra nó.

Để làm ví dụ, chúng ta hãy so sánh cuộc cách mạng dân chủ Pháp và Hoa Kỳ. Khác với mấy nhà cách mạng dân chủ Pháp, các vị khai sinh ra đất nước Hoa Kỳ đã khéo tạo dựng cơ chế thể hiện các tư tưởng dân chủ qua hiến pháp, hệ thống luật pháp, và những định chế xã hội dân sự. Nền dân chủ ấy có khả năng tự tồn lâu dài và mọi người dân, trong hành sử bình thường mỗi ngày, góp phần phát huy nền dân chủ qua cơ chế sẵn có. Như vậy các tư tưởng dân chủ không còn lửng lơ ở mức trừu tượng mà đã được cài ngay vào cơ chế vận hành của toàn xã hội, trong từng hoạt động bình thường của người dân và tự tồn qua nhiều thế kỷ. Và cũng chính cơ chế ấy đào tạo nên những lớp người lãnh đạo cho hôm nay và ngày mai.

Người lãnh đạo tồi do đó phải có bản lãnh về tư duy để đề ra những nguyên tắc vận hành cho cơ chế, có khả năng huy động phương tiện và nhân sự để thiết lập cơ chế và, trước khi rút lui vào hậu trường, có đảm lược để chuẩn bị cho lớp người kế thừa duy trì và phát triển cơ chế. Điều cần chú ý là lãnh đạo tồi thường không phải là một người mà là một nhóm, mỗi người một sở trường và một phạm sự.

Thay vì thiết kế một đồng hồ, người lãnh đạo tôi là người giữ giờ, nghĩa là ai muốn biết giờ giấc đều phải qua tay mình. Mình là cơ chế, cơ chế là mình. Mình là nhất hạm và kiểm soát tất cả, còn mọi người chỉ có vâng phục hay phụ trợ. Mình là cha, là bác còn thiên hạ chỉ là con, là cháu. Người mắc tâm bệnh trầm kha như vậy không thể nào dẫn dắt tập thể đi lên vì “cái tôi” che lấp quyền lợi của tập thể và cản chận bước tiến của người khác; họ sợ người khác nổi bật hơn mình. Người lãnh đạo tôi sẽ dẫn tập thể đi lòng vòng và có khi xuống hố sâu.

Đó là tình trạng ở nước ta. Người được tôn vinh là “cha già” dân tộc chỉ biết hô hào độc lập, tự do, hạnh phúc nhưng không thiết kế nổi một cơ chế để thể hiện những điều ấy; chỉ biết điều hành quốc gia bằng khẩu hiệu và mưu mô chứ không đề ra được nguyên tắc vận hành trường tồn cho xã hội; tốn rất nhiều thì giờ để tự đánh bóng mình thay vì xây dựng cho đội ngũ lãnh đạo và quản trị đất nước có tài có đức để thay thế mình. Người lãnh đạo với khả năng chỉ có vậy thì đất nước khó mà ngóc đầu lên được.

Xét vậy, người mang “hội chứng lãnh tụ” thì tất nhiên không thể nào là người lãnh đạo tài. Tiếc rằng hội chứng này không chỉ có nơi người cộng sản mà ít nhiều bàng bạc trong hàng ngũ những người Việt tự nhận là tranh đấu cho tự do, dân chủ.

Vì tiền đồ của cộng đồng và của dân tộc, mọi người Việt phải dứt khoát không tôn thờ và cũng không đi tìm lãnh tụ mà hãy cùng nhau tạo dựng nên một đội ngũ lãnh đạo cho ngày hôm nay và mai sau. Ở bước căn bản nhất, chúng ta phải đòi hỏi thái độ nghiêm túc nơi những người muốn đóng vai trò lãnh đạo: phải nêu ra được sách lược để chuyển ý tưởng thành hành động, phải chứng minh được khả năng quán xuyến qua việc thiết lập những cơ chế phát triển cộng đồng ở hải ngoại hay phát triển dân chủ trong nước, và phải đào tạo được những con người giỏi giang và chân chính để nối tiếp vai trò lãnh đạo.

Chúng ta cần những người lãnh đạo tài.

“Người lãnh đạo giỏi khiến cho người xung quanh đặt niềm tin vào khả năng của ông ta. Nhưng người lãnh đạo xuất chúng khiến cho người xung quanh vững tin vào khả năng của chính họ.”

Trao Đuốc

Ngay những ngày đầu người Việt tị nạn đặt chân đến Hoa Kỳ, người ta đã nói đến việc trao truyền ngọn đuốc lãnh đạo cộng đồng cho lớp người đi sau. Ba mươi lăm năm qua đi, chúng ta vẫn chưa chuẩn bị đủ cho sự trao truyền ấy xảy ra.

Trong lớp người đi sau, có nhiều em rất có lòng và có năng lực nhưng đã cố tình tránh xa cộng đồng Việt vì không chấp nhận những tệ nạn rầy rầy, như chụp mũ lẫn nhau hay đối đãi với nhau bằng tiểu xảo. Các em này, sau một thời gian sinh hoạt với bậc đàn anh đàn chị đã ngao ngán rồi bỏ cộng đồng để thu rút vào cuộc sống riêng hay tham gia phục vụ trong các cộng đồng bạn.

Có những em vẫn tới lui trong cộng đồng, vẫn đi ăn ở các nhà hàng và mua sắm ở các cửa tiệm người Việt, nhưng chẳng hề đóng góp gì hơn cho cộng đồng. Các em này đến với cộng đồng để thoả mãn nhu cầu tình cảm, tâm lý, hay thói quen của chính mình mà không nghĩ đến chuyện tình nguyện, góp của hay góp công giải quyết những vấn đề chung của cộng đồng.

Lại có những em không dính líu đến cộng đồng, không hiểu biết gì về nguồn gốc. Các em này sống hoà lẫn vào với xã hội dòng chính, rất Mỹ hoá. Vì sự hiểu biết về cộng đồng rất hạn chế, các em này giao tiếp với cộng đồng hơi hợt ở lớp ngoài, thoạt đến thoạt đi như những du khách.

Tuy nhiên đó đây vẫn có một ít các em, do bản chất hay do truyền thống gia đình, nặng lòng với cộng đồng và thao thức muốn phục vụ. Các em này hăng hái tham gia hội sinh viên, tình nguyện ở nhà thờ hay nhà chùa, bỏ giờ ra để kèm trẻ hay giúp đỡ cho người cao niên. Các em này, vốn quý của chúng ta, đã phải sinh hoạt trong sự thiếu thốn phương tiện và thiếu cả sự hướng dẫn của lớp người đi trước.

Lớp người đi trước, sau 35 năm, vẫn chưa xây dựng được cơ sở và phương tiện tối thiểu để các em làm việc. Gia sản của lớp người đi trước trao truyền lại cho các em hầu như là con số không.

Đối với những em muốn làm việc toàn thời cho cộng đồng, chúng ta không có khả năng trả lương dù là khiêm tốn.

Đối với những em muốn thực hiện các dự án phục vụ cộng đồng, chúng ta không có ngân khoản tài trợ.

Đối với những em muốn tìm hiểu và nghiên cứu về các vấn đề của cộng đồng, chúng ta không có người hướng dẫn.

Nếu thiết tha đến tiền đồ của cộng đồng thì lớp người đi trước khổng thể chỉ nói suông mà cần một kế hoạch thực tiễn nhằm khuyến khích tinh thần phục vụ cộng đồng nơi những em hãy còn do dự, hướng dẫn và dìu dắt các em bắt đầu chấp chững tham gia, và hỗ trợ cho các em đã quyết định dẫn thân.

Lớp người đi trước có thể lập quỹ học bổng dành cho những em có thành tích phục vụ cộng đồng.

Lớp người đi trước có thể lập quỹ tài trợ cho những dự án nhỏ để các em thực hiện cho cộng đồng.

Lớp người đi trước có thể tổ chức thành hội đoàn với đủ ngân khoản để tuyển dụng các em vào các công việc có lương.

Khi phục vụ cộng đồng là niềm hãnh diện, những cống hiến cho cộng đồng được công nhận, và những em đã dẫn thân làm gương cho những em còn do dự thì phục vụ cộng đồng sẽ trở thành một truyền thống tốt đẹp. Những bậc cha mẹ trước đây lơ là có thể sẽ nhắc nhở chính con em mình dẫn thân.

Trao truyền ngọn đuốc là lời nói biểu tượng. Trong thực tế điều cần trao truyền là tinh thần phục vụ cùng với những tài nguyên và phương tiện để bắt tay vào việc. Được vậy, lớp người đi sau sẽ vững chãi và vững tâm để nối tiếp lớp người đi trước.

Trong những năm tháng qua, BPSOS vẫn âm thầm tạo dựng cơ hội cho những người trẻ Việt quay về phục vụ cộng đồng. Trong sách lược 10 năm chúng tôi sẽ đẩy mạnh hơn nữa công việc này và mong mỗi nhận được sự góp công và của từ những người còn quan tâm đến tiền đồ chung của cộng đồng chúng ta.

Chương 4:

Các Đề Án
Đang Thực Hiện

Bài 1:

Kích Hoạt Nền Kinh Tế Cộng Đồng

Mặc dù ít ai nhắc đến, kinh tế của cộng đồng Việt phản ánh sự suy thoái chung của nền kinh tế Hoa Kỳ và toàn cầu. Nhiều người đã mất việc. Nhiều gia đình đã mất nhà. Các cửa hàng, tiệm buôn, dịch vụ làm ăn ngày thêm khó khăn; theo một ước lượng không chính thức, đến 30% đã hoặc trên đà đóng cửa. Giới truyền thông Việt ngữ bị ảnh hưởng lây khi số thân chủ đặt quảng cáo giảm đi. Khi thu nhập xuống, người ta cắt giảm chi tiêu, mua sắm; nền kinh tế lại càng co rút lại.

Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua đạo luật để kích hoạt nền kinh tế, như thể một vị bác sĩ dùng điện cao thế kích hoạt lại con tim đang thoi thóp. Khi tim đập trở lại thì dòng máu sẽ luân lưu, đưa dưỡng khí đến mọi phần cơ thể. Lúc ấy con bệnh từ từ hồi phục. Đạo luật 878 tỉ Mỹ kim này chỉ là bước khởi đầu; các chuyên gia kinh tế và tài chánh đều tin rằng con tim kinh tế Hoa Kỳ cần nhiều đợt kích hoạt thì mới trở lại nhịp đập bình thường.

Câu hỏi đặt ra cho tất cả những người Việt ở Hoa Kỳ là: (1) làm sao để chúng ta thụ hưởng đầy đủ những lợi ích của chính sách kích hoạt kinh tế này, và (2) chúng ta có thể làm gì thêm để tự cứu nguy nền kinh tế cộng đồng?

Câu hỏi thứ nhất nhắc nhở chúng ta phải có cả một kế hoạch theo dõi và tìm hiểu từng điều khoản trong luật được ban hành, cách thức và ngõ ngách từng ngân khoản được chuyển về địa phương, từng chương trình phúc lợi và dịch vụ sẽ được thực hiện. Kế hoạch này phải chuyển thông tin đến thật sâu rộng trong cộng đồng Việt ở khắp nơi và hướng dẫn cho các cá nhân để tiếp cận phúc lợi và các tổ chức để xin ngân khoản phục vụ đồng hương.

Câu hỏi thứ hai đòi hỏi chúng ta suy nghĩ những biện pháp phù hợp với hoàn cảnh đặc thù của cộng đồng Việt. Những biện pháp này phải phục vụ ba mục tiêu: thu hút tài chánh từ ngoài vào cộng đồng, khuyến khích sự chi tiêu trong phạm vi cộng đồng để luân lưu tài chánh, và giữ tài chánh ở lâu trong cộng đồng trước khi thoát ra ngoài xã hội. Chẳng hạn chương trình giúp đồng hương tiếp cận dịch vụ và phúc lợi cũng như giúp các tổ chức của cộng đồng xin ngân khoản là một cách để thu hút tài chánh vào cộng đồng, nhưng không phải là cách độc nhất.

Để thực hiện hai công việc to tát trên, chúng tôi đang phối hợp với nhiều nhân sĩ và tổ chức trong cộng đồng để thành lập ba nhóm đặc nhiệm.

Nhóm thứ nhất gồm các vị dân cử và những nhân viên lập pháp người Mỹ gốc Việt. Họ sẽ theo dõi việc lập và thực hiện chính sách cứu nguy kinh tế xuyên suốt từ liên bang xuống địa phương, lập những cầu nối giữa cộng đồng và các cơ quan hữu trách nhằm bảo đảm là người Việt được hưởng phúc lợi một cách chính đáng và đầy đủ. Trong thời gian qua, DB Tiểu Bang Texas Hubert Võ, DB Tiểu Bang California Trần Thái Văn, DB Liên Bang Cao Quang Ánh đã có nhiều buổi họp để thực hiện việc này. Để định chế hoá nỗ lực này, một tập hợp sẽ được thành lập để quy tụ các vị dân cử người Mỹ gốc Việt trong thời gian tới đây.

Nhóm thứ hai gồm các chuyên gia về phúc lợi, ngân khoản, và kinh tế. Họ sẽ là tiếng nói bảo vệ quyền và lợi ích của đồng hương với các cơ quan chính quyền và tổ chức chính mạch, đưa ra những hướng dẫn thiết thực để đồng hương tự mình tiếp cận phúc lợi, tổ chức các buổi hướng dẫn các tổ chức quần chúng và tôn giáo soạn đề án xin ngân khoản, và nghiên cứu các biện pháp hỗ trợ giới tiểu thương. Trong chiều hướng này, năm 2009 BPSOS hỗ trợ cho sự hình thành của Phòng Thương Mại Người Mỹ Gốc Việt Toàn Quốc (VietAmCham), là tập hợp của những người có kinh nghiệm thương trường, những người rành rẽ về hệ thống tài chánh của Hoa Kỳ, và những người nắm vững về luật lệ để hướng dẫn cho giới tiểu thương Việt Nam phát triển thương vụ.

Nhóm thứ ba là giới truyền thông và những cá nhân và tổ chức quen biết rộng trong cộng đồng. Họ sẽ giúp thông tin, huy động, và kết nối toàn thể cộng đồng. Điều này tối quan trọng vì cứu nguy nền kinh tế cộng đồng đòi hỏi sự tiếp tay của mọi người trong một nỗ lực đồng bộ và tổng hợp. Không những vậy, chính các giới truyền thông cũng có thể được hưởng lợi ích của chương trình kích hoạt kinh tế. Chẳng hạn, cuối năm 2009 BPSOS đã vận động với Toà Bạch Ốc và Quốc Hội Hoa Kỳ cũng như đã có những buổi họp liên tục với công ty hữu trách để bảo đảm rằng giới truyền thông Việt ngữ được hưởng phần chính đáng từ ngân khoản quảng cáo của chính phủ Liên Bang cho cuộc kiểm kê dân số năm 2010. Nhiều trăm ngàn Mỹ kim đã đến với một số báo chí, đài phát thanh và đài truyền hình Việt ngữ.

Chúng ta đang đứng trước một thử thách rất lớn. Nhưng chính thử thách ấy lại là một cơ hội quý báu để mọi người trong cộng đồng đến với nhau và cùng nhịp bước tiến đến một mục đích chung. Nếu khôn và khéo, chúng ta sẽ từ đó tạo nên chất keo sơn gắn bó và đồng thời thiết lập nên cấu trúc hợp tác cho cộng đồng Việt. Qua đó chúng ta sẽ tạo được tiếng nói và sức mạnh dài lâu cho chúng ta, một tập thể đang trưởng thành và lớn mạnh.

Phòng Thương Mại VietAmCham Tổ Chức Lễ Ra Mắt tại Arlington, Virginia

(Mạch Sống, tháng 9, 2009)

Falls Church, VA – Phòng Thương Mại Việt Mỹ Toàn Quốc (VietAmCham) tổ chức lễ ra mắt vào thứ Ba, ngày 15 tháng 9, năm 2009 tại khách sạn Westin Arlington Gateway (hội trường F. Scott Fitzgerald Ballroom) ở Arlington, tiểu bang Virginia, với sự tham dự của 250 quan khách Việt, Mỹ và ngoại quốc.

Trong bối cảnh một nền kinh tế suy thoái và dự đoán tương lai bi đát cho nhiều đồng hương và cơ sở thương mại trong cộng đồng Việt, VietAmCham, sau nhiều tháng chuẩn bị, chính thức ra mắt hoạt động. Với tầm vóc hoạt động toàn quốc cho tập thể doanh nhân Mỹ gốc Việt, VietAmCham sẽ sánh vai hoạt động cùng các phòng thương mại của các cộng đồng bạn và dòng chính. Ba vị dân cử cấp cao nhất của cộng đồng người Mỹ gốc Việt toàn quốc – Dân biểu Cao Quang Ảnh (LA – Cộng hòa), Dân biểu tiểu bang Trần Thái Văn (California – Cộng hòa), và Dân biểu tiểu bang Võ Hiền Hubert (Texas – Dân chủ), đón chào VietAmCham chính thức đi vào hoạt động và cùng đồng ý phục vụ trong vai trò đồng chủ tịch danh dự của VietAmCham.

“Vào thời buổi kinh tế khó khăn này, điều cực kỳ quan trọng mà chúng ta có thể làm được là đầu tư củng cố và mở rộng mạng lưới liên lạc giữa các doanh nghiệp với nhau, nhằm hỗ trợ nhau vượt qua khó khăn và tìm kiếm các cơ hội hợp tác,” cô Nguyễn Liễu, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị VietAmCham, nhấn mạnh. “VietAmCham tạo cơ hội thuận tiện cho các doanh nghiệp đến với nhau, cung cấp các hỗ trợ cần thiết về phương tiện cũng như dịch vụ huấn luyện chuyên nghiệp cho các tiểu thương phát triển cơ sở thương mại của họ, không chỉ nhằm vượt qua giai đoạn khủng hoảng mà còn phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai”, cô nói.

Buổi lễ ra mắt VietAmCham cũng là lời kêu gọi giới doanh nhân người Mỹ gốc Việt cùng bắt tay hành động cho tương lai của cộng đồng người Việt. Nhìn chung, doanh nhân người Mỹ gốc Việt có đầu

óc kinh doanh dám nghĩ dám làm, có quyết tâm và nghị lực, và đã đạt được những thành công đáng nể trên nước Mỹ. Trong vòng một thập niên gần đây, lợi tức thu nhập của các doanh nghiệp người Mỹ gốc Việt tăng lên hơn gấp đôi, và tổng số thu chiếm trên 25 tỷ đô la mỗi năm.

Dân Biểu Liên Bang Cao Quang Ánh, Đồng Chủ tịch Danh Dự của VietAmCham, có mặt để khai mạc buổi lễ ra mắt. Dân Biểu Tiểu Bang Trần Thái Văn cũng đến từ California để chào mừng quan khách và yểm trợ cho VietAmCham.

Diễn giả danh dự của buổi lễ ra mắt Phòng Thương Mại Việt Mỹ Toàn Quốc là ông Phạm Xuân Quang, một doanh nhân thành đạt hiện là Tổng Giám đốc điều hành công ty Lathian Health. Ông Quang là cựu thiếu tá phi công Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ. Ông được biết đến trong cộng đồng Việt Nam qua cuốn hồi ký của mình mang tên “A Sense of Duty: My Father, My American Journey.”

Buổi lễ được điều hợp bởi cô Đinh Elizabeth, một xướng ngôn viên người Mỹ gốc Việt duyên dáng với nhiều tiềm năng và đầy triển vọng của đài truyền hình WFTS vùng Tampa, Florida, trực thuộc hệ thống truyền hình ABC. Là một phóng viên truyền hình nhiều kinh nghiệm xuất thân từ vùng Dallas/Fort Worth, bang Texas, cô từng là hoa hậu người Mỹ gốc Á châu của tiểu bang Texas năm 2003-2004.

Bài 2:

Ủy Ban Hành Động Chính Trị

Ở đời muốn tạo ảnh hưởng thì phải có hoặc lực, hoặc thế, hoặc tốt nhất là có cả hai. Cộng đồng chúng ta muốn ảnh hưởng chính sách quốc gia hay địa phương, về những vấn đề của chính cộng đồng hay đối với Việt Nam, thì một mặt cần tạo sức mạnh về kinh tế và tổ chức, một mặt cần tạo thế chính trị.

Có nhiều cách tạo thế chính trị. Dưới đây là bốn cách mà cộng đồng Việt có thể thực hiện được ngay.

Thứ nhất là huy động mọi thành viên của cộng đồng tận dụng lá phiếu của mình vào mỗi kỳ bầu cử. Cộng đồng nào đông dân thì chắc chắn tạo được sự chú ý của các ứng cử viên và kể cả các chính khách thuộc các chính đảng. Tuy nhiên, hơn cả có số đông là khả năng huy động được số phiếu. Do đó, nếu chúng ta có danh sách cử tri với tên tuổi rõ ràng và bảo đảm được rằng ngày bầu cử họ sẽ đi bầu và sẽ bỏ phiếu cho một ứng cử viên nhất định thì vẫn có thể chính trị dù dân số của chúng ta không đông bằng một cộng đồng bạn nào đó.

Thứ hai là huy động tài chánh để ảnh hưởng kết quả của cuộc bầu cử. Ứng cử viên nào cũng cần tài chánh để đưa tiếng nói của mình rộng rãi đến cử tri bằng các phương tiện truyền thông đa dạng và đa diện, để mướn những chuyên viên vận động tranh cử, để tổ chức các toán tình nguyện đi gõ cửa từng nhà hay gọi điện thoại đến từng hộ... Do đó khả năng đóng góp tài chánh cho ứng cử viên cũng là một yếu tố tạo thế chính trị.

Thứ ba là giúp vận động tranh cử. Cộng đồng nào có thể tung ra một đội ngũ tình nguyện viên hùng hậu để cầm bảng, đi gõ cửa, gọi điện thoại; hoặc viết bài yểm trợ, sắp xếp các buổi phỏng vấn, huy động các cơ quan truyền thông chạy tin... cho ứng cử viên thì cộng đồng đó sẽ được chú ý, nể vì và lôi kéo.

Thứ tư, và quan trọng nhất, là đưa chính người của chúng ta vào trong guồng máy chính quyền, nghĩa là ủng hộ để người Việt ra tranh cử, tiếp trợ về tài chánh và vận động cho họ đắc cử. Đạt được điều này thì có nghĩa là chúng ta có cơ hội để tạo thế hỗ trợ “trong-ngoài”. Ở bên trong lúc nào cũng có sẵn tiếng nói của chúng ta và tiếng nói ấy được sự hậu thuẫn của cả một tập thể có tổ chức và có sức mạnh kinh tế ở bên ngoài.

Trong thời gian hơn một năm qua tôi đã tiếp xúc nhiều nhóm ở nhiều nơi, từ Houston đến Dallas, từ Seattle đến Orange County... về các vấn đề trên. Nhiều người hưởng ứng ý kiến này, không chỉ trong giới trẻ mà ở mọi lứa tuổi. Một số người trẻ đã hứng thú với ý định một ngày nào sẽ ra tranh cử. Đây là một dấu hiệu chuyển mình rất lớn của cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ so với vài ba năm trước đây.

Cuối tháng 3 vừa qua, một nhóm đồng tâm đồng chí đã thành lập một Ủy Ban Hành Động Chính Trị mà người Mỹ thường gọi là PAC (Political Action Committee) dưới tên Renewing Democracy Fund (Quỹ Làm Mới Dân Chủ). Tổ chức bất vụ lợi này ghi danh thành lập ở Tiểu Bang Virginia và có tầm hoạt động toàn quốc. Trong thời gian tới đây, Quỹ này sẽ ghi danh hoạt động ở một số tiểu bang chiến lược để yểm trợ cho một số ứng cử viên người Việt hay không phải người Việt nhưng ủng hộ lập trường của người Việt. Quỹ này sẽ thực hiện cả bốn cách thức tạo thế kể trên và sẽ đưa ra bản lập trường phản ánh nguyện vọng của cộng đồng cho những ứng cử viên nào muốn nhận sự yểm trợ của Quỹ Làm Mới Dân Chủ.

Quỹ sẽ thiết lập chương trình nghiên cứu sinh (fellowship) để phối hợp hoạt động. Fellowship là chương trình dành cho những sinh viên ở năm cuối đại học, sinh viên mới ra trường hay những người đã có một số năm kinh nghiệm muốn vừa làm vừa thu thập thêm kinh nghiệm. Nghiên cứu sinh thường không có lương mà chỉ được một khoản phụ cấp nhỏ. Đây là cách thức ít tốn kém để Quỹ Làm Mới Dân Chủ có thể khởi đầu hoạt động ngay.

Qua Quỹ này, mọi người Việt quan tâm đến cộng đồng và đất nước đều có thể đóng góp về tài chánh, qua lá phiếu, hay bằng công sức tình nguyện.

Tham Chính

Cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ, tuy còn non trẻ, đã có những cá nhân đạt được nhiều thành quả trong rất nhiều lãnh vực từ học vấn đến kinh tế, từ kỹ thuật đến nghệ thuật, tạo sự nể vì của các cộng đồng bạn. Tuy nhiên, chúng ta còn thua kém về một lãnh vực: tham chính.

Người Việt chúng ta vẫn quan niệm rằng chính trị là nguy hiểm và gian hiểm, do quá khứ lịch sử. Xuất thân từ một xã hội miền Nam bất ổn chính trị hay từ chế độ cộng sản mà chính trị đồng nghĩa với tù đầy, ít bậc phụ huynh Việt nào khuyến khích con em đi vào con đường tham chính.

Hơn nữa, khi đặt chân đến Hoa Kỳ, vì nhu cầu sinh tồn và tái lập đời sống, cha mẹ thường khuyên con cái chọn học những ngành nghề ăn chắc như kỹ sư, bác sĩ, điện toán. Còn các ngành học như xã hội, chính trị, nhân văn, luật... thì ít người Việt theo học. Khi bước ra đời đi làm, các thanh niên Việt lại thường chọn làm công chức, tư chức; người có đầu óc buôn bán thì mở tiểu thương. Ít ai tham gia hoạt động xã hội hay chính trị như một công việc toàn thời.

Tự chung, hiện vẫn còn rất ít người Việt tham gia vào chính trường Hoa Kỳ. Mãi đến gần đây trên toàn quốc chỉ mới có hai vị dân cử người Việt ở cấp tiểu bang: Dân Biểu Tiểu Bang Trần Thái Văn ở California và Dân Biểu Tiểu Bang Hubert Võ ở Texas. Năm 2009, người Việt đầu tiên đắc cử vào Quốc Hội Liên Bang là Dân Biểu Cao Quang Anh.

Ngoài niềm hãnh diện chung, sự thành công này của một người Việt trẻ đã khiến thêm nhiều người Việt bắt đầu quan tâm đến các vấn đề chính trường Hoa Kỳ và tạo phần khởi và cảm hứng nơi nhiều người Việt trẻ khác lớn lên ở Hoa Kỳ, trong đó có một ít người có ý định sẽ ra tranh cử trong năm 2010. Đó là một dấu hiệu tốt cho cộng đồng chúng ta.

Hiện nay là thời điểm thuận lợi để đẩy lên ý thức trong cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ để biến những cảm hứng và phần khởi cá nhân thành

một nỗ lực tập thể nhằm tạo tiếng nói ảnh hưởng cho cộng đồng Việt nói chung. Chúng ta cần chứng minh cho mọi người thấy rằng cộng đồng Việt biết cách và đủ khả năng tổ chức và phối hợp với nhau để đưa người mình vào hệ thống chính quyền Hoa Kỳ từ cấp địa phương đến tiểu bang và liên bang.

Chúng ta cứ tưởng tượng, nếu năm 2010 có thêm hàng chục người Việt ứng cử và trong số đó có thêm vài ba người đắc cử thì chắc chắn các cộng đồng sắc dân bạn sẽ nể trọng chúng ta hơn, các đảng phái chính trị sẽ o bế cử tri Mỹ gốc Việt hơn, và chính quyền Hoa Kỳ sẽ quan tâm đến tiếng nói và nguyện vọng của chúng ta hơn.

Trong thời gian gần đây, mỗi khi gợi ý này với những người Việt ở nhiều nơi khác nhau, tôi đều nhận được sự hưởng ứng nồng nhiệt và những ý kiến tán đồng và khích lệ. Trong chuyến đi thuyết trình ở trường luật của Đại Học Florida vào tháng 4 vừa qua, tôi có dịp hàn huyên với một số sinh viên Việt, trong đó có hai nữ sinh viên luật—cả hai đều quả quyết sẽ ra tranh cử trong tương lai.

Để chuyển niềm hứng khởi thành hành động và rồi kết quả cụ thể, cộng đồng chúng ta cần lập ra một cấu trúc nhằm hỗ trợ cho những ai quyết định tranh cử, bất luận thuộc đảng phái nào miễn là hội đủ một số tiêu chuẩn về tài và đức. Sự hỗ trợ này bao gồm hướng dẫn và huấn luyện bởi những người đi trước, vận động đầu phiếu bởi những toán tình nguyện viên, và đóng góp cho quỹ tranh cử. Chúng ta cũng cần hướng dẫn đồng hương ghi danh cử tri và, trong ngày bầu cử, cổ động họ đi bỏ phiếu.

Muốn vậy, chúng ta cần tổ chức những nhóm công tác ở từng địa phương để thực hiện các công việc này, và các nhóm này sẽ nối kết với nhau để chia sẻ kinh nghiệm, điều động nhân tài vật lực từ mọi nơi vào những trọng điểm cần thiết.

Trong bước đầu tiên để hình thành cấu trúc ấy, BPSOS đã tuyển một nhân viên toàn thời từ đầu năm 2010, với trách nhiệm nghiên cứu chính sách, liên lạc với Quốc Hội, hướng dẫn cộng đồng về hệ thống lập pháp từ địa phương đến tiểu bang đến Liên Bang.

Trong thời gian tới đây, chúng tôi sẽ đến nhiều nơi trên nước Mỹ để kêu gọi và hợp tác với cộng đồng Việt ở địa phương để cùng nhau thúc đẩy thêm nhiều người trẻ dần thân vào con đường tham chính.

Có vậy, cộng đồng chúng ta mới có tiếng nói và có ảnh hưởng trên chính trường Hoa Kỳ.

Trận Địa Chân Chính Trị Tại Tarrant County, Texas

Cuộc tranh cử chức Nghị Viên Hội Đồng Quận ở Tarrant County (bao gồm Arlington, Mansfield, Kennedale, Dalworthington Gardens, Pantego và một phần của Grand Prairie) đã tạo sự chú ý và thán phục của người bản xứ và các sắc dân dành cho cộng đồng Việt chúng ta. Và ảnh hưởng của nó đang lan rộng ra khỏi biên cương của một quận hạt địa phương.

Trong cuộc tranh cử tay ba vòng sơ bộ của Đảng Cộng Hoà ngày 2 tháng 3, 2010, ứng cử viên gốc Việt Andy Nguyễn Xuân Hùng đã về đầu, với tỉ số phiếu là 42.36% trong khi vị đương nhiệm, Bà Marti VanRavenswaay, đạt 33.65%; ứng cử viên thứ ba, Joe McHaney, đạt 23.98%. Và khi vào chung kết ngày 13 tháng 4, mặc dù Bà VanRavenswaay dùng những đòn công kích cá nhân hiểm độc, Nguyễn Xuân Hùng vẫn đắc cử vẻ vang với 61% số phiếu.

Điều làm ngạc nhiên các quan sát viên dòng chính là Bà VanRavenswaay, một chính khách lão thành, đã ở trong chức vụ này vững như bàn thạch trong 20 năm qua và trước đây không hề có đối thủ, đã thua một người Việt trẻ chưa hề có kinh nghiệm chính trường.

Là thuyền nhân đặt chân đến vùng trời tự do Hoa Kỳ vào một ngày đầu Thu năm 1981 ở tuổi niên thiếu, Nguyễn Xuân Hùng chuyên cần tạo lập cuộc sống. Xong trung học, anh đi làm bồi bàn để lấy tiền học đại học. Xong bằng cử nhân về quản trị, anh đi làm cho một công ty truyền thông viễn liên, và sau đó mở công ty riêng cũng trong ngành này. Đền đáp ân nghĩa của đất nước Hoa Kỳ, anh tình nguyện trong lực lượng trừ bị cho đến khi lên cấp bậc trung úy pháo binh. Không quên nghĩa vụ đối với đồng bào, anh dần thân trong rất nhiều sinh hoạt cộng đồng, kể cả giữ chức chủ tịch cộng đồng người Việt ở Fort Worth cho đến gần ngày ra tranh cử.

Anh là tấm gương điển hình của những người tị nạn Việt Nam, mất tất cả nhưng cần cù và kiên quyết xây dựng lại từ con số không, chấp nhận mọi gian khó, vượt qua mọi thử thách, với một tấm lòng

trình khiết, với tinh thần lạc quan, và với ý thức mãnh liệt về nhiệm vụ. Cuộc đời tị nạn tự lập thân của Nguyễn Xuân Hùng rất giống với câu chuyện của Ls. Cao Quang Ánh, vị dân biểu liên bang gốc Việt đầu tiên.

Trước đây, trong những chuyến đi ngược xuôi tôi có nghe nhiều người sinh hoạt cộng đồng ở các nơi nhắc đến Nguyễn Xuân Hùng, nhưng lần đầu tiên tôi gặp anh là tại buổi tiệc đón tiếp DB Cao Quang Ánh ở Dallas vào trung tuần tháng 10 năm ngoái. Gặp lần đầu, tôi đã có lòng quý mến người trẻ này, nhiệt huyết, lễ độ, hoà nhã, chín chắn, tháo vát, chí tình. Khi anh lên sân khấu điều khiển chương trình, DB Ánh và tôi bàn với nhau rằng, người này có bản lĩnh tranh cử và có thể tiến rất xa trên con đường chính trị, được hiểu với tất cả ý nghĩa chân chính và cao quý của nó. Sau đó, chúng tôi tìm cơ hội kéo Nguyễn Xuân Hùng ra chỗ riêng để gợi ý anh ra tranh cử. Anh chỉ cười thoái thác vì chưa hề nghĩ đến việc ấy.

Đến lượt tôi lên phát biểu tại buổi tiệc, ngoài việc chia sẻ cảm nghĩ về DB Cao Quang Ánh, tôi công khai đề nghị Nguyễn Xuân Hùng ra tranh cử. Cử tọa vỗ tay nức lòng tán thưởng, cho thấy lòng yêu mến, tin tưởng và quý trọng của mọi người từ trẻ đến già trong cộng đồng Việt ở Dallas -Fort Worth-Arlington dành cho anh. Anh đúng là con yêu của cộng đồng Việt đối với thế hệ đi trước, là một đồng hành đáng mến của những người cùng trang lứa, và là tấm gương sáng cho lớp trẻ đi sau.

Và rồi, đêm trước Giáng Sinh, khi đang công tác ở Á Châu, tôi nhận được email của Nguyễn Xuân Hùng tỏ ý phân vân không biết có nên ra tranh cử chức Nghị Viên Hội Đồng Quận Tarrant hay không. Nếu ra tranh cử thì anh sẽ là ứng cử viên thứ ba; ngoài vị đương nhiệm là một chính sách gạ cội là ứng cử viên Joe McHaney, người đã từng hai lần tranh cử cho chức vụ này và do đó có nhiều kinh nghiệm và tên tuổi được cử tri biết đến.

Khi được email này, tôi vui mừng khó tả và trong bụng nghĩ thầm, “nếu mọi cử tri có cơ hội biết về Nguyễn Xuân Hùng như tôi

đã biết, thì chắc chắn anh sẽ đắc cử”. Tôi lập lại lời khuyến khích trước đây.

Sang tháng Giêng, tôi nhận tin của anh, cho biết quyết định ra tranh cử sau khi hội ý với gia đình và những nhân sĩ trong cộng đồng địa phương và cả với một số nhân sĩ ở các cộng đồng Việt khác nữa.

Khi được tin này, tôi cảm phục tinh thần dân thân và lòng dũng cảm của anh-chấp nhận làm thân châu chấu đá xe để làm vinh hiển cho cộng đồng Việt nói chung và mở lối cho những người đi sau dần bước trên con đường tham chính.

Và cháu đã đá xe lung lay, tạo nên trận địa chân chính trị làm kinh ngạc những chính trị gia và bình luận gia ở trong vùng.

Nhưng trận địa chân chính trị này không chỉ do cá nhân Nguyễn Xuân Hùng tạo nên mà là thành quả của một cộng đồng sau bao năm tháng trầm ngâm, một hôm bất ngờ bật dậy, vươn vai và lớn lên như thổi-gióng như sự tích Thánh Gióng thuở xa xưa. Hai ngàn cử tri người Mỹ gốc Việt đã rủ nhau tham dự cuộc bỏ phiếu vòng sơ bộ, một con số vượt xa dự phóng của các chính trị gia kỳ cựu. Có cụ già trên 85, chân đi không vững nhưng nhất quyết đi bỏ phiếu cho Nguyễn Xuân Hùng. Số phiếu của cử tri Việt gấp bốn lần hơn so với lần tranh cử vòng sơ bộ hai năm trước đây.

Ở vòng sơ bộ, theo nhận định của Bà Stephanie Klick, Chủ Tịch Đảng Cộng Hoà Quận Tarrant, 27 phần trăm số cử tri bỏ phiếu sớm, tức trước ngày bỏ phiếu chính thức là ngày 2 tháng 3, chưa hề đi bầu lần nào. Và nội bộ Đảng Cộng Hoà nghĩ rằng tuyệt đại số cử tri bỏ phiếu lần đầu này là người Việt. Điều này nói lên khả năng điều động quần chúng của Ban Vận Động Tranh Cử của Nguyễn Xuân Hùng và ý thức chính trị cao ngút của người Việt trong vùng.

Nhưng đáng kinh ngạc hơn nữa, ở vòng chung kết số người Mỹ gốc Việt đi bầu còn cao hơn nữa, lên đến trên 30% tổng số cử tri đi bầu trong khi tỉ số cử tri người Việt chỉ chiếm 3%.

Ban Vận Động Tranh Cử của Nguyễn Xuân Hùng thực ra cũng không hề có kinh nghiệm vận động cho ai bao giờ. Anh Tom Hà, một người mà tôi đã phối hợp từ rất nhiều năm trong các cuộc vận động chống cưỡng bách hồi hương thuyền nhân, rồi vận động quốc tịch cho người lai Mỹ-Việt, cũng “liều” không kém Nguyễn Xuân Hùng-anh nhận vai trò quản trị viên vận động dù không chút kinh nghiệm. Liên lạc điện thoại và email rất lâu năm, nhưng anh và tôi cũng chỉ mới gặp mặt nhau lần đầu tiên vào dịp DB Ánh và tôi đến Dallas vào tháng 10 năm ngoái. Cùng với anh Tom Hà còn có anh Nguyễn Xuân Hiệp và một số người nữa mà tôi có thể đã gặp nhưng không nhớ tên đã cùng nhau dẫn thân.

Và rồi Ban Vận Động đã quy tụ được hàng trăm thiện nguyện viên thuộc mọi thành phần ở mọi lứa tuổi liên tục gọi điện thoại, rồi chia nhóm gõ cửa từng nhà, và rồi thay phiên nhau chở đồng hương không phương tiện di chuyển đi bỏ phiếu sớm. Có nhiều người đi làm đã lấy ngày nghỉ để tham gia công cuộc vận động tranh cử.

Ban Vận Động một mặt kêu gọi đồng bào ghi danh cử tri và rủ nhau đi bầu, một mặt phải gây quỹ tranh cử. Tại buổi tiệc gây quỹ đầu tiên, 800 đồng bào tham dự và đóng góp 30 nghìn Mỹ kim, một con số đáng kính nể cho một cuộc tranh cử sơ bộ ở cấp địa phương. Cộng vào đó là 7.500 Mỹ kim gửi đến bằng thư hoặc qua trực tuyến.

Và rồi giới truyền thông-báo chí, truyền thanh, truyền hình-tất cả đều dồn lực và đồng lòng kêu gọi độc giả, thính giả, khán giả của mình yểm trợ. Qua những bài viết, qua những buổi phỏng vấn, qua những lời hô hào, họ đã đánh động lương tâm, xiển dương trách nhiệm và cổ vũ ý thức cộng đồng và xã hội-một vai trò cao quý của giới truyền thông đại chúng mà ở xã hội cởi mở này nhiều khi không còn được nhắc đến và trân quý.

Và điều đáng quý là không chỉ người Việt ở địa phương góp sức mà còn có sự tiếp ứng từ rất nhiều nơi: Dân Biểu Liên Bang Cao Quang Ánh từ Louisiana và Hoa Thịnh Đốn, Dân Biểu Tiểu

Bang Hubert Võ từ Houston, Dân Biểu Tiểu Bang Trần Thái Văn từ Quận Cam, và các tổ chức cộng đồng ở nhiều nơi, người thì đóng góp tài chánh, người thì chia sẻ kinh nghiệm, người thì huy động đồng hương, người thì giúp phần kỹ thuật.

Nhờ theo dõi từ đầu cuộc vận động tranh cử, tôi thấy được những lúng túng lúc ban đầu của Ban Vận Động. Có những bản nháp văn thư soạn chưa đúng tiêu chuẩn dòng chính. Cách trình bày trang mạng có những sơ hở kỹ thuật. Có những sắp xếp công việc chưa hoàn bị. Nhưng chính tất cả những điểm có vẻ tiêu cực ấy lại nói lên lòng dũng cảm tuyệt vời của Nguyễn Xuân Hùng, của Ban Vận Động Tranh Cử, của cả khối cộng đồng người Việt. Giống như ngày xưa vạn vạn thuyền nhân bỏ nước, không kinh nghiệm đi biển, chín chết một sống, nhưng vẫn quyết tâm tìm tự do. Sau bao nhiêu năm định cư ở Hoa Kỳ, chúng ta chưa mất đi lòng dũng cảm ấy và không sờn lòng vì thiếu kinh nghiệm trước một thách đố lớn. Đó là yếu tố đã và sẽ tiếp tục làm cho người Mỹ, vốn tự hào là một đất nước của những người tự do và dũng cảm, kính phục.

Vì không có đối thủ thuộc Đảng Dân Chủ, Nguyễn Xuân Hùng nghiêm nhiên trở thành Nghị Viên Hội Đồng Quận, một nghị viên người Mỹ gốc Việt đầu tiên ở Quận Tarrant.

Bài 3:

Tiếng Nói Chính Thức Cho Tập Thể Người Việt Ở Hoa Kỳ

Song song với nỗ lực tạo thể chính trị cho cộng đồng, chúng ta còn phải tạo nên một cơ chế để cộng đồng có tiếng nói đối tác với các cơ quan chính quyền và các cộng đồng bạn từ cấp địa phương đến toàn quốc.

Từ cách đây một chục năm tôi bắt đầu vận động chính quyền liên bang, cả hành pháp và lập pháp, về việc hội ý với tập thể người Việt về mọi chính sách đối nội và đối ngoại ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người Việt. Một số giới chức chính quyền cao cấp biểu lộ sự đồng ý trên nguyên tắc. Tuy nhiên ngay trong bước đầu thực hiện thì đã gặp bế tắc vì không có câu trả lời cho câu hỏi các cơ: Ai là tiếng nói đại diện cho tập thể người Việt để họ hội ý?

Thực ra đã có một số nỗ lực trong cộng đồng để tạo tiếng nói đại diện. Tuy nhiên cho đến nay vẫn không có một kết quả nào vì một lý do dễ hiểu: thiếu chính danh.

Ở nhiều nơi những người có lòng đã cùng nhau lập ra tổ chức cộng đồng ở địa phương, và có tiểu bang thì các tổ chức địa phương kết lại thành cơ cấu phối hợp toàn tiểu bang. Rồi lại có nỗ lực kết hợp rộng lớn hơn thành tổ chức cộng đồng toàn quốc. Nhưng điểm kẹt là các tổ chức cộng đồng, dù ở địa phương hay toàn quốc, không có vị thế đại diện cho ai khác hơn là số thành viên ghi danh gia nhập.

Do đó tôi đang phối hợp với nhiều vị dân cử người Mỹ gốc Việt để thành lập Hội Đồng Các Dân Cử Người Mỹ Gốc Việt (Vietnamese American Council of Elected Officials, viết tắt là VACEO) bao gồm những vị dân cử liên bang, tiểu bang và quận hạt. Vì bao gồm những người được dân bầu, trong đó có những cử tri người Mỹ gốc Việt, Hội

Đồng này có tiếng nói đại biểu hơn bất kỳ một tập hợp nào khác do cộng đồng chúng ta có thể thành lập ra.

Hội Đồng này sẽ thành lập ra những cơ cấu cố vấn về các lãnh vực khác nhau, bao gồm những vấn đề về đời sống ở Hoa Kỳ cho đến những chính sách đối với Việt Nam. Viện Nghiên Cứu Người Mỹ Gốc Việt (VARI) cũng sẽ đóng góp những kết quả nghiên cứu cho Hội Đồng này để làm căn bản cho những đối thoại với các cơ quan chính quyền về chính sách.

Để tăng thêm tính cách đại biểu, mỗi thành viên của Hội Đồng này có thể triệu tập các buổi họp cử tri để lãnh hội ý kiến ở một số địa phương. Đồng thời toàn thể Hội Đồng, qua những phương tiện kỹ thuật tin học phổ cập trong kỷ nguyên này, có thể lãnh hội ý kiến của cộng đồng người Việt nói chung.

Qua cơ cấu VACEO những vị dân cử người Mỹ gốc Việt, dù ở cấp quận hạt hay tiểu bang, cũng sẽ có tiếng nói và thể đứng toàn quốc, trong vai trò đại diện tiếng nói cho tập thể người Việt toàn quốc. Và với Quý Lâm Mới Dân Chủ, tôi tin rằng thành viên của VACEO sẽ tăng một cách nhanh chóng và thể đứng của VACEO sẽ ngày càng vững chắc, như là tiếng nói chính thức của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ trên bình diện quốc gia.

Bài 4:

Biết Người Biết Ta

Trong hai yếu tố để thành công, đối với cộng đồng người Việt, “biết người” thì tương đối dễ, còn “biết ta” thì thật là khó. Lý do cũng dễ hiểu thôi: Về người khác, dù đó là xã hội Hoa Kỳ hay Việt Nam, thì có sẵn những cuộc nghiên cứu, những con số thống kê, những báo cáo hàng năm. Ngược lại, chẳng có mấy công trình nghiên cứu về cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ hay ở các quốc gia định cư khác; số thống kê về nhu cầu hay khả năng của cộng đồng thật hiếm hoi, thiếu chính xác, hoặc không có.

Thỉnh thoảng có một trường đại học hay một trung tâm nghiên cứu làm cuộc thăm dò về người Việt nhưng các công trình này chỉ mang tính cách cục bộ, rời rạc, nên không thể dựa vào đó mà tổng quát hoá được về cộng đồng người Việt nói chung.

Đây chính là trở ngại lớn cho sự thăng tiến của cộng đồng. Không biết mình đang đứng ở đâu thì khó vạch ra con đường cho mai sau. Không “biết ta” thì làm sao lập kế hoạch, làm sao đặt trọng tâm cho các chương trình hành động, làm sao đo lường được tác động của công việc? Không có con số thì chúng ta cũng không có căn bản vững chắc để vận động, để lên tiếng, để đòi hỏi vì nói phải có sách, mách phải có chứng.

Sự thiếu thốn dữ kiện và thông tin này có lẽ đã góp phần cho sự thiếu quan tâm đến nhu cầu của chính cộng đồng. Vì không biết cho nên không lo.

Nhiều người trẻ cho tôi biết họ muốn tìm hiểu về cộng đồng nhưng không tìm ra thông tin. Tai hại hơn nữa, có em chỉ tìm được những sách vở viết bởi người ngoại quốc với đầy rẫy thiên kiến, sai lệch; đó là chưa nói đến các tài liệu đưa ra từ trong nước nhiều khi đổi trắng thay đen.

Trước tình trạng thiếu thông tin này, năm 2001 BPSOS thực hiện một cuộc thăm dò kéo dài hai năm đối với gần 1.500 đồng hương được giúp khai thuế ở nhiều văn phòng chi nhánh của BPSOS. Họ không phải là thành phần tiêu biểu cho cộng đồng, nhưng ít ra cũng đã cung cấp một số ít dữ kiện làm chúng ta phải để ý. Chẳng hạn, theo kết quả thăm dò, có đến 88% không rành Anh ngữ, 65% không biết dùng máy điện toán, 69% không hề biết gì về internet, 55% không biết về mối nguy của bệnh ung thư cổ tử cung – yếu tố tử vong hàng đầu đối với phụ nữ Việt Nam, v.v.

Sau 35 năm, ngày nay trong các trường đại học, ở một số trung tâm nghiên cứu của chính phủ hay của tư nhân cũng đã có một số người Việt, chưa nhiều nhưng đủ để thực hiện một số công trình nghiên cứu về chính người Việt. Với tháng năm, đội ngũ này sẽ ngày càng gia tăng. Trở ngại lớn hiện nay là họ bị phân tán, mỗi người trong một lãnh vực ở một phương trời khác nhau. Phần lớn lại không có cơ hội hay phương tiện để thực hiện các cuộc nghiên cứu về cộng đồng Việt như mong muốn vì phải tùy thuộc vào các cấp khoản nghiên cứu mà nhà trường hay trung tâm nghiên cứu có được.

Một giải pháp cho tình cảnh này là tập hợp các tài năng ấy lại thành một viện nghiên cứu chuyên về các vấn đề của cộng đồng Việt. Đây sẽ là một cấu trúc “ảo” (virtual) nối kết qua phương tiện và kỹ thuật tin học. Các thành viên của trung tâm này, dù ở rải rác các nơi, sẽ tập hợp theo từng lãnh vực chuyên ngành để thực hiện hai công việc:

(1) Rà soát và thu thập kết quả của các cuộc nghiên cứu về người Việt đã có sẵn để phổ biến rộng rãi, làm căn bản cho các tổ chức và hội đoàn người Việt hay các cơ quan chính quyền trong việc làm chính sách hay lập kế hoạch.

(2) Cùng nhau tìm cấp khoản, qua nhà trường hay trung tâm nghiên cứu, để thực hiện các công trình nghiên cứu về cộng đồng Việt, từ sức khoẻ đến tài chánh, từ gia cư đến việc làm, từ học vấn đến gia đình.

Đây là bước khởi đầu để “biết ta,” một yếu tố không thể thiếu

nếu muốn phát triển cộng đồng người Việt nhằm đáp ứng nhu cầu của đồng hương, tạo nội lực và thế đứng cho tập thể, và rồi đóng góp cho sự thay đổi tích cực ở Việt Nam.

Tôi đã nói chuyện với nhiều người trẻ đang hoạt động trong lãnh vực nghiên cứu. Họ rất hứng thú và mong muốn có cơ hội để nghiên cứu về vấn đề của cộng đồng. Điều này cho thấy tâm lòng của họ gắn bó với cộng đồng. Đáp ứng niềm khao khát đó, BPSOS đang thực hiện Viện Nghiên Cứu Về Người Mỹ Gốc Việt, viết tắt trong tiếng Anh là VARI (Vietnamese American Research Institute).

“Biết người biết ta, trăm trận trăm thắng.” - Tôn Tử

Viện Nghiên Cứu Về Người Mỹ Gốc Việt

Vietnamese American Research Institute (VARI) là môi trường thực hiện các cuộc nghiên cứu về các vấn đề của cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Sứ mạng của VARI là cung cấp giải pháp qua nghiên cứu khoa học cho chính quyền liên bang, tiểu bang và địa phương cũng như cho các cơ quan phục vụ cộng đồng người Mỹ gốc Việt. Mục đích tối hậu của VARI là thăng tiến cộng đồng qua nghiên cứu khoa học. Thành lập năm 2010, VARI được đặt dưới sự bảo trợ của BPSOS.

VARI được hình thành dựa trên khái niệm thành lập một cơ cấu nghiên cứu quy tụ những nhà nghiên cứu chuyên về cộng đồng người Mỹ gốc Việt. VARI sẽ khởi xướng những cuộc nghiên cứu trong sự phối hợp với các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu chính sách, và các tổ chức cộng đồng. VARI sẽ phổ biến kết quả nghiên cứu và giúp các tổ chức cung cấp dịch vụ hay tổ chức quần chúng áp dụng kết quả nghiên cứu vào hoạt động phục vụ dân sinh.

Trong 5 năm qua BPSOS đã thử nghiệm khái niệm này qua một số dự án nghiên cứu trong sự hợp tác với các trường đại học George Mason University, Johns Hopkins University, Howard University và Tulane University. VARI sẽ đẩy mạnh nỗ lực nghiên cứu hợp tác giữa các đại học, các trung tâm nghiên cứu, và các tổ chức có năng lực trong cộng đồng người Việt.

Hiện nay VARI đã quy tụ trên 30 nhà nghiên cứu, đa phần là người Việt nhưng cũng có một số người tuy không phải là Việt Nam nhưng rất rành rẽ về các vấn đề của người Việt. Nhóm nghiên cứu khởi đầu này được chia làm 5 lãnh vực: sức khoẻ, sức khoẻ tâm thần, phát triển cộng đồng, xã hội-chính trị-văn hoá, và đánh giá. Mỗi lãnh vực có một nghiên cứu trưởng.

VARI sẽ khuyến khích người trẻ Việt đi vào lãnh vực nghiên cứu và tạo phương tiện cho họ nghiên cứu về các vấn đề của cộng đồng. Đây là tài nguyên chất xám rất quan trọng của cộng đồng và cần được giữ lại với cộng đồng.

VARI đang thiết lập trang mạng internet. Trang mạng này sẽ

tóm tắt những số liệu từ kết quả của các cuộc nghiên cứu đã hoàn tất, thông tin về những cuộc nghiên cứu đang tiến hành, và thực hiện một số cuộc thăm dò trực tuyến.

Viện Nghiên Cứu VARI sẽ chính thức ra mắt vào cuối năm 2010 và ngay sau đó sẽ bắt đầu nỗ lực tìm ngân khoản tài trợ cho các dự án nghiên cứu.

Lịch Sử Qua Lời Kể

Một trong những công trình nghiên cứu lâu dài của BPSOS là đề án “Lịch Sử Qua Lời Kể”, được chuẩn bị từ năm 1996 và đến năm 2005 thì chính thức thực hiện, nhằm ghi lại kinh nghiệm “tù cải tạo”.

Cộng đồng người Việt tị nạn cần thực hiện công trình ghi lại những kinh nghiệm và thực tế của các trại tù cải tạo, trước khi quá trễ. Mỗi ngày qua đi lại thêm một số nhân chứng ra đi. Nếu chúng ta chần chờ thêm 5, 10 năm thì cả một quãng lịch sử đau thương của dân tộc sẽ bị tẩy xoá, và nhân loại sẽ mất một bài học để tránh vết xe đổ về sau.

Người Do Thái có bảo tàng viện Holocaust, để ghi lại những lời chứng và giữ lại những hình ảnh và kỷ vật của cuộc tàn sát tập thể người Do Thái dưới thời Đức Quốc Xã. Năm 1994, đạo diễn nổi danh người Mỹ gốc Do Thái Steven Spielberg, sau khi thực hiện phim Schindler's List, nảy ra ý định ghi lại chuyện kể của các nhân chứng. Lúc ấy số nhân chứng còn sống sót chẳng là bao. Ông Spielberg thành lập Shoah Foundation, mà ông ta tự đài thọ, để gấp rút tung người đi thu băng lại các cuộc phỏng vấn số nhân chứng ngày càng thưa thớt dần đi. Từ công trình này Bảo Tàng Viện Holocaust ra đời, đặt tại vùng Bắc Virginia. Các lời chứng cùng với hình ảnh và tang vật đã trở thành tài liệu lịch sử cho các học giả, các thầy giáo, các sinh viên, các nhà báo, và các thế hệ Do Thái về sau khảo cứu.

Năm 1996, tôi kêu gọi người Việt cũng phải có một nỗ lực tương tự và khởi xướng công cuộc thu thập tên tuổi, cấp bậc, và một ít chi tiết cá nhân của một ngàn tù cải tạo bị xử bắn. Danh sách này sau đó đã được một số tổ chức sử dụng (mà không nêu xuất xứ). Tuy nhiên, nỗ lực này ngưng ở đó vì các công việc đa đoan khác.

Năm 1999, ngay sau vụ biểu tình chống Trần Văn Trường tôi đề nghị một số nhân vật trẻ trong ban tổ chức biểu tình ở Quận Cam thực hiện dự án ghi lại kinh nghiệm của các tù cải tạo. Nhiều người đồng ý nhưng rồi dự án bị bỏ rơi trước khi thực hiện.

Qua năm 2001, tôi lại kêu gọi một số nhà văn, nhà báo ở Việt

Nam mới qua Mỹ trong chương trình HO thành lập ban phối hợp công trình biên soạn các mẫu chuyện của cựu tù cải tạo ở khắp nơi trên thế giới, sắp xếp theo từng trại tù một, và phối kiểm sự kiện để bảo đảm tính cách chính xác và giá trị lịch sử của tài liệu. Mỗi tập sách như vậy sẽ là sản phẩm tập thể của nhiều cựu tù cải tạo và sẽ vẽ lại một cách khách quan và trung thực xã hội thu nhỏ của mỗi trại tù, nhìn từ nhiều khía cạnh và không phê phán. Kèm với mỗi tập sách sẽ có một trang mạng (website) để các cựu tù, thân nhân của cựu tù, hay người đọc góp ý hay cung cấp thêm dữ kiện và hình ảnh. Trang mạng này sẽ được thường xuyên cập nhật, bổ xung và làm phong phú thêm tập sách, và sẽ góp phần cho sự hình thành một bảo tàng viện về tù cải tạo Việt Nam.

Nhóm nhà văn, nhà báo này thoát đầu hoan hỉ và muốn bắt tay làm việc sớm. Tuy nhiên công việc không bao giờ khởi đầu vì họ lại bận những công việc khác có ưu tiên cao hơn.

Mỗi lần đi đến đâu tôi cũng gặp gỡ người này người kia khởi xướng công việc ngày càng thêm gấp rút này. Tôi nhận được nhiều gặt gù đồng ý, nhiều hứa hẹn, nhiều ý kiến đóng góp nhưng thiếu vắng hành động.

Cuối cùng một số anh em chúng tôi trong BPSOS quyết định khởi xướng công việc này, dù khả năng về nhân sự và tài chánh hạn hẹp, vì không thể chờ đợi thêm nữa. Trên mạng lưới Internet, dạo gần đây cứ vài hôm lại có thông báo chia buồn cựu đại tá này, cựu trung úy kia qua đời. Càng chờ thêm, chúng ta càng thêm trễ nãi và rồi một giai đoạn lịch sử thảm khốc của dân tộc sẽ phai mờ dần đi, bao nhiêu nỗi đau và sự hy sinh sẽ trở thành vô nghĩa và vô ích.

Chúng tôi mong rằng sẽ có được sự tiếp tay của tất cả các cựu tù cải tạo và những người tâm đầu ý hợp với dự án này. Sau đây là những điểm chính của dự án.

(1) Thành lập một ban tu thư gồm những người có khả năng biên soạn và nhuận văn.

(2) Kêu gọi các cựu tù cải tạo trả lời một mẫu câu hỏi tiêu chuẩn. Các tin tức này sẽ được để vào một bộ lưu trữ dữ kiện

(database).

(3) Tuyển và huấn luyện tình nguyện viên ở các nơi thực hiện và thu băng các cuộc phỏng vấn.

(4) Sắp xếp bài viết thành tập để xuất bản, mỗi tập cho một trại tù cải tạo.

(5) Thành lập trang mạng cho mỗi tập sách.

(6) Tìm ngân khoản để dịch các tập sách này ra Anh ngữ và Pháp ngữ và gửi vào các thư viện.

Công trình này sẽ nói lên với thế giới về một giai đoạn lịch sử bi thương, đen tối của dân tộc Việt Nam mà cho đến nay dư luận quốc tế hầu như chưa biết và không chú tâm đến.

Công trình này sẽ lưu lại cho hậu thế một bài học để tránh tái diễn.

Công trình này sẽ chuyển vị thế của các cựu tù cải tạo, từ vị thế nạn nhân trở thành vị thế của người sống sót đem chính kinh nghiệm xương máu của mình giúp cho thế giới hiểu được về ác và thiện, về khả năng bươn chải và ý chí sống còn, về sống và chết.

Chúng tôi nhận được một số ý kiến phản ánh sự lo ngại rằng nếu lên tiếng hay viết ra thì có thể sẽ không còn đi đi, về về Việt Nam được nữa. Đó là quyết định của mỗi cá nhân tùy theo đương sự đã vượt qua được sự sợ hãi hay vẫn còn trong tâm lý nạn nhân.

Chúng tôi mong rằng khi công việc đã trôi chảy thì ngày càng nhiều người noi gương nhau bước ra dưới ánh mặt trời và đem theo với mình ra ánh sáng những câu chuyện kể về số phận hẩm hiu chung của cả một dân tộc.

Bài 5:

Tạo Lập Các Định Chế Xã Hội Dân Sự Trong Cộng Đồng

Vốn xã hội là chất keo sơn gắn bó các thành viên của một cộng đồng lại với nhau. Cộng đồng hay xã hội nào có vốn xã hội phong phú thì thành viên được hưởng nhiều phúc lợi về vật chất lẫn tinh thần. Còn trong những cộng đồng nghèo vốn xã hội thì người dân bị cô lập và thiệt thòi.

Vốn xã hội được cấu tạo bởi các mối quan hệ xã hội, các tổ chức xã hội, và ý thức xã hội của người dân. Bởi vậy, một trong các chỉ số quan trọng cho vốn xã hội của một cộng đồng là số lượng các hội đoàn tôn giáo và quần chúng trong cộng đồng ấy.

Ở Hoa Kỳ cứ 200 người dân lại có một hội đoàn tôn giáo hay quần chúng. Con số này chỉ tính các hội đoàn có quy chế pháp lý chứ không kể các nhóm thân hữu, tương trợ, hay khu xóm không chính thức. Tính theo tỉ lệ trên, cộng đồng chúng ta lẽ ra phải có 7.500 tổ chức bất vụ lợi chính thức hoạt động.

Hiện nay, chúng ta chưa có được con số phong phú như vậy. Sau trên ba mươi năm định cư tại quốc gia này, cộng đồng chúng ta còn thiếu tổ chức và do đó chưa đủ sức để tự bảo vệ quyền lợi cho chính mình hay để đóng góp đáng kể cho xã hội Hoa Kỳ. Bởi vậy đồng bào của chúng ta chịu nhiều thiệt thòi về quyền lợi, không có tiếng nói, vẫn sinh hoạt bên lề của xã hội chính mạch, và chưa đạt được vị thế để hợp tác hay cạnh tranh với các cộng đồng sắc dân khác.

Để thay đổi tình trạng này, từ năm 1998 BPSOS khởi xướng một nỗ lực dài hạn nhằm xây dựng thực lực cho cộng đồng bằng cách khuyến khích và tạo phương tiện để ngày càng thêm các hội đoàn ra đời và phát huy năng lực.

Nỗ lực này gồm ba giai đoạn.

Thứ nhất, BPSOS giúp tập hợp các thành viên trong cộng đồng lại thành các nhóm như nhóm cao niên, nhóm HO, nhóm phụ nữ, nhóm con lai... Qua các buổi sinh hoạt định kỳ, thành viên của các nhóm này giữ liên lạc, trao đổi thông tin, và đỡ đần lẫn nhau khi hữu sự. Sau một thời gian, các nhóm đã vững vàng sẽ được BPSOS giúp trở thành hội đoàn có quy chế pháp lý.

Trong giai đoạn hai, BPSOS giúp những hội đoàn đã có quy chế pháp lý phát triển về năng lực để có thể tồn tại lâu dài thay vì chỉ hoạt động một thời gian ngắn rồi ngưng. Sự giúp đỡ của BPSOS bao gồm cấp ngân khoản, giúp xin ngân khoản, huấn luyện kỹ năng tổ chức, và cố vấn trong mọi lãnh vực quản trị và điều hành. BPSOS đã cô đọng kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu trong nhiều năm thành các công thức và nguyên tắc đơn giản để cho các hội đoàn này áp dụng.

Sau cùng, BPSOS bắc nhịp cầu để các hội đoàn Việt hợp tác với nhau cũng như hợp tác với các tổ chức của cộng đồng bản xứ hay thuộc các sắc dân khác. Sau bước cuối cùng này, các hội đoàn Việt sẽ đủ năng lực để tự mình duy trì chương trình phục vụ xã hội và ngày một phát triển tầm hoạt động. Trong quá trình phát triển ấy, các hội đoàn này lại sẽ truyền đạt kinh nghiệm và giúp cho những nhóm nhỏ hơn phát triển theo công thức kể trên, như vết dầu loang.

Phương Tiện Và Cứu Cánh

Trong một buổi hướng dẫn gần đây về cách thức lập đề án xin ngân khoản, một tham dự viên chân tình hỏi tôi, “tại sao anh lại đi chỉ cho người khác mà không sợ cạnh tranh ư?”.

Đây không phải lần đầu tiên tôi được hỏi như vậy.

Câu trả lời sẽ rất đơn giản nếu phân định rõ đâu là phương tiện, đâu là cứu cánh.

Đối với BPSOS, phát triển cộng đồng là cứu cánh còn tổ chức chỉ là phương tiện.

Năm 1997, BPSOS bắt đầu quan tâm đến những thua thiệt mà người Việt phải gánh chịu vì cộng đồng người Việt nói chung chưa đủ thực lực để bênh vực họ.

Chúng ta còn rất non yếu, so cả với các cộng đồng bạn nhỏ bé hơn nhiều, như cộng đồng Cambốt, Lào, hay Hmong.

Một chỉ số về thực lực là khả năng tự giúp của mỗi cộng đồng.

Trong bản phúc trình lên Quốc Hội năm 2000 của Văn Phòng Định Cư Tị Nạn, có 5 tổ chức Cambốt được tài trợ tổng cộng 4.8 triệu Mỹ kim, 5 tổ chức Lào tổng cộng 1.8 triệu Mỹ kim, 8 tổ chức Hmong tổng cộng 0.8 triệu Mỹ kim, và hai tổ chức Việt 0.4 triệu Mỹ kim.

Hoá ra người Việt chúng ta yếu kém nhất trong bốn cộng đồng Đông Dương này. Vì người Việt chiếm gần phân nửa số người tị nạn vào Hoa Kỳ từ năm 1975 đến nay, chúng ta có nhiều cơ hội để nhận được các khoản tài trợ dành cho người tị nạn. Vậy mà vào thời điểm năm 2000, sau 25 năm ở Mỹ, chỉ có hai tổ chức người Việt đủ tầm cỡ để nhận tài trợ từ chương trình tị nạn của chính phủ Liên Bang.

Trong khi đó người Cambốt, Lào và Hmong với dân số cộng lại chỉ bằng một phần ba người Việt, thế mà họ có tổng cộng 18 tổ chức với số tài trợ lên đến 7.4 triệu Mỹ kim, nghĩa là 19 lần hơn so với cộng

đồng Việt. Tính bình quân đầu người thì một người tị nạn Cambốt, Lào hay Hmong được hưởng gấp 60 lần số tài trợ nhận được bởi một người tị nạn Việt.

Vì ý thức được sự thua thiệt trầm trọng này của người Việt, năm 1998 BPSOS khởi xướng nỗ lực gây dựng và phát triển thực lực cho các cộng đồng địa phương. Kế hoạch này gồm ba giai đoạn.

Thứ nhất, chúng tôi giúp thành lập các nhóm tương trợ để giúp đỡ lẫn nhau, như các nhóm cao niên, phụ nữ, con lai, HO... Kế đến, những nhóm nào đã đi vào nề nếp thì chúng tôi giúp lập hội, xin quy chế miễn thuế, và cung cấp một số dịch vụ căn bản cho hội viên. Cuối cùng, những hội đã tương đối vững mạnh sẽ được hỗ trợ về tài chánh, huấn luyện về kỹ năng, và hướng dẫn tìm nguồn tài trợ để trường tồn.

Trong quá trình này, chúng tôi cố gắng khuyến khích các hội hợp tác với nhau. Dĩ nhiên cũng có triển vọng cạnh tranh giữa các hội người Việt với nhau. Nếu vậy, thì cũng tốt vì có sự sàng lọc và hội nào mạnh nhất, giỏi nhất sẽ vươn lên để “đem chuông đi đánh xứ người” trong xã hội đa chủng, đa văn hoá này.

Dù hợp tác hay cạnh tranh với nhau, cách nào cộng đồng cũng sẽ có lợi và người dân sẽ được hưởng lợi.

Trong 12 năm qua BPSOS đã cố gắng trau luyện mình để trở thành phương tiện hữu hiệu nhằm giúp cộng đồng Việt phát triển năng lực.

Tôi cảm ơn tham dự viên đã chân tình nêu câu hỏi vì nhiều người khác có lẽ cũng thắc mắc như vậy nhưng đã không hỏi vì ngại.

Mong rằng với niềm thông cảm từ cộng đồng, chúng tôi sẽ có được sự hợp tác rộng rãi hơn và chặt chẽ hơn trong sứ mạng phát triển cộng đồng trong thời gian tới đây.

Hương Mới Cho Cộng Đồng

Trong 35 năm qua, thế hệ người Việt tị nạn đầu tiên, trưởng thành ở Việt Nam nhưng lưu vong ở Hoa Kỳ, đã góp phần xây dựng nên một cộng đồng với hai bàn tay trắng của những người đã mất tất cả—quê hương, quá khứ, sự nghiệp, thân thể.

Từ thuở ban sơ, lúc mà địa phương nào có được dăm cửa tiệm Việt Nam đã là một điểm phúc lớn cho cả cộng đồng, cho đến ngày nay hầu như thành phố lớn nào cũng có hàng quán, tiệm buôn người Việt. Có những vùng như Houston, San Jose, Orange County, Philadelphia, Falls Church, Atlanta... cộng đồng tập nập và trù phú đến kinh ngạc cho người bản xứ. Từ lúc chỉ loáng thoáng dăm người giao tiếp được với xã hội bản xứ cho đến ngày nay người Việt đã len lỏi vào mọi lãnh vực thương trường, giáo dục, khoa học, nghệ thuật, chính trị, xã hội.

Lớp người tiên phong nay đang lụi dần vào bóng tối. Nhiều khuôn mặt và tên tuổi đã đi vào dĩ vãng. Họ đã đóng góp thật nhiều và đã mở đường cho lớp người đi sau.

Nay lớp người đi sau cần vạch ra hướng mới, đưa cộng đồng lên tầm cao hơn nữa. Trong hướng mới ấy, chúng ta phải thu hút được thế hệ thứ hai và rồi thứ ba nhập cuộc. Muốn vậy chúng ta cần có một kế hoạch phát triển cộng đồng cả về quy củ lẫn quy mô.

Về quy củ, chúng ta cần gây dựng thêm nhiều tổ chức quần chúng có ngân sách, có nhân viên, có cơ sở, có chương trình hành động hẳn hoi. Trong cộng đồng chúng ta có thật nhiều các hội tương trợ, các nhóm thân hữu nhưng rất thiếu vắng các tổ chức có tiềm năng phát triển và trường tồn. Các tổ chức như vậy chính là nơi hội tụ, là đất dụng võ cho những người trẻ muốn quay về phục vụ cộng đồng. Thiếu những tổ chức như vậy, chúng ta sẽ tiếp tục mất đi biết bao tài hoa của thế hệ thứ hai.

Về quy mô, các tổ chức đã có quy củ cần kết hợp lại với nhau để sánh vai, khi hợp tác khi cạnh tranh, với những cộng đồng bạn ở tầm địa phương, vùng, hay toàn quốc. Hiện nay chúng ta còn thiếu những tổ chức có tầm vóc. Có một số tổ chức với danh xưng to tát nhưng

thực lực lại không có nên không tạo được sự vì nể của các cộng đồng bạn. Muốn đạt được sự nể vì, chúng ta cần có bản lĩnh thực sự. Để thúc đẩy cho sự phát triển quy củ và quy mô cùng một lúc, BPSOS hiện nay chỉ hỗ trợ cho những hội đoàn nào cùng ngồi lại với nhau trong một dự án cụ thể. Kinh nghiệm trước đây cho thấy sự hỗ trợ riêng rẽ cho từng hội đoàn thường đưa đến thái độ muốn độc chiếm cả một lãnh vực hoạt động.

Dù không thực hiện được, tinh thần độc chiếm là trở ngại lớn cho sự phát triển cộng đồng. Mất đi tinh thần thi đua lành mạnh, chúng ta không thể nào thăng tiến. Người chột, dù làm được vua xứ mù, chẳng thể nào diệu võ dương oai trong thế giới người sáng. Thế giới người sáng đó là nền xã hội dân sự tràn lan ở khắp Hoa Kỳ, không tránh đâu được.

Phần 2:
**Dân Chủ Hóa
Việt Nam**

Muốn Thay Đổi Việt Nam, Cần Một Sách Lược Chung

Trong 35 năm qua, nỗi trăn trở của nhiều người Việt ở trong nước cũng như ở hải ngoại là sớm đem nền dân chủ đến cho Việt Nam. Nỗi trăn trở này sẽ tăng triển vọng thành tựu nếu như có một sách lược chung để mỗi người, mỗi nhóm với sở nguyện và vai trò riêng vẫn góp phần cho việc chung.

Trong sách lược chung này, tôi đề nghị những trọng tâm sau:

- Hội nhập người dân vào xã hội dân sự trong vùng và quốc tế: Việc đào tạo nhân sự rất khó khăn trong một xã hội thiếu dân chủ. Bởi vậy chúng ta cần tạo phương tiện và cơ hội để một số nhân sự có tiềm năng được tiếp cận với xã hội dân sự ở ngoài Việt Nam và qua đó phát triển khả năng, bản lãnh và kinh nghiệm. Những nhân sự này gồm cả những người ở trong nước và những người trong số 600 ngàn lao động ngoài nước. Đây là yếu tố thứ nhất của xã hội dân sự.
- Phát triển nội lực và thế đứng cho các tổ chức tôn giáo và dân sự: Một mặt chúng ta nối kết các tổ chức tôn giáo và phi chính phủ thực sự với các tổ chức tương tự ở trong vùng ASEAN và trên thế giới để họ trao đổi, học hỏi và hợp tác. Mặt khác chúng ta vận dụng luật quốc tế và chính sách đối ngoại của nhiều quốc gia để nới rộng phạm vi hoạt động cho các tổ chức tôn giáo và dân sự ở trong nước. Đây là yếu tố thứ hai của xã hội dân sự.
- Thiết định các nguyên tắc về xã hội dân sự trong ý thức quần chúng: Chúng ta cần đặt điều kiện cho mọi sự tài trợ cho các dự án trong nước, đòi hỏi nơi nhận tài trợ phải tuân thủ những nguyên tắc căn bản trong sinh hoạt xã hội

dân sự như: minh bạch về sổ sách tài chánh, công bằng trong phục vụ, tuyệt đối không hối lộ, mọi chi thu và hồ sơ phục vụ phải có thể truy nguyên, phải làm bản báo cáo định kỳ, mọi hoạt động phải được giám sát và đánh giá... Đây là yếu tố thứ ba của xã hội dân sự.

Thời gian ước lượng để thực hiện sách lược này là 10 năm.

Các trọng tâm nêu trên nhắm vào tác động vĩ mô và tận dụng vai trò quốc tế vận của cộng đồng Việt ở hải ngoại với mục đích vun bồi nền móng cho xã hội dân sự ở Việt Nam.

(1) Vun Bồi Nền Móng Cho Xã Hội Dân Sự

Thay đổi chế độ không nhất thiết đem lại dân chủ, nếu như không có sẵn nền móng vững chắc cho dân chủ. Nền móng ấy chính là xã hội dân sự, nơi mà người dân tự tập hợp để đáp ứng nhu cầu và nguyện vọng của chính mình, góp phần phát triển xã hội, và ảnh hưởng chính sách quốc gia. Muốn có dân chủ thì ngay bây giờ phải vun bồi cho một xã hội dân sự tương lai.

Sự vun bồi ấy có ba trọng điểm: đào tạo nhân sự, thiết lập các cơ chế quy tụ nhân sự, và thiết lập tập quán sinh hoạt chân chính và trong sáng trong xã hội.

Muốn có xã hội dân sự thì trước hết phải có những người có khả năng thành lập và điều hành một tổ chức cũng như có kinh nghiệm đối tác và hợp tác giữa các tổ chức. Về điểm này người mình có rất nhiều điều cần học hỏi nơi những người bạn Thái Lan, Mã Lai, Nam Dương, Phi Luật Tân, v.v. Chúng ta phải tạo những cơ hội học hỏi đó.

Kê đến là phát triển các cơ chế quy tụ nhân sự và huy động tài nguyên xã hội để thực hiện các đề án phục vụ nhân quần, bảo vệ công bằng xã hội, và góp phần kiến tạo cơ cấu cân bằng và kiểm soát trong xã hội. Qua các cơ chế này, các nhân sự kể trên mới có môi trường phát huy tác dụng. Muốn vậy, chúng ta cần thúc đẩy, bằng nhiều cách thức khác nhau, sự phát triển của các tổ chức và hội đoàn thực sự độc

lập với chính quyền.

Sự chân chính và trong sáng là yếu tố cần thiết để xây dựng xã hội dân sự vì niềm tin giữa con người với nhau là căn bản để các cá nhân đến với nhau và để các tổ chức hợp tác với nhau một cách lâu bền. Cộng đồng người Việt ở hải ngoại có nhiều lợi thế để thúc đẩy và phát huy tập quán ấy cho xã hội Việt Nam, bằng cách đặt điều kiện về nguyên tắc cho mọi đóng góp và trợ giúp cho các chương trình từ thiện ở Việt Nam.

(2) Tập Trung Vào Các Trọng Tâm Có Tác Động Vĩ Mô

Thiếu tầm nhìn chiến lược thì chúng ta dễ rơi vào trạng thái đa đoan nên thiếu tập trung, phản ứng nên thiếu chủ động. Hậu quả là mỗi khi có biến động, dù mang tính cách chính trị hay nhân đạo, thì mọi người cùng hòa nhau đối phó, từ biến động này sang biến động khác cho đến sức cùng lực kiệt. Chính vì thế mà phần lớn công sức của chúng ta, nhìn chung, đã chỉ là những nỗ lực rời rạc, ngắn hạn, và hời hợt – chưa kịp có kết quả, chúng ta đã vội chuyển sang việc mới. Để thay đổi tình trạng này, sách lược chung cho cộng đồng cần đề ra một số trọng tâm đường dài.

Các trọng tâm này phải mang một đặc tính chung: thành quả tích lũy phải tạo ảnh hưởng ở tầm vĩ mô, nghĩa là tạo nên những thay đổi về hệ thống. Bằng không thì chúng ta chỉ đối phó với hậu quả, xoa dịu triệu chứng. Dùng tiền hải ngoại để đối phó với các vấn nạn xã hội trong nước thì giống như lấy gạo múc nước mà chữa đám cháy lớn. Vấn nạn của xã hội chỉ có thể được giải quyết bởi chính người dân ở trong nước khi xã hội dân sự được phát triển. Muốn vậy, tiền của hải ngoại nên dùng để phát triển nội lực cho người dân trong nước để tự giải quyết những nhu cầu của chính họ và giảm dần lệ thuộc vào hải ngoại.

Có rất nhiều công tác cho mỗi trọng tâm. Mỗi người, mỗi nhóm có thể chọn một công tác và đeo đuổi cho đến khi gặt hái kết quả, có thể thực hiện trong sự nối kết hay tiến hành song song với nhau.

Được vậy thì nhân, tài, vật lực của cộng đồng sẽ quy tụ vào những trọng tâm cần thiết trong một thời gian đủ dài để tạo được sự thay đổi.

(3) Tận Dụng Vai Trò Quốc Tế Vận Của Cộng Đồng Việt Ở Hải Ngoại

Trong 35 năm qua, cộng đồng Việt đã không để ý đến việc xây dựng nội lực. Tuyệt đại đa số các dự án, các chương trình, các kế hoạch, các cuộc gây quỹ đều đổ dồn về cho Việt Nam. Sự chênh lệch này làm cho cộng đồng chúng ta kém về tổ chức, yếu về năng lực và vô hình, vô thanh trong dòng chính bản xứ. Khi tự mình đứng chưa vững thì không thể nào đóng góp thiết thực cho đồng bào cách nửa vòng địa cầu. Đó là tình trạng lực bất tòng tâm của chúng ta hiện nay. Do đó, tổ chức, và phát triển cộng đồng người Việt ở hải ngoại không những là trách nhiệm lương tâm đối với biết bao đồng hương đang khao khát sự giúp đỡ, là trách nhiệm ân nghĩa đối với xã hội đã cứu mang chúng ta, mà còn là xây dựng hậu phương yểm trợ và nuôi dưỡng trường kỳ cho nỗ lực đem lại dân chủ cho Việt Nam.

Từ hậu phương này chúng ta có thể vận động quốc tế cho những thay đổi chính sách ở trong nước để ngày càng mở rộng vòng đai an toàn cho những người hoạt động. Vòng đai này trong ba năm qua đã bị thu ngày càng nhỏ. Nếu không có khoảng không gian thao tác, thì nhân sự dù có khả năng và kinh nghiệm cũng đành bó tay.

Từ hậu phương này chúng ta có thể tạo môi trường và cung cấp phương tiện cho người dân trong nước hội nhập vào các nền dân chủ ở trong vùng và trên thế giới.

Từ hậu phương này chúng ta có thể tiếp cứu cho những người lâm nạn vì can đảm tranh đấu cho công lý, nhân quyền và dân chủ.

Phát triển thế và lực của cộng đồng là yếu tố cần thiết để thay đổi Việt Nam.

(4) Các Đề Án Đang Thực Hiện

Dưới đây là những đề án mà BPSOS đã và đang thực hiện để tạo nên các yếu tố thuận lợi cho sự thay đổi ở Việt Nam.

- Vận động tự do tôn giáo: Các tổ chức giáo hội chính là những hạt mầm của xã hội dân sự sau này. Một mặt, nhân sự của các giáo hội cần được trau luyện về kỹ năng lãnh đạo, quản trị, vận động, và tổ chức để họ có thể thực hiện hữu hiệu hơn những công tác có sẵn. Mặt khác, quyền tự do hoạt động tôn giáo cần được từng bước nói rộng vào các lãnh vực cứu tế, xã hội, giáo dục, y tế, truyền thông... Muốn vậy, chúng ta cần tận khai thác thế tựa là các công ước về nhân quyền, dân quyền, và luật Hoa Kỳ về tự do tôn giáo quốc tế.
- Bảo vệ người lao động ngoài nước trước nạn buôn người: Hàng trăm ngàn công nhân Việt đang lao động ở ngoại quốc cần được trang bị kiến thức về quyền, về luật, về hệ thống công đoàn ở quốc gia sở tại. Họ cần được trang bị kỹ năng tập hợp, kết hợp, kết nối, điều đình, thông tin, tự cứu. Khi gặp nạn, họ cần những trợ giúp về pháp lý để tự bảo vệ quyền và lợi ích. Như vậy, trong thời gian 3 năm lao động ở ngoài nước, các công nhân sẽ học hỏi được thêm nhiều kiến thức và kỹ năng để thăng tiến bản thân và sau này góp phần vào việc xây dựng xã hội dân sự.
- Giúp người dân hội nhập với xã hội dân sự ở trong vùng và trên thế giới: Cách tốt nhất để phát huy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm sinh hoạt xã hội dân sự là thực tập trong môi trường xã hội dân sự đã phát triển. Điều này dĩ nhiên không thể thực hiện ở Việt Nam, nơi mà xã hội dân sự không được khuyến khích. Một cách để vượt qua trở ngại này là tạo cơ hội để cho ngày càng đông nhân sự và tổ chức ở Việt Nam tiếp cận với và học hỏi trong môi trường xã hội dân sự ở các quốc gia đã có xã hội dân sự tương đối phát triển. Trong các quốc gia láng giềng với Việt Nam hiện có hàng trăm tổ chức xã hội dân sự lãnh đạo bởi hàng ngàn người giàu kinh nghiệm.

- Bảo vệ cho những người tranh đấu bị đàn áp và phải đi tị nạn: Trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, dù hoạt động ôn hòa nhằm xây dựng một tương lai chung cho dân tộc vẫn có thể bị nguy nan. Những người dân thân chấp nhận nguy nan cần được bảo vệ qua sự can thiệp quốc tế hay qua con đường tị nạn, trực tiếp từ Việt Nam hay sau khi họ đã vượt thoát sang một quốc gia láng giềng. Không những vậy, chúng tôi tạo điều kiện để khi họ không còn ở Việt Nam thì vẫn có cơ hội tiếp tục hoạt động.

Dùng Thế

“Mạnh dùng lực, yếu dùng thế“, câu nói của các cụ khi xưa vẫn ứng nghiệm cho ngày nay.

Chúng ta cần biết dùng thế trên con đường dài tranh đấu cho một Việt Nam dân chủ và phát triển. Mà muốn dùng thế thì phải có điểm tựa. Cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ hiện có ba điểm tựa pháp lý giúp cho bước đi nhẹ hơn và nhanh hơn: hai đạo luật với biện pháp chế tài dành cho các quốc gia vi phạm và luật về mậu dịch.

Điểm tựa thứ nhất là Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế ban hành năm 1998, do Dân Biểu Frank Wolf khởi xướng. Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam ra đời ngay sau đó để khai thác điểm tựa này. Qua công việc của ủy ban, cộng đồng người Việt ở hải ngoại dần dà hiểu ra tầm quan trọng của đạo luật và đã dốc sức áp lực Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đưa Việt Nam vào danh sách CPC. Việt Nam đã có vài nhượng bộ chiến lược để thoát khỏi sự chế tài. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, do sự đôn đốc của cộng đồng người Việt, tiếp tục theo dõi tình hình ở Việt Nam trong tiến trình lập danh sách CPC vào mỗi tháng 9.

Điểm tựa thứ hai là Đạo Luật Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người ban hành năm 2000, mà tác giả là Dân Biểu Christopher Smith. Đạo luật này chế tài các quốc gia dung túng hay can dự vào nạn buôn

người. Vài ngày sau khi được ban hành, đạo luật được ứng dụng để giải cứu cho 250 công nhân Việt bị buôn bán sang đảo American Samoa. Việc can thiệp này, do Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển khởi xướng, là vụ buôn người đầu tiên và cũng là vụ lớn nhất tính đến nay được chính phủ Liên Bang truy tố theo luật mới.

Điểm tựa thứ ba là một số điều kiện trong vấn đề trao đổi mặt dịch. Chẳng hạn, Việt Nam đã nộp đơn xin hưởng quy chế Generalized System of Preferences (GSP) của Hoa Kỳ. Nếu được quy chế này, Việt Nam sẽ được miễn thuế trên hàng ngàn mặt hàng nhập vào Hoa Kỳ. Tuy nhiên quốc gia nào muốn hưởng quy chế GSP thì phải tôn trọng quyền của người lao động lập nghiệp đoàn độc lập. Mặc dù mục đích của điều kiện này nhằm bảo vệ công ăn việc làm của người dân Hoa Kỳ trước tình trạng cạnh tranh bất công của các quốc gia không bảo vệ mức lương cho công nhân, chúng ta có thể vận dụng điều kiện này để bảo đảm quyền của người lao động.

Dùng thế, chúng ta có thể chuyển yếu thành mạnh và đã mạnh thành mạnh hơn.

“Lãnh đạo là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa nhân cách và chiến lược.” - Tướng Norman Schwarzkopf

Chương 1

Hội Nhập Người Dân Vào Xã Hội Dân Sự Trong Vùng Và Quốc Tế

Bài 1:

Ươm Mầm Dân Chủ Cho Việt Nam Qua Hội Nhập Hạ Tầng

Kể từ giữa thập niên 1980, Việt Nam chủ trương hội nhập vùng và quốc tế về các lãnh vực kinh tế, mậu dịch, quốc phòng, giáo dục, văn hoá... Lúc nhanh lúc chậm, khi tiến khi thoái, nhưng chiều hướng chung vẫn là hội nhập, hội nhập trong phạm vi khối ASEAN, trong tập thể các quốc gia vùng Biển Thái Bình, hoặc trên trường quốc tế. Tuy nhiên cho đến nay mới chỉ là sự hội nhập ở thượng tầng – giữa chính phủ với chính phủ. Muốn có dân chủ thì còn phải hội nhập ở hạ tầng – của mọi thành phần trong xã hội với các nền dân chủ trong vùng và trên thế giới.

Từ năm 2005, BPSOS đã thực hiện nhiều chương trình nhằm thúc đẩy sự hội nhập ở hạ tầng. Các chương trình này có thể gom lại thành ba lãnh vực.

Lãnh vực thứ nhất là huấn luyện để chuẩn bị cho nhân sự trong nước về bản lãnh, kiến thức, kỹ năng và tập quán sinh hoạt nhằm dễ dàng hoạt động và hoà nhập trong môi trường xã hội dân sự vùng và quốc tế. Một số người có lẽ đã biết về một chương trình của BPSOS thuộc lãnh vực này qua vụ án của hai luật sư Nguyễn Văn Đài và Lê Thị Công Nhân. Chương trình ấy huấn luyện một số luật sư, luật gia, và sinh viên luật về luật quốc tế về nhân quyền, tị nạn, tự do tôn giáo, và buôn người. Chương trình ấy còn tạo cầu nối cho những nhân sự đã được huấn luyện để tiếp xúc và hợp tác với một số tổ chức quốc tế và giới chức chính quyền dân chủ để trao đổi và học hỏi.

Lãnh vực thứ hai là giúp một số tổ chức thực sự là phi chính phủ (NGO) ở Việt Nam hội nhập vào cộng đồng của những tổ chức NGO vùng và quốc tế. Qua đó, các tổ chức NGO này học hỏi được kinh nghiệm hoạt động trên bình diện quốc tế và tạo được mối quan hệ liên

kết với các tổ chức quốc tế cùng chí hướng để tiến đến hợp tác lâu dài. Qua những hợp tác ấy, các tổ chức NGO ở trong nước không những có cơ hội để phát triển về năng lực và kinh nghiệm mà còn có thể sẽ nhận được những ngân khoản từ các tổ chức hay chính quyền quốc tế. Một ví dụ điển hình là từ năm 1999, chúng tôi đã giới thiệu LM Nguyễn Văn Lý với một số tổ chức tôn giáo và từ thiện trên thế giới; một số tổ chức quốc tế sau đó đã hỗ trợ LM Lý trong công tác huấn luyện, cứu trợ, và giáo dục.

Lãnh vực thứ ba là thay đổi cách suy nghĩ và nếp sinh hoạt của người trong nước nói chung. Trong thời gian gần đây tôi lên tiếng kêu gọi cộng đồng người Việt ở hải ngoại đặt điều kiện cho mỗi đồng tiền đóng góp cho các công tác từ thiện ở Việt Nam. Đó là những điều kiện về nguyên tắc minh bạch, về nguyên tắc cân bằng và kiểm soát, về nguyên tắc trách nhiệm, về nguyên tắc “thành quả thay vì thành tích”, về nguyên tắc “phát triển thay vì phát chẩn”, v.v. Đây là những nguyên tắc cốt lõi để chuẩn bị cho một ngày xã hội Việt Nam sẽ hội nhập vào cộng đồng xã hội dân sự của thế giới.

Tuy chủ trương không ồn ào, trong sách lược 10 năm để chuyển biến cộng đồng và thay đổi Việt Nam, tôi thấy cần trình bày, ở mức độ nào đó, một số chương trình điển hình đã thực hiện để kêu gọi sự yểm trợ và hợp tác. Thực ra có nhiều cách khác nữa để thúc đẩy sự hội nhập ở hạ tầng mà tôi sẽ trình bày khi có dịp.

Cùng chung sức, cộng đồng người Việt ở hải ngoại có thể giúp ngày càng nhiều nhân sự và tổ chức dân sự ở Việt Nam vượt ra khỏi môi trường thiếu dân chủ ở trong nước để hội nhập thẳng vào nền dân chủ trong vùng và trên thế giới.

Khi tốc độ hội nhập ở hạ tầng vượt xa tốc độ hội nhập ở thượng tầng thì lúc đó khó ai có thể cưỡng lại trào lưu dân chủ hoá.

Bài 2: Lật Ngược Thế Cờ

Muốn có dân chủ thì phải xây dựng xã hội dân sự. Muốn có xã hội dân sự thì phải có người có khả năng hoạt động xã hội dân sự. Trong xã hội Việt Nam hiện đang thiếu những nhân sự như vậy.

Phần lớn những người tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam, vì chính sách cấm đoán, đã không có cơ hội để thu thập kinh nghiệm qua các hoạt động xã hội dân sự ở trong nước. Họ lại bị cô lập và bưng bít nên không có cơ hội học hỏi kinh nghiệm từ khu vực xã hội dân sự ở ngoài nước, kể cả những quốc gia lân bang trong khối ASEAN. Do đó kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và bản lãnh về hoạt động xã hội dân sự của họ bị giới hạn. Chính vì ít có dịp giao tiếp với xã hội dân sự, phần đông các nhân sự vận động dân chủ ở trong nước thiếu chuẩn bị và nhiều khi nảy sinh tâm lý chủ quan, thiếu dữ kiện để biết người biết ta, và không biết những gì mình cần biết nhưng chưa biết.

Trong khi đó, các nhân sự của đảng và nhà nước lại có nhiều cơ hội đi đó đi đây và tiếp xúc rộng rãi. Họ có cơ hội để tìm hiểu các trào lưu mới và thu thập kỹ năng cần thiết để đối phó trước những biến chuyển quốc tế. Điển hình là cuộc họp của 500 đại diện của các tổ chức xã hội dân sự thuộc khối ASEAN, được tổ chức vào cuối tháng 10 năm 2009 ở Cha Am, Thái Lan, ngay trước hội nghị lần thứ 15 của các nguyên thủ quốc gia. Qua cuộc họp này, với tên là Diễn Đàn Người Dân ASEAN, các tổ chức xã hội dân sự cố gắng tạo thế ảnh hưởng tương lân lên các chính phủ thiếu dân chủ ở trong vùng. Việt Nam đã cử một lực lượng hùng hậu tham dự cuộc họp, gồm 43 thành viên đại diện cho 16 tổ chức “phi chính phủ” còn gọi tắt là NGO (non-governmental organizations). Thực ra đó là những tổ chức do chính phủ dựng lên để tạo bình phong dân chủ – trong tiếng Anh đó là những GONGO, tức là government-operated NGO, như Mặt Trận Tổ Quốc, Hội Phụ Nữ, Tổng Liên Đoàn Lao Động...

Phái đoàn hùng hậu này, chỉ kém về nhân số so với phái đoàn

của quốc gia chủ nhà là Thái Lan, dùng những ngôn ngữ dân chủ tại nghị trường nhưng chủ đích là bao che cho sự thiếu dân chủ và mất nhân quyền ở Việt Nam. Điều trớ trêu là phần lớn các tổ chức xã hội dân sự có mặt tin vào những lập luận ấy và không phân định được rằng họ là GONGO chứ không phải NGO. Người của nhà nước Việt Nam chiếm được diễn đàn dân chủ, trong khi các nhân sự đấu tranh cho dân chủ thì vắng bóng, im hơi.

Thực ra các tổ chức GONGO Việt Nam này đã nhiều năm hợp tác với các tổ chức NGO ASEAN và quốc tế và nhiều khi nhận được tài trợ từ các nguồn tiền tư nhân hay từ các chính quyền dân chủ, kể cả Hoa Kỳ. Đây là tình trạng ngược đời. Những người đại diện cho một chế độ bị lên án là hủ lậu, bùng bít, chậm tiến lại có tầm nhìn, tầm hoạt động, và tầm quan hệ rộng rãi hơn hẳn những người đấu tranh cho dân chủ, cho xã hội mở, cho tự do.

Tôi mong rằng những ai quan tâm đến tương lai dân chủ cho Việt Nam, kể cả những người ở trong nước và cộng đồng Việt ở hải ngoại, hãy để ý đến tình trạng lộn ngược này và bằng mọi cách lật ngược thế cờ. Người ở trong nước cần tìm mọi cơ hội để nối kết với các tổ chức xã hội dân sự trong khối ASEAN và học hỏi kinh nghiệm từ họ. Những kinh nghiệm này nhiều khi quý báu và thực tiễn hơn là kinh nghiệm từ các quốc gia phương Tây. Điều này tương đối an toàn so với tham gia các tổ chức chính trị của người Việt ở hải ngoại vì chính ngay các GONGO do nhà nước lập ra cũng đã đi lại, đối tác, và ngay cả hợp tác với các tổ chức xã hội dân sự này thì không lý nào buộc tội người khác chỉ vì họ liên lạc với cùng những tổ chức ấy.

Và người ở hải ngoại có thể giúp tạo môi trường và cơ hội cho những người thuộc thành phần vận động dân chủ ở trong nước tiếp xúc và tham gia phong trào xã hội dân sự quốc tế, nhất là trong khối ASEAN.

Đào tạo nhân sự với kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và bản lĩnh thích hợp là bước đầu tiên và căn bản để tạo nên những hạt nhân cho một xã hội dân sự làm nền cho chế độ dân chủ sau này ở Việt Nam.

Diễn Đàn Người Dân Ở Cha Am

Cha-Am, Thái Lan, 23/10/09 – Tại hội nghị thượng đỉnh lần thứ 15 của khối ASEAN, nhiều đại diện của các tổ chức xã hội dân sự đã bước ra khỏi phòng họp để phản đối khi 5 thành viên trong nhóm họ bị cấm tham dự cuộc tiếp xúc với thủ lĩnh của các chính phủ ASEAN.

Nhóm đại diện này được đề cử bởi 500 đại diện của các tổ chức phi chính phủ tại buổi họp ngày 19 đến 21 tháng 10, ngay trước khi hội nghị thượng đỉnh bắt đầu. Phái đoàn này gồm một đại diện cho mỗi quốc gia ASEAN. Theo thể thức đã được thoả thuận, các vị lãnh đạo chính phủ sẽ tiếp xúc với phái đoàn đại diện cho các tổ chức xã hội dân sự để trao đổi về các vấn đề nhân quyền.

Tại hội nghị thượng đỉnh này, khối ASEAN ra mắt Ủy Ban Nhân Quyền Liên Chính Phủ, được thành lập chiếu theo Hiến Chương ASEAN. Hiến chương này được công bố ngày 20 tháng 11, 2007 tại Tân Gia Ba.

Trong giai đoạn hình thành uỷ ban, các tổ chức xã hội dân sự thuộc các quốc gia ASEAN đã cùng nhau vận động để uỷ ban này có thẩm quyền theo dõi và chế tài các hành vi vi phạm nhân quyền. Tuy nhiên, chỉ có chính phủ Nam Dương, Thái Lan và Phi Luật Tân ủng hộ điều này. Các quốc gia phản đối kịch liệt nhất là Miến Điện, Việt Nam, Cambốt và Lào. Do sự chống đối này, cuối cùng Ủy Ban Nhân Quyền Liên Chính Phủ chỉ đóng vai trò giới hạn là tạo ý thức quần chúng về nhân quyền.

Trước tình hình ấy, các tổ chức xã hội dân sự vận động để có buổi họp hội ý với các thủ lĩnh chính phủ ASEAN. Đề nghị này được chấp thuận. Tuy nhiên, khi danh sách của phái đoàn đại diện được công bố thì 5 quốc gia đã không thừa nhận người được đề cử đại diện cho quốc gia họ: Miến Điện, Cambốt, Lào, Phi Luật Tân, và Tân Gia Ba.

“Chính phủ Việt Nam tinh vi hơn; họ gửi đến Cha-Am những tổ chức do nhà nước lập ra và kiểm soát. Đó không phải là tổ chức phi chính phủ thực sự”, Ts. Nguyễn Đình Thắng, Giám Đốc Điều Hành BPSOS (Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển), nhận xét.

Theo Ông, các thể chế độc tài thường tạo dựng những tổ chức phi chính phủ trá hình như vậy để che mắt quốc tế, và các tổ chức này thay vì là NGO thì được gọi là GONGO, viết tắt của government-operated NGO.

Việt Nam đã cử 30 đại diện của 16 tổ chức GONGO như vậy đến Cha-Am, như Mặt Trận Tổ Quốc, Hội Phụ Nữ, Tổng Liên Đoàn Lao Động, v.v. Các đại diện đến từ Việt Nam đều lập luận theo chính sách của nhà nước và do đó chính phủ Việt Nam đã dễ dàng chấp nhận người đại diện cho Việt Nam trong phái đoàn của các tổ chức xã hội dân sự.

Người đại diện này là Cô Trần Thị Thu Thủy, Đồng Giám Đốc của tổ chức “Liên Hiệp các Tổ chức Hữu nghị Việt Nam-Trung tâm Tư liệu các Tổ chức Phi Chính phủ” tiếng Anh là VUFO-NGO Resource Center (VUFO là viết tắt của Vietnam Union of Friendship Organizations).

Để làm đối trọng cho phái đoàn GONGO từ Việt Nam, BPSOS cử một phái đoàn ba người gồm người đại diện cho một tổ chức hoạt động trong nước, cựu Đại Sứ Grover Joseph Rees đại diện Liên Minh CAMSA, và một người Mỹ gốc Việt. Bất chấp sự phản đối của phía GONGO Việt Nam, phái đoàn này đã đưa được vào bản tuyên ngôn chung của các tổ chức xã hội dân sự lời kêu gọi cải tổ khung luật: “Các chính phủ ASEAN cần xét lại luật pháp và chính sách nhằm bảo đảm sự bảo vệ đầy đủ các quyền tự do căn bản, đặc biệt là tự do ngôn luận, hội đoàn, hội họp, và tôn giáo.”

Năm 2010, Việt Nam là chủ tịch luân phiên của ASEAN và do đó cũng sẽ là chủ tịch đầu tiên của Ủy Ban Nhân Quyền Liên Chính Phủ ASEAN.

Các thành viên của uỷ ban này do các chính phủ đề cử gồm có: Dr. Striprapha Petcharamesree (Thailand), H.E. Om Yentieng (Cambodia), Mr. Rafendi Djamin (Indonesia), Bounkeut Sangsomsak (Lao PDR), Pehin Datu Imam Dato Paduka Seri Ustaz HAJI AWANG ABDUL HAMID BAKAL (Malaysia), Kyaw Tint Swe (Myanmar), Rosario G. Manalo (the Philippines), Richard Magnus (Singapore), và Đỗ Ngọc Sơn (Viet Nam), với nhiệm kỳ 3 năm.

Bài 3:

Đưa Dân Đến Với Dân Chủ

Trong 35 năm qua rất nhiều người, kể cả trong lẫn ngoài nước, đã bỏ nhiều công sức để mưu cầu dân chủ cho Việt Nam. Trở ngại lớn nhất là tình trạng con gà và quả trứng – muốn có dân chủ thì phải có ba yếu tố cần thiết: nhân sự có bản lĩnh, cơ chế quy tụ nhân sự, và cung cách ứng xử của quần chúng phù hợp với các nguyên tắc dân chủ; nhưng ba yếu tố này rất khó tạo lập trong một môi trường thiếu dân chủ.

Để thoát khỏi vòng lẩn quẩn này, chúng ta cần chọn một môi trường dân chủ ở ngoài Việt Nam. Nghĩa là chúng ta chủ động đưa người dân đến với dân chủ khi mà chưa đưa được dân chủ đến với người dân. Để làm ví dụ, tôi nêu ra hai trong nhiều cách thức để thực hiện điều này.

Hiện nay có khoảng 600 đến 700 ngàn người Việt lao động ở trên 30 quốc gia. Trong đó có một số quốc gia đã có nền dân chủ (như Đài Loan, Thái Lan, Cộng Hoà Tiệp...) hoặc đang tiến đến dân chủ (như Mã Lai, Jordan...). Bình thường thì các công nhân Việt này chỉ biết quần quật làm lụng, kiếm tiền giúp đỡ gia đình, và mong chóng hết hạn hợp đồng để về nước. Vì không được giới chức hữu trách quan tâm và vì luật pháp Việt Nam không bảo vệ đúng mức cho người lao động ngoài nước, họ thường bị lừa đảo, bóc lột hay ngược đãi nhưng không biết tìm đâu để cầu cứu. Qua chương trình can thiệp và bảo vệ cho họ, chúng ta có cơ hội giúp họ hoà nhập về tư tưởng và hành động vào với nền dân chủ pháp trị ở quốc gia sở tại. Chúng ta có thể hướng dẫn họ về quyền con người, tập hợp họ thành những nhóm tương trợ và tự giúp, hỗ trợ họ đòi công lý qua pháp luật, và giúp họ ý thức về vai trò “dân làm chủ” khi đối tác với các giới chức đại sứ quán Việt Nam. Phần lớn các người lao động này sẽ hưởng ứng vì nó đáp ứng quyền lợi thiết thực của họ.

Cách thứ hai là giúp cho người dân đang ở trong nước đến với những nền dân chủ trong khối ASEAN. Trong chiều hướng hội nhập vùng, các quốc gia ASEAN gần đây đã nới lỏng sự kiểm soát việc đi lại từ quốc gia này sang quốc gia khác: chỉ cần passport nếu như không ở quá 30 ngày. Với cơ hội này, chúng ta có thể giúp người dân Việt tiếp cận với nền dân chủ ở Thái Lan, Nam Dương và Phi Luật Tân hoặc ngay cả ở Mã Lai, nơi xã hội đang tiến đến dân chủ. Vì đi lại tương đối dễ dàng, những người Việt hoạt động có thể tham gia các hội nghị, gia nhập các khối vận động, thực hiện các dự án chung với những nhà hoạt động dân chủ trong khối ASEAN. Các tổ chức phi chính phủ, dù không được nhà nước Việt Nam chính thức thừa nhận, vẫn có thể hợp tác với đại khối các tổ chức phi chính phủ ASEAN – hiện nay có gần trăm tổ chức xã hội dân sự và hàng ngàn tổ chức phi chính phủ hoạt động ở các quốc gia ASEAN.

Môi trường dân chủ sẽ tạo thuận lợi cho sự phát triển ba yếu tố cần thiết cho dân chủ: nhân sự có bản lĩnh, tài năng, kinh nghiệm và đạo đức; cơ cấu quy tụ và tổ chức nhân sự để tạo thế và lực; và việc phát huy các nguyên tắc dân chủ trong tư tưởng và hành động.

Xin lưu ý rằng điều kể trên hoàn toàn khác với nỗ lực của một số đảng phái chính trị hay tổ chức nhân quyền ở hải ngoại: lén đưa người sang Cambốt hoặc Thái Lan huấn luyện để rồi trở về hoạt động ở Việt Nam. Cách đó, trong hoàn cảnh hiện nay, vừa gây nguy hiểm cho những người tham gia vừa không giúp phát triển ba yếu tố cần thiết cho dân chủ như kể trên. Đó vẫn là mưu cầu đưa dân chủ đến với người dân.

Điều tôi kêu gọi là đưa người dân đến với dân chủ.

Bài 4:

Đạo Đức Và Dân Chủ

Ở thời buổi này, ít ai lấy đạo đức làm nền tảng để xây dựng một Việt Nam dân chủ. Nhiều người quan niệm rằng lật đổ chế độ độc tài, rồi tổ chức tổng tuyển cử với sự tham gia của nhiều chính đảng thì tức khắc có dân chủ. Cách nhìn giản đơn ấy dễ dẫn đến hành động đi ngược với ý nguyện và lời nói.

Đạo đức là khởi điểm để xây dựng, là nền tảng để gìn giữ dân chủ.

Đạo đức cần thiết để xây dựng niềm tin. Niềm tin ấy giúp con người tập hợp được với nhau thành tổ chức để cùng giải quyết các vấn đề xã hội, tương thân tương trợ, tranh đấu cho một lý tưởng chung, hay ảnh hưởng chính sách. Tất cả những tập hợp tự nhiên và tự do ấy được gọi là xã hội dân sự. Có chính đảng, có tuyển cử mà thiếu xã hội dân sự thì đó là chế độ tập đoàn sứ quân chứ không phải dân chủ.

Đối sử với nhau thiếu đạo đức, thì niềm tin suy giảm rồi tan biến; người ta đến với nhau qua những tính toán cơ hội, để rồi không sớm thì chầy sẽ gấu ó và thanh trừng lẫn nhau. Xã hội ấy chỉ có tan mà không có hợp, chỉ có cấu kết chứ không có đoàn kết.

Điều này rất rõ khi so sánh miền Nam trước và sau ngày bị nhuốm đỏ.

Trước, dù cuộc chiến khốc liệt, con người vẫn tin nhau và tìm đến với nhau; trẻ nhỏ đã học công dân giáo dục; tình láng giềng nồng ấm, sâu đậm; tinh thần tương thân tương trợ phát triển và phổ cập; các tổ chức và hội đoàn ra đời và sinh hoạt nhộn nhịp. Vốn xã hội—những sợi dây vô hình bện con người lại với nhau—chằng chịt và phong phú.

Sau, vì muốn độc quyền thống trị, chế độ cầm quyền không muốn người dân tập hợp lại thành sức mạnh nên đã phá huỷ niềm tin giữa người và người, reo rắc sự nghi kỵ và thù hận từ thành phố đến thôn

làng, từ gia đình đến tôn giáo. Không ai còn dám tin ai: hàng xóm rình rập nhau, đồng nghiệp tố giác nhau; cha không tin con, vợ không tin chồng; nhất cử nhất động ai ai cũng phải suy tính, dè chừng kéo mang hoạ. Vốn xã hội của đất nước trở nên xơ xác, cạn kiệt, muốn gầy dựng lại sẽ phải mất nhiều thế hệ. Đó là tội nặng nhất của Đảng Cộng Sản Việt Nam đối với dân tộc.

Điều đáng tiếc là có những tổ chức chống cộng cũng đang tiêu huỷ vốn xã hội trong cộng đồng người Việt hải ngoại cũng như trong lòng dân tộc. Vì lợi nhỏ trước mắt, vì háo thắng hay muốn tranh giành ảnh hưởng, họ không nhìn xa để lường được hậu quả lâu dài cho đại cuộc. Họ hành xử thiếu minh bạch, thông tin sai lệch cho đồng bào, trục lợi lòng tin của thành viên, khuynh loát các tổ chức khác với họ. Họ cho rằng tiểu xảo là tài trí, thủ đoạn là khôn ngoan.

Đối với họ bất luận con đường nào cũng đều chấp nhận được miễn sao đạt mục đích nào đó mà họ ngộ nhận là dân chủ. Thực ra dân chủ không phải là mục đích, hiểu theo nghĩa tĩnh của điểm đến, mà là một hành trình miên viễn được định tính bởi cung cách hành xử của các thành viên và cơ cấu trong xã hội. Trong sự hăm hở đạt cho kỳ được mục đích nào đó, đi đến đâu họ tiêu thổ và chặt cầu đến đó mà không biết rằng dân chủ chính là con đường v à chiếc cầu mà họ đang phá huỷ.

Đạo đức rất quan trọng. Quan trọng để tái lập niềm tin, để con người đến được với nhau, để vun bồi vốn xã hội, và để phát triển xã hội dân sự làm nền tảng cho nền dân chủ sau này.

Đã đến lúc mọi người trong chúng ta cần dứt khoát đòi hỏi đạo đức nơi những người, những tổ chức, những đảng phái tự nhận là tranh đấu cho dân chủ.

“Để thành công, một chính phủ vì dân phải dựa trên trí tuệ, đạo đức, công lý, và quyền lợi của người dân.”

- Tổng Thống Hoa Kỳ Grover Cleveland

Chương 2

Phát Triển Nội Lực Và Thế Đứng Cho Các Tổ Chức Tôn Giáo Và Dân Sự

Bài 1:

Tự Do Tôn Giáo Và Chính Sách Đối Ngoại Của Hoa Kỳ

Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế, được Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua cuối năm 1998, mở ra một trang mới trong chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Cộng đồng Việt đã phần nào biết khai thác điểm tựa pháp lý này cho cuộc vận động thay đổi Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta lẽ ra có thể đạt được nhiều kết quả hơn nếu như làm đúng cách.

Muốn thế, chúng ta cần hiểu bối cảnh ra đời của đạo luật này.

Khi còn tranh cử, ứng cử viên Bill Clinton chỉ trích Tổng Thống Bush (cha) là đã quá mềm yếu trước những vi phạm nhân quyền của Trung Cộng. Tuy nhiên, khi vừa bước chân vào Toà Bạch Ốc năm 1993, tân TT Clinton tuyên bố tách lìa nhân quyền ra khỏi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Mất điểm tựa, phong trào tranh đấu cho nhân quyền bị khựng lại. Năm 1995, Dân Biểu Frank Wolf (Cộng Hoà, VA) khởi xướng nỗ lực cài nhân quyền vào trở lại với chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ.

DB Wolf đã tập trung vào lãnh vực tự do tôn giáo. Đây là một bước chiến lược tài tình và đã huy động được sự ủng hộ của lực lượng tôn giáo và cả các công đoàn đứng chung hàng ngũ với các tổ chức nhân quyền để đối chọi lại với cuộc phản công của các đại công ty và Hành Pháp Clinton. Sau 3 năm trời cù cưa và nhiều sửa đổi nhượng bộ, đạo luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế được thông qua.

Có người chỉ trích rằng tại sao chỉ giới hạn vào tự do tôn giáo mà không nói rộng ra mọi lãnh vực nhân quyền. Tôi có cơ hội hợp tác chặt chẽ với văn phòng của DB Wolf để vận động cho đạo luật này từ đầu nên biết rõ sự khó khăn trắc trở của nó, vì theo nguyên tắc phân

quyền ở Hoa Kỳ thì đối ngoại thuộc thẩm quyền của Hành Pháp. Do đó, một đạo luật có biện pháp chế tài rất khó được thông qua. DB Wolf và những nhà tranh đấu nhân quyền lão thành cùng nhận định rằng, muốn thành công thì nhất thiết phải tập trung vào một mũi nhọn, và đó là tự do tôn giáo.

Họ cũng nhận định rằng tự do tôn giáo sẽ là đòn bẩy cho các quyền tự do khác. Các tổ chức tôn giáo chính là những cơ cấu xã hội dân sự đối trọng với chính quyền. Và khi các tổ chức này được tự do lập hội đoàn từ thiện, phát hành báo chí về đức tin, thực hiện các chương trình phát thanh và truyền hình để thông tin đến tín đồ, sở hữu tài sản để sinh hoạt tôn giáo, v.v. thì sẽ đương nhiên khơi mào cho nhân quyền trong các lãnh vực khác.

Điều khoản nặng ký nhất của đạo luật là thành lập Phòng Đặc Trách Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế ở Bộ Ngoại Giao để hàng năm theo dõi và báo cáo tình trạng tự do tôn giáo ở từng quốc gia một và phải đưa vào danh sách “quốc gia quan tâm đặc biệt” (CPC) những quốc gia nào vi phạm tự do tôn giáo một cách trầm trọng. Quốc gia trong danh sách CPC thì sẽ bị chế tài trừ khi được Tổng Thống bãi miễn – Tổng Thống có quyền miễn chế tài nếu như làm vậy sẽ thúc đẩy sự tôn trọng tự do tôn giáo ở quốc gia ấy. Để bảo đảm tính trung thực, Đạo Luật còn thành lập Ủy Hội Hoa Kỳ Về Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế với nhiệm vụ điều tra và báo cáo trực tiếp cho Quốc Hội và Tổng Thống độc lập với Bộ Ngoại Giao.

Hiểu được bối cảnh trên thì chúng ta sẽ hiểu được những bước đi lắt léo của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ trong thời gian qua. Từ 2001 đến 2004, Việt Nam đã đàn áp nặng nề phong trào Tin Lành Tự Gia ở Cao Nguyên Trung Phần và Thượng Du Bắc Phần – đóng dẹp trên bốn ngàn điểm nhóm tư gia. Trước sự đàn áp khốc liệt ấy, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ không thể nào làm ngơ và đã đưa Việt Nam vào danh sách CPC. Việt Nam ban hành Pháp Lệnh Tín Ngưỡng và Tôn Giáo và qua đó cho phép một số hội thánh và nhóm tư gia sinh hoạt. Bộ Ngoại Giao rút Việt Nam ra khỏi danh sách CPC mặc dù tình trạng đàn áp tôn giáo vẫn còn tiếp diễn. Trên 400 tín đồ Tin Lành thuộc các dân tộc Tây Nguyên tiếp tục ở tù.

Năm 2006 Ls. Nguyễn Văn Đài phui sự thi hành không nghiêm chỉnh Pháp Lệnh Tín Ngưỡng và Tôn Giáo với những dẫn chứng cụ thể. Tôi chuyển thông tin này đến Ủy Hội Hoa Kỳ Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế. Đầu năm 2007 chính quyền Việt Nam bắt Ls. Đài với tội danh chính trị. Cùng lúc, chính quyền đàn áp thô bạo các Phật tử Khmer Krom ở Miền Nam và leo thang đàn áp đồng bào dân tộc Tây Nguyên (Montagnard) ở Miền Trung. Chính quyền tiếp tục quản chế các lãnh đạo của Giáo Hội Phát Giáo Thống Nhất. Và rồi các vụ Thái Hà, Bầu Sen, Tam Toà, Đồng Chiêm, Bát Nhã... xảy ra.

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lên án các vụ đàn áp này nhưng tuyên bố tất cả đều là những vụ đàn áp vì lý do tranh chấp đất đai hay chính trị, hoặc do những xung đột giữa các thành phần dân chúng địa phương, chứ không phải là đàn áp tôn giáo. Ngay cả đối với những vị lãnh đạo tôn giáo như LM Nguyễn Văn Lý và HT Thích Quảng Độ, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lập luận rằng họ bị đàn áp vì những hành động và tuyên bố mang tính cách chính trị. Khi lách vấn đề sang lãnh vực khác thì Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế không còn áp dụng, nghĩa là tránh không phải đưa Việt Nam trở lại danh sách CPC.

Trước chủ ý này của Bộ Ngoại Giao, nếu muốn dùng Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế làm điểm tựa thì:

1. Người ở trong nước phải khẳng định tính chất tôn giáo trong các hoạt động và trong mọi sự lên tiếng của mình để làm sao chính quyền Việt Nam và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ không thể nào “lách” vấn đề sang lãnh vực khác;
2. Người ở hải ngoại cần trưng dẫn các chứng cứ không thể chối cãi về các vụ vi phạm tự do tôn giáo. Chẳng hạn BPSOS đã thu thập và chuyển cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ danh sách của trên 650 hội nhóm Tin Lành tư gia mà từ 5 năm qua vẫn không được chấp nhận cho “đăng ký sinh hoạt” mặc dù họ đã làm đúng thủ tục ấn định bởi luật pháp.

Cho đến nay cả hai điều này chưa được quan tâm đúng mức. Chúng ta chưa tận dụng Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế làm điểm tựa cho cuộc vận động nhân quyền và dân chủ cho Việt Nam.

Bài Học Từ 40 Năm Trước

Tôi sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn nên chẳng biết gì về chiến tranh ngoại trừ những đêm hoả châu cháy sáng hoặc tiếng súng đại pháo từ xa vọng về. Nhưng rồi mọi sự đều thay đổi – Tết Mậu Thân đã đem chiến tranh vào thành phố. Lần đầu tiên, trong con mắt trẻ thơ, tôi thấy và sống cảnh li loạn của thời chinh chiến.

Họ hàng chạy loạn đổ dồn về nhà tôi tạm trú, ăn ở la liệt trong nhà. Các anh lính chiến, các nhân viên cảnh sát di chuyển rần rạt quanh khu xóm. Đạn pháo kích và còi hụ gián đoạn bữa ăn và giấc ngủ, đẩy mọi người trong nhà xuống dưới gầm cầu thang, gầm bàn, gầm đi-văng ẩn nấp. Về đêm lần đạn như xé không gian chỉ chít trên bầu trời. Và xa xa ánh lửa cháy bập bùng. Người lớn dán tai vào chiếc radio để theo dõi tin tức chiến sự với những lời bàn đầy lo âu.

Một hôm bà hàng xóm có chồng Mỹ chạy sang nhà tôi khóc lăn khóc lộn, người vật xuống đất như không còn xương sống. Giữa tiếng nấc nghẹn và hai dòng nước mắt, bà cho biết là cả nhà – mẹ, anh, chị, em, cháu – ở Huế đều bỏ mình khi Mỹ dội bom để lừa tàn quân cộng sản ra khỏi cố đô.

Quân đội cộng sản rút đi trong thảm bại. Mọi người bắt đầu xây dựng lại từ đổ vỡ của trận chiến và cố tái lập đời sống bình thường. Cuộc chiến tưởng đã tạm lui vào dĩ vãng thì trên màn ảnh, trên báo chí, trên làn sóng phát thanh tin tức về cuộc thảm sát ở Huế chấn động lương tâm của mọi người dân miền Nam. Hình ảnh vợ tìm xác chồng, mẹ tìm xác con, bà cụ hom hem ôm xác cháu, và hàng hàng lớp lớp quan tài đã in đậm vào đầu óc non trẻ của tôi thời bấy giờ về sự ghê rợn của những con người đã mất tính người.

Thế nhưng dư luận Hoa Kỳ lại xem chiến thắng của miền Nam như một thất bại, và báo chí Hoa Kỳ lờ đi hành động tàn sát tập thể ở Huế của quân đội cộng sản. Vài năm sau, cuộc chiến được “Việt Nam Hoá” để mở đường cho quân đội Hoa Kỳ rút lui. Ngày 30 tháng 4, 1975 miền Nam rơi vào tay cộng sản.

Đoàn quân chiến thắng tiến vào miền Nam và khoác lác đủ điều – lúc ấy tôi đã đủ lớn để nhận biết. Giữa muôn ngàn điều khoác lác, có một điều họ tuyên bố, khi nghiệm lại, thì có phần đúng: họ không chiến thắng ở mặt trận mà chiến thắng ở “Oa-Shing-Ton”. Đổi lại cách nói, Việt Nam Cộng Hoà không thua trận trên chiến trường Việt Nam mà bị đè bẹp bởi phong trào phản chiến dâng lên ngùn ngụt và toả rộng ở Hoa Kỳ.

Ba mươi lăm năm đã trôi qua. Tình thế đã đổi thay. Nay ở Hoa Kỳ có một triệu rưỡi người Việt tị nạn với rất nhiều kinh nghiệm xương máu về chế độ cộng sản. Giờ đây chúng ta có một thế rất mạnh ở ngay tại “Oa-Shing-Ton”. Chúng ta cần tận dụng thế mạnh ấy để tạo áp lực chính trị, ngoại giao, kinh tế, pháp lý và ép chính phủ Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và nhân phẩm, phải chấp nhận thay đổi theo với trào lưu dân chủ của thế giới.

Ở Hoa Kỳ có hai đạo luật với điều khoản chế tài đối với các quốc gia vi phạm: Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế ban hành năm 1998 mà Dân Biểu Frank Wolf là tác giả và Đạo Luật Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người ban hành năm 2000 mà Dân Biểu Chris Smith là tác giả. Nếu khéo khai thác hai điểm tựa pháp lý này, chúng ta sẽ tạo được cơ hội cho những thay đổi tích cực ở trong nước.

Thế cờ đã lật ngược, cuộc tranh đấu cho dân chủ, nhân quyền, tự do tôn giáo của trên 80 triệu dân Việt nay có cơ hội thành công đến từ Hoa Thịnh Đốn.

Chương 3

Thiết Định Các Nguyên Tắc Về Xã Hội Dân Sự Trong Ý Thức Quần Chúng

Bài 1:

Từ Thiện Và Dân Chủ

Cảnh khốn cùng của đồng bào trong nước thường làm cho chúng ta lẩn cấn giữa tình và lý. Ai nặng tình thì chủ trương giúp người ngay trước mắt, dù chỉ là một số nhỏ trong biển khổ mênh mông. Ai nghiêng về lý thì muốn giải quyết tận gốc các vấn nạn xã hội và chủ trương không tiếp sức hay làm hộ cho chế độ độc tài và tham nhũng.

Một bên thì đánh động vào sự thương cảm của đồng bào đối với đồng bào, trước những cảnh tượng đau lòng của các người cùi, các trẻ mồ côi, các người phế tật. Bên kia thì cho rằng vấn nạn xã hội là do chế độ thối nát và bất công gây ra, do đó muốn giải quyết tận gốc thì nhất thiết phải giải trừ chế độ trước đã.

Thực ra hai lập luận không chửi nhau, mà là hai mặt của một đồng tiền, cùng cần thiết như nhau và bổ trợ cho nhau.

Nếu chỉ giải quyết từng trường hợp cá lẻ thì đó là làm theo cảm xúc, thiếu trọng điểm và căn cơ, trong khi tệ nạn xã hội ngày càng lan rộng và trầm trọng hơn; tài nguyên hiếm hoi của cộng đồng Việt ở hải ngoại sẽ bị phân tán theo những công việc manh mún.

Ngược lại nếu chỉ giải trừ chế độ thì không có nghĩa là các vấn nạn xã hội sẽ tự động được giải quyết. Xã hội băng hoại vì chế độ tồi bại đã phá huỷ kỷ cương của xã hội ấy. Thay đổi chế độ mà không xây dựng lại được kỷ cương thì tình trạng băng hoại sẽ trầm trọng hơn.

Muốn xây dựng lại kỷ cương cho một xã hội băng hoại, chúng ta cần tuân thủ hai nguyên tắc căn bản trong hoạt động xã hội và từ thiện.

Nguyên tắc thứ nhất là mọi vấn đề xã hội phải được vừa đối phó đàng ngọn vừa giải quyết đàng gốc. Nhà bác học Einstein từng nhận xét rằng một vấn đề chỉ có thể giải quyết ở tầm sâu hơn là tầm nơi sản

sinh ra vấn đề. Chỉ đối phó với triệu chứng mà không chữa lành thì chỉ là nuôi bệnh. Phát chẩn cho người nghèo khó mà không đi kèm với phát triển khả năng kinh tế cho họ có khi tai hại về lâu về dài; hoặc trợ giúp cho nạn nhân mà không đòi hỏi luật pháp bảo vệ và tôn trọng quyền và lợi ích của người dân thì trở thành vô nghĩa. Muốn giải quyết vấn đề ở đẳng gốc thì hoạt động phải có quy mô, hiểu theo nghĩa cả chiều rộng lẫn chiều sâu, để tạo những thay đổi ở tâm vĩ mô.

Nguyên tắc thứ hai là mọi sự trợ giúp từ thiện đều phải có điều kiện, như phải nộp dự án với mục đích, mục tiêu, kế hoạch hành động, và ngân sách dự trù; phải báo cáo đều đặn và minh bạch về công việc và chi thu; phải thiết lập cơ chế cân bằng và kiểm soát để tránh lạm quyền; phải có kế hoạch tự lực cánh sinh trong thời hạn nhất định; phải có sự kiểm soát và đánh giá của nguồn cấp ngân khoản; phải chứng minh sự hữu hiệu qua những thành quả cụ thể và được tiên liệu; phải có kế hoạch đào tạo nhân sự về kỹ năng và khả năng quản trị và lãnh đạo; v.v. Nghĩa là phải có quy củ. Không đặt điều kiện thì những sự trợ giúp của chúng ta có nguy cơ góp phần làm băng hoại thêm xã hội vì nó khuyến khích sự lạm dụng, sự thiếu minh bạch, sự tùy tiện, và sự độc tôn.

Tôn trọng hai nguyên tắc trên sẽ nâng cao tiêu chuẩn hoạt động và khuyến khích mọi tổ chức thăng tiến về quy củ và quy mô. Được vậy thì công tác từ thiện sẽ bắt đầu gieo mầm cho xã hội dân sự. Khi xã hội dân sự phát triển thì lúc ấy mới huy động được tổng lực của xã hội để giải quyết các vấn nạn xã hội. Chính xã hội dân sự ấy là kỷ cương cần thiết cho một xã hội dân chủ lành mạnh.

Được thế thì những đóng góp của ân nhân sẽ được đầu tư cho một giải pháp lâu dài thay vì bị tiêu pha vào muôn vàn công tác mọn.

Lòng nhân thôi thúc chúng ta lên đường, nhưng mỗi bước chúng ta đi phải được soi sáng bằng lý trí.

Chỉ lo đặng ngọn thì là nhân nghĩa. Lo cả đặng gốc thì đó là chí nhân và đại nghĩa.

“Dem đại nghĩa để thắng hung tàn. Lấy chí nhân mà thay cường bạo.” – (Nguyễn Trãi)

Quyên Góp Cho Việt Nam và Luật Hoa Kỳ

Người Việt ở Hoa Kỳ, dù ở cộng đồng lớn hay nhỏ, rất chịu khó đóng góp cho những công tác từ thiện ở Việt Nam. Ngay cả trong tình hình kinh tế khó khăn hiện nay, người mình vẫn tiếp tục hưởng ứng các chương trình quyên góp cho đồng bào ở trong nước. Điều này nói lên tình của người Việt tị nạn và di dân.

Đã nói đến tình thì cũng phải nói đến lý.

Về lý, trong một bài trước tôi nêu lên sự thiếu quân bình trong vấn đề quyên góp: Hầu hết các đóng góp của người ở hải ngoại đều dồn cho Việt Nam; rất ít ai quan tâm đến nhu cầu của chính cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ. Vì sự chênh lệch này, cộng đồng của chúng ta kém phát triển so với các cộng đồng bạn, kể cả những cộng đồng nhỏ bé hơn nhiều.

Ở đây tôi muốn nêu lên một khía cạnh về lý khác của sự quyên góp cho các chương trình ở Việt Nam: tính cách hợp pháp của những quyên góp ấy.

Theo luật Hoa Kỳ, mọi thu nhập đều phải đóng thuế, ngoại trừ thu nhập của các tổ chức được quy chế miễn thuế của chính phủ liên bang. Vì miễn thuế có thể hiểu là được bao cấp bởi tiền thuế của quần chúng, cho nên các tổ chức được hưởng quy chế này phải tuân thủ các đòi hỏi rất chặt chẽ của luật pháp.

Một đòi hỏi căn bản là sự minh bạch về tài chánh, bao gồm sự minh bạch về thu, về quản lý, và về chi tiêu.

Về chi tiêu, sự minh bạch đòi hỏi mọi khoản chi đều phải truy cứu được, nghĩa là nhất nhất đồng xu nào chi ra cũng phải có biên nhận và được ghi vào sổ sách. Đối với tiền quyên góp ở Hoa Kỳ nhưng chi ở Việt Nam thì sự minh bạch không dễ thực hiện. Phần lớn người ở Việt Nam không xem sự truy cứu bằng giấy tờ là quan trọng và dễ bị tự ái khi được yêu cầu minh bạch.

Đó là chưa kể tình trạng tham nhũng tràn lan khắp xã hội. Nhiều

khi muốn đưa phẩm vật hay chuyển tiền cho dân, tổ chức từ thiện phải “trà nước” cho cán bộ, công an. Các khoản tiền “trà nước” này chắc chắn không thể nào truy cứu được vì nó bất hợp pháp.

Có tâm lý cho rằng thôi thì đành du di về nguyên tắc minh bạch để được việc, nhất là khi việc đó là việc nhân đạo; và dù biết du di như vậy là vi phạm luật pháp Hoa Kỳ, nhưng khéo che đậy thì đâu ai biết.

Hoa Kỳ, một đất nước non trẻ, đã phát triển nhanh chóng chính nhờ vào ý thức tôn trọng luật pháp nơi người dân. Ý thức ấy vừa thể hiện qua tinh thần tự giác của từng cá nhân vừa được thiết kế ngay vào các điều khoản luật chặt chẽ áp dụng đồng đều trong xã hội. Chính tinh thần thượng tôn luật pháp này đã giúp phát triển niềm tin và phát huy những quy ước hành xử chung trong xã hội, hai yếu tố căn bản của xã hội dân sự. Nhờ có một xã hội dân sự vững mạnh, Hoa Kỳ đã phát triển rất nhanh trong một thời gian tương đối ngắn kể từ khi lập quốc.

Còn Việt Nam có gần năm ngàn năm văn hiến nhưng lại rất chậm phát triển và đang có chiều hướng đi lùi vì luật pháp lỏng lẻo; từ trên xuống dưới, từ lớn đến nhỏ đều sinh hoạt mờ ảo, tùy tiện và có ít nhiều gian dối. Trong xã hội như vậy, người ta chẳng ai muốn góp vào mà chỉ chực lấy ra, chỉ chực bòn rút của xã hội. Xã hội ngày càng hỗn độn và xơ xác.

Do đó những ai đứng ra quyên góp cho các chương trình từ thiện ở Việt Nam cần cảnh giác để không nhượng bộ về nguyên tắc minh bạch và không vi phạm luật pháp Hoa Kỳ. Chính những người đóng góp phải đòi hỏi sự minh bạch tuyệt đối trong mọi khoản chi tiêu và tuyệt nhiên không thỏa hiệp với nạn tham nhũng ở Việt Nam. Có vậy, việc làm từ thiện của chúng ta mới không di hại lâu dài cho đất nước Việt Nam. Có vậy, chúng ta mới tránh không để những con sâu ở xã hội Việt Nam đục khoét nền móng pháp trị của Hoa Kỳ.

“Một trong những trở ngại lớn nhất cho sự phát triển của xã hội là sự làm việc thiện một cách mù quáng.” - Andrew Carnegie

Chương 4

Các Đề Án Đang Thực Hiện

Bài 1

Vận Động Cho Tự Do Tôn Giáo

Với đạo luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế, phong trào nhân quyền có một khí cụ pháp lý lợi hại. Muốn tận dụng nó một cách hiệu quả thì cần phải có một tổ chức tập trung vào trọng tâm này. Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam (Committee for Religious Freedom in Vietnam, hoặc CRFV) được thành lập với mục đích ấy. Trong thời gian đầu, BPSOS hỗ trợ cho tổ chức tân lập này để ghi danh hoạt động, thiết lập cơ cấu, và làm quen với vận động chính sách đối với cả Hành Pháp lẫn Lập Pháp. Từ đó đến nay, CRFV đã có những đóng góp đáng kể cho công cuộc vận động tự do tôn giáo cho Việt Nam, qua những bản phúc trình, các buổi điều trần, các cuộc vận động hành lang, và những sắp xếp cho giới chức Hoa Kỳ tiếp xúc với thành phần lãnh đạo tôn giáo ở Việt Nam. BPSOS thường xuyên cử người tham gia các cuộc vận động của CRFV tại Quốc Hội, Toà Bạch Ốc, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, và Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế.

Để hỗ trợ cho các cuộc vận động, BPSOS thu thập dữ kiện về vi phạm tự do tôn giáo và đàn áp nhân quyền nói chung, qua hình thức bản tổng kết hàng năm, để đối chiếu với bản phúc trình hàng năm của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ vốn thiếu chi tiết và thường nói nhẹ đi về những vi phạm. Chẳng hạn, bản tổng kết của BPSOS trưng dẫn những tổ chức tôn giáo cho đến nay vẫn chưa được phép hoạt động dù đã hoàn tất thủ tục ghi danh theo đúng Pháp Lệnh Về Tín Ngưỡng và Tôn Giáo, danh sách những người hoạt động tôn giáo đang ở tù, thông tin về các vụ đàn áp kín đáo nhưng khốc liệt ở những vùng hẻo lánh ít ai biết đến. Bản tổng kết này được sử dụng bởi nhiều vị dân biểu để đối chất với giới chức Bộ Ngoại Giao tại các buổi điều trần hay qua văn thư, bởi các luật sư trong việc bênh vực quyền tị nạn, và bởi một số phái đoàn người Việt trong các cuộc vận động chính sách

đổi ngoại của Hoa Kỳ.

Đồng thời, qua chương trình tị nạn, BPSOS cùng với một số tổ chức quốc tế can thiệp và bảo vệ thành công cho một số nạn nhân của sự đàn áp tôn giáo, như Mục Sư Nguyễn Lập Mà, Mục Sư Nguyễn Nhật Thống, Mục Sư Nguyễn Đăng Chí, các người cháu của LM Nguyễn Văn Lý, một số sư người gốc Khmer Krom, v.v. BPSOS đang gia tăng hoạt động can thiệp và bảo vệ này để đáp ứng số đồng bào ngày càng đông đi lánh nạn ở các quốc gia láng giềng do tình trạng đàn áp tôn giáo đang tiếp diễn.



Hình: Đại Sứ John Hanford, Giám Đốc Văn Phòng Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, tuyên bố đưa Việt Nam vào danh sách CPC năm 2004

Vài Nét Về Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam (CRFV)

I.- LÝ DO THÀNH LẬP

Ủy Ban Tự Do Tôn Giáo Cho Việt Nam (CRFV) được thành lập cuối năm 1998, ngay sau khi Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế được Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua và được Tổng Thống ban hành ngày 27 tháng 10 năm 1998.

Chủ trương chính của Ủy Ban là hỗ trợ các thành phần tranh đấu bất bạo động cho tự do tôn giáo tại Việt Nam, qua phương cách hoạt động khai thác tối đa các điều khoản trong Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế hầu tạo áp lực với chính quyền Việt Nam giúp cho việc nới rộng quyền tự do chính đáng này.

II.- PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG

CRFV làm việc chặt chẽ với các cơ quan của chính phủ Hoa Kỳ như: Quốc Hội, Hội Đồng Cố Vấn An Ninh Quốc Gia, Bộ Ngoại Giao, Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ... và các tổ chức nhân quyền quốc tế. Trọng tâm công việc của CRFV gồm có:

- Nghiên cứu và thông tin về tình hình tôn giáo trong nước, soạn các bản phúc trình, lập hồ sơ những nạn nhân bị đàn áp tôn giáo, cũng như đóng góp dữ kiện cho Lập Pháp Hoa Kỳ trong việc hình thành chính sách.
- Nói nhíp cầu liên lạc trực tiếp giữa các chính giới Hoa Kỳ và thành phần tranh đấu ôn hòa cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam, tạo cơ hội cho các vị lãnh đạo tôn giáo lên tiếng trên diễn đàn quốc tế.
- Vận động quốc tế hỗ trợ cho các tổ chức tôn giáo chính đáng

tại Việt Nam; giúp các tổ chức này có cơ hội phát triển và phục vụ dân sinh.

III.- NHỮNG THÀNH QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sau đây là những thành quả chính mà CRFV đã đạt được.

Năm 1999:

- Vận động thành công dân biểu Frank Wolf đưa một ngôn ngữ vào đạo luật Ngân Sách Ngoại Giao với nội dung đòi hỏi Bộ Ngoại Giao báo cáo về tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam.
- Sắp xếp để dân biểu Christopher Smith và phái đoàn Quốc Hội tiếp xúc riêng với giới lãnh đạo Phật Giáo Hòa Hảo trong nước.
- Đưa vấn đề Việt Nam vào buổi điều trần về tự do tôn giáo tại Quốc Hội Hoa Kỳ.
- Hoàn tất bản phúc trình về vấn đề tôn giáo ở Việt Nam gửi cho văn phòng Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Bộ Ngoại Giao.

Năm 2000:

- Tạo nền móng hợp tác chặt chẽ với một số tu sĩ đấu tranh ôn hòa trong nước, khi phái đoàn CRFV về Việt Nam nhân Tổng Thống Hoa Kỳ viếng thăm Việt Nam.
- Giới thiệu một số tu sĩ đấu tranh trong nước với cộng đồng người Việt ở hải ngoại và với cộng đồng quốc tế.

Năm 2001:

- Vận động thành công Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ mời Lm Nguyễn Văn Lý và Thượng Tọa Thích Thái Hòa điều trần khiếm diện.

- Vận động thành công Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ liệt kê Việt Nam vào “danh sách ngắn” các quốc gia vi phạm tự do tôn giáo trầm trọng.
- Đóng góp vào việc soạn thảo Đạo Luật Nhân Quyền cho Việt Nam 2001: HR-2368
- Quyên góp 136,000 mỹ kim (từ ngày thành lập cho đến ngày 30-6-2001) cho các tổ chức tôn giáo độc lập để cứu trợ và bảo trợ nạn nhân bão lụt tại Việt Nam.

Năm 2002:

- Vận động thành công Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam 2001 thông qua tại Hạ Viện với tỉ số áp đảo 403-1
- Vận động thành công một tuần nhân quyền tại Boston để phản đối TNS John Kerry đã “cầm giữ” Dự Luật Nhân Quyền Cho Việt Nam 2001. Các ân nhân trong cộng đồng người Việt hải ngoại đóng góp tiền máy bay cũng như ăn ở cho hơn 100 nhà vận động nhân quyền tham dự tuần biểu tình từ nhiều tiểu ban khác nhau trên đất Mỹ.

Năm 2003:

- Vận động thành công 105 dân biểu Hoa Kỳ cùng ký tên gửi cho nhà cầm quyền Hà Nội đòi trả tự do vô điều kiện cho Lm Nguyễn Văn Lý.
- Vận động thành công dân biểu Chris Smith tái đệ nạp dự luật nhân quyền cho Việt Nam.
- Vận động thành công Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Hoa Kỳ đề nghị Hành Pháp và Bộ Ngoại Giao đưa Việt Nam vào danh sách các quốc gia đáng quan tâm đặc biệt (CPC)

Năm 2004:

- Thúc đẩy phái đoàn quốc hội Hoa Kỳ cùng Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Hoa Kỳ đi Việt Nam quan sát tình

hình tự do tôn giáo với sự tham dự của Lm Trần Xuân Tâm. Phái đoàn đã thăm viếng nhiều tu sĩ và tín đồ, nhất là các tín đồ ở Cao Nguyên Trung Phần.

- Vận động thành công TNS Sam Brownback cùng với phái đoàn trên đến thăm Lm Nguyễn Văn Lý tại trại tù Ba Sao. Nhờ vậy mà Lm Nguyễn Văn Lý đã được ra khỏi tù trước hạn kỳ.
- Vận động thành công Bộ Ngoại Giao lần đầu tiên đặt Việt Nam vào danh sách các quốc gia đáng quan tâm đặc biệt (CPC).
- Vận động thành công Bộ Ngoại Giao và Quốc Hội Hoa Kỳ áp lực nhà cầm quyền CSVN giảm án tù cho các người cháu của Lm Nguyễn Văn Lý

Năm 2005:

- Vận động DB Chris Smith và phái đoàn đi Việt Nam quan sát tình hình tự do tôn giáo tại Việt Nam. Ngoài những cuộc gặp gỡ ngoại giao, phái đoàn đã gặp:
 - GM Ngô Quang Kiệt
 - Quý Ông Lê Khắc Dung và Đào Văn Khuê thuộc Hội Thánh Tin Lành Bắc Việt Nam
 - HT Thích Thiện Hạnh
 - Lm Nguyễn Văn Lý và Lm Phan Văn Lợi
 - OB MS Nguyễn Hồng Quang
 - Ông Trần Hữu Duyên (PGHH)
 - Lm Chân Tín
 - Và gọi vấn an HT Thích Quảng Độ và TT Thích Tuệ Sỹ

Năm 2006:

- Vận động thành công cuộc điều trần tại Hạ Viện Hoa Kỳ về tình hình tự do tôn giáo và nhân quyền tại Việt Nam dưới sự chủ tọa của DB Smith. Buổi điều trần có sự tham dự của nhiều yếu nhân trong chính phủ và chính trường Hoa Kỳ như:
 - Ông Stephen M. Liston, Giám Đốc văn phòng TDTG của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
 - Bà Felice Gear, Chủ Tịch UH/TDTG của Hoa Kỳ
 - Ts Far, cựu Giám Đốc văn phòng TDTG tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ
 - Bà Nina Shea, Giám Đốc Trung Tâm TDTG của Freedom House
 - Cư Sĩ Bùi Thiện Huệ (PGHH) đã bị CSVN đàn áp trong 30 năm và đã được BPSOS lo thủ tục định cư Hoa Kỳ thuộc diện tị nạn chính trị.

Năm 2007:

- Vận động thành công Hạ Viện Hoa Kỳ thông qua Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam 2007 với tỉ số áo đảo 414-3
- Vận Động Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam 2007 ở Thượng Viện
- Cùng BPSOS xúc tiến việc thông qua dự luật con lai được vào quốc tịch Hoa Kỳ mà không phải qua kỳ thi sát hạch bằng Anh Ngữ.

Năm 2008:

- Vận động 86 văn phòng TNS về Dự Luật Nhân Quyền cho Việt Nam.
- Phụ giúp với Freedom Now, xin được 30 chữ ký của các TNS

để đòi hỏi chính quyền Việt Nam phải trả Lm Nguyễn Văn Lý về nhà Chung tại Huế để trị bệnh.

Năm 2009:

- Tiếp tục vận động Dự Luật Nhân quyền cho Việt Nam tại Thượng và Hạ viện Hoa Kỳ.
- Giúp \$2,000 bệnh viện phí khi chị Hồ Thị Bích Khương bị công an gây tai nạn giao thông với thương tích trầm trọng.
- Gây quỹ cứu lụt cho Hà Tĩnh \$10,200 qua Lm Nguyễn Văn Tâm.
- Gửi tiền giúp một số tù nhân lương tâm và những người bị đàn áp bởi đảng CSVN.

Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế Hoa Kỳ

Ủy Hội Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Hoa Kỳ được Quốc Hội Hoa Kỳ thành lập xuất phát từ Dự Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế năm 1998 (IRFA) để theo dõi các vi phạm quyền tự do tư tưởng, lương tâm, tôn giáo hoặc tín ngưỡng ở các nước, như được định nghĩa trong Dự Luật IRFA và được đề ra trong Tuyên Ngôn Nhân Quyền và những văn bản quốc tế liên quan. Ủy Hội cũng được thành lập nhằm đưa ra những khuyến cáo độc lập về chính sách của Tổng Thống, Bộ Trưởng Ngoại Giao và Quốc Hội.

Ủy Hội là một tổ chức chính phủ đầu tiên trên thế giới với nhiệm vụ duy nhất là duyệt xét và đưa khuyến cáo về những sự kiện và hoàn cảnh của những vi phạm về tự do tôn giáo trên toàn cầu. Theo lời của một dự thảo viên chủ chốt của dự luật IRFA, Ủy Hội được thành lập với mục đích bảo đảm rằng “Tổng Thống và Quốc Hội nhận được những khuyến cáo độc lập, và khi cần, sự chỉ trích về những chính sách nào của Hoa Kỳ không thặng tiền tự do tôn giáo thế giới.”

Ủy Hội không phải một thành phần của Bộ Ngoại Giao, độc lập với Hành Pháp, và đã khởi sự hoạt động năm 1999.

Ủy Hội gồm có 10 hội viên. Ba hội viên do Tổng Thống đề cử. Ba hội viên do Chủ Tịch kiêm nhiệm của Thượng Viện; hai trong các vị này được đề cử theo khuyến cáo của vị Lãnh Đạo Thiểu Số Thượng Viện. Ba hội viên được đề cử bởi Chủ Tịch Hạ Viện; hai trong các vị này được đề cử theo lời khuyến cáo vị Lãnh Đạo Hạ Viện. Như vậy hệ thống đề cử cho thấy các vị lãnh đạo của đảng đương quyền ở Tòa Bạch Cung đề cử năm hội viên với quyền bầu phiếu, và các vị lãnh đạo của đảng kia đề cử bốn hội viên. Vị Đại Sứ Lưu Động Giám Đốc Văn Phòng Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Bộ Ngoại Giao đương nhiên phục vụ trong Hội Đồng Tôn Giáo Quốc Tế trong tư cách hội viên không bầu phiếu của Ủy Hội .

Các hội viên mang lại một khả năng chuyên môn và kinh nghiệm phong phú về ngoại giao, nhân quyền, tự do tôn giáo, và luật quốc tế; thành phần hội viên cũng phản ánh tính đa dạng tôn giáo của Hoa

Kỳ.

Khi thi hành trách nhiệm, Ủy Hội cứu xét thông tin về vi phạm tự do tôn giáo và ra bản phúc trình độc lập. Ủy Hội cũng thường xuyên tham khảo với viên chức của Bộ Ngoại Giao và Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ, với các Đại Sứ, các viên chức của các chính phủ ngoại quốc, cũng như các đại diện của các cộng đồng và định chế tôn giáo, các nhóm nhân quyền, các tổ chức phi chính phủ, các giới học thuật và các chuyên gia chính sách khác. Ủy Hội thăm viếng các nước ngoại quốc để xem xét trực tiếp về điều kiện tự do tôn giáo. Hội Đồng cũng tổ chức những cuộc tường trình, thuyết trình và hội luận bàn tròn công khai.

Ủy Hội họp với Tổng Thống và những nhân viên cao cấp của Chính Phủ, kể cả Bộ Trưởng Ngoại Giao và Cố Vấn An Ninh Quốc Gia, để thảo luận về những khám phá và những khuyến cáo của Ủy Hội. Ủy Hội cũng phúc trình các Nghị Sĩ Quốc Hội, các Đại Sứ Hoa Kỳ, các viên chức thuộc các tổ chức quốc tế. Ngoài ra, Ủy Hội còn điều trần trước Quốc Hội, tham dự các buổi họp hoặc hội nghị quốc tế cùng với các phái đoàn Hoa Kỳ, giúp đỡ về việc huấn luyện các viên chức Ngoại Giao và các viên chức Hoa Kỳ khác, và tham vấn cho Chính phủ và các Nghị Sĩ và nhân viên của họ về các sáng kiến hành pháp và lập pháp.

Ủy Hội nêu vấn đề và tường trình những tìm thấy và khuyến cáo cho dân chúng Hoa Kỳ xuyên qua các sinh hoạt tuyên bố công khai, họp báo, những diễn biến công cộng khác như hội luận bàn tròn và thuyết trình, những ấn phẩm của họ, trang Web, và liên lạc truyền thông. Các thành viên của Ủy Hội cư trú khắp nước Mỹ, và Ủy Hội đã đi khắp nước để tổ chức những cuộc phúc trình, những buổi họp công cộng, và những sinh hoạt khác nhằm thông báo cho dân chúng Hoa Kỳ về công tác của họ.

Bài 2:

Chống Buôn Người

Sau khi Tổng Thống Clinton tách lìa nhân quyền ra khỏi chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ, những thành viên Quốc Hội quan tâm đến nhân quyền đã tìm cách dùng quyền lập pháp để lật ngược thế cờ. Dân Biểu Frank Wolf (Cộng Hoà, VA) năm 1998 thành công trong việc móc tự do tôn giáo vào chính sách đối ngoại qua Đạo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế. Hai năm sau đó DB Christopher Smith (Cộng Hoà, NJ) thành công trong việc đưa một bộ phận nhân quyền vào chính sách đối ngoại qua Đạo Luật Bảo Vệ Nạn Nhân Buôn Người.

Đạo luật này thành lập Phòng Theo Dõi và Bài Trừ Nạn Buôn Người ở Bộ Ngoại Giao với nhiệm vụ phúc trình hàng năm về tình trạng buôn người trên thế giới và thái độ của từng quốc gia. Quốc gia nào không thực tâm bài trừ nạn buôn người thì bị xếp vào Hạng 3, nghĩa là hạng chót, và sẽ phải chịu chế tài. Tổng Thống có quyền miễn chế tài nếu chứng minh được rằng làm như vậy sẽ khuyến khích quốc gia ấy chống buôn người.

DB Smith đã nắm bắt ngay cơ hội khi Liên Hiệp Quốc vừa thông qua Nghị Định Palermo năm 2000 về chống buôn người, bổ túc cho Công Ước Về Tội Phạm Xuyên Quốc Gia Có Tổ Chức. Dù vậy, đạo luật của DB Smith cũng đã gặp sự chống đối từ nhiều thế lực, nhất là từ hành pháp và các đại công ty. Bù lại, đạo luật nhận được sự yểm trợ của các công đoàn, các giáo hội, và dĩ nhiên là các tổ chức nhân quyền.

Qua đạo luật này các quốc gia vi phạm, nếu không muốn bị chế tài, sẽ phải thông qua luật để bảo vệ cho nạn nhân và trừng trị thủ phạm. Trong lãnh vực buôn lao động thì điều này đồng nghĩa với bảo vệ nhân quyền của người lao động chiếu theo luật quốc tế.

Khi DB Smith đang soạn thảo ngôn ngữ cho đạo luật Bảo Vệ

Nạn Nhân Buôn Người thì tôi đang làm việc trên hồ sơ của 280 nạn nhân buôn người ở đảo American Samoa. Trong đó 250 người đến từ Việt Nam và 30 người đến từ Trung Quốc. Tôi sát ruột theo dõi tiến trình của đạo luật. Khi đạo luật được thông qua thì lập tức nhân viên công lực Liên Bang đã giải cứu cho số nạn nhân này và di chuyển phần lớn vào nội địa Hoa Kỳ, ngoại trừ khoảng 50 nạn nhân đã bị hồi hương về Việt Nam trước khi được giải cứu. Đây là vụ buôn lao động lớn nhất bị chính phủ liên bang truy tố trong lịch sử Hoa Kỳ.

Đầu năm 2008 BPSOS cùng với một số tổ chức thành lập Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới Ở Á Châu, viết tắt là CAMSA trong tiếng Anh. Liên Minh tập trung vào lãnh vực buôn lao động để qua đó phát huy quyền của người lao động. Liên Minh CAMSA chọn địa bàn hoạt động ở những quốc gia hội đủ hai yếu tố: có luật chống buôn người và có đông người Việt lao động. Dựa vào hai yếu tố này, Liên Minh CAMSA thực hiện kế hoạch huấn luyện nhân sự, tạo lập những cơ cấu quy tụ nhân sự, và thay đổi cách suy nghĩ và ứng xử của các công nhân. Những công việc này được thực hiện trong khung luật của quốc gia sở tại, ngoài vòng kèm toả của chính quyền Việt Nam.

Đồng thời, Liên Minh can thiệp cho những trường hợp nạn nhân và từ đó lọc ra một số hồ sơ vững chắc để dùng làm căn bản vận động. Đối với quốc gia sở tại, Liên Minh vận động để chính quyền thực thi đúng đắn luật chống buôn người mà họ đã thông qua, nghĩa là vừa phải bảo vệ nạn nhân vừa phải truy tố hình sự thủ phạm. Nếu chính quyền thiếu hợp tác thì đó sẽ là yếu tố để Phòng Theo Dõi và Bài Trừ Nạn Buôn Người của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cân nhắc xếp vào Hạng 3. Song song, Liên Minh CAMSA giúp nạn nhân kiện dân sự để đòi các khoản bồi thường xứng đáng. Sự giao tiếp với hay hiểu biết về chính sách và luật pháp công minh hướng dẫn cho công nhân về cách hành xử trong một chế độ pháp trị.

Liên Minh CAMSA cũng dùng những hồ sơ này để vận động cho sự thay đổi ở Việt Nam. Trước những hồ sơ ấy, chính quyền Việt Nam không thể phủ nhận tình trạng buôn người vì có kẻ mua thì phải có người bán. Và nếu chính quyền Việt Nam không hợp tác thì sẽ tự mời chào mình vào Hạng 3 trong bảng xếp hạng của Bộ Ngoại

Giao Hoa Kỳ.

Khi chính quyền đã tôn trọng quyền của người lao động ngoài nước thì cũng rất khó để chống chế cho sự không tôn trọng quyền của người lao động trong nước.

CAMSA- Sứ Mạng Tình Thương

Buôn bán lao động là một vấn nạn lớn, là tai hoạ cho hàng trăm ngàn gia đình ở Việt Nam. Chính phủ Việt Nam tuyệt nhiên không muốn giải quyết tệ trạng này vì đó là nguồn lợi tức cho nhiều công ty môi giới quốc doanh, cho ngân hàng nhà nước, cho Bộ Lao Động Thương Binh Xã Hội, và cho những giới chức tham ô. Luật pháp Việt Nam không thừa nhận có tình trạng buôn bán lao động. Báo chí trong nước không được phép chạy tin về các hồ sơ buôn bán lao động.

Trên nửa triệu người Việt đang lao động ở ngoại quốc, phần lớn bị bóc lột và ức hiếp. Hàng trăm ngàn phụ nữ làm tôi tớ trong các nhà riêng kín cổng cao tường. Mỗi năm hàng trăm ngàn công nhân tiếp tục bị đưa đi lao động và hàng ngàn phụ nữ và trẻ em bị bán vào các động mãi dâm ở ngoại quốc.

Đây là nỗi đau và nỗi nhục chung cho mọi người Việt, ở hải ngoại cũng như ở trong nước.

Có khá nhiều tổ chức ngoài chính phủ chống buôn bán tình dục nhưng lại rất ít tổ chức buôn bán lao động. Chống buôn bán lao động khó khăn hơn là chống buôn bán tình dục vì đằng sau buôn bán lao động thường có các chính quyền. Muốn giải trừ nạn buôn bán lao động, bắt buộc phải có sự tham gia tích cực của các chính phủ của quốc gia xuất cảng và quốc gia tiếp nhận công nhân.

Chúng ta có những điểm tựa pháp lý thật vững chắc: luật Hoa Kỳ bảo vệ nạn nhân buôn người có điều khoản chế tài các quốc gia dung túng hay tham gia vào vấn đề buôn người; Liên Hiệp Quốc lại có công ước quốc tế về phòng chống buôn người ràng buộc các quốc gia ký kết. Ngoài ra nhiều nước cũng có luật chống buôn người như Mã Lai, Thái Lan, Đài Loan.

Nếu làm đúng cách và biết khai thác tư thế của mình, cộng đồng người Việt ở hải ngoại có thể chấm dứt được thảm trạng buôn người ngày càng lan rộng, ảnh hưởng đến biết bao đồng bào.

Muốn thế chúng ta phải có một kế hoạch hành động toàn diện

gồm ba bộ phận liên lạc, đồng bộ và hỗ trợ cho nhau:

- (1) giải cứu và bảo vệ nạn nhân;
- (2) trừng trị thủ phạm bằng kinh tế và luật pháp;
- (3) vận động Việt Nam, quốc gia gốc, và các quốc gia tiếp nhận người lao động ban hành, thi hành và cải tổ luật phòng chống buôn người.

Qua các trường hợp được giải cứu và bảo vệ, chúng ta có cơ sở cụ thể để vận động chính sách. Và khi chính sách thay đổi tích cực, chúng ta sẽ có thêm phương tiện để bảo vệ nạn nhân và truy tố thủ phạm.

Để thực hiện kế hoạch này, đầu năm 2008 bốn tổ chức cùng nhau thành lập Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới Ở Á Châu (Coalition to Abolish Modern-day Slavery in Asia, viết tắt là CAMSA). Ít lâu sau thêm tổ chức Tenaganita ở Mã Lai tham gia làm thành viên. Mục đích của CAMSA là giải trừ tận gốc tệ nạn này. CAMSA thực hiện mục đích này qua một kế hoạch toàn diện và tổng hợp, dựa trên hai nguyên tắc.

Nguyên tắc truy tận gốc:

Khi giải cứu cho nạn nhân, CAMSA không chỉ hỗ trợ về đời sống và tìm cách đưa họ về nước an toàn. CAMSA còn lấy lời khai, thu thập chứng cứ để lập hồ sơ. Với hồ sơ này CAMSA truy ra các đầu mối trong đường dây buôn người: chủ sử dụng lao động, công ty môi giới ở quốc gia tiếp nhận, công ty môi giới ở Việt Nam, và các cấp chính quyền ở hai quốc gia xuất cảng và tiếp nhận. Đây là tính cách toàn diện của kế hoạch.

Nguyên tắc tổng hợp:

Đối với từng đầu mối buôn người một, CAMSA áp dụng công thức “nhiều mũi giáp công”. Các mũi nhọn này bao gồm: biện pháp kinh tế, kiện dân sự, truy tố hình sự. Chẳng hạn đối với công ty môi giới ở quốc gia tiếp nhận, CAMSA đánh vào quyền lợi kinh tế của các

công ty sử dụng lao động-đây thường là các đại công ty ở ngoại quốc đặt hàng với công ty ở quốc gia tiếp nhận công nhân hay có chi nhánh ở đó. Đồng thời CAMSA vận dụng luật sư địa phương để khiếu kiện dân sự qua hệ thống hành chính hay toà án. Song song, CAMSA vận động chính quyền truy tố hình sự công ty môi giới.

Sự hữu hiệu của Liên Minh CAMSA được chứng minh qua các vụ giải cứu 176 nữ công nhân ở Jordan, can thiệp cho 2600 công nhân ở Mã Lai hồi đầu năm nay. Cả hai vụ này được dẫn chứng trong bản phúc trình hàng năm của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ về tình trạng buôn người trên thế giới.

Chủ trương của Liên Minh CAMSA là hợp tác với các tổ chức sở tại để thiết lập văn phòng thường trực – mệnh danh là “toà đại sứ tình thương” – ở những quốc gia đông nạn nhân. Văn phòng đầu tiên được thành lập ở Penang, Mã Lai đầu tháng 4, 2008.

Chỉ trong thời gian ngắn, văn phòng này đã can thiệp thành công cho gần 3 ngàn công nhân. Cuối năm 2009, Liên Minh CAMSA mở thêm văn phòng ở thủ đô Kuala Lumpur của Mã Lai. Phí tổn trung bình cho mỗi văn phòng là 75 ngàn Mỹ kim một năm, bao gồm nhân viên làm việc toàn thời, đội ngũ thiện nguyện viên, chi phí văn phòng, và các chi phí hoạt động (tiền cước, vận chuyển, fax, điện thoại...).

Tháng 4 2010 Liên Minh CAMSA thành lập thêm văn phòng ở Đài Loan.

Mọi người trong chúng ta, nếu cảm thấy nỗi đau và nỗi nhục chung của dân tộc, có thể tham gia trong sứ mạng tình thương này với tư cách:

- thành viên bảo trợ: đóng góp \$100 một năm, tương đương 1 bữa ăn sáng mỗi tháng.

- thành viên vận động: đóng góp \$100 một năm và kêu gọi thêm 4 người đóng góp mỗi người \$100 một năm.

- thành viên quán quân: đóng góp \$100 một năm và kêu gọi thêm 9 người đóng góp mỗi người \$100 một năm.

Chúng tôi mong đón nhận sự ủng hộ ân tình và hợp tác quý báu của Quý Vị.

Chúng tôi cũng xin Quý Vị chuyển thông điệp này đến thân nhân và bạn bè.

“Cách hay nhất để tìm thấy chính mình là quên mình trong phục vụ tha nhân.” - Gandhi

Gốc Và Ngọn

Nghĩ về đồng bào bị buôn bán làm nô lệ tình dục, làm lao nô, làm gia nhân ở khắp nơi trên thế giới, không ai trong chúng ta không khỏi chạnh lòng thương cảm và đau xót cho thể diện quốc gia. Nhiều người trong chúng ta muốn hành động ngay, làm một cái gì đó, cho vơi đi nỗi bức xúc.

Nhưng làm gì đây cho thực sự có hiệu quả, thay vì chỉ để tự trấn an?

Trước một vấn nạn xã hội, chúng ta luôn luôn phải nhìn cả ngọn lẫn gốc.

Ngọn là sự thể hiện ra ngoài, là hậu quả thấy được. Chẳng hạn, cảnh công nhân bị lường gạt, bị đánh đập, bị bóc lột, bị sỉ nhục, bị quẹt lương, bị trục xuất... là ngọn—hậu quả của chính sách dung túng tình trạng ấy. Hoặc, phụ nữ và trẻ em bị bán vào động mại dâm mà không thoát ra được thì đó cũng là ngọn—hậu quả của hệ thống luật pháp bảo vệ kẻ gian.

Nếu chỉ lo đặng ngọn thì miên viễn cũng không giải quyết được vấn nạn. Chúng tôi đã thấy nhiều dự án về giáo dục, hướng nghề, tạo công ăn việc làm cho người dân trong nước với hy vọng họ sẽ không sa ngã trước những dụ dỗ của bọn môi giới buôn người. Nhưng việc làm này không giải quyết được gì. Khi chúng ta chỉ be bờ bảo vệ cho dăm chục hay dăm trăm người thì kẻ gian vẫn thênh thang tung hoành trong thị trường lao động lên đến hàng triệu người cần công ăn việc làm. Làm vậy là làm đặng ngọn.

Nói vậy không có nghĩa là chúng ta không làm việc be bờ bảo vệ cho từng nhóm nhỏ. Điều này rất cần nhưng không đủ. Chúng ta phải nhắm cả đặng gốc.

Muốn giải quyết vấn nạn buôn người thì phải thay đổi chính sách, thay đổi hệ thống luật pháp, thiết lập cơ chế bảo vệ nạn nhân và trừng phạt thủ phạm buôn người, thay đổi ý thức người dân, huy động được sự tham gia của các tổ chức tôn giáo và truyền thông Việt Nam

và quốc tế, phát triển vai trò của xã hội dân sự.

Giải quyết đàng gốc đòi hỏi kế hoạch trường kỳ, và sự phối hợp đồng bộ và rộng rãi của nhiều thành phần.

Nhưng muốn thay đổi tận gốc, chúng ta lại phải nương vào những trường hợp cụ thể—vốn ở đàng ngọn—vì nói phải có sách, mách phải có chứng.

Hai vụ buôn người lao động Việt Nam, một ở Jordan và một ở Mã Lai, gây được sự chú ý của dư luận quốc tế đầu năm nay là ví dụ rõ ràng nhất về phương thức song hành, gốc và ngọn bổ trợ nhau, này.

Ngoài việc can thiệp và giải cứu cho đồng bào lao động, chúng tôi đã dùng hai vụ ở Jordan và Mã Lai làm chứng cứ để vận động Quốc Hội và Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ áp lực Việt Nam cũng như các quốc gia tiếp nhận (Jordan và Mã Lai) phải thay đổi chính sách để chứng minh thực tâm phòng và chống buôn người.

Bản phúc trình năm nay của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ về tình trạng buôn người trên thế giới, vừa được phát hành, đã nêu hai vụ buôn người điển hình này. Đây là bước khởi đầu thuận lợi: thừa nhận có vấn đề là bước tiên đầu tiên dẫn đến giải quyết. Trong thời gian sắp tới đây, một phái đoàn cao cấp của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ sẽ đến Việt Nam họp về kế sách ngăn ngừa, bảo vệ nạn nhân, và truy tố thủ phạm.

Nếu Việt Nam không thay đổi thì sang năm sẽ rất khó cho họ thoát khỏi “rơi đài” xuống hạng 3 trong bảng phân hạng của Bộ Ngoại Giao. Và ở hạng 3 thì sẽ bị chế tài.

Cũng như cuộc tranh đấu cho thuyền nhân trước chính sách xô đuổi của các quốc gia trong vùng cách đây đúng 20 năm, BPSOS đã đứng lên tranh đấu cho nửa triệu người Việt tha hương cầu thực, và sẽ rất cần sự hỗ trợ của cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Chúng ta sẽ cùng nhau giải quyết từ ngọn đến gốc tệ nạn người bóc lột người đáng tui hổ này.

Bài 3:

Khía Cạnh Nhân Quyền Trong Chính Sách Mậu Dịch Của Hoa Kỳ

Ngày 18 tháng 4, 2008 chính quyền Việt Nam nộp đơn xin quy chế Generalized System of Preferences (GSP) (Quy Chế Ưu Đãi Thuế Quan Phổ Cập) để được miễn thuế trên hàng ngàn mặt hàng nhập cảng vào Hoa Kỳ, chiếu theo Đạo Luật Mậu Dịch (Trade Act) ban hành năm 1974. Bắt đầu thi hành ngày 1 tháng Giêng, 1976, đạo luật này thể hiện chính sách của Hoa Kỳ nhằm đặc biệt giúp đỡ các quốc gia đang phát triển có được những thuận lợi trong lãnh vực tăng trưởng kinh tế quốc gia.

Sau khi nộp đơn xin hưởng quy chế GSP, chính quyền Việt Nam đã gia tăng nỗ lực đạt quy chế Quan Hệ Mậu Dịch Bình Thường Vĩnh Viễn với Hoa Kỳ và gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Quốc Tế (WTO) vì đây là hai trong số điều kiện tiên quyết cho quy chế GSP đối với một quốc gia cộng sản.

Sau khi thoát qua cửa ải này Việt Nam còn phải đáp ứng thoả đáng những điều kiện áp dụng đồng đều cho mọi quốc gia, trong đó có một số điều kiện liên quan, dù là gián tiếp, đến nhân quyền và xã hội dân sự, và một số điều kiện đòi hỏi sự công bằng trong mậu dịch. Dưới đây là một số điều kiện cần lưu tâm.

Tôn Trọng Quyền Của Người Lao Động: Việt Nam phải tôn trọng các quyền của người lao động được quốc tế công nhận, bao gồm quyền tự do lập hội, quyền tổ chức và điều đình tập thể, không bị lao động bắt buộc, mức tuổi ấn định tối thiểu cho lao động vị thành niên, và điều kiện lao động khả chấp về mức lương tối thiểu, giờ làm việc,

và điều kiện an toàn và sức khoẻ nơi làm việc.

Công Bằng Trong Mậu Dịch: Việt Nam phải bảo đảm với Hoa Kỳ về mức tiếp cận thị trường công bằng. Điều này áp dụng cả cho văn hoá phẩm.

Bảo Vệ Quyền Sở Hữu Trí Tuệ: Việt Nam phải bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu trí tuệ, trong đó có tác quyền.

Dĩ nhiên trong đơn nộp cho Hoa Kỳ, Việt Nam xác nhận rằng đã thực thi đầy đủ các đòi hỏi trên. Chẳng hạn về quyền của người lao động thì Việt Nam khẳng định rằng chính quyền đã “tạo ra nhiều cơ hội cho các tổ chức tư nhân tham gia vào Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam” và “tất cả các tổ chức này đã góp phần đáng kể giúp cho việc quyền lao động được bảo vệ tốt hơn, cả trong luật và trong thực tế”. Thực ra điều kiện của Hoa Kỳ đòi hỏi người lao động phải có quyền tự do thành lập các nghiệp đoàn độc lập với chính quyền chứ không phải là thành lập “tổ chức tư nhân” để rồi sinh hoạt dưới Tổng Liên đoàn, một cơ chế của nhà nước. Không những vậy, trong các bản ký hợp đồng đi lao động ngoài nước, người lao động bị cấm không được tham gia nghiệp đoàn – một vi phạm nghiêm trọng đối với điều kiện của Hoa Kỳ. Chính vì điều vi phạm này mà cho đến nay Hoa Kỳ vẫn chưa cứu xét cấp quy chế GSP cho Việt Nam.

Cũng vậy, Việt Nam tuyên bố là đã mở cửa thị trường và tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ. Trên thực tế thì chính quyền Việt Nam dùng kiểm duyệt để ngăn cản một số văn hoá phẩm (như đĩa DVD của Paris By Night) và đồng thời dung túng cho dịch vụ bán đĩa lậu tràn lan khắp nước.

Trong thời gian qua những điều trên được nhiều vị dân biểu Hoa Kỳ, đặc biệt là DB Cao Quang Ảnh, chú ý và lên tiếng. BPSOS cũng đã phối hợp với một số tổ chức để thu thập dữ kiện nhằm thông tin chính xác cho các giới chức thẩm quyền của Hoa Kỳ về tình hình thực tế ở Việt Nam có nhiều khác biệt so với những điều nêu ra trong đơn xin hưởng quy chế GSP.

Tuy nhiên, làm như vậy chưa đủ. Điều quan trọng là chính những

người bị ảnh hưởng phải được cơ hội góp ý trong tiến trình cứu xét đơn. Chẳng hạn, những người lao động trong nước cần hiểu về các điều kiện của Hoa Kỳ, và chính họ cần lên tiếng trực tiếp với giới chức thẩm quyền của Hoa Kỳ để trình bày thực tế mà họ đang trải nghiệm. Cũng vậy, trong vấn đề mậu dịch, các công dân và công ty Hoa Kỳ đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi chính sách kiểm duyệt và nạn bán lậu văn hoá phẩm cần có tiếng nói trực tiếp với các giới chức Hoa Kỳ.

Nếu biết vận dụng đúng mức các điều kiện của Hoa Kỳ cho quy chế GSP, chúng ta có thể mở ra một số cơ hội để bảo vệ quyền lợi cho đồng bào lao động và phát triển xã hội dân sự ở Việt Nam.

Bài 4:

Vấn Đề Người Việt Tị Nạn Tại Thái Lan và Cam Bốt

Trong thời gian gần đây, lời cầu cứu khẩn cấp của một số đồng bào lánh nạn ở Thái Lan và Cam Bốt tạo được sự chú ý và quan tâm trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại đối với hoàn cảnh của số người ra đi lánh nạn trước sự đàn áp gia tăng ở Việt Nam. Trước sự hiểm nguy cận kề, nhiều người Việt đã phải chạy sang các quốc gia lân bang lánh nạn – một điều mà ít người Việt ở hải ngoại cũng như các tổ chức quốc tế và các chính quyền lưu tâm đến. Dưới đây là sơ lược tình cảnh của người Việt đang lánh nạn ở các quốc gia lân bang và những gì cộng đồng Việt ở hải ngoại cần và có thể làm để cứu giúp họ.

Nỗi Thống Khổ Của Đồng Bào Lánh Nạn

Riêng ở Bangkok, Thái Lan, và vùng phụ cận hiện có khoảng 400 người Việt lánh nạn; trong đó khoảng 300 người là đồng bào Phật giáo gốc Khmer Krom, trên 50 người là đồng bào Công Giáo và Tin Lành thuộc các dân tộc thiểu số Tây Nguyên, và số còn lại là những thành viên của các tổ chức chính trị hay đấu tranh dân chủ. Ngoài ra có một số nhóm đang sống ở một số vùng xa xôi của Thái Lan. Và cũng có một số người đang lánh nạn ở Cambốt và Mã Lai. Dòng người đi lánh nạn từ Việt Nam vẫn rỉ rả.

Các người Việt đi lánh nạn đang đứng trước ba âu lo lớn: quyền tị nạn, an ninh, và đời sống.

Về quyền tị nạn, đồng bào lánh nạn đứng trước những thách thức lớn về chính sách của các quốc gia trong vùng cũng như của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc. Ở Cambốt, chính quyền sở tại tuyên bố sẽ

bảo vệ cho người Khmer Krom lánh nạn và không cho phép CUTN/LHQ cứu xét đơn xin tị nạn của người Khmer Krom. Trong thực tế cảnh sát Cambốt đã phối hợp với công an Việt Nam để bố ráp và dẫn độ nhiều người Khmer Krom lánh nạn. Đồng thời CUTN/LHQ ở Cambốt có thành kiến và loại trừ hầu hết các đơn xin tị nạn của người dân tộc và chuyển họ cho chính phủ Cambốt để giao trả họ về Việt Nam. Còn ở Thái Lan thì cho đến mãi gần đây, CUTN/LHQ không chấp nhận đơn xin được bảo vệ của các đồng bào dân tộc và một số đồng bào gốc Khmer Krom mới đến lánh nạn từ cuối năm ngoái. Đối với những đồng bào được CUTN/LHQ cứu xét đơn xin tị nạn thì triển vọng được hưởng quy chế tị nạn rất thấp do đương sự không được sự trợ giúp về pháp lý để khai báo theo đúng tiêu chuẩn của luật tị nạn; mặt khác nhân viên CUTN/LHQ lại không am hiểu về tình hình ở Việt Nam nên nghi ngờ tính trung thực của lời khai. Kết quả là nhiều đồng bào đã bị từ chối quyền tị nạn một cách oan ức và không biết cách nào để tự biện hộ; họ mất đi sự bảo vệ của CUTN/LHQ và phải sống lẩn lút cho đến khi bị phát hiện và dẫn độ.

Về an ninh, nguy cơ bị bắt và dẫn độ luôn rình chờ những người đang lánh nạn ở các quốc gia trong vùng. Ở Cambốt, nơi công an chìm Việt Nam hoạt động công khai, các vụ bắt cóc người lánh nạn xảy ra thường xuyên, kể cả một số người đã được CUTN/LHQ thừa nhận quyền tị nạn. Trong năm 2008, nhiều chục người đã phải trốn chạy từ Cambốt sang Thái Lan trước sự càn quét của cảnh sát Cambốt và công an chìm Việt Nam – một số người không chạy thoát kịp thì đã bị bắt và đưa về Việt Nam, trong đó có Mục Sư A Dung. Ở các quốc gia khác, như Thái Lan và Mã Lai, tình trạng không khá gì hơn; người lánh nạn có thể bị cảnh sát bắt và dẫn độ bất kỳ lúc nào, kể cả những ai đã được CUTN/LHQ thừa nhận quyền tị nạn. Điển hình là tháng 6 vừa qua, cảnh sát Thái đã thực hiện một cuộc bố ráp lớn và bắt gần 70 người Khmer Krom; 60 người trong số họ đã bị trục xuất sang Cambốt, nơi công an Việt Nam hoạt động công khai. Điều đáng chú ý là phần lớn những người bị trục xuất lúc ấy đều đang nằm dưới sự bảo vệ của CUTN/LHQ. Có nhiều dấu hiệu cho thấy chính phủ Cambốt và Việt Nam đã áp lực Thái Lan trong vụ bố ráp này. Mặc dù công an Việt Nam không được phép hoạt động công khai ở Thái Lan, thành phần nằm vùng và toà đại sứ Việt Nam theo dõi rất sát những

người lánh nạn và thường xuyên hăm dọa họ.

Về đời sống, những người đang lánh nạn phải sống lẩn lút vì sợ bị cảnh sát ở quốc gia sở tại phát hiện và dẫn độ. Những người lánh nạn không có bất kỳ một thu nhập nào vì không được phép đi làm; còn như đi làm lậu thì sẽ tăng nguy cơ bị phát hiện. Những ai chưa được CUTN/LHQ cứu xét đơn xin tị nạn hoặc đã bị từ chối quyền tị nạn thì hoàn toàn không nhận được bất kỳ sự trợ giúp nào của CUTN/LHQ hay các tổ chức bảo vệ người tị nạn. Đối với những người đang được cứu xét hay đã được xét là tị nạn thì được nhận một số trợ cấp không đủ sống và chỉ trong thời gian 6 tháng; sau đó họ phải tự túc. Nói chung các đồng bào lánh nạn sống trong cảnh thiếu thốn, khốn cùng triền miên.

Biện Pháp Cứu Giúp Đồng Bào

Muốn cứu giúp đồng bào lánh nạn một cách hữu hiệu, chúng ta phải can thiệp trong cả ba lãnh vực: bảo vệ quyền tị nạn, đối phó với mối nguy bị dẫn độ, và trợ giúp khẩn cấp về đời sống. Trong hai năm qua, BPSOS (Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển) đã cố gắng trong phạm vi khả năng tối đa để thực hiện các điều này và đang cần sự tiếp ứng của cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

(1) Bảo Vệ Quyền Tị Nạn

Để bảo vệ quyền tị nạn cho đồng bào, BPSOS giúp thiết lập hồ sơ xin tị nạn để nộp cho CUTN/LHQ. Một mặt chúng tôi huấn luyện một số luật sư thiện nguyện ở Hoa Kỳ về luật tị nạn và sắp xếp để họ phỏng vấn người lánh nạn qua điện thoại. Số hồ sơ được giúp theo phương pháp này không nhiều, do thời gian cách trở gây khó khăn cho các luật sư thiện nguyện, vốn chỉ có thể tình nguyện trong khoảng thời gian nhất định và giới hạn nào đó trong tuần.

Đầu năm nay BPSOS cử một luật sư thiện nguyện cùng với thông dịch viên sang Thái Lan phỏng vấn trực tiếp một số lớn người lánh nạn để chuẩn bị cho họ vào phỏng vấn với CUTN/LHQ. Số hồ

sơ can thiệp theo cách này được nhiều hơn nhưng vẫn bị hạn chế vì luật sư thiện nguyện chỉ có thể đi công tác trong một thời gian ngắn. Phương pháp này cũng bị hạn chế bởi mức phí tổn cao.

Gần đây hơn chúng tôi phối hợp với một tổ chức Hoa Kỳ chuyên bảo vệ người tị nạn có hoạt động ở Thái Lan. BPSOS tài trợ cho một luật sư thiện nguyện người Mỹ của tổ chức này để dành trọn ba tháng giúp pháp lý cho đồng bào lánh nạn; một tổ chức bạn tài trợ thông dịch viên tình nguyện đến từ Hoa Kỳ. Qua cách thức này, chúng tôi đã và đang can thiệp được cho một số lượng hồ sơ lớn hơn nhưng vẫn không xuể vì hiện có hàng trăm trường hợp cần trợ giúp pháp lý, nhất là khi nhiều hồ sơ đang được gọi vào CUTN/LHQ phỏng vấn sát nhau – kết quả của cuộc vận động chính sách khá thành công của chúng tôi. Không những thế, luật sư còn phải giúp những đồng bào đã bị từ chối quyền tị nạn vì trước đây không có sự trợ giúp pháp lý—mỗi hồ sơ kháng cáo đòi hỏi rất nhiều công phu.

(2) Bảo Vệ An Toàn

Trong thời gian qua, BPSOS vận động với Bộ Ngoại Giao và Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Thái Lan, cũng như văn phòng CUTN/LHQ ở Thái Lan và Hoa Kỳ nhằm bảo vệ cho người Việt lánh nạn trước hiểm họa bị dẫn độ. Riêng trong 6 tháng qua, BPSOS đã cử bốn phái đoàn từ Hoa Kỳ sang Thái Lan, Cambốt và Mã Lai.

Do những vận động này mà gần đây CUTN/LHQ đồng ý nhận đơn xin tị nạn của đồng bào dân tộc Tây Nguyên và Khmer Krom. Đầu tháng 7, CUTN/LHQ đã cử nhân viên vào trại giam Suan Phlu, Bangkok, của sở di trú Thái Lan để ghi danh cho 10 đồng bào dân tộc; những người này bị bắt giam từ năm 2008 và trước đây không hề được CUTN/LHQ đoái hoài. Hiện nay hầu hết các người Việt lánh nạn ở Thái Lan đều đã được nộp đơn xin tị nạn và đang chờ cứu xét.

BPSOS nhanh chóng can thiệp mỗi khi có cuộc bố ráp của cảnh sát Thái Lan. Trong một vụ bố ráp mới đây nhất, cảnh sát Thái Lan đã trục xuất 5 nhà sư Khmer Krom sang Cambốt, nhưng rồi họ đã tìm đường trở lại Thái Lan. Qua sự báo động và vận động của BPSOS,

CUTN/LHQ lập tức thừa nhận họ là tị nạn và hiện đang lo di chuyển họ đến một quốc gia khác định cư. Cả 5 vị sư này đều bị tuyên án tù từ 2 đến 4 năm sau cuộc biểu tình bất bạo động của trên 200 sư Khmer Krom vào ngày 8 tháng 2 năm 2007 ở Sóc Trăng.

Ngoài trường hợp 5 vị sư này, một số đồng bào lãnh nạn khác cũng được thừa nhận tư cách tị nạn do sự phối hợp vận động chính sách và can thiệp hồ sơ.

(3) Trợ Giúp Đời Sống

Trong hơn một năm qua BPSOS đã chuyển trên 60 ngàn Mỹ kim để giúp đồng bào về đời sống, bao gồm quần áo, giấy dép, thực phẩm, thuốc men, truyền thông, nhà ở, vận chuyển, v.v. Do phải vượt đường trường và nhiều khi bị rượt đuổi bởi cảnh sát hay công an, nhiều đồng bào đã không còn giấy dép, hành trang, tiền bạc khi đến Thái Lan.

Cộng với những chi phí khác (tài trợ cho các phái đoàn từ Hoa Kỳ, tài trợ cho luật sư, v.v.) thì đến nay phí tổn lên đến khoảng 90 ngàn Mỹ kim, một con số rất lớn mà chúng tôi không thể tiếp tục cảng đáng nếu như không có sự hỗ trợ mỗi người một tay của cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Vì sự an toàn của đồng bào lãnh nạn, trong suốt thời gian qua chúng tôi không dám lên tiếng rầm rộ để kêu gọi đóng góp. Nay tình hình đã thay đổi khi chính một số người lãnh nạn đã tự mình lên tiếng cầu cứu, tạo sự chú ý của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Do vậy, nay chúng tôi thiết tha mong mỗi sẽ nhận được sự trợ giúp về tài chánh để tiếp tục ba lãnh vực công tác kể trên nhằm bênh vực và bảo vệ cho các nạn nhân của sự đàn áp đang tiếp diễn ở Việt Nam: vận động chính sách, can thiệp pháp lý, và trợ giúp đời sống.

Đừng bao giờ nghi ngờ khả năng thay đổi thế giới của một nhóm ít ỏi những công dân quyết tâm hành động. Lịch sử đã chứng minh rằng đó chính là cốt lõi của mọi sự thay đổi.
(Margaret Meade)

Phần Đặc Biệt

Các Nguyên
Tắc Trong
Hoạt Động

Phần này trình bày một số nguyên tắc về suy nghĩ và hành động áp dụng cho cả hai phần “chuyển biến cộng đồng” và “thay đổi Việt Nam”. Thu thập và kiểm nghiệm qua trên 30 năm hoạt động và rút tĩa từ một số cuộc nghiên cứu về quản trị và lãnh đạo, những nguyên tắc này đã giúp tôi chọn đúng việc và làm việc đúng cách.

Cách đây 20 năm một số nhà lãnh đạo và quản trị tài ba trong cả ba lãnh vực chính quyền, thương mại, và xã hội cùng nhau lập ra Peter F. Drucker Foundation for Nonprofit Management với mục đích “củng cố lãnh đạo cho khu vực xã hội – bằng cách cung cấp cho các nhà lãnh đạo khu vực xã hội sự khôn ngoan, cảm hứng, và tài nguyên để lãnh đạo cho sự đổi mới và xây dựng những tổ chức sinh động cho khu vực xã hội”. Gần đây tổ chức này đổi tên thành Leader to Leader Institute.

Tôi có may mắn từng được làm nghiên cứu sinh (fellow) cho tổ chức này và qua đó học hỏi được nhiều từ Ông Drucker, được mệnh danh là vị thầy của ngành quản trị tài chánh, và từ những nhà lãnh đạo tài ba, những chuyên gia quản trị lỗi lạc, và những nhà nghiên cứu thượng thặng trên thế giới. Từ những điều học hỏi được và chiêm nghiệm qua quá trình hoạt động và phục vụ trải dài trên ba thập niên, tôi rút tĩa ra một số nguyên tắc phù hợp với hoàn cảnh của cộng đồng chúng ta và hiện trạng ở Việt Nam.

Những nguyên tắc này gồm hai loại. Thứ nhất là những nguyên tắc về lãnh đạo và quản trị, với mục đích tăng hiệu quả. Cùng chia sẻ những nguyên tắc căn bản này, chúng ta dễ dàng hợp tác với nhau vì “ăn rơ”. Thứ hai là những nguyên tắc về xã hội dân sự với mục đích phát triển tổ chức dân sự, góp phần củng cố nền dân chủ tại quốc gia nơi mình đang sinh sống và vươn mình cho một xã hội dân sự ở Việt Nam. Cùng tuân thủ những nguyên tắc này giúp chúng ta hiểu và thông cảm về cách làm của nhau dù mỗi người một việc riêng; giống như cùng tuân thủ luật đi đường, mỗi người dù đi một hướng riêng nhưng vẫn hài hoà, trật tự, và giảm rủi ro va chạm.

Bài 1:

Thành Quả Thay Vì Thành Tích

Nhiều hoạt động trong cộng đồng của chúng ta nghe thì rầm rộ nhưng thực chất lại rất ít hiệu quả. Một trong những lý do là sự lẫn lộn thành tích với thành quả. Hai khái niệm này nghe gần giống nhau nhưng lại rất khác nhau về ý nghĩa. Sự lẫn lộn này đưa đến tình trạng “làm cho có”, “thổi phồng”, và “đánh trống bỏ dùi” vẫn thường thấy trong cộng đồng.

Trước khi bàn thêm về hai khái niệm này, hãy xét mối liên quan giữa mục đích và hành động.

Mục đích thường trừu tượng trong khi hành động lại rất cụ thể. Muốn tránh tình trạng mục đích một đằng mà hành động một nẻo, thì phải có gạch nối ở giữa. Đó là những mục tiêu cụ thể và đo lường được. Nói cách khác, phải “cụ thể hoá” mục đích thành các mục tiêu đo lường được, và dựa vào các mục tiêu này để chọn hành động sao cho phù hợp. Xin lấy một ví dụ. Một thí sinh có mục đích thi đậu Tú Tài, thì mục tiêu sẽ phải là điểm thi trên trung bình cho từng môn học đòi hỏi. Dựa vào đó cậu ta có thể lập thời khoá biểu học tập và ôn luyện cho chính mình để làm sao đạt mục tiêu. Trong tiếng Mỹ, mục đích là goal và mục tiêu là objective.

Nay xin bàn đến thành tích và thành quả.

Thành tích ở đây hiểu là các hành động (actions) và sản phẩm (outputs). Hành động thì như biểu tình, hội thảo, họp báo; còn sản phẩm thì như bài viết, biểu ngữ, tuyên ngôn. Đó là dùng ví dụ trong các sinh hoạt đấu tranh thường thấy trong cộng đồng của chúng ta.

Thành quả (outcome) là chỉ dấu đo lường mức độ đạt mục tiêu. Chẳng hạn đối với thí sinh Tú Tài, việc dự thi là hành động còn bài nộp là sản phẩm, cả hai đều là thành tích, không phải là thành quả.

Điểm của bài thi quyết định việc đậu hay rớt, do giám khảo chấm, mới là thành quả; nó đo lường không chỉ bài thi mà là khả năng tích lũy trong 12 năm ròng đi học của thí sinh.

Ấn định được mục tiêu hành động là điều tối quan trọng để đạt thành quả nhưng lại thường bị sao lãng. Thiếu mục tiêu rõ ràng thì hành động sẽ vu vơ và vô hiệu quả. Một học sinh quyết tâm thi Tú Tài nhưng chỉ lo học âm nhạc thì cái rớt cầm chắc trong tay. Đàn hay, hát hay là điều rất tốt nhưng hoàn toàn vô ích so với mục đích lấy bằng Tú Tài.

Trong ý nghĩa đó, thành tích chỉ hữu ích nếu là phương tiện để đạt thành quả.

Còn như tạo thành tích chỉ để tạo thành tích thì đó là tình trạng “làm cho có làm” mà không biết rõ mục đích là gì, khá phổ biến trong cộng đồng chúng ta. Tôi đã từng thấy nhiều người tuyên bố tranh đấu cho dân chủ ở Việt Nam nhưng chỉ thuần trưng dẫn thành tích như số người tham dự biểu tình, số lần hội thảo, số lượng bài viết, số lần phát biểu hay đọc diễn văn, số lần vào ra Quốc Hội hay trụ sở Liên Hiệp Quốc, v.v. mà không hề nêu ra mục tiêu và chứng minh rằng những hoạt động của họ đáp ứng mục tiêu như thế nào.

Quá nệ thành tích thì dễ mang tâm lý thổi phồng hành động hay sản phẩm của mình, như thí sinh tả oán rằng học thâu đêm suốt sáng hay khoe khoang là đã học thầy giỏi trường khó. Chỉ có thành tích mới dễ thổi phồng và đánh bóng. Còn thành quả thì khó thổi phồng vì do người khác đánh giá, như chất lượng của bài thi là do vị giám khảo thẩm định.

Trong cộng đồng chúng ta, bệnh thổi phồng thể hiện qua sự báo cáo gấp nhiều lần hơn so với sự thật về số người tham dự biểu tình, hội thảo (và khi số người tham dự quá ít, cho dù có tăng lên nhiều lần vẫn còn ít, thì chỉ tuyên bố khơi khơi rằng có “đông đảo” người tham dự); hay qua những bài diễn văn và tuyên ngôn nặng tính chất cường điệu.

Muốn xét về thành quả thì chúng ta chỉ cần tự hỏi, chẳng hạn,

số người đông hay ít, các lời tuyên bố hay dở đã tác động thế nào đến chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với Việt Nam về mặt dân chủ và nhân quyền.

Một khi không có mục tiêu cụ thể thì “đánh trống bỏ dùi” là tình trạng đương nhiên vì hành động tách rời hẳn với mục đích. Kết quả là làm việc tùy hứng và thiếu định hướng, ưa hòa theo các vấn đề thời thịnh, ôm đồm nhiều việc chẳng ăn nhập gì với nhau, và hay cả nề nghe bạn bè rủ rê nhúng tay đây một tí kia một tí.

Thực ra, những nguyên tắc kể trên—phân biệt thành tích với thành quả, ấn định mục tiêu để định hướng hành động cho phù hợp với mục đích—đều là những điều rất căn bản và đơn sơ mà người dân thường đều biết áp dụng hằng ngày. Một chủ tiệm chạp phô, với mục đích kiếm lời, biết rất rõ rằng mục tiêu là đất hàng, còn trang trí cửa tiệm cho hào nhoáng, đăng quảng cáo cho rầm rộ chỉ là phương tiện để đạt mục tiêu. Người phụ nữ tề gia nội trợ thì mục đích là lo cái mặc cho chồng, cái ăn cho con. Nhà hết gạo thì phải chạy cho ra gạo chứ không thể chỉ hạ quyết tâm và tuyên bố khơi khơi, hay ngồi nhà niệm thần chú.

Những người tự đóng vai trò lãnh đạo trong cộng đồng, trong sinh hoạt xã hội hay đấu tranh, cũng phải có tinh thần thực tế như vậy.

Nhưng quan trọng hơn nữa là chính quần chúng phải phân biệt được thành quả với thành tích để đòi hỏi những người tự nhận vai trò lãnh đạo mỗi khi đề xướng công việc thì phải tuyên bố mục đích cho rõ ràng và phải nêu ra các mục tiêu cụ thể và đo lường được, và khi hoàn tất công việc thì phải chứng minh thành quả.

Người dân phải đóng vai trò giám khảo, khi chấm thi không cần biết thí sinh học nhiều hay ít, đã học những thầy nào trường nào, có những biệt tài nào, con cái nhà ai... mà chỉ chấm điểm dựa vào chất lượng của bài thi đã nộp; điểm cao thì đậu, điểm thấp thì rớt.

Có vậy thì cộng đồng chúng ta mới từ từ thăng tiến được.

Bài 2:

Tinh Thần Thiện Nguyện

Bản tường trình gần đây của viện nghiên cứu Formative Evaluation Research Associates (FERA) cho thấy rằng cộng đồng người Mỹ gốc Á Châu hãy còn bỡ ngỡ trong lãnh vực thiện nguyện có định chế. Những đóng góp công và của cho công tác thiện nguyện của cộng đồng này mang những đặc tính sau đây:

- Chú tâm vào việc giúp đỡ các người di dân mới đến hội nhập vào cuộc sống.
- Đóng góp tài chánh trực tiếp cho thân nhân hoặc những người quen biết mà không qua các tổ chức từ thiện.
- Đóng góp công và của được xem là một nghĩa vụ giữa những người quen thân hoặc có liên đới với nhau.
- Hình thức và cách thức đóng góp có khác nhau giữa các thành phần di dân mới và cũ.

Người Việt tị nạn và di dân cũng chia sẻ những đặc điểm kể trên. Các cộng đoàn Công Giáo đóng góp rất nhiều cho việc xây nhà thờ và các Phật tử góp tiền trùng tu chùa chiền ở Việt Nam. Các hội đồng hương quyên góp lẫn nhau để giúp xây giếng, sửa đường nơi cố hương. Các hội cựu quân nhân phát động chiến dịch giúp đỡ thương phế binh ở Việt Nam. Nhiều nhóm quyên góp cho các chương trình giúp trẻ mồ côi, xây trường, lập bệnh xá ở Việt Nam. Phần lớn người Việt đều gởi tiền về cho thân nhân. Tổng cộng số tiền người Việt ở hải ngoại chuyển về Việt Nam hàng năm lên đến 3 tỉ Mỹ kim.

Đây là con số rất lớn, nhất là đối với một cộng đồng còn tương đối non trẻ. Như vậy không thể nói rằng người Việt chúng ta thiếu tinh thần thiện nguyện so với các sắc dân khác ở Hoa Kỳ.

Có thiếu chăng là một kế hoạch và định chế để thu hút công và của từ trong cộng đồng cho các việc công ích ở ngay tại Hoa Kỳ.

Hiện nay không có con số thống kê nào về những đóng góp tài chánh của người Việt cho những công việc thiện nguyện ở tại nội địa Hoa Kỳ. Dựa trên con số hội đoàn đang hoạt động chúng tôi ước lượng khoản đóng góp này vào khoảng 30 đến 50 triệu Mỹ kim hàng năm cho các tổ chức từ thiện trong cộng đồng Việt, kể cả các cơ sở tôn giáo.

Chúng ta có xấp xỉ 120 tổ chức người Việt ở Hoa Kỳ có cơ sở và nhân viên. Tuy nhiên phần lớn các tổ chức này rất nhỏ, chỉ có từ một đến hai nhân viên toàn thời với ngân quỹ khoảng 150 ngàn Mỹ kim đổ lại. Số tổ chức có trên 10 nhân viên và ngân sách trên nửa triệu thì chỉ đếm trên đầu ngón tay. Nhìn cách khác, cứ 12 ngàn người Việt mới có được một tổ chức phục vụ mà phần lớn ở tầm mức rất nhỏ bé.

Chính bởi vậy mà cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ hãy còn rất yếu ớt, chưa đủ năng lực để thoả đáng ngay cả những nhu cầu cấp bách của các thành viên trong cộng đồng và hẳn nhiên cũng chưa có thể đứng ngang hàng với các cộng đồng Á châu hoặc các sắc dân bạn. Chúng ta chưa có tiếng nói hay ảnh hưởng gì nhiều trong chính trường Hoa Kỳ.

Để thay đổi tình trạng này, chúng ta cần một nỗ lực song đôi. Một mặt các tổ chức tương đối vững chãi cần hỗ trợ cho các tổ chức nhỏ hơn phát triển để có thêm năng lực phục vụ cho cộng đồng ở địa phương mình. Đồng thời người Việt ở mỗi địa phương cần được khuyến khích và hướng dẫn để thành lập thêm các tổ chức mới trong chiều hướng tiến dần đến làm việc có quy củ.

Câu hỏi đặt ra là, lấy tài nguyên ở đâu ra để nuôi dưỡng sự phát triển này?

Chúng ta phải học và làm theo gương các cộng đồng bạn. Đó là huy động tài nguyên và từ tâm của chính những cá nhân và gia đình người Việt. Ai ai trong chúng ta cũng thao thức có được một cộng đồng lành mạnh và vững chãi. Ai ai cũng muốn cảm thấy hạnh diện

về cộng đồng của mình và muốn góp tay vào việc nghĩa ích trong xã hội nói chung.

Chúng tôi tin tưởng rằng nếu những tổ chức hiện hành có mục tiêu chính đáng, biết tạo cơ hội và thể thức dễ dàng cho mọi người góp công góp của, bảo đảm sự trong suốt về sổ sách và công việc, và chứng minh được thành quả hoạt động thì đa số người dân sẽ không ngại đóng góp tiền bạc hay tham gia làm việc tình nguyện. Được vậy chúng ta sẽ tích lũy được nguồn tài nguyên về năng lực, tài chánh và thiện tâm rất lớn lao nhưng còn bang bạc trong các cộng đồng người Việt lớn nhỏ ở khắp Hoa Kỳ.

Bài 3:

Cơ Chế Và Ý Chí

Muốn tạo sức mạnh, cộng đồng người Việt cần đạt ít ra một trong ba yếu tố: tài chính, số đông, kiến thức.

Có hai cách để đạt các yếu tố này. Thứ nhất là dùng ý chí. Một nhóm người, với niềm tin mãnh liệt và bản lãnh thu hút, đứng ra đôn đốc, huy động quần chúng. Thứ hai là gây dựng một cơ chế tự tồn để thúc đẩy và tạo phương tiện cho quần chúng tùy nghi tham gia.

Biểu hiện cho phương thức duy ý chí là những khẩu hiệu, những tấm gương anh hùng liệt nữ, những ca ngợi quá khứ vàng son và chiến công hiển hách, và hình ảnh lãnh tụ phi thường, bất khả xâm phạm. Tất cả với mục đích kích động ý chí của quần chúng.

Biểu hiện cho phương thức xây dựng cơ chế là hệ thống thưởng phạt công minh, những thực thể quyền lực đối tác với nhau, và đội ngũ chuyên viên hay cán bộ để duy trì hệ thống thưởng phạt và phát triển các thực thể quyền lực ấy.

Duy ý chí là khuynh hướng phổ biến dưới các triều đại phong kiến, quân chủ, và độc tài. Trong thế kỷ 20, người ta ngày càng nhận thức được những yếu kém của khuynh hướng này: Khi vị lãnh tụ nằm xuống thì cả xã hội xáo trộn. Khi tập đoàn lãnh đạo dở chứng thì cả dân tộc lâm than.

Cơ chế và ý chí thường tỉ lệ nghịch với nhau. Cơ chế càng vững bền thì càng ít phải dùng đến ý chí. Ngược lại nếu lúc nào cũng phải dùng ý chí thì có nghĩa là cơ chế chưa có hay còn phôi thai. Cứ hình dung, ở một xã hội mà trước khi ra đường người ta phải thu hết can đảm vì không biết có sống sót qua ngày thì rõ ràng là hệ thống lưu thông chưa bền vững. Ở một nước mà ra ngõ là gặp anh hùng thì là điều đáng lo chứ không phải niềm hãnh diện để mà khoe khoang.

Có phân biệt được hai phương thức này chúng ta mới hiểu được tại sao ở Hoa Kỳ người ta hài tội tổng thống không chút ngần ngại. Người Mỹ tin vào và tự hào về cơ chế chính trị và xã hội vững vàng của họ và việc hài tội tổng thống, nếu có lý do chính đáng, là điều cần thiết để bảo vệ và củng cố cơ chế ấy. Ở Việt Nam thì ngược lại, nói đụng đến lãnh tụ là phạm thượng. Việt Nam không có cơ chế xã hội vững vàng, nên phải thần thánh hoá lãnh tụ để biện minh cho sự phân bổ quyền bính hiện hành và che đậy sự yếu kém về năng lực và tư duy của thành phần lãnh đạo.

Người lãnh đạo sáng suốt và giỏi giang đổ công xây dựng một cơ chế trường tồn cho quốc gia. Mẫu mực đó có thể ví với người chế tạo đồng hồ. Chiếc đồng hồ chạy tốt thì ai cũng có thể tự mình xem giờ, chẳng phải phụ thuộc hay cả biết đến ai là người đã chế tạo ra nó.

Người lãnh đạo thiển cận với khả năng tư duy yếu kém thì chỉ biết áp đặt ý chí của mình lên mọi người. Mẫu mực ấy có thể ví với kẻ giữ giờ, bắt mọi người phải sắp hàng để hỏi giờ.

Đó là sự khác nhau giữa Thomas Jefferson của Hoa Kỳ, một người âm thầm đặt nền móng cho một thể chế dân chủ trường tồn, và Hồ Chí Minh của Việt Nam, một người tự đánh bóng và chỉ huy bằng khẩu hiệu qua bữa.

Đa phần trong chúng ta có cơ may sinh sống ở cả hai xã hội Việt Nam và Hoa Kỳ. Chúng ta có cơ hội so sánh và học hỏi để tránh vết xe đổ. Trong vấn đề xây dựng cộng đồng chúng ta cần nhanh chóng thay thế những lời hô hào suông bằng những viên gạch rắn chắc làm nền móng cho một cơ chế bền vững để cộng đồng có thể phát triển và thăng hoa.

“Bản chất của sự lãnh đạo là hành động, chứ chẳng phải cương vị hay chức quyền” - Donald McGrannon

Bài 4:

Đúng Việc Và Đúng Cách

Cộng đồng Việt lại thêm một lần đánh dấu ngày 30 tháng 4. Ba mươi một năm là quãng thời gian thật dài trong đời người nhưng lại thật ngắn cho một cộng đồng. Cộng đồng chúng ta còn rất non trẻ và vì thế còn nhiều vấp vấp.

Một vấp vấp phổ cập là việc thành lập và điều hành các tổ chức mệnh danh cộng đồng.

Do ao ước tạo thế lực cho tập thể người Việt tị nạn, ở nhiều nơi những vị có lòng đã thành lập các tổ chức cộng đồng. Họ tổ chức tranh cử và kêu gọi người Việt trong vùng đi bỏ phiếu để hợp thức hoá tính cách đại diện.

Việc làm này, xuất phát từ thiện chí, lại dẫn đến trở ngại về chính danh, hiệu năng, và đoàn kết.

Về chính danh, không một hội đoàn tư nhân nào được phép đại diện chung chung cho mọi người. Luật hội đoàn ở Hoa Kỳ ấn định hai loại tổ chức: có thành viên và không có thành viên. Thành viên là những ai chính thức nộp đơn tham gia. Họ có quyền bầu cử Hội Đồng Quản Trị và có một số quyền lợi của hội viên do hiến chương ấn định. Các tổ chức có thành viên chỉ đại diện cho thành viên trong phạm vi nội quy và hiến chương. Các nghiệp đoàn Hoa Kỳ nằm trong loại này. Còn các tổ chức không thành viên thì phục vụ nhưng không đại diện. Phần lớn các tổ chức dịch vụ chuyên nghiệp của Hoa Kỳ nằm trong loại này.

Các tổ chức mệnh danh cộng đồng, không có thành viên hoặc chỉ có một số nhỏ hội viên, nhưng lại muốn đại diện bao trùm mọi người Việt ở trong vùng. Giới lắm những tổ chức này chỉ có thể đại diện cho những ai đã tham gia bỏ phiếu cho họ, nếu xét hành động bỏ phiếu là

mặc nhiên tham gia tổ chức.

Có người, dựa theo thể thức bầu cử của chính quyền Hoa Kỳ, lập luận rằng những ai không tham gia bỏ phiếu là mất quyền lợi chọn lựa và phải chấp nhận tính đại diện của mình. Hội đoàn tư nhân không phải là chính quyền. Những ai chọn sinh sống ở Hoa Kỳ tự động phải chấp nhận hiến pháp của quốc gia này nhưng không ai có quyền bắt họ phải chấp nhận hiến chương của một tổ chức tư nhân.

Kiểm soát nội bộ (internal control) là nền tảng của mọi tổ chức, hội đoàn, công ty, hay chính quyền. Nhận rằng mình đại diện cho mọi người có nghĩa mời chào mọi người can dự vào nội bộ của tổ chức trong mọi lãnh vực, dẫn đến tình trạng tê liệt, thiếu liên tục, hay lảm thây thối ma. Chẳng hạn, khi tổ chức có ngân khoản để phục vụ nhóm A thì người bàng quan, mà bình thường chẳng đóng góp gì, cũng có thể nhao nhao đặt vấn đề tại sao không giúp nhóm B, C... Z. Đúng ra chỉ những thành viên chính thức của tổ chức (có ghi danh tham gia) mới có thẩm quyền ấy.

Hiểu lầm rằng mình có quyền đại diện trùm lên mọi người để đưa đến mâu thuẫn trong cộng đồng. Khi hai nhóm cùng ngộ nhận như vậy thì tự động trở thành dẫm chân và kình chống nhau. Và người dân không hiểu rõ vấn đề thì lại cho rằng cộng đồng chia rẽ. Thực ra đó chỉ là mâu thuẫn giữa hai nhóm mà chẳng nhóm nào có tư cách đại diện bao trùm. Nếu một tổ chức theo đúng quy cách và chỉ đại diện cho thành viên của mình thì sẽ không có lý do để mâu thuẫn như vậy xảy ra.

Xây dựng thế lực và tiếng nói cho cộng đồng là việc đúng và cần thiết. Nếu làm đúng cách thì cộng đồng chúng ta sẽ có cơ hội phát triển ngang tầm với những cộng đồng bạn.

Bài 5:

Cần Và Đủ

Sau 20 năm sinh hoạt, tôi để ý thấy người ta thường không quan tâm đến yếu tố đủ trong công việc mà chỉ chăm chú vào một hai việc mà họ cho là cần; và khi chọn một hai việc cần đó, người ta lại thường chọn việc nào dễ và tiện nhất để làm thay vì những việc nào cần thiết nhất. Thói quen này dẫn đến tình trạng “đánh giớ”, “chạy theo đuôi hậu quả”, và “đầu voi đuôi chuột”, khá phổ biến trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Thói quen này có phổ biến thì cũng là điều dễ hiểu: yếu tố đủ bao gồm tất cả những yếu tố cần và do đó thấy được rằng việc đủ đòi hỏi tầm nhìn bao quát vượt quá kinh nghiệm sẵn có và làm được việc đủ đòi hỏi công sức và thực lực vượt quá khả năng hiện có.

Ngay như việc nấu phở, muốn ngon không phải dễ. Đầu bếp giỏi không những phải biết tất cả các thức và gia vị cần thiết, mà còn phải biết quy trình nấu và cả cách múc nước lèo cho không bị váng hay cạn, cách nhúng bánh cho vừa chín, cách giữ cho tô phở nóng lâu... Nấu được tô phở ngon phải lắm công phu, đầu bếp phải học hỏi, phải trau luyện, phải tinh tế, phải lắng nghe ý kiến của khách ăn. Còn như chây lười, cầu thả, chỉ mong sao có được tô nước lèo bông với bánh phở lều bều thì rất dễ, nhưng khách nào lỡ dại đến ăn một lần thì sẽ cách suốt đời.

Việc xây dựng cộng đồng, bảo vệ quyền lợi cho đồng hương, tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam, dành quyền tị nạn cho đồng bào thuyền nhân... ắt hẳn phức tạp và hệ trọng hơn việc nấu phở. Đối với những công việc này, yếu tố đủ lại càng quan trọng.

Chỉ tập trung vào một ít việc cần nhưng không đủ nhiều khi có hại, và có thể có tội. Chế độ cộng sản nói chung thu hẹp giá trị con người và mục tiêu xã hội vào vấn đề ăn, mặc, ở. Đây là những việc

cần nhưng không đủ. Thiếu tự do, nhân quyền và nhân phẩm thì con người không còn là con người. Các chế độ cộng sản reo rắc khổ đau khắp thế giới chính ở chỗ đó; đảng cộng sản Việt Nam mang trọng tội với dân tộc chính ở chỗ đó.

Thói quen chỉ thấy việc cần mà không thấy việc đủ cũng rất phổ biến trong cộng đồng người Việt ở hải ngoại.

Bài 6:

Làm Được Việc Thay Vì Chỉ Làm Hết Sức

Câu nói “Tôi sẽ làm hết sức mình” có thể rơi vào một trong hai trường hợp:

1. Trong trường hợp thứ nhất thì đó chỉ là câu nói đả bôi, kiểu như “Sẽ làm trong phạm vi khả năng cho phép” mà thường đồng nghĩa với chẳng làm gì cả hay chỉ làm qua loa chiếu lệ. Nói như vậy chỉ là cách từ chối khéo để người đối thoại không phật lòng hoặc không đánh giá rằng người nói thiếu tinh thần trách nhiệm. Đối với trường hợp này chúng ta chẳng cần bàn bạc.
2. Trong trường hợp thứ hai thì đó là câu nói chân thật; người nói thực sự muốn làm hết sức mình. Nhưng dù vậy thì thường cũng sẽ chẳng có kết quả gì.

Lý do rất dễ hiểu. Câu nói ấy thường hàm ý một thử thách ghê gớm, một vấn nạn to lớn nào đó, vì như vậy thì mới cần phải làm hết sức. Nhưng đã nói đến vấn nạn thì cũng đương nhiên thừa nhận rằng tầm vóc của vấn đề cần giải quyết vượt xa khả năng và sức lực của những người đối diện nó; bằng không thì vấn đề đã được giải quyết từ lâu, trước khi nó trở thành vấn nạn.

Trong hoàn cảnh đó thì làm hết sức cũng sẽ chẳng thấm thía vào đâu vì cái hết sức của mình cũng chỉ ở mắt cá chân hay ở đầu gối của vấn nạn. Muốn giải quyết vấn nạn thì phải vượt lên trên khả năng hiện có, vươn đến ngang tầm với tầm vóc của vấn nạn. Muốn giải quyết vấn nạn thì phải chủ trương làm để đạt mục tiêu, để đạt thành quả – nghĩa là làm cho được việc—thay vì chỉ làm hết sức.

Điều này không có gì là mới lạ. Một học sinh đi học mà chỉ chủ trương làm hết sức, nghĩa là vừa đúng trình độ học lực hiện có của mình, thì muôn đời sẽ không qua được lớp một. Trường hợp này có lẽ có xảy ra nơi một số em, nhưng rất hiếm. Còn lại đa số học sinh dù ở tuổi măng non cũng đã biết cố gắng trau luyện để vượt lên trên khả năng hiện có, để ngày hôm sau khá hơn ngày hôm trước, và đến lúc nào đó học lực sẽ phải vượt quá trình độ lớp một của mình để bước vào lớp hai. Các em này đã mặc nhiên chọn thái độ làm cho được việc thay vì chỉ làm hết sức.

Thế nhưng trong cộng đồng của chúng ta lại có những người, mà thường là những người tự nhận vai trò lãnh đạo chúng ta, chỉ chủ trương làm hết sức. Thay vì cố gắng vươn lên cho ngang tầm với vấn đề, thì họ lại thường kéo vấn đề xuống ngang tầm với khả năng của họ. Chẳng hạn, trước đây khi còn vấn đề thuyền nhân, thay vì cố gắng vươn lên để đối đầu với chính sách bức bách thuyền nhân của quốc tế, thì họ lại chỉ giới hạn hoạt động trong việc cứu trợ; hoặc hiện nay thay vì đối đầu với tầm vóc vĩ mô của những vấn đề chính trị và xã hội, họ lại chỉ thu vén hoạt động vào việc đối phó với hậu quả. Họ đã chọn thái độ làm hết sức thay vì làm được việc. Đó cũng chính là thái độ chọn việc làm giản tiện và ăn chắc cho mình thay vì làm những gì đích đáng và cần thiết để giải quyết vấn nạn.

Cộng đồng của chúng ta sau 35 năm vẫn trì trệ, vẫn non yếu, một phần lớn là do những người tự nhận vai trò lãnh đạo cộng đồng đã chỉ làm hết sức của họ; sức tối đa của họ hiển nhiên đã không đủ. Nếu thái độ này cứ tiếp tục thì 35 năm nữa cộng đồng của chúng ta cũng vẫn chỉ như thế này mà thôi.

Mọi người trong chúng ta cần mạnh dạn đòi hỏi, đặt vấn đề, nói thẳng với những ai tự nhận vai trò lãnh đạo cộng đồng rằng làm hết sức không đủ, mà quý vị phải làm cho được việc; rằng quý vị nếu muốn lãnh đạo chúng tôi thì phải chứng minh khả năng giải quyết được vấn đề, phải trưng dẫn được thành quả; hoặc nếu chưa đạt được trình độ ấy thì ít ra cũng phải cho chúng tôi thấy được rằng, qua sự học hỏi và trau luyện thường xuyên, quý vị đang tiến dần đến trình độ ấy.

Và nếu chúng ta nghe một ai đó nói rằng “Tôi sẽ làm hết sức”

trong bối cảnh của một vấn nạn to lớn, thì có thể định ninh rằng người đó hoặc sẽ chẳng làm gì hoặc có làm thì cũng sẽ chẳng đến đâu.

“Tài lãnh đạo thực ra nằm trong khả năng giải quyết vấn đề.”
– Colin Powell

Bài 7:

Quản Trị Và Lãnh Đạo

Đây là hai khái niệm rất khác nhau nhưng thường hay bị lẫn lộn. Sự lẫn lộn này đã tạo ra và đang duy trì tình trạng yếu kém trầm trọng của cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ.

Vai trò của quản trị là sử dụng nguồn tài nguyên sẵn có để thi hành sứ mạng được uỷ nhiệm. Vai trò của lãnh đạo là mở ra chiều hướng mới để dẫn dắt một tập thể thoát khỏi tình trạng bế tắc hay khủng hoảng, đến một nơi chốn tốt hơn hay một trình độ cao hơn.

Một tập thể trong tình trạng ổn cố cần người quản trị hơn là người lãnh đạo. Nhiệm vụ của người quản trị là giúp tập thể đang hoạt động tốt đẹp củng cố vị thế và phát triển.

Ngược lại, một tập thể đang đình trệ hay gặp cơn khủng hoảng cần người lãnh đạo để khai thông bế tắc và mở thông lộ đến tương lai tốt đẹp hơn.

Chúng ta có thể hình dung thời kỳ lập quốc của Hoa Kỳ. Lúc ấy người Mỹ may mắn có được những người lãnh đạo xuất chúng, tạo dựng ra một mẫu mực dân chủ chưa từng có trên thế gian. Viễn kiến phi thường của họ đã trong một thời gian ngắn biến một cựu thuộc địa xa xôi của Anh Quốc thành một cường quốc dẫn đầu thế giới. Nhưng ngày hôm nay, nhu cầu về lãnh đạo đã giảm hẳn đi so với thời kỳ lập quốc.

Để duy trì vị thế cường quốc, Hoa Kỳ cần và đào tạo rất nhiều người quản trị ở mọi tầng cấp trong xã hội.

Trong thực tế thì bất kỳ tập thể nào, từ một công ty buôn bán cho đến một quốc gia, ở thời kỳ nào cũng phải có cả hai thành phần quản trị và lãnh đạo.

Nếu chỉ có lãnh đạo thì tập thể sẽ bấp bênh vì liên tục chuyển biến mà không có sự củng cố. Tập thể ấy chắc chắn sẽ chết yểu. Ngược lại nếu chỉ có quản trị thì tập thể bị sơ cứng, không đáp ứng kịp với đà biến chuyển của thế giới chung quanh. Tập thể ấy khó mà trường tồn.

Một tập thể có sinh lực và triển vọng phải duy trì được tình trạng cân bằng giữa người quản trị và người lãnh đạo, hay đội ngũ quản trị và đội ngũ lãnh đạo, phù hợp với mỗi tình huống. Trong cơn bĩ cực thì vai trò lãnh đạo cần được nâng lên. Khi tình hình ổn định thì vai trò quản trị phải được phát triển.

Cộng đồng của người Việt thiếu nhân sự cả về quản trị lẫn lãnh đạo.

Trong cộng đồng chúng ta rất hiếm các tổ chức có quy củ và lại càng ít tổ chức có quy mô. Điều này cho thấy đã có rất ít người có khả năng quản trị để củng cố và phát triển các tổ chức trong cộng đồng. Ngược lại, có một số người có khả năng quản trị, do học kinh nghiệm từ nơi khác, thì trong cộng đồng lại không có đất dụng võ cho họ.

Về mặt lãnh đạo, cộng đồng chúng ta đang rất cần, để thoát ra khỏi cảnh yếu kém trầm kha hiện nay, nhưng lại rất thiếu. Có lẽ vì nhận thức được điều này mà trong những năm gần đây một số tổ chức đã thực hiện các buổi hội thảo và huấn luyện về “tuổi trẻ lãnh đạo”. Điều đáng tiếc là những buổi này lại chỉ tập trung huấn luyện một số kỹ năng quản trị sơ đẳng, thay vì khả năng lãnh đạo.

Tình trạng này do nhiều yếu tố tác động vào.

Thứ nhất, chính ban tổ chức bị lẫn lộn giữa hai khái niệm quản trị và lãnh đạo và do đó quan niệm sai lầm rằng khả năng lãnh đạo có thể hấp thụ được qua vài buổi trao đổi ngắn ngủi.

Thứ hai, các sách vở và tài liệu mà họ dùng hay thuyết trình viên mà họ mời lại chỉ chuyên về đào tạo kỹ năng quản trị hơn là lãnh đạo. Điều này dễ hiểu vì xã hội Hoa Kỳ đã có nề nếp và ổn cố nên sách vở, tài liệu, nhân sự thường nặng về quản trị thay vì lãnh đạo.

Thứ ba, nhiều người quan niệm sai lầm rằng lãnh đạo có vẻ “cao cấp” hơn quản trị nên lạm dụng hai chữ lãnh đạo để tăng phần hấp dẫn. Thực ra, quản trị và lãnh đạo đều cần và là đối trọng với nhau.

Do những quan niệm khiếm khuyết như vậy mà cộng đồng chúng ta khó thoát ra khỏi vòng suy nhược và yếu kém. Một đảng, những người có ý nguyện đóng vai trò lãnh đạo thì lại chỉ nắm trong tay một ít kỹ năng quản trị sơ đẳng. Đảng kia, những người có năng khiếu về quản trị thì lại không được khuyến khích và cũng không có cơ hội phát triển khả năng. Cuối cùng chúng ta không có cả chì lẫn chài.

Bài 8:

Đường Đi và Điểm Đến

Mọi quyết định dù của cá nhân hay tập thể đều dựa trên hai yếu tố: mục đích và giá trị. Mục đích là điểm đến còn giá trị quyết định đường đi.

Giá trị quan trọng hơn mục đích. Giá trị là yếu tố quyết định mọi chọn lựa của chúng ta trong bất kỳ cảnh ngộ nào và dù mục đích có thay đổi. Và nhiều khi chính con đường lại quyết định điểm đến.

Nhiều người xem thường điều này và không bao giờ tự hỏi, liệu con đường mình chọn sẽ dẫn mình đến hay xa dần mục đích?

Đảng cộng sản mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại nhưng con đường họ chọn lại dẫn nhân loại vào tai họa. Nhiều cuộc nghiên cứu trong hơn một thế kỷ qua cho thấy con người chỉ hạnh phúc trong một môi trường có vốn xã hội phong phú. Nhân danh chuyên chính vô sản, người cộng sản đã huỷ diệt vốn xã hội—niềm tin giữa người và người, tổ chức theo tôn giáo hay làng xã, lòng vị tha và dung dị. Họ càng thành công thì xã hội càng lâm than. Sai một li đi một dặm.

Trong tập thể người Việt tị nạn, khuynh hướng này cũng xảy ra. Có những tổ chức và đảng phái chống cộng chủ trương dùng tiểu xảo để lấn lướt, khuynh loát, chiêu dụ. Họ không minh bạch ngay trong nội bộ với nhau, lấp liếm với người dân, và phỉ báng những ai thắc mắc. Vì muốn thống lĩnh để tạo sức mạnh đối phó với kẻ thù chung, họ reo rắc sự nghi ngờ và đổ tội trong một cộng đồng ngày càng nghèo đi vốn xã hội.

Chọn đường đi cho đúng là quyết định tối quan trọng ở đời.

Và nền tảng của chọn lựa là quan điểm giá trị. Cùng mục đích nhưng khác giá trị thì đường đi tất nhiên sẽ khác.

Ở Hoa Kỳ Đảng Dân Chủ và Đảng Cộng Hoà cùng mục đích dân giàu nước mạnh nhưng mỗi đảng chọn một giá trị khác: Dân Chủ tin vào sự can thiệp của chính quyền để giảm bất công xã hội còn Cộng Hoà bảo vệ quyền tự quyết của cá nhân khỏi sự lấn áp của chính quyền. Cùng mục đích nhưng hai con đường khác nhau. Tùy tình hình đất nước mà người dân chọn con đường nào thích hợp qua cuộc bỏ phiếu.

Muốn hợp tác lâu dài thì hai cá nhân hay hai đoàn thể phải cùng chia sẻ cả mục đích lẫn giá trị.

Nếu mục đích khác nhau thì không còn gì để nói—mỗi người sẽ đi một hướng. Còn chung mục đích nhưng khác giá trị thì mỗi người mỗi ngã đường, nếu có hợp tác thì cũng chỉ trong giai đoạn.

Trong sinh hoạt cộng đồng, để tránh những tai hại khôn lường chúng ta cần tôn trọng nguyên tắc trên: trước khi dấn thân phải tự hỏi đâu là những giá trị căn bản của mình, và đâu là mục đích của mình. Dựa trên những giá trị ấy chúng ta sẽ chọn con đường mình sẽ đi. Trước khi hợp tác, chúng ta phải nói rõ mục đích và giá trị của mình để hai bên thẩm định xem có thể hợp tác hay không, hoặc chỉ hợp tác giai đoạn thôi, hoặc có thể đi đường dài với nhau.

Được vậy, chúng ta biết rõ điều mình muốn, chọn đúng đường mình đi, và giữ gìn được niềm tin và sự lành mạnh trong cộng đồng dù có sự bất đồng về đường và hướng.

Mục tiêu mà không có kế hoạch sẽ chỉ là một ước mơ. (Larry Elder)

Bài 9:

Mục Đích và Giá Trị

Trong cuộc đời và trong hoạt động xã hội, người ta cần có mục đích và giá trị. Mục đích là điểm đến. Giá trị quyết định con đường và từng bước chân đi. Giá trị là căn bản để chúng ta chọn lựa giữa trắng hay đen, chính hay tà, ngay thẳng hay thủ đoạn.

Để sống chân chính, giá trị quan trọng hơn mục đích vì điểm đến thì quá xa vời và có thể thay đổi với thời cuộc trong khi mỗi bước chân đi đều để lại dấu ấn trong đời, cho những người chung quanh và đối với chính mình.

Ngày xưa Ông Hồ Chí Minh theo đuổi mục đích dành độc lập và thống nhất quốc gia nhưng sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn. Đạo đức con người không thuộc vào quan điểm giá trị của ông ta. Đến khi nước nhà được độc lập và thống nhất thì điều linh đã xảy ra cho bao triệu con người, xã hội suy đồi đến cực kỳ, và sự phá sản về giá trị di hại qua nhiều thế hệ cán bộ và dân chúng.

Ở Việt Nam và trên thế giới có những người cũng tranh đấu cho nền độc lập và thống nhất nước nhà nhưng chọn con đường ngay chính. Con đường ấy có thể dài hơn, gian truân hơn nhưng họ thà vấp chứ không phản bội các giá trị đạo đức. Khi họ thành công, như ở Hoa Kỳ cách đây hơn 200 năm; như ở Tiệp, Ba Lan, Đức, Lithuania, và nhiều quốc gia khác gần đây hơn, thì các giá trị đạo đức được xiển dương thành nền móng cho dân tộc thăng hoa, xã hội công bằng, và quốc gia phát triển.

Khi hai người hay hai tập thể đến với nhau, chia sẻ cùng mục đích và giá trị là yếu tố cần thiết cho mọi sự kết hợp lâu bền. Nếu không cùng mục đích thì mỗi người sẽ đi một hướng. Còn như quan điểm giá trị khác nhau thì mỗi người sẽ đi một con đường riêng; nếu gắng gượng đi với nhau thì sẽ va chạm thường xuyên vì các quyết định quan trọng, thường là trong những tình huống khó xử, đều dựa trên các giá

trị khác biệt.

Nguyên tắc này áp dụng cho cá nhân – giữa hai người bạn, hai người tình, hai vợ chồng – và cho tập thể – giữa hai nhóm, hai tổ chức, hai quốc gia.

Điều đáng tiếc là ngày nay có những người trong hàng ngũ chống cộng không ngần ngại dùng các tiểu xảo và thủ đoạn để lôi kéo quần chúng theo mình. Họ đưa những tin tức thất thiệt, mạo nhận danh nghĩa hay thành tích, dựng nên các tổ chức ngoại vi để giật dây, và hăm dọa hay bôi bẩn những người dám đặt vấn đề. Họ có mục đích chống cộng nhưng cách hành xử thì y hệt như kẻ họ chống: bằng mọi cách để thành công, bất kể giá trị đạo đức. Đó là thái độ lấy cứu cánh để biện minh cho phương tiện.

Người dân chúng ta nhiều khi suy nghĩ đơn giản và dễ dãi. Thấy điều bất chính nhưng dễ dãi bỏ qua, lập luận rằng dù sao họ cũng chống cộng thì nghĩa là cùng hàng ngũ, cùng chiến tuyến thì phải châm chước và bao che cho nhau.

Chúng ta đã thấy hậu quả tai hại của thái độ này. Xưa kia có những người không cộng sản cũng đã suy nghĩ như vậy – sẵn sàng hợp tác với Việt Minh trong cuộc kháng chiến chống Pháp để rồi sau đó bị loại trừ hay tiêu diệt bởi người cộng sản. Sự kết hợp như vậy chính là thái độ “kẻ thù của kẻ thù là bạn”. Nó dựa trên mục đích là đánh bại kẻ thù chung mà bất chấp là người hợp tác chân chính hay xảo quyệt. Khi biết ra thì đã quá trễ, không phải cho riêng mình mà cho cả dân tộc.

Nửa thế kỷ sau khi nước nhà độc lập trong sự xâu xé và ba thập niên sau khi dân tộc thống nhất dưới sự dày đọa, chúng ta cần học bài học quá khứ để tránh tai họa tương lai. Chúng ta cần dứt khoát với thái độ lấy mục đích cao cả để lý giải cho những hành động không ngay thẳng hay những kết hợp không chân chính. Chúng ta cần dứt khoát rằng chỉ cùng hàng ngũ khi cùng mục đích và cùng giá trị.

Đạt mục đích là quan trọng nhưng không thể bằng bất cứ giá nào. Đó là tinh thần trong câu nói khí khái của Nguyễn Thái Học khi xưa – thành nhân hơn là thành công. Đó là sự khác biệt một trời một vực giữa Nguyễn Thái Học và Hồ Chí Minh.

Bài 10:

Dùng Sở Trường Thay Vì Sở Đoản

Thiên nhiên có những quy luật của nó; sinh hoạt xã hội cũng có những quy luật của nó. Một trong những quy luật đó là: không bao giờ có giải pháp dễ cho một vấn nạn lớn, vì nếu có thì vấn đề đã được giải quyết trước khi trở thành vấn nạn.

Quy luật này thể hiện sự chênh lệch giữa tầm vóc của vấn đề phải giải quyết và khả năng hiện có. Vấn nạn xảy ra khi tầm vóc của vấn đề vượt trội khả năng giải quyết. Bằng ngược lại thì đã không có vấn nạn. Chẳng hạn nếu dư thừa tài nguyên thì giải quyết nạn nghèo đói rất dễ: thí cho mỗi người vài chục ngàn Mỹ kim mỗi năm là xong. Có tiền mua tiên cũng được, huống hồ là giải quyết vấn nạn nghèo đói. Tuy nhiên chẳng ai, dù là quốc gia đại cường, lại có tài nguyên đến như vậy.

Bởi vậy, khi nói đến vấn nạn thì đã hàm ý là ở thế yếu so với tầm vóc của vấn nạn. Người Việt mình có câu: mạnh dùng lực, yếu dùng thế. Muốn dùng thế thì phải biết khai thác sở trường của mình mà đánh vào trọng tâm của vấn đề hay sở đoản của đối phương.

Khi nói về vấn nạn chung của tập thể, thì sở trường phải hiểu là sở trường của cả tập thể chứ không phải là sở trường của riêng một cá nhân nào. Đây là điều dễ làm lẫn, dẫn đến tình trạng người chủ xướng công việc chọn việc tiện cho mình nhưng lại vô ích cho công cuộc, và phí hoại công sức và tài nguyên của tập thể. Tình trạng này không hiếm trong cộng đồng của chúng ta.

Lấy lại ví dụ trong một bài trước, năm 1989, bằng Chương Trình Hành Động Toàn Diện, thế giới thay đổi chính sách đối với thuyền nhân, với mục đích chặn đứng làn sóng vượt biên. Thuyền nhân đã bị bóp nghẹt từ tứ phía: thanh lọc bắt công, chính sách thắt chặt đời sống, các biện pháp khủng bố tinh thần, và cưỡng bách hồi hương.

Trước lời cầu cứu thảm thiết của đồng bào, các tổ chức tự nhận tranh đấu cho thuyền nhân gia tăng kêu gọi quyên góp cứu trợ. Làm vậy là lấy sở đoản của mình mà địch lại với sở trường của đối phương.

Dồn hết khả năng của cộng đồng chúng ta lại thì giới lãnh chỉ quyên góp được vài ba triệu, chỉ là muối bỏ biển so với nửa tỉ mà quốc tế đổ vào Chương Trình Hành Động Toàn Diện. Cứ mỗi một đồng mà chúng ta gởi lọt được vào trại và đến tay đồng bào, thì Cao Ủy Tị Nạn và các quốc gia tạm dung dễ dàng cắt đi 100 đồng về thực phẩm, thuốc men, giáo dục... Không những vậy, họ lại dùng những khoản tiền cắt đi ấy để xây thêm rào kẽm gai, dựng thêm tường chắn, tài trợ thêm cảnh sát và quân đội để biến trại tạm dung thành trại tù. Trong tình cảnh đó, quyên góp cứu trợ chỉ là nắm dao đằng lưỡi, trong khi các thế lực chèn ép thuyền nhân thì nắm dao đằng chuôi.

Lẽ ra các tổ chức tự nhận tranh đấu cho thuyền nhân đã phải khai thác sở trường của cộng đồng, là ưu thế của những công dân hay cư dân Hoa Kỳ, là những người đóng thuế, là những người có thân nhân bạn bè trong số thuyền nhân đang gặp khổ nạn. Phần nửa tiền đóng góp cho Chương Trình Hành Động Toàn Diện là của chính phủ Hoa Kỳ, trong đó có phần tiền của chúng ta đóng thuế. Nếu ngay từ những ngày đầu cộng đồng chúng ta dồn mọi nỗ lực để khai thác ưu thế này và đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ bảo đảm một chính sách công bằng trong thanh lọc và nhân đạo trong cư xử ới thuyền nhân thì có lẽ đã giải cứu được cho rất nhiều đồng bào thuyền nhân. (BPSOS và một số ít tổ chức hoạt động theo chiều hướng này nhưng vì ít người tiếp tay nên mãi đến năm 1995 mới vận động được Quốc Hội Hoa Kỳ mạnh mẽ can thiệp, dẫn đến chương trình ROVR. Nhưng lúc ấy đã là cuối trào, chỉ vớt vát được cho khoảng 20 ngàn thuyền nhân mà thôi; nhiều thuyền nhân khác đã bị hồi hương trong khổ nhục.)

Điều này cũng áp dụng cho cuộc vận động cho dân chủ ở Việt Nam hiện nay. Sở trường của chúng ta, những người dân đóng thuế, là quyền can dự vào tiến trình hình thành chính sách quốc gia. Nhưng muốn khai thác sở trường này thì phải nghiên cứu về chính sách, am tường về chính trường, và tự tạo được tiếng nói, uy tín, và một vai trò trong tiến trình hình thành chính sách. Biết khai thác sở trường

này để nhắm vào sở đoản của Hà Nội thì chúng ta sẽ chiếm được thế thượng phong.

Sở đoản của Hà Nội là một nước nhược tiểu, chậm tiến, nghèo nàn đang cầu cạnh những ân huệ và đặc quyền từ chính phủ Hoa Kỳ. Muốn đạt thành quả trong cuộc tranh đấu, chúng ta phải biết dùng sức mạnh của chính quyền Hoa Kỳ để áp lực Hà Nội nhượng bộ về nhân quyền và dân chủ nếu muốn được ban phát đặc ân về mặt dịch.

Người dân bình thường nhất cũng biết câu “dậy thẳng óm đánh vật”, diễn tả tình trạng dùng sở đoản thay vì sở trường. Ai cũng biết phải tránh tình trạng phi lý ấy, nhưng tại sao nó vẫn phổ biến?

Đây là vì người ta thường lẫn lộn giữa sở trường của cá nhân với sở trường của tập thể. Khi chọn việc, người ta có khuynh hướng chọn việc nào tiện, trong tầm tay, quen thuộc, và ít rủi ro cho mình, thay vì nghĩ đến việc khai thác và phát huy sở trường của tập thể.

Quyên góp cứu trợ dễ, tiện, và ăn chắc cho mình hơn là trực diện đối đầu với chính sách quốc tế. Tổ chức biểu tình dễ, tiện, và ăn chắc cho mình hơn là vận động chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Làm việc dễ, tiện, và ăn chắc thì bảo đảm tạo được thành tích nhưng chắc chắn sẽ không đạt thành quả.

Ở đời chẳng bao giờ có giải pháp dễ cho một vấn nạn. Đứng trước vấn nạn mà chỉ cốt chọn việc dễ, tiện, và ăn chắc thì không những vô hiệu quả mà còn phí hoài công sức và tài nguyên của tập thể, và phụ lòng những người đang trông chờ được giải cứu.

“Dù bão táp phong ba có ập đến, ta nào hãi sợ chính bởi vì ta đang không ngừng rèn luyện khả năng lái thuyền của mình.”

- Louisa May Alcott

Bài 11:

Phát Triển Thay Vì Phát Chấn

Trong đời sống cá nhân người ta phải cân nhắc giữa những nhu cầu cấp thiết cho cuộc sống hàng ngày và những nhu cầu dài hạn để xây dựng tương lai. Cửa ăn, cửa để.

Cửa ăn là phát chấn; còn phát triển là cửa để.

Sự cân bằng giữa phát chấn và phát triển là điều cần thiết để vừa sinh tồn vừa tăng trưởng. Trong hoàn cảnh bức thiết, sự cân bằng có thể nghiêng nhiều hơn về phát chấn. Khi tình huống ổn định, người ta có thể dành thêm vốn liếng, tài nguyên cho phát triển.

Như người đi bằng hai chân, không thể nào chỉ có phát chấn mà không có phát triển, hay ngược lại. Nếu chỉ có phát chấn thì là đổ hết thóc giống ra ăn; đến năm sau đâu lại hoàn đó và tình trạng phát chấn sẽ kéo dài vô hạn định cho đến khi năng lực của người ấy hay gia đình ấy hoàn toàn kiệt quệ. Nếu chỉ có phát triển thì như kẻ biển lận không dám ăn, không dám uống; cơ thể sẽ còi cọc, bệnh hoạn và không thể phát triển.

Mất quân bình cách nào cũng dẫn đến chu kỳ lẫn quẩn không thoát ra được và ngày thêm trầm trọng, dẫn đến khủng hoảng hay huỷ diệt.

Cũng vậy, một xã hội cần sự cân bằng linh động giữa phát chấn và phát triển. Nếu không đạt được sự quân bình đó thì xã hội ấy ít triển vọng tồn tại.

Ở miền Nam trước đây vì nhu cầu chiến cuộc, mọi tài nguyên quốc gia đều phải dồn vào chiến đấu và sinh tồn trước mắt, không tích lũy được mấy cho tương lai; xã hội mất dần khả năng đề kháng, ngày càng bạc nhược và thêm lệ thuộc vào nguồn viện trợ ngoại lai. Khi nguồn viện trợ bị đứt đoạn thì xã hội mất năng lực và nhanh chóng

sự đổ trước sự công kích từ ngoài. Đó là kết cục không tránh khỏi của một xã hội phát chấn.

Trong thế kỷ 20 các chế độ cộng sản chủ trương nặng về phát triển và xem thường phát chấn. Chính quyền rẻ rúng nhu cầu dân sinh, thất siết đời sống cá nhân để dồn tài nguyên quốc gia vào việc xây dựng nền kỹ nghệ nặng cho một xã hội vô sản trong tương lai mộng mị. Thiếu thốn và bị bức chế, người dân bất mãn và bất phục. Xã hội bị dồn nén cho đến khi nổ tung, và chế độ sụp đổ, vỡ vụn.

Sau 35 ở năm Hoa Kỳ, cộng đồng người Việt vẫn chỉ đi bằng một chân: phát chấn, và do đó không tránh khỏi yếu kém, què quặt. Các hội đoàn trong cộng đồng nếu có hoạt động phục vụ thì cũng chỉ nhằm đáp ứng các nhu cầu trước mắt của người dân, như dạy Anh văn, luyện máy vi tính, dạy Việt ngữ cho trẻ em, giúp khai thuế, phát thanh phát hình, ra báo, tổ chức hội hè. Rất thiếu là những hoạt động phát triển cá nhân về thực lực kinh tế, về vị thế chính trị, hay về khả năng giải quyết các vấn đề phức tạp.

Tuyệt đại đa số các hội đoàn không những chỉ phát chấn cho người mà cũng chỉ phát chấn cho chính mình. Mọi tài nguyên thu góp được, họ đổ ra hết cho những công việc hàng ngày, và không còn gì để đầu tư cho mai sau. Ít tổ chức nào có một kế hoạch lâu dài, để qua đó ấn định cân cân giữa phát chấn và phát triển cho hợp lý với từng thời kỳ một, để còn có thể tăng trưởng.

Do đó, tuy trên danh nghĩa cộng đồng chúng ta có rất đông các hội đoàn, nhưng về thực lực thì chẳng có mấy hội đoàn có được cơ sở, ngân sách và nhân viên toàn thời để việc phục vụ được hữu hiệu.

Có những người sinh hoạt trong các hội đoàn lấy làm hãnh diện là đã tât bật suốt hàng chục năm trời để chèo chống hội đoàn của mình, lúc nào cũng quần quật khai sơn phá thạch, và lúc nào cũng phải vượt khó trong hoàn cảnh thiếu thốn. Thực ra đây là điều đáng lo hơn là đáng mừng.

Bởi vì nếu cũng một công việc ấy mà ngày hôm nay không dễ hơn ngày hôm qua thì rõ ràng năng lực đã không tăng trưởng. Có

khác gì một bác nông dân sau một chục năm vẫn chỉ quanh quẩn có bấy nhiêu sào ruộng vì bao nhiêu thóc giống đều đổ ra ăn hết.

Muốn thăng tiến, cộng đồng người Việt cần phải khéo tính hơn bác nông dân kể trên. Trước hết chúng ta cần ý thức được tình trạng mất quân bình, gần như thuần túy chỉ có phát chẩn, đã kéo dài trong cộng đồng. Kế đến chúng ta cần một kế sách để nhanh chóng khởi xướng và đẩy mạnh sự phát triển cho các cá nhân, gia đình và tổ chức trong cộng đồng.

Muốn đứng thẳng, đi chắc, và tiến nhanh thì cộng đồng chúng ta phải dùng cả hai chân, phát chẩn và phát triển, một cách đồng đều.

Bài 12:

Vấn Đề Và Giải Pháp

Thói thường, thấy vấn đề dễ hơn tìm giải pháp. Vấn đề dễ thấy vì nó đã xảy ra hoặc đang thể hiện sờ sờ quanh ta. Trong khi đó giải pháp đòi hỏi phóng tầm nhìn đến một tương lai vô định. Dùng một ví dụ dễ hiểu, chúng ta có thể kiểm toán lùi sâu về quá khứ một cách chính xác miễn là có ghi lại từng khoản chi và thu; còn dự phóng ngân sách tương lai thì khó chính xác, nhất là khi tương lai ấy lại ở xa mịt mù.

Điều này dẫn đến tình trạng khá phổ biến trong chúng ta là đặt vấn đề nhưng không đưa ra giải pháp. Để phôi kiếm, chỉ cần lướt qua các diễn đàn internet tiếng Việt bất cứ ngày nào. Phanh phui, phân tích, chỉ trích thì rất nhiều. Còn như đưa ra giải pháp thì chẳng bao nhiêu.

Dĩ nhiên, đặt vấn đề là cần thiết, để mọi người biết. Phân tích vấn đề cũng cần thiết, để mọi người hiểu. Tuy nhiên ngưng ở đó thì sự biết và hiểu trở thành vô ích. Chẳng khác nào đổ công nghiên cứu về một chứng bệnh chỉ để tăng sự hiểu biết chứ không có ý tìm cách chữa trị. Đó lại chính là tình trạng rất phổ cập trong chúng ta từ 35 năm qua.

Qua internet tôi thấy rất nhiều bài viết về các vấn đề ở Việt Nam, từ mỏ bauxite đến nạn tham ô, từ dân oan đến đàn áp tôn giáo, nhưng lại không mấy khi thấy đề nghị giải pháp khả thi nào để giải quyết hay thay đổi tình thế xấu xa và nguy hiểm ấy cho dân tộc Việt Nam. Có vẻ như nhiều người ngụ ý rằng giải pháp độc nhất hay tốt nhất là thay đổi chính quyền. Nhưng đó chỉ là ý muốn chứ không phải là giải pháp, giống như hô lên “hãy lành bệnh” và mong rằng bệnh tự nó sẽ lành.

Trong nội bộ cộng đồng cũng vậy. Ngày nào cũng có biết bao sự chỉ trích, công kích lẫn nhau vì bất đồng quan điểm. Và rồi người ủng hộ phe này, người nhập cuộc phe kia. Tình trạng ngày càng thêm hỗn độn. Rồi tâm lý cá nhân dựng lên những bức tường chắn làm cho mọi bên chỉ thấy hơn thua, chứ không còn dùng lý trí để tìm giải pháp cho

những mâu thuẫn hay xung đột – điều căn bản và cần thiết cho một xã hội dân sự lành mạnh.

Một giải pháp đích thực thì phải có mục tiêu cụ thể trung và ngắn hạn để hướng dẫn hành động, những mốc điểm để phối kiểm thành quả, và một lộ trình dẫn đến từng mốc điểm. Có vậy chúng ta mới thực thi được giải pháp và đo lường được mức tiến triển của công việc, và mới đánh giá được mức hiệu quả thực tế của giải pháp để rồi thay đổi sách lược hay phương cách thực hiện nếu cần. Tiến trình này có thể ví như một đoàn người đang lạc giữa cánh rừng hoang vu. Bị lạc là vấn đề. Thoát ra khỏi cánh rừng là ý muốn. Vạch ra kế hoạch để định hướng, ấn định phần ăn và nước uống, tìm nơi trú ẩn khi về đêm, truyền thông để cầu cứu... và phân nhiệm cho mỗi người trong đoàn, thì đó là giải pháp. Ngược lại, người trong đoàn chỉ lo cãi cọ về lỗi tại ai làm cho cả đoàn đi lạc, thì chắc chắn không thể thoát ra khỏi cánh rừng.

Tập cho mình và cho nhau tinh thần và tập quán hướng về giải pháp (solution oriented) sẽ giúp cho cá nhân thăng tiến về khả năng lãnh đạo và tập thể tạo được sự hài hoà để cùng nhau giải quyết hay giải toả một vấn đề. Dĩ nhiên không phải ai ai cũng đồng ý về một giải pháp. Chính đó lại là điều hay, vì khi thử nghiệm nhiều giải pháp khác nhau thì sẽ tăng triển vọng thành công, cách này hỏng thì còn cách khác.

Nhờ tập quán và tinh thần hướng về giải pháp mà dân tộc Hoa Kỳ đã phát triển nhanh và mạnh. Từ những mâu thuẫn đầy rẫy giữa các khuynh hướng khác nhau trong thời buổi lập quốc đã nảy sinh ra thể chế dân chủ liên bang có một không hai. Trước nguy cơ Đức Quốc Xã thống trị toàn cõi Âu Châu, chỉ trong vòng vài năm một đội quân tình nguyện vốn thiếu kinh nghiệm chiến trường đã chuyển mình thành một lực lượng quân sự hùng mạnh nhất thế giới. Trong đời sống hàng ngày, trước những vấn đề lớn hay nhỏ, người Mỹ đi tìm giải pháp thay vì ngồi yên để nguyên rửa bóng tối. Cũng chính vì vậy mà Hoa Kỳ, một nước rất non trẻ về tuổi đời, luôn dẫn đầu về các phát minh và chiếm nhiều giải Nobel nhất.

Đó là điều mà chúng ta, nhất là những người đang sinh sống ở Hoa Kỳ, có cơ hội và cần học hỏi nếu thực tâm muốn đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và thay đổi Việt Nam.

Bài 13:

Tư Tưởng Và Hành Động

Thử thách khó khăn nhất đối với các người hoạt động xã hội và cộng đồng là chuyển tư tưởng thành hành động. Phần đông trong chúng ta hành động là do cảm nhận được nhu cầu và có ý hướng giải toả nhu cầu ấy. Tuy nhiên cảm nhận và ý hướng ấy thường mù mờ và mông lung. Bởi vậy hành động thường không ăn khớp với tư tưởng và tư tưởng thường không thực dụng để hướng dẫn hành động.

Muốn chuyển tư tưởng thành hành động, chúng ta cần một mô thức lô-gích, mà tiếng Anh gọi là logic model. Mô thức này gồm năm bước rất cụ thể.

Bước thứ nhất, chúng ta phải ấn định được rõ ràng về cảnh ngộ và nhu cầu hiện nay, với những phân tích kỹ lưỡng về nguyên do đưa đến cảnh ngộ và nghiên cứu một cách khoa học về các yếu tố tác động đến nhu cầu. Ví dụ như xác định tình trạng và lý do thất nghiệp trong xã hội, và những ảnh hưởng đến đời sống của người bị thất nghiệp. Đó là khởi điểm của mô thức lô-gích.

Bước thứ hai là ấn định mục đích. Mục là điểm đến và mang tính cách trừu tượng và lâu dài, phải mất nhiều năm, có khi nhiều thế hệ mới đạt được. Ví dụ như mục đích của chính sách xã hội là giải quyết nạn thất nghiệp để làm sao mọi người đều có công ăn việc làm và công ăn việc làm này phải giúp cho con người thăng tiến trong xã hội thay vì chỉ vừa đủ sống. Đó là bước cuối của mô thức lô-gích.

Khi đã có điểm khởi và điểm đến, thì ta phải nối liền chúng bằng hai bước kế đến.

Bước thứ ba là ấn định các mục tiêu cụ thể, khả thi và đo lường được. Trong bước này chúng ta chuyển mục đích trừu tượng thành các mục tiêu cụ thể để bắt đầu đưa vào hành động. Dùng ví dụ trên

thì mục tiêu có thể là trong vòng 12 tháng sẽ phải giới thiệu được 100 người đi làm. Mục tiêu thứ hai là phải hỗ trợ để cho ít ra 80% số người này sẽ tiếp tục giữ được việc làm trong vòng 6 tháng. Mục tiêu thứ ba là sau một năm thì những người đi làm sẽ được tăng lương ít ra là 5% và phải có bảo hiểm sức khỏe. Điều cần lưu ý là một mục đích có thể được thể hiện thành nhiều mục tiêu.

Bước thứ tư là vạch ra một lộ trình để đi từ khởi điểm đến từng mục tiêu cụ thể. Lộ trình này phải có những mốc điểm rõ ràng ở từng chặng đường để có thể dự phóng trước khi tiến bước và để thường xuyên phối kiểm sau mỗi quãng đường. Những mốc điểm này hết sức cần thiết để chỉnh hướng, do đi chệch hay do hoàn cảnh thay đổi, để tránh tình trạng sai một li đi một dặm. Trong ví dụ kể trên lộ trình đi từ khởi điểm đến mục tiêu kiểm được việc làm gồm có các chặng đường như: kiểm chứng nhu cầu và trình độ khả năng của người thất nghiệp, huấn nghiệp, chuẩn bị tìm việc, giới thiệu việc làm, huấn luyện công việc. Và các mốc điểm là: tỉ số 75% tốt nghiệp khóa huấn luyện, 60% nhận việc, và 45% tiếp tục công việc trong vòng 90 ngày, và 30% vẫn còn làm việc sau 120 ngày... Bước thứ tư có thể được hình dung như sợi dây nối liền điểm khởi với điểm đến.

Bước thứ năm là nhận diện ra những yếu tố ngoại cảnh, thuận lợi lẫn bất lợi, có thể ảnh hưởng đến lộ trình. Chúng ta cần thường xuyên theo dõi các yếu tố này và nhanh chóng điều chỉnh lộ trình trước những chướng ngại hoặc khi nảy sinh cơ hội mới.

Đó là năm bước của mô thức lô-gích.

Sau khi đã hoàn tất mô thức lô-gích, chúng ta cần triển khai thành công tác cụ thể để bắt tay hành động.

“Thế giới này trở nên nguy hiểm không phải vì có kẻ làm điều ác mà bởi vì có những ngKgeoreười trong chúng ta chỉ khoanh tay đứng nhìn mà không làm gì cả.” - Albert Eistein

Bài 14:

Hợp Tác và Cạnh Tranh

Xã hội dân chủ khuyến khích sự cạnh tranh và hợp tác trong một cơ chế thưởng phạt công minh.

Thiếu cạnh tranh thì xã hội khó thăng tiến, chất lượng phục vụ giảm sút, và con người đâm ra ỷ lại. Thiếu hợp tác thì xã hội rời rã, công việc manh mún, và con người mất niềm tin nơi nhau.

Sự cạnh tranh hết sức cần thiết để khuyến khích người làm tốt, làm giỏi và đào thải những ai làm xấu, làm kém. Có cạnh tranh thì mới có cố gắng để mà thăng tiến. Có cạnh tranh thì người tiêu thụ mới có quyền hạn-quyền chọn lựa dịch vụ hay sản phẩm ưng ý nhất.

Điều đáng tiếc là trong lãnh vực phục vụ cộng đồng, người ta thường tránh né sự cạnh tranh, với những lý do khác nhau. Có người quan niệm rằng đã làm công tác từ thiện thì không nên cạnh tranh như trong thương trường. Lại có tổ chức ngần ngại sự cạnh tranh vì đã quen một mình một chợ.

Nhưng chính trong lãnh vực xã hội mới càng cần cạnh tranh, vì hai lẽ.

Lẽ thứ nhất là chúng ta phải phát huy tác dụng tối đa số tài nguyên ít ỏi, chỉ tương đương 3% tổng sản lượng quốc gia, để đáp ứng các nhu cầu hết sức đa dạng của xã hội. Muốn sử dụng hữu hiệu số tài nguyên ít ỏi này thì phải có sự cạnh tranh để khuyến khích các tổ chức thi nhau tăng năng suất cao hơn, làm việc có quy củ hơn, và phục vụ tốt hơn. Những tổ chức nào ít hiệu quả hoặc bị đào thải, hoặc phải cải thiện để sinh tồn.

Lẽ thứ hai là phải có cạnh tranh thì người nhận dịch vụ mới có tiếng nói và ảnh hưởng. Không thiếu những người làm việc xã hội hay công đồng mang tâm lý làm phúc nên nghĩ rằng mình muốn làm sao

cũng được, thương nhờ ghét chiu. Sự cạnh tranh áp lực những người làm việc cộng đồng và xã hội phải tự xét cung cách của mình vì người dân có sự chọn lựa giữa các tổ chức phục vụ khác nhau. Họ sẽ đến với tổ chức nào phục vụ tốt hơn và cung cách nhã nhặn hơn.

Cũng như cạnh tranh, hợp tác làm tăng hiệu quả của số tài nguyên ít ỏi hiện có và tăng chất lượng phục vụ. Có hợp tác với nhau thì mới tránh được trùng dụng tài nguyên và mới san sẻ được những kinh nghiệm thành và bại để tránh phí hoài tài nguyên. Có hợp tác thì mới giúp đẩy nhau lên một quy mô hoạt động cao hơn mà kết quả là người dân được thụ hưởng nhiều hơn những dịch vụ đa dạng. Và quan trọng hơn hết, có hợp tác thì mới gây dựng được nhịp cầu thông cảm và niềm tin giữa các nhóm và tổ chức khác nhau trong xã hội. Sự thông cảm và niềm tin này là chất keo sơn gắn bó cộng đồng và xã hội.

Cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ thiếu cả cạnh tranh lẫn hợp tác. Vì các tổ chức trong cộng đồng Việt quá ít ỏi, nhiều nơi không có lấy được một tổ chức có hoạt động quy củ – hiểu theo nghĩa là có văn phòng, nhân viên, ngân sách, chương trình-thì lấy đâu để mà cạnh tranh hay hợp tác. Đây là tình trạng chung của các cộng đồng người Việt ít người – theo thống kê Kiểm Tra Dân Số năm 2000, một phần tư tổng số người Việt ở Hoa Kỳ sống tại các khu vực có dưới 5 ngàn người Việt.

Ở một số nơi may mắn có được một hoặc hai tổ chức người Việt có hoạt động tương đối có quy củ thì lại xảy ra tâm lý ỉ lại không muốn cạnh tranh. Kết quả, dù vô tình hay cố ý, số tổ chức này đóng vai trò độc tôn trong cộng đồng địa phương và không cảm thấy nhu cầu phải nâng phẩm chất phục vụ.

Muốn thay đổi tình trạng này, một tình trạng phổ biến đều khắp trong cộng đồng người Việt ở toàn Hoa Kỳ, chúng ta cần một kế hoạch hẳn hoi để tạo dựng thêm nhiều tổ chức mới và giúp đỡ cho các tổ chức còn yếu kém nhanh chóng tiến đến hoạt động quy củ và rồi tăng trưởng về quy mô.

Trong mục tiêu ấy, năm 1998 BPSOS khởi xướng chương trình giúp các nhóm như gia đình HO, người cao niên, nạn nhân bạo hành,

giới trẻ, v.v. thành lập các hội tương trợ và tổ chức từ thiện ở rải rác khắp Hoa Kỳ. BPSOS mưu cầu tạo nên môi trường cạnh tranh lành mạnh và hợp tác thực sự trong các cộng đồng người Việt.

Chính bởi vậy, thay vì dồn mọi năng lực để phát triển tổ chức của riêng mình, BPSOS đã bỏ rất nhiều công sức và tài nguyên nhằm tạo dựng nên một đội ngũ ngày càng đông các tổ chức đa dạng trong cộng đồng. Các tổ chức này khi năng lực tương đối ngang ngửa nhau, sẽ ràng nhau lại để không cho phép bất kỳ ai, kể cả BPSOS, có thể đi quá đà. Hễ tổ chức nào làm quấy thì lập tức bị đào thải. Các tổ chức nào vừa cạnh tranh giỏi vừa biết hợp tác với các tổ chức bạn thì sẽ chóng thăng tiến. Đó là căn bản cần thiết để cộng đồng người Việt phát triển và thăng hoa.

Cho đến nay, trên một chục tổ chức mới đã ra đời và đang hoạt động. BPSOS đã bảo trợ cho trên 50 tổ chức nhỏ, gồm cả những tổ chức mới thành lập và những tổ chức có sẵn, trên con đường phát triển năng lực.

Mục tiêu của BPSOS trong 10 năm tới là cộng đồng người Việt sẽ có thêm được khoảng 200 tổ chức có quy củ, đem lại nhiều ích lợi cho người dân và giúp cho cộng đồng người Việt sớm sánh vai được với các cộng đồng bạn như Cambốt, Lào và Hmong.

“Sự cạnh tranh có thể khắc nghiệt với từng cá nhân, nhưng có lợi cho toàn thể cộng đồng nhân loại. Bởi chỉ khi cạnh tranh, sự hoàn thiện mới được bảo đảm.”

- Andrew Carnegie

Bài 15:

Căn Bản Để Đoàn Kết

Đoàn kết nhằm tạo sức mạnh chung là mối quan tâm của nhiều người trong chúng ta, nhất là những ai có lòng với cộng đồng.

Trong 35 năm qua không ít người khởi xướng công việc đoàn kết cộng đồng. Điển hình là phong trào thành lập các tổ chức “cộng đồng” với tính cách đại diện, có tranh cử, có bầu bán.

Tuy nhiên, hầu như những nỗ lực này đã không thành công mà nhiều khi phản tác dụng và gây chia rẽ hơn trước.

Muốn có đoàn kết, chúng ta phải thiết lập được ba điều kiện tiên quyết.

Thứ nhất là sự đồng ý về mục đích và giá trị. Thứ hai là một giao kết công bằng và khả thi. Thứ ba là thái độ cùng học.

Hai cá nhân hay hai tổ chức nếu không cùng mục đích và giá trị thì không thể nào hợp tác dài lâu. Không cùng mục đích thì mỗi người một hướng khác nhau, đồng sàng dị mộng. Không cùng giá trị thì mỗi người sẽ đi một con đường khác nhau, tựa như vương đạo và bá đạo trong Tam Quốc Chí, dù cùng mục đích.

Bước kế tiếp là thiết lập nền móng cho việc ngồi lại với nhau. Nền móng này bao gồm sự đóng góp đồng đều của đôi bên, về trách nhiệm và quyền lợi, và về những biện pháp thưởng phạt bảo đảm sự chấp hành nghiêm chỉnh các thoả thuận. Những điều này cần thiết cho mọi lãnh vực hợp tác, từ kinh doanh đến xã hội, từ mức độ cá nhân đến tầm vóc quốc gia. Người không vốn liếng thì không thể mưu cầu người khác góp vốn đầu tư với mình. Và quyền hạn hay quyền lợi phải tỉ lệ với trách nhiệm hay phần vốn hùn hạp. Khi đôi bên đã giao ước sòng phẳng mà thiếu biện pháp thưởng phạt thì rất dễ xảy ra tình trạng phá bỏ lời giao kết một cách vô tội vạ.

Khi đã khởi sự hợp tác, muốn duy trì nó dài lâu thì đôi bên phải có thái độ cùng học vì tình hình sẽ thay đổi đòi hỏi xét lại, mâu thuẫn sẽ xảy ra đòi hỏi giải quyết. Thái độ cùng học thể hiện qua bốn đặc tính: (1) tôi biết một số thông tin và người đối tác có một số thông tin khác, (2) hai bên có thể thấy sự việc khác nhau và không nhất thiết ai đúng hơn ai, (3) sự khác nhau về quan điểm là cơ hội để học hỏi, và (4) đôi bên đều cố gắng cư xử theo lương tâm và lương tri trong hoàn cảnh riêng của mỗi bên. Đối chọi lại là thái độ kiểm soát đơn phương, để đưa đến sự rạn nứt: (1) chỉ có tôi là hiểu biết và những ai khác tôi đều không hiểu gì cả, (2) những ai bất đồng quan điểm với tôi ắt hẳn là sai lầm, (3) tôi có động lực trong sáng còn những người khác thì không, và (4) mọi cảm nghĩ của tôi đều chính đáng.

Trong thời gian qua, một số nỗ lực đoàn kết cộng đồng đã không hội đủ các điều kiện tiên quyết kể trên. Chẳng hạn một số tổ chức mệnh danh “cộng đồng” tự đặt cho mình tư thế bao trùm và kỳ vọng các tổ chức khác phải đứng dưới tán dù của mình. Nghĩ vậy nghĩa là mặc nhiên giả định rằng những tổ chức khác bắt buộc phải chung con đường mình đi để tiến đến cùng mục đích mình đã chọn. Không những vậy, có người còn cho rằng mình có tư thế bao trùm nên nghiêm nhiên có quyền đòi hỏi người khác hợp tác mà không cần bàn luận đến những yếu tố thoả thuận ngang bằng giữa đôi bên. Và khi người khác không thấy lý do để hợp tác như mình mong muốn thì vội cho rằng họ sai, họ thiếu tinh thần cộng đồng. Thái độ này vi phạm tất cả những nguyên tắc căn bản để tiến đến hợp tác và do đó nhiều khi phản tác dụng, tạo thêm chia rẽ trong cộng đồng.

Những vấn đề nêu trên không chỉ ảnh hưởng riêng cộng đồng Việt. Các cộng đồng khác cũng từng gặp những trở ngại tương tự. May mắn cho chúng ta là những vấn đề này đã được nghiên cứu bởi ngành xã hội học trong nhiều chục năm qua. Chúng ta có thể rút tỉa ra từ đó nhiều bài học hữu ích.

“Đoàn kết đem lại chiến thắng.” - Publius Syrus

Thế Nào Là Đoàn Kết

Trong hơn ba thập niên qua không ít người kêu gọi đoàn kết trong cộng đồng người Việt hải ngoại, và cũng không ít người than thở là vẫn chưa có đoàn kết. Kêu gọi và than thở nhưng không mấy ai để tâm định hình, định tướng hai chữ “đoàn kết”. Để rồi như người bất bóng, chúng ta cứ mãi hụt hơi đuổi theo một khái niệm mơ hồ.

Thế nào là đoàn kết?

Phải chăng gian nhân hiệp đảng cấu kết với nhau là đoàn kết? Phải chăng phủ bệnh phủ, huyện bệnh huyện, bao che cho nhau bất chấp phải trái là đoàn kết? Phải chăng lúc nào cũng nhất trí kiểu đảng cộng sản là đoàn kết? Phải chăng rập khuôn theo chỉ đạo trong chế độ độc tài là đoàn kết?

Đoàn kết, nếu chỉ nói khơi khơi, là một phạm trù mơ hồ, diễn giải cách nào cũng được, và do đó không những vô ích mà nhiều khi còn có hại. Vô ích vì đi bất bóng thì muôn đời vẫn hoàn tay không. Có hại vì người ta tha hồ nhân danh hai chữ đoàn kết để biện hộ cho những việc làm phi lý.

Đoàn kết như vậy thì thà đừng có.

Chúng ta cần đổi cách nhìn. Chúng ta chẳng nên quay quắt với hai chữ “đoàn kết” đến nỗi sao nhãng đi những yếu tố mà chính ra mới thực sự cần thiết để xây dựng một cộng đồng lành mạnh và vững chãi. Đó là những nguyên tắc về đạo đức như sự lương thiện, công lý, lòng tương thân tương ái, v.v.; và những nguyên tắc hành xử như công tâm, chữ tín, sự tương kính, v.v.

Tại sao xã hội Mỹ đầy rẫy cọ sát giữa các quyền lợi khác biệt mà vẫn giàu mạnh?

Nếu để ý, chúng ta sẽ thấy rằng xã hội Hoa Kỳ đâu có bị ám ảnh bởi hai chữ “đoàn kết”. Ngược lại, lúc nào trong xã hội cũng đầy những xung khắc giữa các thành phần quyền lợi khác nhau. Thế mà đất nước Hoa Kỳ giàu mạnh và người dân có nhiều cơ hội thăng tiến. Đây là vì xã hội của họ được xây dựng trên những nguyên tắc căn bản

của chế độ dân chủ pháp trị, được ấn định trong hiến pháp.

Trên nền tảng vững chắc ấy, các khuynh hướng chính trị khác nhau không bị xem là chia rẽ mà được ca ngợi là sức mạnh đa nguyên. Những dị biệt về quyền lợi và trong hành động không bị xem là mất đoàn kết mà được khuyến khích và bảo vệ như sự tất yếu của nền dân chủ.

Muốn cộng đồng hay đất nước vững mạnh, chúng ta cần suy gẫm về bài học này. Chúng ta phải đổ công gây dựng một số nguyên tắc căn bản về đạo đức và cung cách hành xử, đối đãi với nhau.

Dĩ nhiên việc xây dựng này không đơn giản nhưng cụ thể và khả thi, không mơ hồ như việc mưu cầu hai chữ “đoàn kết” mà chính mình cũng không biết rõ là gì. Không những vậy chúng ta còn cần phải cảnh giác để tránh cho mình và đừng để người khác lợi dụng hai chữ “đoàn kết” mà làm việc quấy.

Để kết luận, tôi thấy rằng đã đến lúc để tất cả chúng ta nhìn lại quá trình 35 năm đeo đuổi một khái niệm mông lung, vô ích và nhiều khi có hại. Thay vào đó, chúng ta nên khởi công xây dựng từng bước một những nguyên tắc căn bản hết sức cần thiết để cộng đồng có thể trưởng thành và thăng tiến. Một khi đã số trở nên quen thuộc với các nguyên tắc căn bản này và áp dụng chúng trong mọi sinh hoạt cộng đồng thì lúc ấy sự đoàn kết, nếu hiểu đoàn kết là đồng lòng tôn trọng cùng một số nguyên tắc căn bản, không cần phải hô hào mà tự động sẽ có.

“Nếu chúng ta muốn tiến về phía trước, chúng ta phải nhìn lại và nhận rõ các giá trị quý báu – mọi sự việc trong thực tại đều phải được xây dựng trên nền tảng giá trị đạo đức.”

- Martin Luther King

Bài 16:

Lợi Ích Của Sự Hồ Nghi

Thoát ra khỏi xã hội đầy nghi kỵ ở Việt Nam, dù sau nhiều năm định cư ở một quốc gia dân chủ có người trong chúng ta vẫn chưa quen thuộc với một số nguyên tắc dân chủ rất căn bản và cần thiết. Một trong những nguyên tắc đó là “lợi ích của sự hồ nghi”, tiếng Anh là “benefit of the doubt”.

Hiểu một cách đơn giản thì đây là tinh thần nghi tốt cho người khác, là giả định “tình ngay” dù “lý gian”, thay vì vội vã phán đoán và cáo buộc. Chẳng hạn, chúng ta thấy có người bị thương nằm sõng soài bên đường và cùng lúc ấy có người đàn bà cầm dao đi ngang. Chúng ta có thể vội vã kết luận rằng, “bà này đích thị là thủ phạm đã thương người”. Chúng ta lại cũng có thể hoài nghi nhưng muốn tìm hiểu hư thực trước khi kết luận. Trong trường hợp này, chúng ta đến hỏi han và thấy ra rằng người nằm bên đường bị thương vì ngã xe đạp chứ không phải bị đâm nhát dao rồi mới ngã xe; còn người đàn bà kia thì mới đi chợ mua dao và trên đường về nhà, chẳng can hệ gì đến người ngã xe đạp bị thương.

Khác với ví dụ đơn giản này, thực tế thường phức tạp hơn nhiều vì tâm lý “yêu nên tốt, ghét nên xấu” rất bình thường nơi con người. Khi đã không ưa ai rồi thì rất dễ quy chụp dựa trên thiên kiến chủ quan. Nhiều khi sự tìm hiểu chỉ là hành động nguy trang tâm lý: kết luận trước xong rồi đi tìm luận cứ biện minh cho kết luận. “Lợi ích của sự hồ nghi” đòi hỏi sự công tâm tìm hiểu trước để rồi kết luận dựa vào những dữ kiện và phân tích khách quan.

“Lợi ích của sự hồ nghi” đòi hỏi một bước xa hơn: trong trường hợp ngờ vực không rõ thực hư, thì chúng ta phải giả định điều tốt nhất cho người khác và chỉ thay đổi quan điểm khi có được những chứng cứ ngược lại thật rõ ràng, không thể phủ nhận. Đây là nguyên

tắc căn bản trong vấn đề cứu xét đơn tị nạn được áp dụng bởi Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc và các quốc gia nhận định cư như Hoa Kỳ, Canada, Úc, Pháp, Đức, v.v. Có một lúc, từ năm 1988 ở Hồng Kông và từ năm 1999 ở các quốc gia Đông Nam Á cho đến kết cục của trang sử thuyền nhân Việt Nam, nguyên tắc này bị gạt sang bên và mọi thuyền nhân vượt biển bị giả định là ra đi vì kinh tế – mọi lời khai về đàn áp đều bị xem là không đáng tin cậy. Với chủ ý dứt điểm vấn đề người Việt tị nạn, một số quốc gia đã vi phạm nguyên tắc “lợi ích của sự hồ nghi” và gây nên cảnh bi thương cho hàng trăm ngàn người Việt đi tìm tự do. Chúng ta, ai đã định cư theo quy chế tị nạn, dù dưới bất kỳ chương trình định cư tị nạn nào, thì đều đã phần nào thụ hưởng “lợi ích của sự hồ nghi”.

Trong lãnh vực luật pháp, nguyên tắc này được thể hiện qua tinh thần “vô tội cho đến khi chứng minh là có tội”. Ở Việt Nam thì luật pháp dựa trên nguyên tắc ngược lại nên có cụm từ “tội tình nghi”. Chỉ cần tình nghi là đủ lý do để bắt bớ và tổng giam. Rồi sau đó tạo dựng chứng cứ và dùng lý lẽ nguy hiểm để cáo buộc và xử án.

Điều đáng tiếc và đáng lo là trong chúng ta, dù sinh sống lâu ngày trong xã hội dân chủ, có người vẫn chưa quen với tập quán đối đãi với nhau theo nguyên tắc “lợi ích của sự hồ nghi”. Và không khéo chúng ta vô tình làm thiệt hại cho nền dân chủ quanh ta và tiêu huỷ hạt mầm cho một ngày mai dân chủ ở Việt Nam.

Tại sao “lợi ích của sự hồ nghi” lại quan trọng cho dân chủ?

Xã hội dân sự là nền móng của dân chủ. Muốn có xã hội dân sự thì nhất thiết phải tạo được niềm tin để người dân đến với nhau. Người dân đến được với nhau thì từ đó mới nảy ra những cơ cấu để quy tụ, hợp tác, liên kết rộng khắp xã hội. Nghĩa là vốn xã hội mới ngày càng tăng trưởng. Nguyên tắc “lợi ích của sự hồ nghi” giúp phát triển quỹ vốn xã hội. Ngược lại, dù cố ý hay vô tình, thì sẽ làm quỹ ấy vơi đi.

Ở đây tôi không kêu gọi chúng ta tin một cách mù quáng hoặc lạng thính và khoanh tay trước sự xảo trá, lừa lọc, bất công. Khi ấy, nếu không làm gì thì chính là chúng ta đang dung dưỡng cho những

hành vi phá huỷ vốn xã hội, xoi mòn dân chủ trong xã hội quanh ta, và đẩy lùi triển vọng dân chủ cho Việt Nam.

Chúng ta đang thụ hưởng dân chủ ở quốc gia định cư và mơ ước đem lại dân chủ cho đất nước Việt Nam thì nhất thiết phải tuân hành các nguyên tắc dân chủ nền tảng, sống chúng qua từng hơi thở. Đó là trách nhiệm của mỗi người dân trong xã hội đã cứu mang mình và đó là nghĩa vụ của những ai muốn góp phần kiến tạo dân chủ cho Việt Nam sau này.

“Ngay đến Thượng Đế còn phải đợi đến sau khi con người kết thúc cuộc sống trần gian rồi mới phán xét họ thì tại sao loài người chúng ta phải làm ngược lại.” - Dale Carnegie

Bài 17:

Vòng Ưu Việt

Mỗi vấn nạn xã hội đều ngầm chứa một vòng lẩn quẩn. Vòng lẩn quẩn này duy trì hay làm tồi tệ hơn vấn nạn ấy. Khi đã lọt vào vòng lẩn quẩn thì khó mà thoát ra.

Nhìn đâu chúng ta cũng thấy được những vòng lẩn quẩn. Chẳng hạn, người nghèo thường nghèo mãi vì khó mà cạnh tranh lại người giàu trong vấn đề làm ăn buôn bán hay đầu tư. Trẻ em lỡ dính vào vòng tội phạm thì khó hoàn lương vì án tích đã thành tì vết suốt đời. Dân gian Việt Nam có câu “con vua rồi lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa”.

Vòng lẩn quẩn không chỉ tác động đến cá nhân mà đến cả một tập thể, một dân tộc. Các quốc gia lạc hậu khó vươn lên ngang hàng với các quốc gia tân tiến vì năng lực đã thiếu mà còn thất thoát thường xuyên, điển hình là Phi Luật Tân.

Ngay từ khi có độc lập, quốc sách của Phi Luật Tân là đầu tư vào việc đào tạo nhân tài. Một phần lớn ngân sách quốc gia đã đổ vào nền giáo dục, đào tạo rất nhiều chuyên gia, bác sĩ, y tá, luật sư, kỹ sư, v.v. có hạng. Điều trở trêu là chính phủ không còn bao nhiêu ngân sách để phát triển việc làm cho sinh viên ra trường.

Hậu quả là tình trạng thất nghiệp tràn lan. Có nhân tài nhưng không có đất dụng võ cho họ.

Khi cầm quyền, Tổng Thống Ramos đề nghị thay đổi, cắt bớt ngân sách giáo dục để chuyển sang tạo công ăn việc làm. Đề nghị này bị dân chúng phản đối mãnh liệt vì cho rằng giáo dục là quyền lợi độc nhất mà người dân Phi Luật Tân còn có được. Cắt đi thì họ không còn chút hy vọng nào để thăng tiến bản thân.

Tổng Thống Ramos bị trói tay. Phi Luật Tân tiếp tục bị vây hãm

trong vòng lẩn quẩn và bị các quốc gia lân bang gọi diều cọt là “Ông Già Bệnh Hoạn Của Á Châu” (Asia’s Sick Old Man).

Ngược lại của vòng lẩn quẩn là vòng ưu việt. Chính sách di dân của Hoa Kỳ được thiết lập với mục đích duy trì và phát triển vòng ưu việt của họ. Chính sách này tạo mọi dễ dãi cho nhân tài ở các quốc gia khác nhập cảnh và thường trú ở Hoa Kỳ. Nhờ đó Hoa Kỳ thu hút được các chuyên gia, bác sĩ, kỹ sư, luật sư, thương gia, bác học... từ mọi quốc gia như Trung Hoa, Nga, Pháp, Gia Nã Đại, Ấn Độ... và Phi Luật Tân.

Trong hơn ba thập niên cộng đồng Việt ở Hoa Kỳ bị một vòng lẩn quẩn kìm hãm trong tình trạng rời rạc, chia rẽ, và bạc nhược so với các cộng đồng sắc dân bạn. Vòng lẩn quẩn này đã giới hạn các sinh hoạt của người Việt trong phạm vi nội bộ cộng đồng, cách biệt khỏi xã hội chính mạch.

Các tổ chức người Việt hao tổn biết bao thời giờ, tài nguyên, năng lực vào những va chạm và kèn cựa khó tránh được trong một địa bàn hoạt động quá hạn hẹp.

Năng lực và tài nguyên càng hao mòn, thì khả năng và ý chí để vượt thoát và hoà nhập vào chính mạch càng giảm sút. Riết rồi chúng ta sa vào tâm trạng cố thủ đằng sau lũy tre xanh do chính mình dựng lên để rồi tự giam mình trong đó. Nếu không thay đổi gấp, cộng đồng chúng ta sẽ trở thành “Ông Già Bệnh Hoạn” của các sắc dân thiểu số ở Hoa Kỳ.

“Ưu việt không phải là một khả năng mà là một thái độ.”

- (Ralph Marston)

Bài 18:

Đi Làm Việc Nghĩa Như Là Đi Buôn

Người đi buôn phải tính toán kỹ lưỡng để có lời, phải lập kế hoạch kinh doanh để biết được số vốn đầu tư, thời kỳ huê vốn, và những yếu tố tạo lợi nhuận.

Trong việc phục vụ xã hội, ảnh hưởng đến bao mạng sống, thì người ta lại thường qua loa, thích đầu làm đó, rồi tính sau. Lẽ ra người làm việc nghĩa phải tính toán chi li hơn người đi buôn. Nếu thương gia chủ trương “một vốn bốn lời” thì người cán bộ xã hội phải nghĩ “một vốn bốn mươi lời” mới phải.

Mỗi năm ở Hoa Kỳ chỉ 3% tài sản quốc gia được dành cho các tổ chức thiện nguyện và tôn giáo để đối phó với trùng trùng điệp điệp các vấn đề xã hội. Nếu không nghĩ theo kiểu đầu tư “một vốn bốn mươi lời” thì không khi nào chúng ta có đủ năng lực để giải quyết ngay cả một vài vấn đề xã hội chính yếu.

Muốn số vốn liếng trong tay nở ra, chúng ta phải tạo được một chu kỳ ưu việt, gồm ba khâu móc chặt với nhau.

Khâu thứ nhất là tạo giá trị. Khi chúng ta cung cấp một dịch vụ có phẩm chất, thì đó là giá trị. Tuy nhiên, đó mới chỉ là giá trị biểu kiến. Còn rất nhiều giá trị tiềm ẩn khác mà chúng ta đã tạo ra nhưng thường không để ý đến. Đó là kinh nghiệm phục vụ, là kỹ năng tổ chức và điều hành. Đó là cơ cấu làm việc, là tập hợp của những người đồng tâm. Đó là đường dây quen biết, là hậu thuẫn của quần chúng. Và nhiều nữa.

Khi tổ chức một buổi văn nghệ thì giá trị biểu kiến là chương trình văn nghệ hấp dẫn làm khán giả hài lòng. Còn sự tụ tập của cả trăm người tại một chỗ cùng một lúc là giá trị tiềm ẩn vì nó cung ứng một cơ hội quý báu để quảng cáo hay thông tin.

Khâu thứ hai là nắm bắt giá trị. Hoa Kỳ có cả một chính sách quốc gia để nắm bắt giá trị... do các quốc gia khác tạo ra. Chính sách di dân của Hoa Kỳ biệt đãi những thành phần ưu tú như các khoa học gia, các chuyên gia kỹ thuật cao. Với chính sách này, Hoa Kỳ thu hút được nhân tài từ khắp các nơi trên thế giới. Điển hình là Phi Luật Tân đổ của ra để đào tạo nhân tài, rồi Hoa Kỳ phỗng tay trên lấy ráo. Phi Luật Tân tạo ra giá trị nhưng không giữ được, để Hoa Kỳ nắm bắt và sử dụng hộ.

Trong lãnh vực công tác xã hội, các giá trị tiềm ẩn thường hay bị thất thoát vì chính người tạo ra nó không ý thức được về các giá trị chính mình đã tạo ra để mà nắm bắt.

Trong ví dụ buổi văn nghệ kể trên thì giá trị tiềm ẩn là đám đông tập hợp tại một chỗ. Nếu ban tổ chức khôn khéo thì có thể mời chào các công ty điện thoại, các ngân hàng và ngay cả một số cơ quan chính quyền hay tổ chức dịch vụ tư nhân ủng hộ tài chánh cho chương trình văn nghệ; đổi lại, họ được căng bảng hiệu, phát tài liệu, hay có được một phút phát biểu. Nếu không biết khai thác, khi đám đông rã hàng thì giá trị cũng tan biến mất.

Khâu thứ ba là đầu tư giá trị nắm bắt được để sản sinh ra thêm giá trị. Chẳng hạn, ban tổ chức buổi văn nghệ dành dụm tiền quỹ gây được để mướn một người chuyên móc nối với các công ty để xin quảng cáo, chuyên tổ chức gây quỹ, và chuyên đi moi lục các cấp khoản của chính phủ và tư nhân. Với một người làm việc tận tụy, chắc chắn số thu nhập sẽ tăng lên đáng kể những năm sau đó.

Trong ví dụ kể trên, tuy bị đơn giản hoá đến trở thành thô thiển, cho thấy một nguyên tắc căn bản trong kế hoạch tăng trưởng: khi ba khâu kể trên (tạo giá trị, nắm bắt giá trị, và đầu tư trở lại) đóng lại, thì một chu kỳ ưu việt sẽ hình thành, tự tồn và ngày càng phát triển.

Mỗi thương gia thành công đều tạo được cho mình một chu kỳ ưu việt như vậy.

Người làm công tác xã hội hay người xây dựng quốc gia lại càng phải thấu đáo bài học này vì việc cứu giúp một con người hay một dân tộc trọng đại hơn gấp vạn lần việc kiếm tiền cho cá nhân.

Bài 19:

Vi Mô Và Vĩ Mô

Mọi vấn đề xã hội đều có hai mặt, vi mô (micro) và vĩ mô (macro). Vi mô bao gồm những sinh hoạt của các thành phần trong xã hội với nhau. Vĩ mô bao gồm những nguyên tắc điều hướng sinh hoạt cho cả xã hội. Trong phạm vi bài này, vĩ mô được hiểu là những gì liên quan đến chính sách do chính quyền đề ra, còn vi mô là những hoạt động của người dân trong sinh hoạt cá nhân hay tập thể.

Lấy một ví dụ đơn giản trong đời sống hàng ngày là lái xe, thì luật lệ lưu thông thuộc về vĩ mô, còn sự quyền biến của mỗi người khi lái xe thuộc về vi mô. Không có luật lệ thì dòng lưu thông sẽ bị hỗn loạn. Nếu mỗi người lái xe không biết quyền biến khi gặp chuyện bất trắc ngoại lệ thì dòng lưu thông sẽ bị ngưng trệ.

Như hai mặt của một đồng tiền, vĩ mô và vi mô đều cần thiết và hỗ trợ cho nhau. Khi chính sách từ trên đúng đắn thì các sinh hoạt từ thiện, tương trợ, cứu tế... của người dân ở dưới sẽ phát huy tối đa những tác dụng hữu ích của chính sách bằng cách bỏ khuyết cho những thiếu sót hay điều chỉnh những bất trắc khi áp dụng chính sách. Hoạt động vi mô do đó rất cần. Tuy nhiên, chỉ hoạt động vi mô không thôi thì không đủ vì các hoạt động quần chúng sẽ trở thành vô nghĩa nếu như chính sách bị sai lầm từ bản chất, giống như chỉ xoa bóp ngoài da cho một bệnh nhân bị nội thương.

Thiếu một trong hai mặt vĩ mô hay vi mô thì xã hội sẽ tức khắc rơi vào tình trạng mất quân bình vì không thể lấy cái này thay thế cho cái kia. Không thể cậy vào các hoạt động vi mô để giải quyết hay bù đắp cho các sai lầm về bản chất ở tầm mức vĩ mô. Ngược lại, không có chính sách chỉ huy từ trên xuống nào đủ bao quát để bảo đảm sự vận hành nhịp nhàng của cả xã hội, như một cỗ máy đồng hồ.

Điều này xem ra đơn giản, nhưng nhiều người đã không nhìn

ra. Người cộng sản thuần vĩ mô, chủ trương dùng chính sách để chỉ huy mọi sinh hoạt xã hội, kể cả cách suy nghĩ, lời ăn tiếng nói, việc đi đứng của từng người dân. Chính quyền cộng sản chẳng khác nào một cảnh sát công lộ thay vì chỉ can thiệp khi cần thì lại chạy ra giữa đường chặn xe lại và ban chỉ thị cho từng người lái xe một. Dòng xe chẳng mấy chốc sẽ bị nghẹt cứng. Xã hội cộng sản bị trì trệ là điều đương nhiên.

Ở đối cực là những người chủ trương vô chính phủ, phá bỏ hết luật lệ, dẹp bỏ mọi cơ chế điều hành, và thay thế vào đó bằng sự tự giác cá nhân, chẳng khác nào để cho những người có xe cứ tự ý lái, mình đừng lấn xe khác là được, chứ không cần luật lệ giao thông. Dòng xe chắc chắn tự nó sẽ trở thành hỗn loạn. Các nhóm chủ trương vô chính phủ không tồn tại và phát triển được vì đã hỗn loạn từ trong nội bộ ngay từ đầu. (Điều mỉa mai là cả hai khuynh hướng đối cực này, đã chém giết nhau quyết liệt ở Nga vào đầu thế kỷ 20, cùng xuất phát từ chủ thuyết của Karl Marx: vô chính phủ là giai đoạn tốt nhất của xã hội cộng sản.)

Trong 30 năm sinh hoạt, tôi để ý thấy người mình ở hải ngoại thường chỉ sinh hoạt trong phạm vi vi mô, thiếu hẳn kích thước vĩ mô. Tình trạng bất quân bình này trong cộng đồng của chúng ta – rất nặng về vi mô mà rất hời hợt về vĩ mô – đã dẫn đến hậu quả là việc làm của chúng ta thường manh mún và ít hiệu quả. Lấy lại ví dụ trong một bài trước là nỗ lực tranh đấu cho đồng bào thuyền nhân trong thập niên qua, đối phó với chính sách quốc tế có mục đích dứt điểm vấn đề thuyền nhân mà chỉ biết quyên góp cứu trợ thì hỏng là phải. Trước chính sách quốc tế, vốn ở tầm vĩ mô, mà chỉ lo giải quyết loanh quanh trong phạm vi vi mô thì làm sao có kết quả.

Hoặc, đứng trước nỗi khốn khổ của trên 80 triệu đồng bào trong nước, rất nhiều tổ chức kêu gọi quyên góp cho những việc từ thiện như xây nhà trường, cấp học bổng, xây bệnh viện, giúp trại cùi, mở trung tâm lắp chân tay giả, cứu trợ nạn nhân bão lụt... Đây là những việc cần thiết, nhưng thuần túy ở mức độ vi mô và chắc chắn không đủ để giải quyết hay đối phó với các di hại của chính sách sai lầm từ bản chất đang dẫn cả dân tộc vào con đường phá sản vệtai nguyên,

nhân lực, và đạo đức.

Ưu điểm của xã hội dân chủ là người dân được khuyến khích và tạo điều kiện để tham gia cả vào lãnh vực vĩ mô lẫn vi mô. Các hội đoàn từ thiện của Mỹ phần lớn đều có hai bộ phận, một đằng lo cứu trợ, đằng kia lo vận động ảnh hưởng chính sách.

Ví dụ hội bảo vệ trẻ em vừa mở trung tâm bảo bọc cho các thiếu niên bị bạo hành, vừa vận động chính sách gia tăng bảo vệ trẻ em và trừng phạt thủ phạm; hội lo cho người tị nạn vừa giúp định cư, vừa vận động chính sách nhận định cư hay những cải tổ trong luật tị nạn. Ngay cả những nhóm tương trợ trong khu xóm, họ cũng thường xuyên đối thoại với chính quyền địa phương để thông tin về nhu cầu và đề nghị hay đòi hỏi những thay đổi về chính sách cho phù hợp; các hội phụ huynh học sinh thường họp chung và họp tác với sở học chánh để ảnh hưởng đến chương trình giảng dạy, ngân sách giáo dục, an ninh trường sở...

Các sinh hoạt của người dân như kể trên được gọi chung là xã hội dân sự (civil society). Vai trò của xã hội dân sự bao gồm cả vĩ mô và vi mô:

1. Ở vĩ mô thì hướng dẫn và ảnh hưởng chính sách qua lá phiếu, qua các cuộc vận động hành lang, qua các buổi họp góp ý với giới chức chính quyền, v.v.
2. Ở vi mô thì bù đắp và điều chỉnh những góc cạnh chi li, tinh tế trong việc áp dụng chính sách, qua các hội thiện nguyện, các sinh hoạt tương trợ, các tổ chức cung cấp dịch vụ, các hội bảo vệ dân quyền, v.v.

Chúng ta cũng sống trong xã hội dân sự ấy nhưng tại sao cộng đồng của chúng ta lại thiếu những hoạt động ở tầm mức vĩ mô?

Một yếu tố có thể giải thích là nhiều người trong chúng ta đã chỉ chọn việc tiện, dễ, và ăn chắc cho mình – những việc dễ tạo thành tích nhưng thường là vô hiệu quả. Chẳng hạn, công việc quyên góp cứu trợ tiện, dễ, và ăn chắc vì không đòi hỏi người thực hiện phải lăn lộn trong chính trường bản xứ, phải học hỏi gì thêm nhiều, phải bỏ

quá nhiều công sức trong một thời gian dài, và hầu như không sợ rủi ro thất bại; đó là chưa kể kêu gọi lạc quyền để cứu trợ thì dễ hơn bội lần so với kêu gọi đóng góp để vận động chính sách. Nhưng quyền góp cứu trợ hoàn toàn vô hiệu quả trước một chính sách hư hỏng từ bản chất. Với tâm lý chọn việc tiện, dễ, và ít rủi ro cho chính mình, họ đã vô tình lèo lái quần chúng vào nếp suy nghĩ và lẽ lối sinh hoạt thuận vi mô. Khiếm khuyết của một số cá nhân dần dà trở thành tập quán và cách nhìn của cả tập thể.

Nhiều lần tôi có thử nêu vấn đề vận động chính sách với một số tổ chức. Câu trả lời của họ là những công việc ở tầm vóc vĩ mô, như ảnh hưởng đến hay đối phó với chính sách, đòi hỏi trình độ chuyên môn ngoài khả năng của họ; thôi thì ai cứ làm việc của người nấy. Lờn thoái thác này thể hiện thái độ thuận vi mô, không phải chỉ ở chỗ họ đã không nghĩ đến việc phải tự nâng khả năng lên tầm vóc vĩ mô, mà còn ở chỗ họ tin tưởng vô căn cứ rằng cứ mạnh ai nấy làm thì mọi chuyện tự động sẽ đầu vào đó và vấn đề sẽ được giải quyết ổn thoả.

Người Việt chúng ta không thua kém các sắc dân khác về trí tuệ, về tài nguyên, về tấm lòng. Nhưng vì chưa nhận thức đầy đủ giữa vĩ mô lẫn vi mô, chúng ta như người có hai chân mà chỉ biết dùng có một và trở thành khập khiễng, và do đó đã phải chịu nhiều tổn hại và thiệt thòi – cho chính cộng đồng và cho đồng bào ở trong nước.

Chúng ta cần rủ nhau, mách bảo nhau tham gia những sinh hoạt ảnh hưởng trực tiếp đến chính sách ở tầm vĩ mô. Có vậy thì cộng đồng của chúng ta mới từ từ thoát khỏi tình trạng bất quân bình và dần dà tiến lên được ngang hàng với các cộng đồng sắc dân khác.

Kết

Viễn Hành

Cách đây ba thập niên BPSOS ra đời giữa một thử thách lớn: bảo vệ thuyền nhân trên Biển Đông trước nạn hải tặc ngày càng hoành hành. Lúc ấy cộng đồng người Việt còn non yếu. Mới chân ướt chân ráo đến Hoa Kỳ, mọi người chưa kịp hoàn hồn, đời sống kinh tế hầy còn chật vật, nhưng cộng đồng Việt đã hưởng ứng kế hoạch điều linh của BPSOS: Vớt Người Biển Đông. Trong mười năm sau đó các chuyến tàu đã vớt trên 3,300 thuyền nhân và đưa họ đến bến bờ bình an.

Năm 1989 quốc tế thay đổi chính sách, đẩy thuyền nhân ra biển hay giam họ trong các “trại cầm” để rồi trục xuất. Trước lời cầu cứu thống thiết của hàng trăm ngàn đồng bào, BPSOS chủ trương táo bạo: Công Lý Cho Người Tị Nạn. Với sự hậu thuẫn của cộng đồng người Việt ở khắp nơi, BPSOS thành lập dự án LAVAS (Legal Assistance for Vietnamese Asylum Seekers), mở văn phòng trợ giúp pháp lý ở Phi Luật Tân và rồi Hồng Kông. Các hồ sơ thu thập được đã làm nền móng cho cuộc vận động Quốc Hội Hoa Kỳ can thiệp, mà kết quả là trên 18,000 thuyền nhân được đưa vào Hoa Kỳ định cư sau khi bị hồi hương, qua chương trình ROVR (Resettlement Opportunity for Vietnamese Returnees). Sau đó chương trình này được nói rộng để định cư cho gần hai ngàn đồng bào thuyền nhân còn kẹt ở Phi Luật Tân.

Vấn nạn thuyền nhân vừa được giải quyết thì đạo luật cải tổ di dân và trợ cấp xã hội năm 1996 đe dọa đến an sinh của hàng trăm ngàn người Việt ở Hoa Kỳ. BPSOS quyết định phát huy nội lực cho cộng đồng để tự giúp. Mười năm qua, BPSOS hỗ trợ cho trên 50 tổ chức tương trợ, chùa, nhà thờ, hội thánh thiết lập các chương trình phục vụ đồng hương, và gây quỹ gần 3 triệu Mỹ kim cho các tổ chức này. Một số tổ chức, khi tương đối vững chãi, đang hướng dẫn cho

những tổ chức khác đi lên.

Trong mười năm qua, chúng tôi cố gắng xây dựng một con thuyền vững chắc hơn: một đội ngũ nhân viên hung hậu; mạng lưới văn phòng từ Đông sang Tây; hệ thống truyền thông, gồm báo chí, truyền thanh và truyền hình, đến với 200 ngàn gia đình; mạng lưới liên kết với trăm tổ chức Việt và Mỹ; các chương trình phục vụ 10 ngàn đồng bào mỗi năm, với một số là chương trình kiểu mẫu mang tầm vóc quốc gia.

Chúng tôi đã thử nghiệm con thuyền bằng những chuyến đi ngắn nhưng đầy ý nghĩa: can thiệp mở lại chương trình HO và hỗ trợ cho hàng ngàn cựu tù nhân cải tạo trong tiến trình phỏng vấn định cư, giải cứu trên 200 nạn nhân buôn người ở đảo American Samoa, vận động đạo luật quốc tịch cho người lai Mỹ-Việt, can thiệp cho nhiều trường hợp nạn nhân buôn người ở Mã Lai Á, giải thoát cho một số nạn nhân khỏi sự đàn áp chính trị và tôn giáo ở Việt Nam, vận động đạo luật nhân quyền cho Việt Nam...

Năm 2010 là thời điểm chuẩn bị ra khơi cho những chuyến đi xa. Chúng tôi đang vạch ra hải trình đến những chân trời mới. Chúng tôi đang kiện toàn nhân sự cho thủy thủ đoàn. Chúng tôi đang tích lũy lương thực và nước uống.

Chúng tôi sẽ rất cần sự yểm trợ và cổ vũ của những người đồng tâm huyết ở khắp nơi cho... thuyền viễn xứ nhỏ neo lên đường.

Mục đích của chuyến viễn hành 10 năm tới là “chuyển biến cộng đồng, thay đổi Việt Nam”.

“Tôi chỉ có một ngọn nến cuộc sống để đốt, và tôi muốn đốt nó ở nơi mà bóng tối còn ngự trị thay vì ở nơi vốn đã ngập tràn ánh sáng.” - John Keith Falconer

BPSOS: Kỷ Niệm 30 Năm, Bước Vào Thập Niên Mới

BPSOS (Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển) sẽ dành trọn 12 tháng tới đây để kỷ niệm 30 năm hoạt động, qua những sinh hoạt ở các địa phương trải khắp Hoa Kỳ và Canada cũng như một số sinh hoạt toàn quốc.

“Chúng tôi sẽ phối hợp với các ân nhân và thân hữu ở các cộng đồng địa phương để tổ chức những chương trình đánh dấu 30 năm hoạt động của BPSOS, và 35 năm người Việt vượt biển đi tìm tự do”, Ts. Nguyễn Đình Thắng, Giám Đốc Điều Hành BPSOS, phát biểu.

Theo Ông cho biết, đây sẽ là duyên hội ngộ cho những người đã từng chia sẻ một quãng đời với nhau qua các hoạt động của BPSOS. Họ gồm những thuyền nhân đã được BPSOS cứu giúp qua các chương trình Vớt Người Biển Đông; Trợ Giúp Pháp Lý Cho Thuyền Nhân Việt Nam (LAVAS); chương trình tị nạn HO/HR, McCain, và P1; chương trình chống buôn lao động; chương trình cứu trợ nạn nhân bão lụt ở Vịnh Duyên Hải Hoa Kỳ; chương trình phục vụ cựu tù nhân chính trị; và nhiều nữa. Họ còn gồm hàng chục ngàn ân nhân và thiện nguyện viên đã tiếp sức với BPSOS trong 30 năm qua.

“Lịch sử hoạt động của BPSOS gắn liền với lịch sử của người Việt tị nạn và trung bình mỗi một thập niên chúng tôi lại có một nỗ lực lớn”, Ts. Thắng nhận xét.

Trong thập niên 1980, BPSOS đánh động tinh thần máu chảy ruột mềm của cộng đồng người Việt ở khắp năm châu để cùng nhau yểm trợ cho chiến dịch Vớt Người Biển Đông. Chiến dịch này đã cứu vớt trên 3.300 đồng bào thuyền nhân ngoài biển khơi và đưa họ đến bến bờ bình an, cũng như giúp họ định cư ở các quốc gia tự do.

Thập niên thứ hai được đánh dấu bởi nỗ lực đối phó với chính sách quốc tế ruồng bỏ thuyền nhân, xem họ là di dân kinh tế và phải hồi hương. Từ gởi tàu ra biển, BPSOS đã chuyển sang tranh đấu về

pháp lý và chính sách. Qua dự án LAVAS, BPSOS thành lập hai văn phòng đầu cầu ở Phi Luật Tân và Hồng Kông và từ đó gửi các toán luật sư đến các trại tạm dung để can thiệp hồ sơ. Song song, BPSOS khởi xướng cuộc vận động tại Quốc Hội, Bộ Ngoại Giao và Tòa Bạch Ốc Hoa Kỳ nhằm ngăn chặn chính sách cưỡng bức hồi hương.

“Kết quả là chương trình Cơ Hội Định Cư Cho Người Việt Hồi Hương, viết tắt là ROVR, đã ra đời”, Ts. Thắng nói.

Được ban hành cuối năm 1995, chương trình ROVR đã nhận định cư trên 18 ngàn đồng bào thuyền nhân vào Hoa Kỳ sau khi họ bị hồi hương về Việt Nam. Sau đó chương trình này đã được nới rộng để định cư nốt số hai ngàn cựu thuyền nhân còn kẹt ở Phi Luật Tân.

Trong thập niên thứ ba, BPSOS chú tâm xây dựng một tổ chức toàn quốc vừa để đối phó thoả đáng những nhu cầu cấp thiết của đồng hương, vừa giúp phát triển nội lực cho cộng đồng người Việt ở khắp Hoa Kỳ.

“Luật cải tổ trợ cấp xã hội và cải tổ di dân năm 1996 ảnh hưởng nặng nề đến rất nhiều thành phần trong cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ. Lúc ấy không có một tổ chức nào đủ sức giúp cộng đồng đối phó. Trước tình trạng hụt hẫng ấy, chúng tôi thấy nhu cầu phải có một tổ chức toàn quốc”, Ts. Thắng giải thích.

Từ đó đến nay BPSOS đã thiết lập hệ thống 11 văn phòng hoạt động ở 18 địa điểm trên toàn quốc Hoa Kỳ. BPSOS hiện là một trong những tổ chức lớn hàng đầu trong cộng đồng Á Châu ở Hoa Kỳ.

“Chúng tôi tạo được thế đứng cho cộng đồng Việt ngang hàng với các cộng đồng Á Châu khác”, anh Phan Quốc Cường, Quản Trị Viên Giao Tiếp và Truyền Thông của BPSOS, nhận xét.

Ông Cường và đội ngũ quản trị viên và giám đốc của BPSOS thường xuyên tham dự các buổi họp của các tổ chức toàn quốc người Mỹ gốc Á Châu, các buổi họp của khối dân cử gốc Á Châu và Thái Bình Dương trong Quốc Hội, và các buổi họp hàng tuần với Tòa Bạch Ốc.

Trong suốt thời gian ấy BPSOS vẫn âm thầm tiếp tục các công tác cứu vớt người tị nạn ở Việt Nam và Đông Nam Á và gần đây thực hiện chương trình chống buôn lao động--qua Liên Minh Bài Trừ Nô Lệ Mới Ở Á Châu, BPSOS hoạt động ở Malaysia từ đầu năm 2008.

Nhân dịp kỷ niệm 30 năm, BPSOS sẽ phổ biến nhiều tài liệu biểu tượng cho các hoạt động chính yếu của BPSOS, như danh sách những đồng bào được cứu vớt, hình ảnh và video của những chuyến tàu vớt người, lời tâm tình của những người tị nạn sau khi đến bến bờ tự do, lời chứng của những cựu nạn nhân buôn người, và các tài liệu ấn hành trong quá khứ.

“Chúng tôi sẽ thực hiện một loạt cuộc phỏng vấn để thiết lập bộ sử ‘bằng lời kể’ đánh dấu 30 năm BPSOS và 35 năm người Việt tị nạn,” Ông Cường giải thích.

Theo Ông, BPSOS sẽ hợp tác với thân hữu và đồng bào ở các nơi để thực hiện các chương trình kỷ niệm.

“Thực ra, ngày 27 tháng 11, 2009 một nhóm thân hữu và cựu thuyền nhân ở San Jose đã tổ chức buổi kỷ niệm đầu tiên”, Ông cho biết.

Tại buổi hội ngộ với khoảng 300 cựu thuyền nhân và ân nhân này, Ts. Thắng đại diện BPSOS nhận bằng tưởng lục của thành phố San Jose cho Công Tác Vớt người Biển Đông.

Song song với các buổi kỷ niệm ở từng địa phương, BPSOS sẽ tổ chức hai chương trình toàn quốc, một vào ngày 18 tháng 5 ở Quốc Hội Hoa Kỳ và một vào mùa thu năm nay.

Vài Dòng Về Ts. Nguyễn Đình Thắng

Ts. Thắng cùng với gia đình vượt biển tìm tự do và định cư ở Mỹ năm 1979. Ngay từ ngày đầu, Ông đã tích cực tham gia các sinh hoạt thanh niên và cộng đồng. Khi còn là sinh viên, Ông làm chủ bút tờ báo Xác Định. Ông cũng thành lập chương trình giúp người tị nạn thi vào đại học; nhiều người nay đã thành đạt.

Năm 1988 Ts. Thắng tham gia BPSOS khi quốc tế thay đổi chính sách, không xem thuyền nhân là tị nạn, đẩy tàu ra biển gây chết chóc, và giam người vào “trại cấm” để chuẩn bị cưỡng bức hồi hương. Năm 1990 Ông trở thành Giám Đốc Điều Hành của BPSOS. Cuộc vận động chính sách và chương trình LAVAS do Ông chủ xướng đã thành công trong việc đưa gần 20 ngàn đồng bào thuyền nhân đến Hoa Kỳ sau khi bị hồi hương.

Trong 12 năm qua, Ts. Thắng tập trung phát triển nội lực cho cộng đồng Việt. Trong mục đích ấy, Ông đã xây dựng BPSOS thành một tổ chức toàn quốc hoạt động ở 18 địa điểm ở Hoa Kỳ. Ông cũng đã hỗ trợ cho trên 50 tổ chức người Việt phát triển năng lực. Đồng thời Ts. Thắng tiếp tục can thiệp cho người tị nạn ở Thái Lan, bảo vệ người Việt lao động bị bóc lột trên thế giới, và vận động cho tự do tôn giáo ở Việt Nam. Ông đóng góp nhiều cho nỗ lực bảo vệ nhân quyền cho 80 triệu đồng bào trong nước và thúc đẩy dân chủ ở Việt Nam. Ông thường xuyên điều trần tại Quốc Hội và toà án Hoa Kỳ về tình trạng nhân quyền, tôn giáo, buôn người... ở Việt Nam.

Ông đã nhận được nhiều giải thưởng vinh danh các đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

Khởi đầu năm 2010 Ts. Thắng đi một vòng Hoa Kỳ và một số quốc gia để đề nghị sách lược 10 năm “Chuyển Biến Cộng Đồng, Thay Đổi Việt Nam”.

Ts. Thắng tốt nghiệp cử nhân, cao học và tiến sĩ về kỹ sư cơ khí tại đại học Virginia Tech và cao học điện và điện tử tại đại học Johns Hopkins. Ông cũng hoàn tất chương trình cao học toán tại đại học George Mason.



Hướng dẫn DB Mike Honda viếng thăm một chùa Việt Nam bị tàn phá bởi bão Katrina.



Quang cảnh khu tiếp trợ nạn nhân thiên tai tại Hong Kong Mall, Houston

Nạn nhân thiên tai chờ trợ giúp bên ngoài văn phòng BPSOS-Houston





Các thiện nguyện viên giúp đồng hương điền đơn xin trợ cấp



Cùng với LS Nguyễn Văn Đài và DB Christopher Smith năm 2006.



Thiện nguyện viên mang thực phẩm cứu trợ đến với đồng hương vùng Bayou LaBatre, Alabama.



Buổi hướng dẫn các tổ chức cộng đồng và tôn giáo về phương thức xin ngân khoản tại Houston, Texas do BPSOS tổ chức, với sự hỗ trợ của Đài Saigon Houston Radio. TS Thắng tiếp tục đi các tiểu bang để chia sẻ kinh nghiệm hoạt động với các tổ chức hội đoàn trong cộng đồng.



Bà Lê Thị Đông, vợ một cựu tù nhân chính trị, cảm động cảm ơn BP-SOS đã giúp đưa gia đình định cư tại Hoa Kỳ.



LS Michelle Nguyễn, nhân viên BPSOS, cùng các em học sinh Việt Nam và Á châu diễn hành chống kỳ thị chủng tộc trong học đường tại Philadelphia.



Hội đồng quản trị đầu tiên của Phòng Thương Mại Toàn Quốc người Mỹ gốc Việt VietAmCham.



TS Thắng nhận bằng tri ân từ Ban Tổ Chức Tiệc Tạ Ơn Kỷ Niệm 30 Năm Quốc Tế Cứu Giúp Thuyền Nhân tại San Jose, California năm 2009.



TS Thắng và các công nhân vụ buôn người American Samoa và gia đình chụp hình kỷ niệm ngày hội ngộ trước trụ sở trung ương BPSOS tại Falls Church, Virginia, 10 năm sau khi chính quyền Hoa Kỳ truy tố thành công thủ phạm chủ hăng.



Sư Tim Sakkorn tại phiên tòa năm 2007.



Cùng với Sư Tim Sakhorn sau khi chạy thoát từ Việt Nam đến Thái Lan, 2009.



Thăm viếng đồng bào tị nạn ở Thái Lan, 2008



Một nạn nhân của nạn buôn người, bất tỉnh sau khi bị đánh đập ở Jordan.



Buổi hội ngộ sau khi can thiệp thành công cho các chị công nhân Việt Nam tại Malaysia.



BPSOS trình bày vấn nạn buôn người và đề nghị giải pháp cho chính phủ Đài Loan.



Buổi huấn luyện tại Washington DC cho đội ngũ quản trị và lãnh đạo trẻ của BPSOS đến từ khắp 11 chi nhánh trên toàn quốc.



Chia sẻ câu chuyện thuyền nhân Việt Nam và lịch sử hoạt động của BPSOS với phái đoàn chính phủ và tổ chức dân sự viếng thăm từ Đài Loan.



TS Thắng điều trần về nhân quyền Việt Nam tại Quốc Hội Hoa Kỳ năm 2005



DB Cao Quang Anh điều trần về tình hình nhân quyền Việt Nam trước Ủy hội Nhân quyền Tom Lantos, ngày 23 tháng 3 năm 2009.



Phái đoàn vận động tại buổi điều trần nhân quyền Việt Nam ngày 23 tháng 3 năm 2010.



Ủng hộ giới trẻ tham gia chính trị dòng chính.



Cựu chủ tịch cộng đồng Việt Nam tại Dallas/Fort Worth và ứng cử viên Ủy Viên Quận Tarrant County Andy Nguyễn tiếp xúc cử tri. Những ứng cử viên trẻ từ cộng đồng bước ra như Andy Nguyễn là trọng tâm yểm trợ của VAPAC.

Đóng Góp

Quý vị ân nhân muốn đóng để yểm trợ cho các đề án đang được thực hiện xin gửi ngân phiếu về:

BPSOS/CAMSA
PO Box 8065
Falls Church, VA 22041 - USA

Quý vị có thể chỉ định phần đóng góp của mình cho các chương trình khác nhau bằng cách ghi thêm:

“Attn: Tị Nạn” để ủng hộ chương trình bảo vệ người tị nạn
“Attn: CAMSA” để ủng hộ chương trình chống buôn người
“Attn: VACEO” để ủng hộ chương trình đưa người Việt vào dòng chính Hoa Kỳ

Quý vị cũng có thể đóng góp qua internet tại trang mạng:
www.bpsos.org

Để đặt mua sách, xin liên lạc:

BPSOS-Atlanta, Georgia

2000 Clearview Ave., Suite 116
Doraville, GA 30340

BPSOS-Bayou La Batre, Alabama

13869 S. Wintzell Ave.
Bayou La Batre, AL 36509

BPSOS-Biloxi, Mississippi

179 Lameuse St.
Biloxi, MS 39530

BPSOS-Charlotte, North Carolina

5500 Executive Center Dr., Suite 108
Charlotte, NC 28212

BPSOS-Philadelphia, Pennsylvania

600 Washington Ave, Suite 18U-A
Philadelphia, PA 19147

BPSOS-New Jersey

5043 Westfield Ave.
Pennsauken, NJ 08110

BPSOS-Falls Church, Virginia

6066 Leesburg Pike, Suite 100
Falls Church, VA 22041

BPSOS-Houston, Texas

11360 Bellaire Blvd, Suite 910
Houston, TX 77072

BPSOS-Louisville, Kentucky

5330 South 3rd Street, Suite 200
Louisville, KY 40214

BPSOS-New Orleans, Louisiana

113 Lapalco Blvd., Suite 103
Gretna, LA 70056

BPSOS-Orange County, California

9191 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683

BPSOS-Silver Spring, Maryland

817 Silver Spring Ave., Suite 110
Silver Spring, MD 20910

BPSOS-Springfield, Massachusetts

85 Oakland Street, Suite I
Springfield, MA 01108

Đóng Góp Ý Kiến

Quý độc giả muốn đóng góp ý kiến về những ý tưởng, chương trình nêu ra trong cuốn sách, hay về sứ mạng “chuyển biến cộng đồng, thay đổi Việt Nam” nói chung, xin vui lòng liên lạc:

BPSOS

6066 Leesburg Pike, Suite 100

Falls Church, VA 22041

Attn: Dr. Nguyen Dinh Thang (Campaign 30/35)

hay qua địa chỉ Email: bpsos2010@gmail.com.

Sẽ Xuất Bản:



Hành Trình Đến Tự Do: Lịch Sử Người Mỹ gốc Việt

Soạn giả: Shandon Phan

Quý vị quan tâm và ưu tư đến tương lai cộng đồng?

Thao thức về việc truyền lại cho con em những giá trị tinh thần truyền thống, những bài học kinh nghiệm đầy xương máu của thế hệ tị nạn đầu tiên?

Muốn chia sẻ với các bạn bè người Mỹ trong xã hội dòng chính và các cộng đồng khác về cộng đồng chúng ta tại Hoa Kỳ?

Cuốn sách “Hành Trình Đến Tự Do: Lịch Sử Người Mỹ gốc Việt” ghi lại 35 năm lịch sử cộng đồng người Mỹ gốc Việt qua từng giai đoạn. Những vấn đề chính yếu và những thời khắc đáng nhớ sẽ được ghi lại và minh họa cẩn thận, xen kẽ vào đó là các câu chuyện về đấu tranh, sinh tồn, hội nhập, và thành công. Những cột mốc quan trọng, những nhân vật và tổ chức đã có những đóng góp to lớn trong quá trình 35 năm xây dựng nên cộng đồng người Mỹ gốc Việt sẽ được giới thiệu chi tiết để mang đến cho độc giả, dù là người Việt Nam mới

qua, lớp trẻ thứ hai, hay công chúng người Mỹ, một sự hiểu biết sâu sắc về cộng đồng người Việt.

Với:

- Nội dung bao quát đủ mọi lãnh vực, sự kiện, và vấn đề;
- Lối hành văn khúc chiết, cô đọng, và dễ hiểu;
- Nội dung phong phú với nhiều mẫu chuyện quan trọng cần truyền lại, các nhân vật chính yếu, bộ hình ảnh lịch sử hiếm có, và nhiều dữ kiện lý thú chưa từng được công bố trước đây

Đây là cuốn sách lịch sử cộng đồng nên có trong mỗi tủ sách gia đình người Mỹ gốc Việt.

Cả hai ấn bản tiếng Anh và tiếng Việt sẽ chính thức ra mắt độc giả vào cuối năm 2010.

“In Pursuit of Liberty” chronicles 35 years of Vietnamese Americans history through photographic images, inspiring stories, and penetrating words. The book will cover Vietnamese immigration history, key issues and memorable moments in community history, blended with narrative stories of struggle, sacrifice, assimilation, and success. Selected number of outstanding Vietnamese American individuals and institutions as well as key players whose roles and participation helped shape 35 years of Vietnamese American history will be featured to provide readers an in-depth understanding of the community.

- Comprehensive in scope,
- Concise and captivating narrative,
- Containing inspiring stories, important figures, rare historical images, and interesting facts never before published.

This is a must-have book in every Vietnamese American household.

This is a book that every Vietnamese American family should have.

Available in both English and Vietnamese in late 2010.